

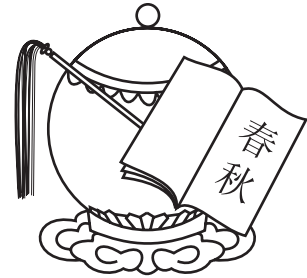


Cao Đài Giáo Lý

128 MỪNG XUÂN ĐẠO
ẤT MÙI 2015

ĐÓN XUÂN NÀY
NHỚ NHỮNG XUÂN XƯA
CÓ NHÂN HÒA THẬP NÉN TÂM HƯƠNG
XUÂN MỚI THÀNH XUÂN NHỚ NGUYỄN NGƯỜI XƯA
XUÂN LÀ LỄ SỐNG TỰ NHIÊN
CỦA MUÔN LOÀI
TÌM HIỂU VỀ BIỂU TƯỢNG ĐÊ
TRONG VĂN HÓA





Nội san Cao Đài Giáo Lý số 128

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Nội San Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này... Bước hướng tới tương lai của Nội San là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo [để] đạt đến tầm vóc thế giới. Có như vậy chữ đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.

QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN



Nội san Cao Đài Giáo Lý số 128

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.



CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO • SỐ THÁNG CHẠP CÁP MÙA • 15. 05. 2015

Cao Đài Giáo Lý



mục lục

QUAN ĐIỂM: ĐÓN XUÂN NÀY NHỚ NHỮNG XUÂN XƯA ■ Ban biên tập.	4
TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO	5
NÀY XUÂN! XUÂN ĐẾN VÌ AI? ■ Ban biên tập.	9
ĐÔI ĐIỀU VỀ XUÂN ■ Giáo Sĩ Huệ Ý.	11
CÓ NHÂN HÒA XUÂN MƠI THÀNH XUÂN ■ Chí Thật.	13
XUÂN LÀ LỄ SỐNG TỰ NHIÊN CỦA MUÔN LOÀI ■ Xuân Mai.	18
NGƯỜI TÂN TÍN ĐỒ CẦN BIẾT VỀ NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA CĂN BẢN BÀI NGỌC HOÀNG KINH ■ Huệ Nhân.	20
THẬP NÊN TÂM HƯƠNG NHỚ NGUYỄN NGƯỜI XƯA ■ Hồng Phúc.	26
XÂY DỰNG XÃ HỘI THÁNH ĐỨC ■ Thủy Tuyền.	34
LUYỆN KỸ ■ Giáo sĩ Kim Dung.	40
THÔNG CÔNG ■ Đạt Tường.	44
HỌC PHÉP TRƯỜNG SINH THOÁT TỬ SINH ■ Chí Thật.	51

HÃY LÀM CẢNH NHẬN YÊU THƯƠNG	58
■ <i>Diệu Thuận.</i>	
NHỮNG VỊ QUAN THẾ ÂM TRONG KINH ĐIỂN VÀ DÂN GIAN	64
■ <i>Diệu Thuận sưu tầm và biên soạn.</i>	
THI TIÊN LÝ BẠCH PHẦN 2. CHỦ ĐỀ: XUÂN, HOA, CẢNH	70
■ <i>Tử La Lan.</i>	
TRANG THƠ:	
ĐƯỜNG VỀ BẾN KHỞI	77
■ <i>Hồng Phúc.</i>	
XUÂN ĐẠO	77
■ <i>Minh Nguyệt.</i>	
TÌM XUÂN	78
■ <i>Minh Nguyệt.</i>	
SAY MEN ĐẠO	78
■ <i>Minh Nguyệt.</i>	
THỜI NIÊN THIẾU CỦA PHAN BỘI CHÂU	79
■ <i>Kim Trinh.</i>	
TÌM HIỂU VỀ NỀN NHÂN VĂN HỌC VÀ NHÂN HỌC	85
■ <i>Bảo Trân.</i>	
TÌM HIỂU VỀ BIỂU TƯỢNG DÊ TRONG VĂN HÓA	93
■ <i>Diệu Thuận sưu tầm.</i>	
VIẾT NGẮN 9: MẮT VÀ ĐƯỢC	97
■ <i>Bửu Long.</i>	
ĐỌC BÁO: CHUYỆN TÁI SINH LÀ CÓ THẬT	101
■ <i>Hồng Phúc sưu tầm.</i>	
SƯU TẦM CHUYỆN KỂ:	
PHÉP MẦU GIÁ BAO NHIÊU	104
■ <i>Phong Hiếu sưu tầm.</i>	
CẬP KÍNH LÃO	105
■ <i>Diệu Thuận sưu tầm.</i>	
QUẦN THỂ DANH THẮNG TRÀNG AN- NINH BÌNH	107
■ <i>Thiện Chí sưu tầm.</i>	
TRANG SỨC KHỎE: ẢNH HƯỞNG TAI HẠI CỦA VIỆC THIẾU NGỦ	108
■ <i>Thu Lan sưu tầm.</i>	
KIẾN THỨC DINH DƯỠNG: NÊN BIẾT NHỮNG CHẤT PHỤ GIA TRONG THỰC PHẨM ĐAU ĐỘC TRONG THÂM LẶNG	112
■ <i>Ban Biên Tập sưu tầm.</i>	
VỌNG CỔ: LỜI MINH THỆ	117
■ <i>Chí Thật- Văn Hoa.</i>	
BÀI VỌNG CỔ SỬA LỖI PHÁT ÂM CHO ĐẠO HỮU MIỀN NAM	118
■ <i>Thiện Quang.</i>	
TRANG GIA CHÁNH: CHẢ BÓ SỔ (CHẢ LỰA)	119
■ <i>Bạch Tuyết.</i>	
THEO DÒNG ĐẠO SỰ	121
■ <i>Thanh Hiển.</i>	
TRANG TRUYỆN TRANH: CÁI LỘ BIẾT "NÓI"	123
■ <i>Cọ Trắng - Tử La Lan.</i>	

ĐÓN XUÂN NÀY NHỚ NHỮNG XUÂN XƯA

Nhìn lại lịch sử khai đạo – truyền đạo, sau 40 năm an bài trụ tướng Cao Đài trên đất nước của dân tộc được chọn, những hạt giống Đại Đạo đã nảy mầm bén rễ, vừa đến lúc Thấy điểm một sắc màu thống nhất. Thấy bèn khơi dòng Phổ Thông Giáo Lý, khai mạc Văn Phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý vào đầu mùa Xuân Ất Tỵ 1965.

“Phổ là rộng khắp ngoài thế giới, Thông là nguồn suốt tới muôn phương.”¹ Đó là dòng thanh lương “đại đồng công dụng”, luân động theo thời gian, để, theo Thánh dụ của Thầy, là “làm động năng thúc đẩy cho sự thống nhất giáo lý, tức là tinh thần vậy, để các con sẽ gặp nhau, quy nguyên ở vị trí duy nhất, tri và hành theo chánh pháp của Đại Đạo.”²

Sứ mạng quá trọng đại, trải 50 năm hành đạo, tuy phải vượt qua nhiều thử thách do cộng nghiệp chúng sanh, đoàn người “nguyện đem cả tài danh quyền chức”, hợp cùng ân điển Thiêng Liêng, kết quả

tuy khiêm tốn, nhưng có giá trị tinh thần làm chủ lực cho sứ mạng Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo hiện tại và tương lai.

Sau 50 mùa Xuân hoạt động với sứ mạng xây dựng nền tảng Giáo lý Đại Đạo và Căn bản đạo pháp thuần chơn nhằm trang bị khả năng “Thống nhất tinh thần” trong Cơ Đạo, Cơ Quan đã đào tạo được một đội ngũ nhân viên nòng cốt hầu phổ thông giáo lý Đại Đạo và một “cộng đồng hiến dâng” đủ điều kiện tiếp nối sứ mạng lịch sử giáo dân vi thiệ.

Với thực lực ấy, với hành trang các Đấng ban trao trên từng bước tu học và hành đạo, với đức tin dũng mãnh, trong sáng của các cấp nhân viên, Cơ Quan đã và đang “Tạo thế nhân hòa” giữa các Hội Thánh, Thánh thất, Thánh tịnh. Đồng thời đem Đạo vào Đời, lấy tình thương, tình dân tộc “vượt lên tất cả đón rào ngăn che”.

Thành quả đạt được của sứ mạng Cơ Quan là những hạt giống Chánh đạo nảy nở trong tâm hồn đồng đạo khắp nơi. Đó là “quyền pháp” vô vi “đem đạo mầu công dụng mọi nơi”, đạt kết quả “người thông cảm cùng người”. Đoàn

người “không chức sắc, không vị ngôi”, “không lâu đài chùa thất” chỉ có “lý tưởng Đại Đạo”, chỉ với “lập trường thuần chơn vô ngã”, bằng “Cao Đài nội tại” đã và đang xây dựng “ngôi Cao Đài ngoại tại”, dù chưa thành công hoàn toàn, “nhưng ý chí đã thành” thì một bước tiến bộ trong sứ mạng chung toàn đạo, là một dấu ấn hiệu quả của Sứ mạng Cơ Quan.

Hướng về tương lai Cơ Đạo, chúng ta hãy nhớ lời dạy của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, để đặt vào Xuân năm nay và những mùa Xuân tới niềm tin Đại Đạo hoàng dương.

*Thiên cơ thế sự định phân rồi,
Chờ đợi con người đạo đức thời.*

Cội cả mùa xuân khoe sắc thắm,

Tàn cao nắng hạ vượt lưng trời.

Hộc hồng chấp cánh muôn phương lộng,

Kinh ngạc vẫy vùng khắp biển khơi.

*Sứ mạng Thiên ân tua gấn bó,
Nên ta, nên Đạo, mới nên đời.³■*

1. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Thiên Lý Đàn, 20-5 Ất Tỵ (19-6-1965).

2. Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 14-01 Ất Tỵ (15-02-1965).

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-12 Mậu Ngọ (27-01-1979).



TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO

KIM QUANG ĐỒNG TỬ. Tiểu Thánh chào chư Thiên mạng. Chào bộ phận Hiệp Thiên Đài. Tiểu Thánh được lệnh đến báo tin, có Đức Đồng Phương Chưởng Quân lai đàn. Vậy chư Thiên mạng thành tâm nghinh tiếp. Tiểu Thánh chào. Xin lui.

TIẾP ĐIỂN

ĐỒNG PHƯƠNG CHƯỞNG QUẢN. Bản Đạo chào chư hiền đệ, chư hiền muội.

THI

ĐỒNG xá tây lân thỉnh vấn cơ,
PHƯƠNG tri thiên địa thị vô tư,
CHƯỜNG trung tự xuất hy phạm thánh,
QUẢN(G) đại khô khô cá vông dư.

Miễn lễ. Chư hiền đệ, hiền muội an tọa đẳng đẳng.

Chư hiền ôi! Đàn bất thường hôm nay, Bản Đạo đến đây giải quyết những vấn đề trọng đại mà các hiền đệ, hiền muội có trọng trách bắt tay vào việc kể từ tân xuân Ất Tỵ. Còn đối với việc thế gian mà một số hiền đệ còn thắc mắc dục vấn, đó là việc ngoài phạm vi của đạo, nên Bản Đạo đành tạm gác... Vì giữa lúc thế sự điên nguy, lòng người nguy trá, đạo pháp suy vi, non tâm ly tán, rồi thử đặt câu hỏi Bản Đạo phải nói gì đây? Rất đổi những sứ mạng đã được Thiêng Liêng giao phó lèo lái con thuyền Đạo, mà còn chưa làm được chủ non ông, chưa cương quyết đi thẳng một đường lối, hướng chi thế sự nhân tình mà thỉnh cầu Thiêng Liêng giải đáp!

THI

Tu đi cho cạn nỗi căm hờn,
Tu để giảm lần sự bất non,
Tu để đệ huynh như ruột thịt,
Tu đi siết chặt mối tình thương.

THI BÀI

1. Cuộc biến chuyển tuần hườn đã định,
Luật công bình điều chỉnh thế gian,
Xuống lên địa ngục, thiên đàng,
Thánh siêu, phạm đọa, lẽ hằng xưa nay.
2. Thương người giữa trần ai bao phủ,
Thương người cơn phong vũ gian nguy,
Thương người đạo đức tu trì,
Thương nên khuyên nhủ hãy ghi vào lòng.
3. Đã trót sanh trong vòng thế tục,
Lại gặp hồi khuynh phúc nước non,
Hỡi ai! Ai xử sao tròn,
Khi tình cốt nhục không còn thương yêu.
4. Kiếp nhân sanh một chiều một sớm,
Họa giống nòi ở ốm mưu mô,
Điều ngoa mặt trái Hồn, Hồ,
Cám thương kẻ gánh cơ đồ ngày nay!
5. Ai cũng muốn ra tài chí sĩ,
Ai đã từng nói thủy nói chung,
Cũng liệt nữ, cũng anh hùng,
Trời Nam, đất Bắc, một dòng xẻ đôi.
6. Chặt củi đậu đun nồi trái đậu,
Dem cây ngô mà nấu hạt ngô,
Đại khôn máu vũng xương bồ,
Đôi chân chiến sĩ giẫm mô chiến binh.
7. Nói không được, làm thỉnh không được,
Đạo còn ai? Non nước còn ai?
Diễn thiên nhẫn gởi lời này,
Hỡi người chí sĩ anh tài cứu nguy.
8. Kia chánh đạo đang suy chánh pháp,
Nọ giáo đồ lung lạc khách mê,
Quanh chủ tướng, một lũ hề,
Vẽ vờ rỗng rần toan bề nhiều nhưong.
9. Hỡi ai chán nghề vương nghiệp bá,
Hỡi ai không vì bả lợi danh,
Mà mong thiên hạ an bình,

- Hãy đem đạo đức gây tình chúng sanh.
10. *Khấp vũ trụ Trời dành non nước,
Chẳng phải tài với sức được đâu,
Dù cho dân thú, công hầu,
Trong cơ tiền định chớ âu lo lường.*
 11. *Khuyên hãy giữ lập trường chánh đạo,
Khuyên hãy gìn tiết tháo lương tri,
Thà cam ăn ngọn rau vi,
Để nòi giống khỏi ai bi đoạ trường.*
 12. *Khuyên chớ đê trên đường tu niệm,
Hằng ngày luôn kiểm điểm thân tâm,
Đạo mẫu vô thượng thậm thâm,
Vui đâu chúc đó, lạc lắm bàng môn.*
 13. *Lẽ thành bại vong tôn thế sự,
Cũng là điều lành dữ nghiệp duyên.
Muốn về cảnh Phật nhà Tiên,
Ngôi Thần vị Thánh, oan khiên tránh chừa.*
 14. *Nay trả nợ vì xưa vay nợ,
Trước chưa tu, sau nhớ mà tu,
Vượt ra bốn vách trần tù,
Mặc đời tráo chác, trí ngu mặc đời.*
 15. *Một niềm tin Đạo Trời cứu thế,
Giữ chánh truyền, luật lệ nghiêm minh,
Vô vi để cập hữu hình,
Song tu tánh mạng siêu sinh thoát phàm.*

TÀN VĂN

Chư hiền đệ, chư hiền muội! Tàn xuân sắp đến, Thiêng Liêng sẽ dành công quả cho các hiền đệ, hiền muội thi thố quả công. Nhưng trước khi lãnh sắc lệnh thi hành, cần ghi nhớ những điều thiết yếu sau đây:

Hiệp Thiên Đài là một bộ phận tối cần cho cơ quan đầu não lãnh trách nhiệm thi hành đạo đức. Vì vậy, trên sự thi hành, các đệ muội phải thận trọng cho lắm, kéo sau này hối tiếc. Nhứt là phải trai giới tinh nghiêm, tịnh tâm dưỡng tánh, cùng phân biệt đâu là chơn lý, chánh tín, còn đâu là trái lại.

Những điều ước muốn riêng tư là dục vọng. Phải kiểm soát chặt chẽ nội tâm, vì những vết cũ đã qua, biết bao người vấp phải về điểm này. Bởi dục vọng rồi hy vọng, hy vọng không thành trở nên thất vọng. Lúc bấy giờ có mấy ai đủ lương tri

sáng suốt nhìn lại lẽ công bằng của Tạo Hóa mà phục thiện, đổi hướng theo chiều, từng chơn lý Đạo... Trái lại, bao nhiêu nỗi buồn tủi đều đổ trút cho Thiêng Liêng: nào nghèo, nào khổ, nào cực, nào gian nan, lận đận cũng tại vì Thấy, vì Đạo, vì Phật Tiên, Thánh Thần và vì chúng sanh, v.v.

Cơ bút là một phương tiện tối yếu, tối cần cho Thiêng Liêng tạm mượn giữa thời nguơn hạ để khai Đạo cứu độ chúng sanh, mà cũng là tối nguy hiểm cho những người không biết nuôi dưỡng và sử dụng nó. Thiêng Liêng mượn tay phàm hòa hợp cùng điển tiên thiên từ cõi hư linh vô hình, hiện đến chỗ hữu hình mà tả ra thiên kinh vạn điển, giáo dục quần sanh; một việc mà người ở thế gian hoặc ma quái nơi cõi vô hình đều cũng có thể làm được.

Vì bởi tam nguơn phản cổ, máy tuần hườn đã đủ vận số châu thiên, hội mười hai tuyển chọn Thánh hiền, lập lại đời Thượng nguơn Thánh đức. Trường thi có thể gồm đủ hạng thượng, trung, hạ, từ nguyên nhân đến hóa nhân, đều được vào ứng thí kỳ Đại hội Long Hoa. Vì vậy nên Thượng Đế sắc ban Phật Tiên, Thần Thánh, có cả ma vương cùng quỷ vương đến cõi thế gian này để khảo thí cùng tiếp dẫn.

Chư hiền đệ muội phải cần ghi nhớ điều này: Mỗi mỗi đều do Thượng Đế sắc ban, có sứ mạng mà luật công bình thưởng phạt vẫn đi đôi. Bản Đạo nhắc chuyện xưa để chư hiền ghi nhớ:

Khi khí số nhà Thương hầu dứt, nảy sanh Ân Thọ đả sắc mê hoa, dám ngạo mạn cột oai Thần Thánh. Khi mà Nữ Oa muốn trừng phạt kẻ chúa tể tham vọng, cũng phải tùy theo khí số của đất trời mà sai hồ ly đến lãnh sứ mạng khuynh gia vong quốc, để đem đất nước trả về cho bậc thượng nhân thánh đức. Nhưng sau khi hoàn thành sứ mạng, hồ ly lại bị ngũ lôi tru diệt, thân tán khô trần là nghĩa làm sao? Chắc rằng chư hiền đệ muội đã thấu hiểu.

Ngày nay cũng vậy, cơ Đạo đương giữa lúc mở rộng cứu độ, muôn loài đều có cơ hội để trở về cõi Thượng nguơn Thánh đức, nên ngoài các bậc Phật Tiên, Thánh Thần ra, lại còn có từ ma vương, quỷ vương, đến tiểu yêu, quỷ tốt cũng cùng tranh giành, hoặc hóa kiếp hiện thân, hoặc

dụng phù pháp tà thuật để lập công, hầu mong trở về cõi trường tồn chánh giác. Nhưng nếu làm sai luật Thiên điều đã định, hoặc lạm dụng kỳ ân xá mà giả danh nghĩa Đất Trời, tự đặt mình tương đương với Trời Đất, Phật Tiên, Thần Thánh để dui dặt như sanh đến chỗ cam bẫy luân hồi, thì ắt đã vướng vào tội bội thiên nghịch địa, phải chịu luật Thiên điều công bình phân xử, đến mức thân tán khô trần, bất năng chuyển kiếp là hết.

Một việc rất quan trọng như vậy, nên Bản Đạo khuyên chư hiền đệ muội phải sáng suốt, hãy dụng tâm linh mà mình định đường hướng đời đạo đức của mình. Khi đi, phải tìm hiểu tuyệt đích của con đường sẽ đến. Khi làm, phải tìm hiểu mục đích của hành vi. Có như vậy, mới đặt trọn đức tin và sự hy sinh của mình vào việc đó.

Còn như Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý ngày nay, tuy chư hiền đệ muội chưa được toàn Đạo minh chứng, vì trong lúc Đạo chưa gom về một mối, đến ngày giờ này chỉ còn một ban Hiệp Thiên Đài nơi đây. Bản Đạo rất hài lòng về chí trung kiên, tính vô tư với lòng trong sạch của các hiền đệ, hiền muội, nhưng chưa phải chỉ làm bấy nhiêu việc đó mà gọi là đủ. Chư hiền đệ muội sẽ từ từ đi đến ba điểm chánh cần phải thực hành:

Điểm thứ nhất: Khảo cứu giáo lý Tam Giáo Đạo, đem lại cho nhưn sanh hiểu biết từ nguồn gốc Đại Đạo phát sanh Tam Giáo Đạo cho đến Tam Giáo Đạo trở về nguồn gốc Đại Đạo.

Điểm thứ hai: Ban hành kinh điển, đạo luật, để kêu gọi các Hướng đạo nhớ lại tôn chỉ tối cao của Thượng Đế đã vạch sẵn một đường lối cho một chánh thể quy nguyên Tam Giáo Đạo mà thực hành cho đúng với chơn lý của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Điểm thứ ba: Mở rộng lòng thương tuyệt đối với các chi phái, giáo phái, từ đẳng cấp chức sắc cho đến tín đồ. Hãy bảo trợ trên mọi phương diện, tùy theo sở xuất của Ban.

Ba điểm quan trọng đó, các hiền đệ muội hãy làm phương châm để hành đạo sang tân niên Ất Tỵ. Đành rằng sức người có hạn, không phải một lúc mà hoàn tất cả ba, nhưng sứ mạng đứng

trước nhân sanh, hơn nữa một bước đã quá dài trên nghiệp duyên Đại Đạo.

Các hiền đệ muội cũng phải minh bạch chủ trương, giống hồi chuông cảnh tỉnh để bao nhiêu nhân tài, chí sĩ còn ẩn dật sẽ hưởng ứng việc chung, để trở mặt cảm thông cùng nhân sinh đại chúng. Có như vậy mới mong cứu vãn Đại Đạo cùng nước non đương giữa thời cơ mạt pháp. (...)

Về phần Hiệp Thiên Đài, đồng tử là một bộ máy cần phải được tinh vi, phải được hy sinh đặc điểm, phải được chăm sóc chu đáo trong phạm vi đạo đức để làm bộ máy thông công giữa phàm cùng cõi thượng thiên vô cực. Vì vậy, các hiền đệ muội phải thận trọng mà dinh dưỡng cùng tạo hoàn cảnh cho thích hợp với công dụng của Đạo, không phải như nếp sống của thường nhân. Công quả đó, các hiền đệ muội đã và sẽ hưởng chung không phải nhỏ.

Ngoài sự trai giới tinh nghiêm, chỗ nơi tịnh dưỡng riêng biệt, còn phải rèn luyện về phần đức dục cũng như trí dục, trong đó có điểm học hành văn chương, để sau này trở nên xuất chúng, hầu lãnh trách nhiệm xuất sắc trên bước đường phổ thông giáo lý.

Ngay từ giờ phút này, các phận sự khác liên hệ đến đàn cơ cũng phải trai giới tinh nghiêm, để làm một hàng rào điển huệ chắc chắn, ủng hộ đồng loan những khi thời cơ biến động. (...)

*Công quả dành cho các đạo tâm,
Ráng lên lập đức khỏi sai lầm,
Tiền đồ sẵn có người đưa đón,
Một kiếp trau dồi hưởng vạn năm.*

THI BÀI

*Hãy hỷ lạc mà tâm chánh tín,
Hít hà chi phú vịnh ca văn,
Chấn hưng đạo đức tâm hằng,
Đạo Trời vạn đại công bằng chở che.
Hãy liên kết bạn bè học Đạo,
Hãy sùng tâm Thánh giáo nhủ khuyên,
Đâu đâu thì cũng Phật Tiên,
Hoặc mê, hoặc tỉnh, linh thiêng bởi mình.
Cơ phổ độ muôn hình vạn trạng,
Đừng chấp nê ngao ngán dở, hay,*

*Đó là phương pháp cao dày,
Tùy duyên hóa độ ngày ngày sẽ nên.
Các hiền đệ an tọa.*

THI

*Ôn Trời bủa khắp chẳng riêng ai,
Tùy đức, tùy công mỏng với dày,
Nhắm bước thẳng đường đừng dụ dục,
Không không mà có cảnh Tiên đài.*

NGÂM

*Lời Tiên dạy bảo khá dài,
Ban ơn từ già, Tiên đài đây lui.*

THĂNG.

■

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ

TUẤT THỜI, 15-7 NHÂM TÝ (23-8-1972)

THANH MINH ĐỒNG TỬ. Tiểu Thánh chào chư Thiên mạng, chào chư liệt vị lưỡng phái. Thừa lệnh Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tiểu Thánh đến trước để báo đàn.

Vậy, chư liệt vị thành tâm thủ lễ nghinh tiếp. Tiểu Thánh xin xuất ngoại ứng hầu. ThĂNG.

TIẾP ĐIỂN

THI

*GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO giáng cơ tiên,
Hoan hỷ đoàn viên các muội hiền,
Duyệt khán phúc trình tam cá nguyệt,
Sau cùng đạo sự sẽ hàn huyền. (...)*

Chư hiền có thấy không? Buổi hạ nguơn, tất cả lãnh vực đều xáo trộn như chia rẽ, đả phá, tranh giành gây ảnh hưởng, rất đổi trong lãnh vực tôn giáo là chỗ thường dùng những danh từ nào là phá chấp, nào là giải thoát, giải khổ, nào là phế đời, nào là vong kỹ vị tha, nào là vô vi chi đạo, nhưng cái cảnh tranh tranh lẩn lẩn xô đẩy giựt giành vẫn thường xảy ra nơi chốn tôn nghiêm khả kính, nơi chỗ gọi là phước thiện xã hội.

Chính vì nơi ao tù bản thủ đó, nên Đức Chí Tôn mới chọn những người được chọn dám hy sinh mọi mặt để làm hướng đạo tiền phong trong buổi lập lại đời thượng nguơn thánh đức.

Chư hiền đệ muội đã được chọn cho mặc chiếc áo đơn thuần tín hữu, không chút sắc, chẳng vị ngôi, đó là môi trường rất tốt để đỡ

khỏi bị tranh giành, khỏi bị đổ kỵ vì địa vị Thiên phong hầu để bề lập công bồi đức, gương mẫu của đoàn hướng đạo tiền phong.

Mục đích Cao Đài trong Tam kỳ Phổ độ không chủ trương đơn thuần cho các hàng tín hữu thành Phật Tiên Thánh để an hưởng nơi cõi thiêng liêng, rồi quên nhiệm vụ hiện tại là xây đời thuần lương thánh thiện trong tình thương, trong hòa đồng, trong đạo đức để tròn câu hạnh phúc gia đình, hạnh phúc dân tộc quốc gia và hạnh phúc cho nhân loại.

Cơ Quan không phải là bộ phận đi tranh giành việc làm của kẻ khác đang làm để gây ảnh hưởng cho mình.

Cơ Quan chỉ làm những việc mà không ngoài mục đích cao cả của Cao Đài nhưng chưa có người nghĩ đến, làm đến.

Cơ Quan làm đoàn người tiền phong, làm mẫu mực, khi có ai hưởng ứng làm điều đó thì Cơ Quan nhường cho họ làm và tiếp tục đi khai thác những lãnh vực khác.

Cứ như thế cho đến khi nào dân tộc Việt Nam nói riêng, nhân loại nói chung đều làm đúng mức mục đích Cao Đài theo tôn ý của Chí Tôn Thượng Đế, nhưng không phải mỗi nơi làm rồi đem danh hiệu hoặc bảng hiệu Cao Đài trương lên đó.

Nói rõ hơn, miễn làm sao nhân loại chủ trương thực hiện những việc mà Thượng Đế muốn làm đầu với danh nghĩa nào, đầu với hình thức nào.

Chư hiền đệ muội hãy nghe Bản Đạo nhắc một vài tỷ dụ sau đây: mấy nhiệm kỳ đầu của Cơ Quan, vì tinh thần chia rẽ chi phái, mỗi mỗi củng cố địa phương không ai đến ai. Cơ Quan phát động các loạt lập đàn cơ rầm rộ đây đó để khởi động tinh thần hành đạo và lấp lẩn những hố rẽ chia. Khi có người làm việc ấy, Cơ Quan chuyển hướng lãnh vực khác là tu học, đào tạo tu sinh, tu sĩ, thuyết pháp, giảng đạo. Khi có những nơi làm việc đó thì Cơ Quan lại chuyển hướng khác, đi đến chỗ Đại Hội Đồng hướng đạo liên phái, v.v.

Nếu khi ý thức đó được ăn sâu trong giới có trách nhiệm Cao Đài thì Cơ Quan lại sẽ chuyển hướng khác...■



Này Xuân!

XUÂN ĐẾN VÌ AI?

Phải chăng Xuân đến chẳng vì ai! Xuân đến theo lẽ tự nhiên của đất trời.

Chẳng vì có hoa mai, hoa đào nở. Bởi mai, đào trở đẹp để chào Xuân!

Người vật đón Xuân thật tung bừng! Có phải vì tình riêng hay ý chung?

Thế là thiên nhiên luôn lặp lại những chu kỳ để vạn vật tăng trưởng, tiến hóa.

Từ Xuân vào Hạ sức sống cực thịnh thặng hoa, cảnh sắc huy hoàng

Sang Thu, nắng dịu, mưa phùn, khí lực tiềm tàng trong muôn loài như lắng đọng lại.

Cho hay cơ tiến hóa không thể bạo hành, bắt cặp. Đó là lý bảo tồn, khỏi sa vào vòng tự diệt.

“Xuân là Đạo, là tâm. Xuân cũng là luật tắc vận hành từ chỗ xuất sanh đến khi phân bốn.”¹

1. Đức Đông Phương Lão Tử, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-01 Quý Hợi.

Chớ thấy Thu phân, Đông chí, lá rụng tro cành mà ngỡ vạn vật đang vào cõi chết.

Đó là thay đổi để canh tân, tàng trữ để lập lại chu kỳ mới. Bởi không để thiên nhiên phóng tán hết công năng vào Hạ chí, mà Thu Đông kịp đến hầu thấu liễm và phục sinh.

Nhờ đó, mới có Xuân...

Trời người đồng một lý, cuộc tiến hóa đều có chu kỳ theo quy luật sinh trưởng thâu tàng, luôn biến chuyển nhưng không dừng lại.

Nhờ bảo tồn tiềm năng khi phát khi thâu, khi nhanh khi chậm mà thiên nhiên thể hiện bằng Xuân là khí Thái hòa dung dị. Dịch gọi là “Thiên Địa giao, Thái”.

Đến khi chuyển sang Hạ, Thu, Đông, tuy không gọi là “Thái”, nhưng vẫn còn sự giao hòa ứng hợp của Âm Dương nên mỗi mùa đều tỏ rõ bản sắc tự thân bẩm thụ.

Vậy nếu hỏi Xuân đến vì ai, tuy Xuân không đáp, nhưng vẫn lặng lẽ tỏ bày lý tự nhiên vô tư, vô phân biệt.

Xuân không cưỡng cầu dài ngắn, không giữ mãi mai xinh, đào thắm cho mình.

Cứ để Hè về cho sen trở, Thu sang sắc cúc vàng tươi, sương Đông mơn man cành trúc.

Người hãy học cái ý nhị thâm trầm của Xuân, dẫu thi nhân ca ngợi Xuân là chúa Xuân, Xuân chẳng kiêu kỳ mà vẫn ôn hòa tiết độ.

Xuân luôn đứng đầu một năm nhưng vẫn biết sứ mạng nhất thời trong niên vận, không tự tôn ngăn trở bốn mùa hanh thông.

Nên Thiêng Liêng gọi “*Xuân là Đạo, Đạo Trời ban phát, Đạo là Xuân, Xuân lạc thiên nhiên.*”²

Vậy cái lý uyên nguyên phổ quát trong thiên nhiên ngoại cảnh, thánh nhân gọi là Đạo. Và Đạo vẫn hiện hữu nơi con người.

Liệu người có thể hiện được cái đạo tự nhiên như Xuân chăng?

Người là thượng đẳng chúng sinh, có quyền

2. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Giáp Dần (10-02-1975).

năng ngang bằng trời đất, mà sao thế gian vẫn đẩy đẩy hiểm ác?

Phải chăng con người đã đánh mất thế quân bình nội tâm, dục vọng bản năng đã phủ mờ nhân bản thiên lương? Hãy mượn thánh thi thay lời đáp:

*Xuân thể phô bày vạn ý thơ,
Xuân tâm hiện tướng thuận Thiên cơ,
Xuân hoa nở rộ vườn xuân Đạo,
Xuân cả toàn linh trọn hưởng nhờ.*³■

3. Đức Bạch Hạc Đồng Tử, Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).



THÁNH GIÁO

Thầy ban ơn tân xuân Ất Mão,
Cho các con tâm đạo vững vàng,
Dầu trong thế cuộc ly loạn,
Biết đời, biết đạo, biết đường tiến tu.

Niên trình mới vận trù mọi mặt,
Từ ngoại giao, nội đắc tâm truyền,
Pháp quyền trên dưới định yên,
Hóa hồng chánh pháp tùy duyên độ đời.

Xuân là Đạo, Đạo Trời ban phát,
Đạo là xuân, xuân lạc thiên nhiên,
Vui xuân vui với tâm điền,
Tiết thời hòa dịu người yên vật lành.

■ ĐỨC CHÍ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ CAO ĐÀI GIÁO VIỆT NAM, 30-12 GIÁP DẦN (10-02-1975).

Các con lớn nhỏ một tình thương,
Un đúc cho nhau đáng cột rường,
Chống vững tiền đồ trong một nước,
Cấm cờ Đại Đạo khắp muôn phương.

■ ĐỨC CHÍ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO, 18-02N ẤT SỬU (07-4-1985).

Đôi điều về xuân



■ GIÁO SĨ HUỆ Ý

Cứ mỗi chu kỳ 12 tháng lại nghe nói đến xuân, lần lượt: xuân Quý Tỵ, xuân Giáp Ngọ, xuân Ất Mùi... đó là những mùa xuân thiên nhiên của địa cầu 68 – có đến rồi đi – để cho bao nhiêu người luyến tiếc. Từ xuân thiên nhiên của một trong bốn mùa này chúng ta hãy lần tìm xuân miên viễn, xuân vũ trụ như lời Ôn Trên dạy:

Xuân vũ trụ không tên, không tuổi

Vì sao “Xuân vũ trụ không tên, không tuổi”?

Đức Quán Pháp Chơn Tiên giảng:

Tại đây tuyết tuyết phi già trẻ,

Ở đó vô vô bất lụy phiền...

– Vì xuân Quý Tỵ (2013) là quá khứ, xuân Giáp Ngọ của năm nay (2014) là hiện tại, Xuân Ất Mùi (2015) sẽ tới là tương lai.

– Xuân vũ trụ không ở trong quá khứ, không ở trong hiện tại, cũng không ở trong tương lai, chính là xuân vĩnh cửu.

1. XUÂN THIÊN NHIÊN: TAM DƯƠNG KHAI THÁI



Tháng 11 âm lịch, tháng Tý gồm hai tiết Đại Tuyết và Đông Chí (21 hoặc 22–12 dương lịch), theo Kinh Dịch là quẻ Địa Lôi Phục với nhứt dương. Tây phương ăn tết nhứt dương.



Tháng 12 âm lịch, tháng Sửu gồm hai tiết Tiểu Hàn và Đại Hàn với nhị dương là quẻ Địa Trạch Lâm.



Tháng giêng âm lịch, tháng Dần gồm hai tiết Lập Xuân và Vũ Thủy với tam dương là quẻ Địa Thiên Thái. Người Đông phương ăn tết với tam dương (Tiết Lập Xuân), thời tiết hòa dịu, trăm hoa đua nở, người người hớn hở, sức khỏe tăng trưởng.

Nhân thể hình tượng tiết Tam Dương Khai Thái này không phải bằng ba hào dương mà bằng ba con dê ăn cỏ.



Các huynh đệ Tản nơn (Campuchia), đón năm mới, Tết Chol Chnam Thmay vào ngày 14–4 dương lịch (tháng ba âm lịch) đã lên tới năm dương, tiết Lập Hạ nắng nóng.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

Tam dương khai thời yển phi hồi,

*Đại Đạo phùng xuân nhứt tửu bôi,
Thế thượng vô nan xuân bất tận,
Ngô tâm ứng hiện thị thiên thời.*¹

2. XUÂN NHÂN THẾ:

Người môn đệ Cao Đài ghi nhớ lời nhắn nhủ của Đức Chí Tôn: “*Mỗi độ xuân về là mỗi lần Thấy đau đớn vì...*”

– Về mặt vật chất: “*có những con đem hết bụng dạ mà thi thố, ăn uống no say, rượu chè be bét khốn nỗi đến bán loạn tinh thần...*”

Đức Chí Tôn dùng từ “thi thố” khiến chúng ta càng cảm thấy mình nhiều tội lỗi. Trong lúc còn bao nhiêu anh em khác cơm không đủ no, bệnh không có thuốc... mà lại có người dư dả đến nỗi thi ăn, thi uống.

Đức Chí Tôn dạy tiếp: “*tiền của ly tán mà chẳng ích vào đâu!*”

– Về mặt tinh thần, Đức Chí Tôn dạy “*sinh lực con mất, tinh thần con hao...*”

Đây là những việc nên tránh. Vậy chúng ta phải làm gì?

Đức Chí Tôn dạy: “*Xuân đến, khi tiễn Táo Quân chí hạ nêu, các con*

1. *kiểm điểm sự mừng Xuân của các con,*
2. *có ích lợi như thế nào?*
3. *kết quả ra sao?*

Đâu dễ một sớm, một chiều, mà xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo, nên Đức Chí Tôn dạy “*Thiết tưởng các con giản dị, để một phần nào vật chất*

1. *giúp ích cho nhơn sanh,*
2. *là lo cho các con.*²

Một phần, có thể là một phần trăm, có thể là một phần ngàn để giúp ích cho nhơn sanh tức là đồng bào, đồng đạo. Lo cho nhơn sanh thực ra là lo cho ai? – là lo cho chính chúng ta đó.

Lo cho nhơn sanh, chúng ta không lỗ lã chi đâu! Về điểm này, Đức Mẹ dạy:

Con tu là để giúp đời,

*Giúp đời chính thị giúp thời cho con,
Còn trời còn nước còn non,
Còn nhơn sanh khổ, con còn gia công.*³
Đức Quan Thế Âm cũng dạy:

Tu đi một vốn mười lời,

Nhà băng thượng giới Cha Trời dành cho.

Ngân hàng Vietinbank ngày 02-02-2015 lãi suất gửi tiết kiệm từ 6 tháng đến dưới 9 tháng là 5,5% một năm, không bằng mười phần trăm vốn, trong khi gửi tiền vào ngân hàng Thiên đình được hưởng lãi suất gấp mười lần vốn. Vì thế chúng ta cần nhanh tay gửi “tiền” lên nhà băng thượng giới. Đã xảy ra trường hợp tối giao thừa vui vẻ, sang tối mừng một gia sản chỉ còn là một đồng tro tàn vì hỏa hoạn bất ngờ.

Đó là lãi suất ngày thường của ngân hàng Thiên đình. Đức Bát Nương dạy rằng, trong tiết Lập Xuân-mấy ngày Tết, lãi suất của ngân hàng thượng giới tăng gấp đôi, nghĩa là thay vì mười lời được nâng lên hai mươi lời. Ngài dạy: “*Phàm mỗi năm, những vị nào trong lúc ngày xuân biết lo phụng sự nhơn sanh, phụng sự Thần, Thánh, Tiên, Phật thì công đức đặng xấp bằng hai lần ngày thường.*”⁴

Chúng ta tô đậm đôi nét:

1. Xuân thiên nhiên theo chu kỳ: 12 tháng đến một lần, tam dương khai thái nên mang lại sức sống mới cho mọi người, người tín đồ Cao Đài học Đạo, hiểu Đạo, thì phát huy được động năng này để phụng Thiên sự dân.

2. Mùa xuân cũng là mùa được ân Thiên, mừng 9 tháng giêng: vía Đức Chí Tôn, rằm tháng giêng: “Thiên quan tứ phúc”, các việc thiện làm trong tiết lập Xuân được ban hệ số gấp đôi ngày thường.

3. Theo lời Ôn Trên dạy, chúng ta hãy tăng việc đạo trong mấy ngày xuân để hồi hướng công đức đến cha mẹ, đến các đấng cửu huyền thất tổ, cho đất nước được thái bình an lạc, cho nhơn sanh hồi đầu hướng thiện.

Nguyện xin được như thế.■

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-01 Đinh Tỵ (17-02-1977).

2. Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển 1, bài 3 “Xuân, dạ cảm hoài”.

3. Chơn Lý Đàn, 26-01 Quý Sửu (28-02-1973).

4. Đức Bát Nương, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

CÓ NHÂN HÒA xuân mới thành xuân



■ CHÍ THẬT

Thiên thời – Địa lợi – Nhân hòa là tam tài được định vị theo thể chân vạc trong vũ trụ, thiếu một trong ba thì hoàn cầu không ổn định, nhân loại không dễ dàng đạt đến thành công viên mãn.

Mỗi năm một lần, khi tết đến xuân về, chúng ta thấy các chợ hoa trưng bày rất nhiều hoa và cây kiểng rất đẹp. Có được những tác phẩm nghệ thuật chất lượng cao, thu hút được nhiều người đến tham quan và mua, kết quả có được như thế, đòi hỏi phải có giống tốt, kết hợp với sanh khí của trời, phù sa màu mỡ của đất, phân nước đầy đủ, điều quan trọng là phải có bàn tay khối óc, sự siêng năng cần mẫn và

nhiều công sức đầu tư vào trong đó của các nghệ nhân, mới đem lại thành tựu như thế.

Thiên thời – địa lợi, trời che đất chở, đó là tình tạo hóa, đức háo sanh trưởng dưỡng của Thiên Địa. Muôn loài vạn vật nhờ đó mà sanh sôi nảy nở theo định luật của đấng Hóa Công. Nhưng muốn duy trì và phát triển trường tồn, con người phải biết tôn ti trật tự, trên thuận dưới hòa, sống theo guồng máy thiên lương, là tánh thiện, là tánh lành trong mỗi con người đã được Thượng Đế phú bẩm khi cất tiếng chào đời. Cổ nhân có câu: “Nhân chi sơ, tánh bản thiện” là thế. Điều này được Đức Lý Giáo Tông xác tín:

*Chấp trì guồng máy thiên lương,
Thượng hòa hạ mục là phương lập thành.¹*

Đức Lý Giáo Tông dạy:

*Xuân là cảnh thiên thời địa lợi,
Có nhân hòa, xuân mới thành xuân,
Năm qua tháng lại vô ngần,
Biết xuân, thường được ngày xuân huy hoàng.²*

Mùa xuân ứng với đức Nguyên của đạo Kiền, là thời của quẻ Địa Thiên Thái.

– Về tượng quẻ Thái, có 3 hào dương ở nội quái và 3 hào âm ở ngoại quái. Như thế là Âm Dương cân bằng. Chính sự quân bình của hai yếu tố chủ lực, hai nguyên lý chủ chốt quyết định cho sự sanh hóa bảo tồn của vạn loại, đã đem lại sự ấm áp cho toàn thể giới vũ trụ.

– Về đức quẻ Thái, hội đủ cương kiện của Kiền, và nhu thuận của Khôn. Chính những yếu tố đó đã đem lại sức sống giao hòa cho muôn loài muôn vật.

Đức Thánh Trần Hưng Đạo dạy:

*Khí Thái hòa tràn trẻ tươi thắm,
Hội Thái hòa đầm ấm vậy vui.*

(...)

*Âm dương giao mở đầu hội Thái,
Ban quyền năng đặt lại thanh bình,
Khí thiêng vạn hữu hồi sinh,*

Trông ra đâu cũng hàm ninh vĩnh tồn.³

Đức Thái Thượng Đạo Tổ dạy:

“Nhân tiết tam dương khai thái, xuân mãn trần trung, Bản Đạo nhắc nhở chư Thiên ân sủ mạng gặp lúc khí vận đủ đầy thái hòa sung mãn, hãy nắm lấy cơ vi mà nhiếp hóa nội tâm, linh thông triển chuyển, phát huy ngoại thể cho Đại Đạo hoằng dương, Tam Tông rộng mở, kịp thời hòa hợp cơ năng vũ trụ giúp cho vạn vật trở về nguồn.”

*Xuân có sanh thì hạ trưởng thành,
Xuân thiên, nguồn phát lợi, trinh, hanh,
Xuân tâm hòa nhịp cùng xuân cảnh,
Tạo một trời xuân bủa đức lành.⁴*

– Khi xuân về, tất cả được thọ bẩm khí sanh quang của đất trời, hoa lá cỏ cây tươi tốt, tươi màu, người vật được tươi nhuận vui vẻ, đúng theo lời dạy trên: “Xuân là cảnh thiên thời địa lợi.”

– Thiên địa vẫn xoay, vũ trụ vận hành, xuân hạ thu đông, bốn mùa tám tiết, thuận theo Thiên cơ, hòa cùng Thiên lý. Phần còn lại của con người là làm sao sống hòa nhịp cùng đất trời để hưởng trọn mùa xuân an lạc thái hòa như lời nhắc nhở của Ông Trên: “Có nhân hòa xuân mới thành xuân.”

– Biết được vậy nhưng làm sao được vậy, đó là điều chúng ta hằng mong ước. Thiết nghĩ, chỉ có tính bao dung, lòng quảng đại, sự tha thứ lỗi lầm cho nhau, mới thật sự đem lại thanh bình thịnh trị, hạnh phúc an lành cho thế giới nhân loại ngày nay.

Đức Đông Phương Chưởng Quân trong một lần lâm đàn giải nghĩa rộng về bài Ngũ Nguyên, đã để lời giáo huấn:

“Câu thứ ba là đối với tất cả mọi người chung quanh mình, từ trên tới dưới, từ lớn tới nhỏ, đều sẵn sàng khoan dung tha thứ, dù ai gây lỗi với mình cũng vậy. Một khi biết câu khấn Đấng Chí Tôn tha thứ lỗi lầm của mình,

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29–12 Mậu Ngọ (27–01–1979).

2. Ibid.

3. Minh Lý Thánh Hội, Dịch Kinh Huyền Nghĩa quẻ Kiền.

4. Minh Lý Thánh Hội, 02–01 Giáp Dần (24–01–1974).

thì mình hãy thể theo lòng từ ái của Ngài để tha thứ anh em chị em của mình tại thế gian, vì thế gian không phải là một cõi hoàn toàn thánh thiện, nên lắm điều còn ô trược, tránh sao khỏi những vấp phải lỗi lầm hoặc nhiều hay ít cũng vậy.

Sự tha thứ, lòng từ bi bác ái không giới hạn ở đâu, nghĩa là vô biên, chớ chẳng phải chỉ tha thứ, chỉ bao dung rộng lượng đối với hạng dưới tay thân thuộc của mình, mà không tha thứ bao dung đối với kẻ thù nghịch, vì là con chung của Đấng Cha Lành. Với người bất nhưn thất đức, có được hạnh như vậy thì mới tiến được giai đoạn nữa là câu thứ tư “Thiên hạ thái bình.”

– Thiên hạ thái bình, lạc nghiệp âu ca là nhân loại đang sống cảnh trời Nghiêu đất Thuấn, vỗ bụng ngậm cơm, tháng ngày tự tại, ung dung thư thái. Đó là xuân đạo đức, xuân huy hoàng. Như lời dạy của Đức Lý Giáo Tông:

Năm qua tháng lại vô ngân,

Biết xuân thường được ngày xuân huy hoàng.

Tiền Khai Thượng Trung Nhựt dạy:

“Nhân tiết xuân về, lâu ngày hội ngộ, Tệ Huynh lại đàn nhả nhũ đệ huynh trên bước đường thể Thiên hành đạo, tự giác, giác tha, điều cốt yếu hiệp hòa, kiên nhẫn.”⁵

Lời nhả nhũ ân cần của bậc Tiền Khai Đại Đạo khi xuân về, gửi đến toàn thể thế hệ tiếp nối sứ mạng kỳ ba, chỉ vồn vẹn cốt yếu trọng tâm là hiệp hòa và kiên nhẫn. Bởi có hòa rồi tát bể cũng vui, chính hòa là động năng thúc đẩy cho tình huynh đệ, tình đồng đạo được khắng khít, gắn gũi, thông cảm, chia ngọt sẻ bùi trên đường thể Thiên hành hóa.

Kinh Thế Đạo có câu:

Tuy là chẳng phải đồng thân,

Cùng nhau đồng đạo nghĩa nhân mặn nồng.

Ơn Trên dụng văn từ, lời lẽ giản dị nhưng hàm chứa ý nghĩa sâu rộng thấm đượm nghĩa tình. Hai chữ: “mặn nồng” đã thể hiện được

tình cảm thân thương gắn kết giữa những con người không cùng chung huyết thống, không họ hàng quyến thuộc...

Thử đặt nghi vấn, tại sao Ơn Trên không dùng hai chữ “ngọt bùi” (Cùng nhau đồng đạo nghĩa nhân ngọt bùi).

Thiền nghi, ý của Ơn Trên muốn rằng, chúng ta hãy đỡ đần trong những lúc khó khăn, những hồi khốn đốn, đồng cam cộng khổ, đồng hành sứ mạng. Phải biết quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau khi hữu sự, đạo lý này đã được thể hiện trong văn hóa người Việt:

Gừng cay muối mặn xin đừng bỏ nhau.

Hay là:

Bầu ơi thương lấy bí cùng,

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Đức Lê Đại Tiên dạy:

*Hướng đạo hòa mình cùng đại chúng.*⁶

Trong cửa Đạo, hãy đối xử nhau như con một Cha, trò một Thầy. Có như vậy, mới tạo được mối thiện cảm, giao hảo giữa hàng hướng đạo và chư tín đồ. Từ đó, tạo được thế nhân hòa, phát huy đúng mức trí tuệ tập thể, là lực đẩy vạn năng, thúc đẩy tiến trình tiến hóa tâm linh của toàn thể huynh đệ chúng ta. Hòa là thể Ngũ Hành Sơn, là thể chân vạc, là bức tường thành vững chắc đưa chúng ta vượt biển đặng sơn, thực thi sứ mạng: “Thể đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát.”

Đức Lê Đại Tiên dạy:

*Làm sao kết hợp nhiệt tâm nhưn hòa.*⁷

Mỗi đạo hữu đều có bầu nhiệt huyết đang nung nấu trong lòng, khi đã ý thức được sứ mạng tự độ độ tha. Vì lòng thương chúng sanh vô biên, Đức Cao Đài đã lia cung Bạch Ngọc, lập đoàn thệ với Tòa Tam Giáo, xuống trần lập Đạo, nếu chúng sanh không giác ngộ tu hành, không cải tà quy chánh, thì Thầy không trở về ngôi vị cũ. Cảm động thay lời đại nguyện của Đức Đại Từ Phụ, khiến chúng

5. Thiên Lý Đàn, 30-12 Giáp Thìn (01-02-1965).

6. Ngọc Minh Đài, 01-01 Giáp Dần (23-01-1974).

7. Ngọc Minh Đài, 10-5 Ất Tỵ (09-6-1965).

ta không khỏi ai hoài xúc động trước tình thương vô tận, vô biên của Đấng Cha chung vạn loại.

Đáp lại tình thiêng liêng vạn hữu đó, tất cả con cái của Đức Chí Tôn Thượng Phụ Cao Đài, hãy nhiệt tâm nhiệt thành, hô hào vận động, xiển dương nhân hòa, để mọi người cùng hưởng một mùa xuân đúng nghĩa, thuận tòng Thiên lý.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

*“Thiên lý đã vận hành cơ phản bản, thì như tâm cũng phải minh định quay về sống trong Thánh đức, thực hành vương đạo an dân thì lo gì nhân loại không hưởng được thái bình an lạc.”*⁸

Đức Đông Thắng Chơn Như dạy:

*Hòa có được an bang tế thế,
Hòa có rồi huynh đệ mới thương,
Hòa rồi chung bước một đường,
Hòa xây dựng đạo hoàng dương giúp đời,
Hòa xây dựng huy hoàng đạo nghiệp,
Khắp đó đây chung tiếp nhiều tay,
Kẻ xây người dựng đạo Thầy,
Mới mong thấy được một ngày vinh quang.*⁹

TẠM KẾT

Nhân hòa nghĩa là sự hòa hợp giữa con người với nhau trong cộng đồng thế giới nhân loại. Chính tố chất quan trọng này, đã thúc đẩy con người tiến lại gần nhau, từ nghịch lẫn trở nên thân tình, từ thù thành bạn, từ thất bại dẫn đến thành công...

– “Hòa” là bài học đầu tiên thuở sơ khai nền Đạo, là Thánh ý Đức Đại Từ Phụ mong muốn tất cả con cái của Ngài phải thường xuyên trao đổi, nhắc nhở lẫn nhau trên bước đường tu thân học đạo. “Dạy lẫn cho nhau đặng chữ hòa”.

– “Hòa” là lễ phẩm trân trọng nhất dâng lên cho Thầy Mẹ cùng các Đấng Thiêng Liêng.

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-6 Giáp Dần (02-8-1974).

9. Cao Thượng Bửu Tòa, 18-8 Bính Ngọ (02-02-1966).

– Vận dụng được “Hòa” trên mọi lĩnh vực, trong đạo ngoài đời, từ gia đình đến quốc gia và toàn thể xã hội nhân loại khắp hành tinh.

– Ứng dụng được “Hòa” thì trong ấm ngoài êm, gia đình hạnh phúc, xã hội phồn vinh, tiến bộ văn minh, láng giềng lân bang thân tình chan chứa. Nước nước nhà nhà, trên thuận dưới hòa... Đó là Niết bàn tại thế, Thượng nguơn Thánh đức gần kề, không phải nhọc công tìm kiếm non Đào hay Khứu lãnh.

– Khi xuân về, nắng xuân ấm áp, gió xuân mát mẻ, thì lòng người phải hòa hợp cùng thiên nhiên, phải khoan dung rộng mở, thương yêu giúp đỡ, người vật tương đồng, không phân biệt, không kỳ thị... Được như thế, mới thực hiện đúng theo lời dạy: “Có nhân hòa xuân mới thành xuân,” mới hưởng được một mùa xuân miên viễn trong tình tạo hóa, trong đức hạo sanh vô biên của Thiên Địa.

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

*An bài như loại do hòa hiệp,
Hòa hiệp không còn ba, bảy, hai.*¹⁰

Sứ mạng của người tín đồ Cao Đài còn dài đằng đằng, đạo sự hiện tại còn ngổn ngang trăm mối, tương lai của Đại Đạo đặt lên vai của những ai đã nguyện can trường thiết thạch, vì Thầy vì Đạo gian lao không nản chí, khảo đảo không sờn lòng. Nhân sanh đang ngày đêm khắc khoải trông chờ những bàn tay dịu dàng từ ái, những khối óc tinh vi sáng suốt, hãy kết lại thật chắc, thật chặt, để cùng lèo lái con thuyền cứu độ Kỳ Ba cứu vớt tất cả chúng sanh khỏi sông mê biển khổ, trở về bến khởi nguyên, làm vui lòng đẹp dạ Đức Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu, đang mỗi mòn trông ngóng đàn con áo trắng trở về phục lệnh.

Đức Chí Tôn dạy:

*Con hãy giữ dĩ hòa vi quý,
Hòa mới tường đạo lý cao siêu,
Mới không phạm luật Thiên điều,*

10. Minh Đức Đàn, 10-7 Ất Tỵ (06-8-1965).

*Mới mong anh dắt em điu sớm hôm.*¹¹

Đạo pháp trường lưu, đời người hữu hạn, sứ mạng trọng đại mà Đức Chí Tôn Thượng Phụ Cao Đài đã ban trao cho đàn con áo trắng là tận độ quần sanh.

Muốn hoàn thành trọng trách, một con chim én không thể đem lại mùa xuân cho nhân thế, một con người cũng không thể thực hiện được việc làm to tát đó. Mà phải vận dụng trí tuệ tập thể, tập trung toàn thể tín hữu Cao Đài, đồng tâm hiệp lực, đoàn kết nhất tâm, chung sức chung lòng, hoằng dương chánh pháp Đại Đạo. Muốn làm được chuyện trọng đại, cao cả đó, tất cả con cái của Đức Cao Đài phải thật sự thương yêu nhau như buổi đầu khai Đạo Thầy dạy: *“Cùng nhau một đạo tức cùng Cha.”*

Thầy dạy:

*Con biết tu Thầy thu lại bớt,
Tội đủ mười Thầy sót còn ba,
Nếu con chẳng hiệp không hòa,
Ba mà cộng bảy con còn ra chi.*

HÒA ĐỂ LÀM TRÒN SỨ MẠNG

Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế dạy:

“Trong khi các con thi hành sứ mạng, trên phải đức độ khoan dung, dưới phải khiêm cung hòa ái, giữ đạo hạnh, rèn luyện đạo tâm, thương yêu, kiên nhẫn, trì thủ, hy sinh, hầu cứu rỗi linh hồn của con khỏi sa đọa và cứu rỗi cho mọi người. Đó là con đã hoàn thành sứ mạng.

*Che chở vô cùng một khí thanh,
Đứa khôn, đứa dại bỏ sao đành,
Thương yêu Thầy dạy từ năm trước,
Hãy ráng tu tâm một ý thành.”*¹²

Muốn hoàn thành trọng trách thể Thiên hành hóa, tất cả hàng môn đệ của Đức Cao Đài phải ý thức bốn phận của mình đối với nhân sanh, với Đạo, phải giữ dạ kiên trung, chí thành tâm đạo, nghiêm minh quyền pháp,

tuân thủ đạo luật, tôn trọng chức vụ, bảo vệ danh dự cho nhau... Học và làm theo Thánh ý của Đấng Cha Lành, thương yêu đùm bọc, che chở giúp đỡ cho nhau trên mọi hoạt động đạo sự, thế sự...

Bàn tay có ngón dài ngón vắn, tùy theo căn trí mà độ dẫn, và khắc cốt ghi tâm lời Thầy dạy: *“Đứa khôn, đứa dại bỏ sao đành.”*

Mỗi người chúng ta hãy tự vượt lên chính mình, cùng nhìn về một hướng, thọ lãnh chung sứ mạng, nhất tâm nhất đức trên tinh thần đồng đạo, đồng Thầy, đồng trách nhiệm. Có như thế, chúng ta mới thực hiện đúng Thánh ý: *“Hãy ráng tu tâm một ý thành.”*

Đức Mẹ dạy:

*“Giờ nay, các con hãy tha thứ cho nhau, xóa bỏ tất cả những lỗi lầm hoặc vô tình hay hữu ý. Sang năm mới, những gì dĩ vãng hãy trả về cho dĩ vãng, nên bắt tay nhau, nhìn nhau, thông cảm nhau, kết hợp lại thành một khối, một lực lượng tinh thần vững chắc...”*¹³

Thầy dạy:

“Ngày xuân năm nay, Thầy chỉ mong các con dọn sạch lòng mình để chào đón mùa xuân, và phải nhớ là mùa xuân đạo đức vĩnh cửu nghe các con.

*Các con là những người nối tiếp, nên hòa thuận thương yêu nhau, tiến triển trên sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ, vì quyền pháp đạo luật có nghiêm minh, thì Đạo pháp mới xiển dương sáng tỏ. Ấy là con hiếu thảo của Thầy và đàn em có nghĩa với hàng Tiên bối.”*¹⁴

Xin cầu nguyện Thầy Mẹ cùng các Đấng Thiêng Liêng, Chư Tiên Khai Đại Đạo, Chư Tiên nhiệm Cơ Quan liễu đạo, đắc đạo... soi sáng, hộ trì cho các cấp chức vụ nhân viên đương nhiệm, đang tu học hành đạo, đủ sức vượt lên chính mình để hoàn thành trọng trách đã được ban trao. ■

11. Minh Đức Đan, 10-7 Ất Tỵ (06-8-1965).

12. Nam Thành Thánh thất, 14-02 Bính Ngọ (05-3-1966).

13. Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc, 04-01 Ất Tỵ (05-02-1965).

14. Nam Thành Thánh thất, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

XUÂN LÀ LỄ SỐNG TỰ NHIÊN CỦA MUÔN LOÀI

■ XUÂN MAI

Mùa xuân là một sự chuyển mình của vũ trụ tạo đòan, một chu kỳ giáp mối ngắn ngủi trong khoảnh khắc của cuộc tuần hoàn, lập lại sự sinh tồn cho muôn loài vạn vật trên cõi tạm trần gian. Đối với người tu hành, mỗi độ xuân về cần tìm hiểu lý đạo của mùa xuân để thường xuân với tâm hồn nhiên nhiên, an lạc tự tại trong lễ Đạo của Đất Trời, lúc ấy sự thường xuân của ta mới thật là an vui, nhẹ nhàng, chứa chan bao niềm hy vọng với đức tin trọn vẹn về một ngày mai hoàn thành sứ mạng– sứ mạng khiến con người ý thức được sứ mạng của chính mình, của chính mỗi tôn giáo là cùng chung sức mang lại cho con người thế tục nhân tố sinh tồn theo lễ Đạo thuần lương, đạo đức.

MÙA XUÂN LÀ THUYỀN CỨU ĐỘ ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ KỶ NGUƠN HẠ CUỐI CÙNG.

Xuân là Đạo, mà Đạo là lễ sống tự nhiên của muôn loài không phân biệt. Xuân là Bát nhã thuyền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong kỳ nguơn hạ cuối cùng mà Thầy đã không chỉ ban phát, mà còn sẵn chờ để đưa toàn linh trở về bến giác. Bao nhiêu năm khai Đạo là bấy nhiêu mùa xuân cứu rỗi cho các con cái của Thầy.

“Thầy mở cơ tận độ Kỳ ba này cho các con, cho thế giới nhân loại, cũng như mùa xuân đến với vạn vật.”¹

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một mùa xuân bất diệt mà Đấng Đại Từ Phụ đã mang đến cho toàn nhân loại giữa cơ tận diệt này. Và hàng con cái của Người phải có sứ mạng tự đánh thức sự bất diệt trong chính mình bởi nó đã bị lu mờ qua bao lần trôi lăn trong luân hồi sanh tử, và còn đem



minh họa: Cọ Trắng

hạt giống bất diệt gieo rải khắp cả trong nhân thế, giúp con người làm bùng sáng lên điểm Đạo tự hữu, và phát huy ngày càng thêm rực rỡ.

TÂM XUÂN

Muốn thực hiện được sứ mạng cao cả này, con cái của Thầy, không cách nào khác là phải trau luyện tâm mình được ấm áp, dịu hiền, không sân hận, không si mê, không tham vọng, lúc này tâm đạo đã hiển lộ, tâm đạo hiển lộ thì tâm xuân mới phát hiện. Bởi niềm an vui chỉ có khi tâm con người chấm dứt phiền não khổ đau. Tâm xuân chính là mùa xuân miên viễn an vui, vì không còn bóng dáng phiền não nhiễu loạn thân tâm. Vì thế, để có một mùa xuân đúng nghĩa, không gì hơn là chúng ta dẹp sạch hết những mầm mống gây đau khổ cho chính mình, cho người. Muốn thế, chỉ có một con đường duy nhất, đó là nỗ lực tu tập để có được tâm chân thật ở ngay nơi chính mình. Chính tâm chân thật đó sẽ quy thuận mọi hoàn cảnh chung quanh. Ngược lại tâm không thanh tịnh, bung xung vọng động mãi thì sẽ bị các cảnh

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 30–12 Giáp Dần (10–02–1975).

chung quanh xoay chuyển, cuốn hút khiến ta tự đánh mất mình mà không hay biết. Từ đó việc tu hành không thể có kết quả. Chỉ cần một tâm an định, con người có thể thoát khỏi mùa xuân thể tục đậm nhạt, phai tàn!

Có tâm xuân thì lòng mình và lòng người tràn ngập tình yêu thương, tràn ngập sự ấm áp tươi nhuận của tha thứ, khoan dung. Có tâm xuân, lòng người mới an định tự nhiên, từ đó mới sáng suốt, tinh nhuệ, thông đạt lý Đạo. Thông đạt lý Đạo thì mới đủ sức hành tròn nhiệm vụ phụng sự nhưn sanh như lời Đức Chí Tôn đã dạy:

*“Tâm xuân có phát hiện thì thể cuộc dẫu có đổi thay phiến nã, lòng con vẫn an định tự nhiên. Có an định tự nhiên mới thông đạt được lý Đạo. Có thông đạt được lý Đạo mới bảo trì quyền pháp phụng Thiên sự dân.”*²

KIỂM ĐIỂM LẠI THÂN TÂM

Cứ mỗi độ cuối năm là chúng ta cảm thấy bồi hồi, một cảm xúc thật khó tả. Nao nức chờ đón chúa xuân về bởi đó sẽ là khởi đầu cho một năm mới. Nhưng cũng cảm thấy một chút nao lòng vì tuổi đời còn lại đã rút ngắn thêm, một sự cảm nhận mệt mỏi sau một năm dài lao tâm lao lực với cuộc sống bộn bề – Già thêm một tuổi lòng vui gương. Lòng chợt nhận thức rõ rệt sự vô thường nơi cõi tạm. Nhưng cũng đủ ý thức rằng, nhờ có vô thường mà con người mới thấy thế gian là khổ não mà phát tâm học hiểu lý đạo, tu luyện thân tâm để tìm về nơi thanh tịnh, vĩnh cửu. Cổ đức có câu: “Giữ tâm như mèo rình chuột lâu ngày thành một khối, ôm khối ấy vào núi sâu rừng thẳm khi nào ngộ mới thôi...” Điều này cho thấy sự tu tập chỉ là sự tỉnh thức kiên trì, luôn giữ tâm không bị chi phối bởi vô thường sanh diệt. Vô thường vẫn là nguyên lý tự nhiên. Hiểu được sự vô thường mà nỗ lực tu hành thì mới là người sáng suốt, người trí. Bởi thế, đối với người tín đồ Đại Đạo, sự vô thường nhắc chúng ta tự kiểm điểm lại thân tâm một

năm sống đạo và hành đạo để rút ra bài học bổ ưu, giảm khuyết như lời Đức Chí Tôn dạy:

*“Mùa xuân, một mùa lập lại công cuộc sanh trưởng trâu tàng. Các con hãy nghĩ lại cái gì nên bỏ và những gì nên đem theo cho cuộc hành trình sắp đến để bước đường trọn vẹn những tiến bộ và trong sạch.”*³

Biết được những gì nên bỏ, những gì nên đem theo cho cuộc hành trình sắp đến là chúng ta đã thấm đậm đạo vị của mùa xuân và dù Xuân có qua đi hay cảnh bên ngoài là Thu, là Đông, hay là Hạ, lòng hành giả vẫn là xuân tươi vui. Là người giác ngộ, biết tu tập sẽ nhận ra ý này để xây dựng thân tâm và cuộc sống gia đình lúc nào cũng là mùa xuân. Luôn biết mở lòng tha thứ, cảm thông với mọi người để những ghét ganh, hờn giận, nghi kỵ, chia rẽ không còn trong tâm thức! Với thân tâm an lạc như vậy thì khi đến Thánh sở cũng đem lại không khí xuân cho tập thể, đem lại niềm an vui cho bạn đạo. Được vậy thì cơ hội đón xuân mới ngập tràn ý nghĩa và ngay trong cõi đời này mùa xuân an lạc luôn hiện hữu!

GIAO CẢM

Thời gian mùa Xuân được coi là thời gian của sự hồi sinh của cuộc sống mới và một chu kỳ sống mới lại bắt đầu.

Mùa Xuân tượng trưng cho sự sống tiềm tàng đầy năng lực. Nhận ra cái không sinh diệt nơi chính mình là thấy được bộ mặt thật của Chúa xuân, và đó cũng là mùa xuân bất tận, tràn đầy niềm vui và hy vọng ở tương lai.

Mặc cho mọi biến thiên tiếp nối trong dòng thời gian trôi chảy không ngừng, cảnh mai miên viễn nở mãi trong mảnh tâm điền. Hy vọng một ngày nào đó tất cả chúng ta đều sẽ thấy được cảnh mai của mùa Xuân bất tận ấy.

*Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua sân trước một nhành mai.*⁴■

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-01 Bính Thìn.

3. Thánh thất Nam Thành, 01-01 Canh Tuất (06-02-1970).

4. Thiển sư Mãn Giác.

■ HUỆ NHÂN

người tân tín đồ
cần biết về

NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA CĂN BẢN BÀI NGỌC HOÀNG KINH

Trong đạo Cao Đài, bài kinh quan trọng nhất, “lớn” nhất và trên tất cả, là bài kinh xưng tụng Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, còn được gọi là bài Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo, Thượng Đế Chí Tâm Kinh, Ngọc Hoàng Kinh... Người tín hữu Cao Đài thường gọi tắt là bài “Đại La” do câu kinh đầu là “Đại La Thiên Đế”. Đặc biệt đây là bài kinh xưng tụng duy nhất được hầu hết các Hội Thánh Đạo Cao Đài đồng chấp nhận sử dụng, kể cả ở phái Chiếu Minh.

Đã nhiều lần Ôn Trên căn dặn tín hữu Cao Đài chúng ta về việc tụng kinh – bao gồm kinh Thiên Đạo và Thế Đạo – đó là phải:

– Giữ đúng chơn truyền. Không nên làm sai lạc các câu chữ trong những bài kinh.

– Và, đọc kinh phải cầu lý.

Điều khó là bài Ngọc Hoàng Kinh chữ Hán Việt, ý nghĩa rất ẩn áo, khó hiểu. Cũng vì vậy, từ lâu nhiều tác giả đã từng suy tư hầu cố gắng giải nghĩa bài kinh trên. Trong quá trình chuẩn bị cho việc khảo cứu, chúng tôi đã thu thập được – có thể chưa đầy đủ – các bản kinh xưa, thời Khai Đạo, của Cao Đài giáo sau đây:

1. **TỬ THỜI NHỰT TỤNG KINH** (do nhị vị Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt ban hành năm 1928) gồm chữ Hán, chữ Nôm và chữ Việt.

2. **ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ KINH** (do Ngài Thái Thơ Thanh ấn tống – năm 1926) gồm hai quyển chữ Hán Nôm và chữ Việt riêng biệt (hai quyển kinh này không có phần Ngũ Nguyên).

3. **ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ KINH** (do bà Lâm Hương Thanh ấn tống – năm 1927) gồm hai quyển chữ Hán Nôm và chữ Việt riêng biệt (hai quyển kinh này đã có phần Ngũ Nguyên).

4. **CAO ĐÀI ĐẠI ĐẠO - KINH CỨNG ĐẠI ĐÀN VÀ KINH CỨNG THƯỜNG NGÀY** (do Ngài Vương Quan Kỳ biên tập khoảng năm 1926 đến 1929) chữ Việt, phát hành tại Thánh thất Cầu Kho, bản kinh này khá đặc biệt sẽ được đề cập thêm ở phần sau.

5. BỐN NGUYÊN CHƠN TRUYỀN - PHÁI VÔ VI (Chiếu Minh) chữ Việt. Bản sau lần thứ hai, in năm 1969 (bản gốc năm 1932).

6. KINH CỨNG TỬ THỜI (do bà Hương Thanh ấn tống tại Vũng Liêm năm 1936) gồm chữ Hán Nôm và chữ Việt.

Về sau, chúng tôi đã tập hợp được thêm khoảng sáu bảy bản kinh có lời giải nghĩa của nhiều tác giả, và từ đó nhận thấy rằng: Do không có bản chữ Hán làm căn cứ nên các tác giả đã suy luận từ chữ Việt để chọn nghĩa qua chữ Hán, từ đó giải nghĩa rộng ra, mỗi tác giả chọn chữ mỗi khác; nếu tiếp tục như vậy, chơn truyền bài kinh sẽ mất. Vì vậy, trong quá trình nguyên cứu lịch sử đạo Cao Đài, chúng tôi đã rất quan tâm đến việc tìm nguyên gốc chữ Hán bài Ngọc Hoàng Kinh. Nếu tìm ra, vấn đề từ ngữ căn bản sẽ được giải quyết.

1. NGUỒN GỐC BÀI NGỌC HOÀNG KINH

Khởi đầu từ sử liệu của ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu:

“Nguyên hồi Đạo sơ khai, chúng tôi chỉ đọc mấy bài kinh vắn vắn của Ngài Ngô Văn Chiêu và Ngài Vương Quan Kỳ trao cho. Sau, Đức Chí Tôn giao cho ông Ngọc Lịch Nguyệt (Lê Văn Lịch) cái trách nhiệm lựa kinh thêm. Ông Lê chọn được bài “Ngọc Hoàng Kinh” (Đại La Thiên Đê) và ba bài Tam Giáo.”

Vậy là biết được Ngài Ngọc

Lịch Nguyệt chọn từ kinh Minh Sư (nguồn gốc của Vĩnh Nguyên Tự). Trong những năm 1996–1997, chúng tôi đã đi tìm qua rất nhiều chùa Minh Sư, từ Sài Gòn, Mỹ Tho, Bến Tre, Cần Thơ, Hà Tiên... Và tại Nam Nhã Đường (Cần Thơ) có được một khởi đầu khích lệ khi tìm được một bản Ngọc Hoàng Kinh gần trùng giống với kinh Cao Đài, chỉ khác vài chữ đoạn cuối. Rất tiếc là quyển kinh mất bìa. Sau một thời gian tra cứu tại thư viện Tam Tông Miếu, với sự giúp đỡ tận tình của Đạo trưởng Khai Ngô trụ trì, chúng tôi tìm được bài Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo trong quyển Ngọc Hoàng Cửu Kiếp Chơn Kinh, xuất bản tại La Phù Sơn (Hồng Kông) năm 1907, in hết bản kinh tại Nam Nhã Đường.

Cuối cùng, đến giữa năm 1997, chúng tôi tìm được một bản kinh Minh Sư chữ Hán khác: quyển “Văn Đế Cửu Kiếp Bảo Sanh Kinh, Võ Đế Cửu Kiếp Vĩnh Mạng Kinh, Hợp Biên”, in tại Quan Âm Đường (Tân An) năm 1923. Trong quyển kinh này có bài “Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo” giống với kinh Cao Đài. Đặc biệt, dưới bài kinh ấy có thêm phần ghi chú nguồn gốc. Phần ghi chú nguồn gốc này – rất hiếm thấy trong kinh Minh Sư – về mặt lịch sử là hết sức quý giá, có nội dung:

“Quang Tự Tân Mão cửu

ngọat sóc, Quan Đế thỉnh Phù Hựu Đế Quân giáng tác thử cáo phó tụng dĩ kính Thiên Đê”.

Nhờ lời ghi chú ấy, chúng ta biết được rằng vào ngày mùng 1 tháng 9 năm Tân Mão đời vua Quang Tự – tức là năm 1891 – Đức Phù Hựu Đế Quân (Đức Lữ Tổ – Lữ Động Tân) được Đức Quan Thánh Đế Quân thỉnh đến giáng cơ tả bài kinh dùng để cúng tế Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế. Đây cũng là một giải đáp rõ cho những thắc mắc trước nay về vấn đề nguồn gốc bài Ngọc Hoàng Kinh.

Cũng xin nói thêm, về sau, tại Thư viện Quốc gia Hà Nội, chúng tôi có tìm được thêm một số quyển kinh chữ Hán có bài Ngọc Hoàng Kinh như “Liệt Thánh Bửu Cáo Chơn Kinh”, “Minh Châu Quán Hội Chơn Kinh”... trong thư viện Hán Nôm.

Như vậy, theo chúng tôi, bản Tú Thời Nhật Tụng Kinh do nhị vị Thượng và Ngọc Đầu Sư ban hành vào năm 1928 là bản kinh gốc của Cao Đài. Sở dĩ gọi là gốc vì đây là bản kinh do chính ngài Ngọc Lịch Nguyệt (là người thọ lệnh soạn kinh) ấn hành với sự cộng tác của ngài Thượng Đầu Sư, có qua “Hội Thánh kiểm duyệt và chuẩn định”.

2. Ý NGHĨA CĂN BẢN BÀI NGỌC HOÀNG KINH

Bài kinh theo thể văn biến ngẫu, từng cặp đối nhau, như sau:

Câu 1:

a. **Đại La Thiên Đế**

b. **Thái Cực Thánh Hoàng**

Đại la: tấm lưới lớn, đây có nghĩa là tấm “lưới Trời.

Hai câu 1a và 1b hết sức ngắn gọn nhưng hàm súc ý nghĩa: Ngôi Thượng Đế cai quản chặt chẽ trọn cả Càn Khôn vũ trụ. Thượng Đế là nguồn sanh phát, cũng là động năng tiến hóa của vạn loại, từ vật chất, thảo mộc, thú cầm đến con người.

Câu 2:

a. **Hóa dục quần sanh**

b. **Thống ngự vạn vật**

Hóa: biến hóa, sanh hóa; Dục: nuôi dưỡng; Quần sanh: muôn loài chúng sanh từ thảo mộc, thú cầm đến con người.

Nghĩa câu 2a và 2b: Thượng Đế sanh hóa và nuôi dưỡng muôn loài. Đồng thời, Đức Thượng Đế cai quản và điều hành trật tự tiến hóa của vạn vật.

Câu 3:

a. **Diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết**

b. **Nguy nguy Bạch Ngọc Kinh**

Chữ Diệu còn có âm là “diêu” hay “miêu”: rất nhỏ, cực nhỏ; Nguy: cao lớn đồ sộ.

Hai câu kinh này theo chúng tôi nên hiểu như sau: Huỳnh Kim Khuyết và Bạch Ngọc Kinh biểu thị nơi Thấy ngự, nơi Thấy chủ sử cơ Tạo Hóa. Mà nơi ấy là nơi đâu? Đó là điều huyền diệu của Thượng Đế. Thượng Đế không

ngự trên những lâu đài vật chất hữu hình, mà hiện diện tận chốn tế vi sâu kín nhất (diệu) cho đến bao trùm cả vũ trụ quá vĩ đại (nguy). Lời kinh dùng hai chữ “diệu diệu” và “nguy nguy” để nhấn mạnh cách diễn tả lý tuyệt diệu tinh xảo và vĩ đại khôn cùng của Đức Thượng Đế, điều mà chúng ta không thể chỉ dùng trí để thấu hiểu nổi.

Câu 4:

a. **Nhược thiệt nhược hư, bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa**

b. **Thị không thị sắc, vô vi nhi dịch sử quần linh**

Mặc: yên lặng; Tuyên: phô bày; Đại hóa: cuộc sinh hóa to lớn.

Vô vi: làm nhưng không thấy hành động; Dịch sử: sai khiến.

Nghĩa câu 4a: Trời vận hành đại cuộc sinh hóa trong sự tĩnh lặng. Cuộc vận hành ấy “hư hư thật thật”, lúc thì như thấy rõ có Trời hiện diện cụ thể ở mỗi sự việc, sự vật; nhưng tìm Trời thì không thấy, hoàn toàn không.

Nghĩa câu 4b: Không thấy Trời, nhưng Trời cũng là cái sắc tướng quanh ta đó, tự nhiên đến mức như không thấy Trời ẩn trong chính mỗi cá thể. Và quần sanh tiến hóa vẫn hằng theo quy luật chung, nên lại cho thấy rõ có sự sai khiến điều động của Trời.

Hai chữ Hư và Thật trong câu 4a mang ẩn tượng của Duy Thức Học Phật Giáo với chủ trương “Tứ đại giả hợp”. Hai

chữ Không và Sắc trong câu 4b lại gợi nhớ “Tâm Kinh” của Bát Nhã Học Phật giáo:

“Sắc tức thị không, không tức thị sắc,

Sắc bất dị không, không bất dị sắc...”

Câu 5:

a. **Thời thừa lục long, du hành bất tức**

b. **Khí phân Tứ tượng, oát triển vô biên**

Thời: thời cơ, lúc; Thừa: cỡi; Lục long: sáu rồng, còn ám chỉ sáu hào dương quẻ Thuần Kiển từ thấp lên cao, như con rồng lúc còn ẩn nấp đến thời tung hoành trên bầu trời. Bất tức: không ngưng nghỉ.

Câu 5a nghĩa đen: Đứng thời cơ, cỡi sáu rồng vân du không nghỉ.

Nhân vật có thể “cỡi sáu rồng vân du khắp vòm trời” này tất nhiên đã thành đạo, không còn bị câu thúc, giới hạn trong cõi phàm trần. Một trong những nhân vật ấy là Ngài Ngô Minh Chiếu. Giữa năm 1924, sau khi hoàn thành phần luyện đạo pháp do Ôn Trên chỉ dạy, Thầy ban cho Ngài bài thi, trong đó có hai câu:

*Giờ này Thầy điểm tâm công,
Ngày sau con sẽ cỡi rồng về
nguyên...*

Câu 5b: “Khí phân Tứ Tượng, oát triển vô biên”

Khí: Tiên Thiên hư vô chi khí.

Câu 5b nghĩa đen là: Hư Vô Chi Khí sanh Thái Cực, phân Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi phân

Tứ Tượng... đến vạn vật. Động cơ xoay chuyển sinh hóa này vô biên, không có giới hạn.

Như vậy, hai câu kinh 5a và 5b kết hợp ý với nhau, dạy rằng: Bộ máy vĩ đại “cơ Trời” do Thượng Đế sinh hóa vạn hành có nhịp điệu không ngưng nghỉ. Giáo lý Cao Đài gọi cơ sinh hóa ấy là: Đại Linh Quang (Thái Cực) chiết thành những Tiểu Linh Quang (sinh linh) – Các Tiểu Linh Quang nhờ vậy đều có “tính Trời”, tiếp tục tiến hóa. Thế nhưng một Tiểu Linh Quang đã “oát” (phóng phát) đến giai đoạn làm con người rồi phải biết “triển” (phản hồi). Trong hai câu kinh trên có nhiều từ ngữ dùng trong Tiên giáo như: Thời, khí, oát, triển... Cũng như vấn đề “Thừa lục long” là pháp môn luyện đạo của Tiên gia.

Câu 6:

a. **Cần kiện cao minh, vạn loại thiện ác tất kiến**

b. **Huyền phạm quang đại, nhứt toán họa phước lập phân**

Nghĩa câu 6a: Trời cương kiện và vô cùng sáng suốt thấu hiểu, luôn nhận rõ mọi sự lành dữ, phải trái của chúng sanh.

Nghĩa câu 6b: Luật Trời mầu nhiệm, bao trùm tất cả, từng điều lành điều dữ từng công, từng tội của chúng sanh đều được ghi nhận và phân định thật nhanh chóng, chính xác.

Hai câu kinh này lưu ý nhân sanh rằng: dù Trời thống ngự cả vũ trụ, chủ sử

sự sinh hóa của muôn loài. Vĩ đại như vậy thế nhưng vẫn thấu suốt nhất cử nhất động của chúng sanh. Có câu: “Thiên võng khô khô, sơ nhi bất lậu” hay câu: “Thiên võng khô khô, báo ứng thậm tốc” ý răn dạy người đời làm việc gì cũng nên lo điều họa phước.

Các chữ: Thiện, ác, họa, phước... cho thấy hai câu kinh 6a và 6b dạy theo Nhơn đạo của Nho giáo.

Câu 7:

a. **Thượng chưởng Tam Thập Lục Thiên, Tam thiên thế giới**

b. **Hạ ốc Thất Thập Nhị Địa, Tứ Đại Bộ Châu**

Chưởng: cai quản; Tam Thập Lục Thiên: 36 tầng Trời, là cõi siêu xuất, linh hồn không còn tái sinh đầu thai xuống phạm trần, nhưng còn chuyển kiếp tu hành để thăng dần lên; Tam thiên thế giới: ba ngàn thế giới. Đây là những thế giới còn hình tướng nhưng đã tiến hóa rất cao nhiều mặt. Con người cõi này có điều kiện thuận lợi để khi thoát xác vào đặng Tam thập lục Thiên.

Nghĩa câu 7a: Bên trên, ở cấp cao, Đức Thượng Đế thống quản 36 tầng trời (thiên liêng) và ba ngàn thế giới tinh cầu (hữu hình).

Câu 7b: Ốc: nắm quyền cai quản; Thất Thập Nhị Địa: 72 tầng có các quả địa cầu. Theo vũ trụ quan Cao Đài, ở cấp tiến hóa còn thấp có 72 tầng

bậc xếp các quả địa cầu theo các cấp tiến bộ khác nhau – trong đó Địa cầu chúng ta đây ở tầng số 68 – số càng nhỏ, địa cầu ấy càng khinh thanh tiến bộ.

Nghĩa câu 7b: Bên dưới, ở cấp sinh linh tiến hóa còn thấp, Đức Thượng Đế cai quản 72 tầng bậc có các quả địa cầu (hữu hình) và Tứ Đại Bộ Châu (vô hình).

Như vậy, hai câu kinh 7a và 7b cho biết Đức Thượng Đế tổng quản các cõi từ hữu hình đến vô hình ở hai cấp thấp cao, cả hữu sanh và vô sanh toàn vũ trụ.

Câu 8:

a. **Tiên Thiên, Hậu Thiên, tịnh dục Đại Từ Phụ**

b. **Kim ngưỡng, cổ ngưỡng, phổ tế tổng pháp tông**

Nghĩa câu 8a: từ thuở ban sơ Tiên Thiên đến thời vạn vật Hậu Thiên, vẫn đều sinh dưỡng quần sanh trong tình thương của Đấng Cha lành.

Nghĩa câu 8b: Thời nay, mà vào thời xưa cũng vậy, nhiều lần Đức Thượng Đế ban ơn phổ độ xuống thế gian. Các nền giáo lý, giáo pháp ấy đều cùng có chung nền tảng đạo lý và được nhân sanh ngưỡng mộ, nhiệt tình tiếp nhận.

Đặt chữ “kim ngưỡng” trước chữ “cổ ngưỡng” khác với kinh xưa Minh Sư, các bậc Tiên khai Phổ độ chắc chắn đã thỉnh lệnh Ôn Trên. Tất cả các bản kinh xưa đều in “Kim ngưỡng, cổ ngưỡng”.

Câu 9:

a. **Nãi Nhựt Nguyệt Tinh
Thần chi quân**

b. **Vi Thánh Thần Tiên
Phật chi chủ**

Ba chữ Nhựt Nguyệt Tinh chỉ các tinh tú có ánh sáng trên trời, dùng chung cũng biểu thị Tam bửu của tài Thiên (trong Tam Tài). Nhựt Nguyệt Tinh phân bố khắp bầu trời, biểu thị không gian. Thần là thời gian. Nãi: là, ấy là.

Nghĩa câu 9a: Đấng Thượng Đế cai quản cả không gian và thời gian, tức cai quản cả vũ trụ này.

Nghĩa câu 9b: Đức Thượng Đế làm chủ các Đấng trên cõi “thiên liêng hằng sống” (Thần, Tiên, Phật), cũng làm chủ cả các chơn linh còn tiến hóa tại thế gian.

Hai câu kinh 9a và 9b xác định rõ thêm sự cai quản bao trùm của Đức Thượng Đế cả không gian lẫn thời gian từ cõi thượng thiên đến cõi hạ giới, bổ sung phần tán tụng ở hai câu trước.

Câu 10:

a. **Trạm tịch chơn đạo**

b. **Khôi mịch tôn nghiêm**

Hai câu kinh này ngắn và có ý liên kết nhau nên được giải chung: Trạm: sâu dày và trong trẻo; Tịch: yên lặng; Khôi: to lớn; Mịch: còn được đọc là Mạc: lặng lẽ im lìm.

– Ý nghĩa hai câu 10a và 10b: Bằng sự cao sâu và bao quát khắp Càn Khôn, quyền uy của Trời dù thị hiện hết sức lặng

lẽ, nhưng trọn vẹn nét uy nghi, tôn nghiêm.

Câu 11:

a. **Biển hóa vô cùng, lũ
truyền bửu kinh dĩ giác thế.**

b. **Linh oai mạc trắc, thường
thi thần giáo dĩ lợi sanh**

Nghĩa câu 11a: Đức Thượng Đế đã nhiều lần truyền dạy xuống thế gian những kinh điển quý báu để nhân thế không còn mê muội. Cách truyền dạy của Đức Chí Tôn biến hóa tùy thời, tùy trình độ, tùy hoàn cảnh, giúp cho sự tiếp thu được thuận lợi.

Nghĩa câu 11b: Dụng sự linh thiêng mầu nhiệm khôn lường, Đức Thượng Đế đã nhiều lần ban xuống trần thế nhiều nền Đạo (tôn giáo) độ dẫn nhơn sanh.

Ban đầu, vào thời nhân loại sơ khai, Đức Thượng Đế đã dụng đến sự mầu nhiệm tạo niềm tin ở con người. Dần dần, tại những nơi tâm linh và trí tuệ nhân loại tiến cao hơn, chữ viết cũng đã được phổ biến, Đức Chí Tôn truyền dạy nhiều kinh sách quý giá, giúp tiến bộ phần tâm linh. Và để các kinh sách ấy có môi trường thực thi hữu dụng, Thượng Đế lập nên những nền tôn giáo như: Phật giáo, Tiên giáo, Nho giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo... có tổ chức Hội Thánh, có những quy điều khuôn phép giúp hướng thiện nhơn sanh.

Câu 12:

a. **Hồng oai, hồng từ, vô
cực, vô thượng**

b. **Đại Thánh, đại nguyện,
đại tạo, đại bi**

Hồng: to lớn; Oai: vẻ uy nghi, oai vệ; Từ: lòng yêu thương của người trên đối với người dưới; Vô cực: vô cùng tận, không giới hạn; Vô thượng: không có gì cao hơn.

Nghĩa câu 12a: Đức Thượng Đế có sự oai nghi và tình thương vô biên.

Nghĩa câu 12b như diễn tả “lòng” của Trời: Với đức thánh to lớn và lòng thương xót chúng sanh, Thượng Đế có lời đại nguyện dùng quyền sáng tạo để cứu vớt phần hồn của nhân sanh vào các kỳ phổ độ (nhất là thời mạt hạ này).

Hai câu kinh 12a, 12b có thể xem như Đức Thượng Đế được nhìn từ đôi mắt và tình cảm của người phạm trần.

Câu 13: **Huyền Khung Cao
Thượng Đế Ngọc Hoàng tích
phước hựu tội Đại Thiên Tôn.**

Huyền: sâu xa, kín đáo; Khung: to lớn cùng cực (như vòm trời); Cao Thượng Đế: Đấng Cao Đài Thượng Đế; Ngọc Hoàng: Đức Ngọc Hoàng, tiếng của các Đạo gia ngày xưa chỉ Trời.

Tích: (còn đọc là Tú) có nghĩa là ban cho; Tích phước: tú phước, ban phước; Hựu: rộng rãi tha thứ. Hựu tội: xá tội; Đại Thiên Tôn: Đấng được tôn kính nhất trên trời.

– Câu 13 có nghĩa: Đức Chí Tôn với các hồng danh khác như: Huyền Khung Cao Thượng Đế; Cao Đài Thượng

Đế, Ngọc Hoàng Thượng Đế; Đại Thiên Tôn... là Đấng Cha lành hằng ban phước và xá tội cho chúng sanh.

Khai mở Tam Kỳ Phổ Độ cuối Hạ nguơn này, đồng thời Thượng Đế ban đặc ân: Người tín hữu thuần thành ngoài việc được chế giảm bớt tội nghiệp tiền khiên (hựu tội), nay tùy theo công quả còn được gia thêm phần phước cho mình (tích phước). Sự gia thêm phước này, trong nhiều trường hợp, được Ôn Trên ban với tỷ lệ cao hầu tạo sự cứu vớt và khuyến khích trong thời kỳ mới mở Đạo, lúc mà sự khó khăn khảo đảo còn nhiều.

Đây là một phần ý nghĩa “Đại Ân Xá” thời Tam Kỳ Phổ Độ này vậy.

3. TỔNG LUẬN

Bài kinh xưng tụng Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế nêu trên trong kinh Minh Sư có tên là: “Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo”. Qua Cao Đài vẫn được gọi trân trọng như vậy. Thế nên có thể gọi đây là bài Tâm Kinh, buộc người tụng phải trọn tâm thành kính kính ngưỡng Đức Thượng Đế. Người đọc kinh không nên vọng niệm, cũng không phải tụng kinh hầu mưu cầu được ban ơn phước riêng cho mình.

Sở dĩ gọi Bửu Cáo là do nguồn gốc bài kinh (đã đề cập ở phần trước): Đức Quan Đế thỉnh Đức Phù Hộ Đế Quân

giáng cơ tả kinh để “Phó tụng dĩ kính Thiên Đế”. Vậy, Ngọc Hoàng Bửu Cáo là lời trình cáo quý báo được Đức Phù Hộ Đế Quân ban cho nhân sanh, dâng lên tán tụng Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, là Đấng Tối Cao trong càn khôn vũ trụ này.

Nếu hiểu được phần nào nghĩa lý bài kinh, khi trì tụng, hành giả cần chiêm nghiệm. Sự thông linh sẽ ẩn trong lý của bài kinh, đi vào tâm thức một cách huyền nhiệm.

Ở đây, chúng tôi xin nói thêm về chữ “Đại La”. La là tấm lưới; Đại La là tấm lưới bao trùm cả vũ trụ.

Hiện nay, theo những tài liệu khoa học mới nhất (2012), các nhà thiên văn quốc tế đã lập bản đồ của cấu trúc được xem là mạng lưới vật chất tối lớn nhất đến nay. Nó trải dài trên 270 triệu năm ánh sáng, tức là lớn gấp 2.000 lần dải Ngân hà của chúng ta. Nhưng với công nghệ hiện nay, người ta chưa thể quan sát được nó trực tiếp, thay vì thế, các chuyên gia nghiên cứu chúng gián tiếp, thông qua lực hấp dẫn mà nó tác động lên ánh sáng. Theo suy đoán của nhóm chuyên gia diễn giải trên chuyên san Nature: “Ở góc độ quan sát bầu trời phẳng, sợi vật chất tối có vẻ như ngắn và dày, kéo dài khoảng 3 triệu năm ánh sáng. Nhưng trên thực tế, nó dài và mảnh, với độ dài phải mất đến 58 triệu năm

ánh sáng mới đo hết. Ánh sáng đến được trái đất đã bị bẻ cong bởi mọi vật chất tối được phân bố dọc theo sợi vật chất tối trên”.

Phần trước chúng ta đã xét về ý nghĩa chi tiết từng câu chữ. Nay nhìn tổng thể bài Ngọc Hoàng Kinh, chúng ta sẽ có thêm một số ý:

Người tín hữu Cao Đài đọc hiểu kinh, sẽ ý thức rõ ràng về một Đấng Cha Lành cai quản cả Càn Khôn thế giới, từ thượng thiên đến cõi hồng trần. Đức Thượng Đế với lòng từ bi, sinh dưỡng, bảo bọc, “tích phước hựu tội” nhưng cũng rất công bình, “Thiện ác tất kiến”, “họa phước lập phân”. Đó là về Thượng Đế. Trong một bài kinh tương đối không dài, sự kết hợp nhuần nhuyễn hai quan niệm khá trái khác nhau, như vậy thật tinh tế.

Lồng vào các từ ngữ dùng trong bài kinh, hiện lên một điểm đặc sắc của giáo lý Cao Đài là: kết hợp tinh ba giáo lý Tam Giáo: Nho – Thích – Đạo (đã nêu trên). Đưa giáo lý Tam Giáo vào bài kinh xưng tụng Đức Thượng Đế – như đã đưa vào trước trong bài Khai Kinh – phải chăng Ôn Trên muốn một lần nữa tạo ý thức về “Tam giáo đồng nguyên” mà cho đến nay ý thức này cũng còn khá mới đối với nhiều người.■

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT.



thấp nén tâm hương

NHỚ NGUYÊN NGƯỜI XƯA

■ HỒNG PHÚC

*Bài nói chuyện tại Vĩnh Nguyên Tự nhân ngày
Kỷ niệm dâng Tiên của Đức Như Ý Đạo Toàn
Chơn Nhơn – mừng 3 tháng Chạp năm Giáp Ngọ.*

Hôm nay chúng ta tề tựu về dưới ngôi cổ tự này để thấp nén tâm hương tưởng niệm ngày thoát xác hay nói một cách dễ hiểu là ngày giỗ của Ngài Thái Lão Sư Lê Đạo Long, tục danh Lê Văn Tiếng, là người đã tạo dựng nên ngôi chùa Vĩnh Nguyên, làm tiền đề khởi thủy công cuộc lập đạo Kỳ Ba của Đức Cao Đài Thượng Đế. Theo truyền thống văn hóa của dân tộc Việt, ngày cúng Giỗ, một nghi thức để tưởng nhớ những người quá vãng, là một phong tục gần như trở thành là thứ “luật bất thành văn” trong đời sống tâm linh của người Việt có từ ngàn xưa, không chỉ thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, mà còn được coi là tín ngưỡng phổ biến của người Việt bắt nguồn từ niềm tin linh hồn người qua đời dù thể xác trở thành cát bụi, nhưng phần hồn còn tồn tại chuyển sang một thế giới khác vẫn còn ảnh hưởng tới cuộc sống của con cháu. Tấm lòng thành kính của con cháu phải nhớ ngày người mất để làm giỗ, để mối quan hệ gia đình càng đậm đà, gắn bó hơn trong niềm tin ông bà, cha mẹ dù qua đời nhưng linh hồn vẫn luôn hiện diện bên con cháu và ngược lại trong tâm tưởng của con cháu ông bà không vắng bóng trong gia đình dù thể xác đã nằm dưới lòng đất lạnh.

Truyền thống tốt đẹp đó ngày nay đã trở thành quốc phong với ngày Giỗ Tổ Hùng Vương mừng 10 tháng 3 Âm lịch hàng năm, ngày Giỗ trọng đại của cả dân tộc, dù ở phương trời nào, người Việt Nam phải nhớ ngày giỗ Tổ, hướng về vùng đất cội nguồn Phú Thọ, được coi là điểm hội tụ văn hóa tâm linh của dân tộc Việt Nam. Phong tục cúng Giỗ của người Việt không chỉ mang nét truyền thống văn hóa dân tộc giới hạn trong phạm vi gia đình hay dành riêng cho từng dòng họ mà còn có ý nghĩa thiêng liêng mở rộng là ngày tưởng nhớ cho cả cộng đồng dân tộc đối với các bậc anh hùng mà tuổi tên đã gắn liền với những trang sử hào hùng của dân tộc trong công cuộc dựng nước và giữ nước.

Rồi từ khi Đức Thượng Đế chọn Đất nước Việt Nam làm nơi mở đường cứu độ nhân loại Kỳ Ba, truyền thống đạo lý “uống nước nhớ nguồn” tốt đẹp của người Việt đã trở thành một yếu điểm giáo lý cốt lõi trong hệ thống giáo lý Cao Đài, một tôn giáo đã sinh ra và lớn lên trong lòng dân tộc. Đó chính là yếu tố “Nhân bản”, một trong những điểm trọng yếu của toàn bộ hệ thống giáo lý Đại Đạo để những ngày Giỗ của trong Đạo hằng năm hướng về “Những con người muôn thuở muôn phương”, là những Con

Người bất tử, là những ngọn tâm đặng của người tín hữu Cao Đài được khêu tỏ, làm rực sáng thêm niềm tin để củng cố hành trang trên bước đường quay về bến giác.

“Con người muôn thuở muôn phương” trong tôn giáo Cao Đài là những con người mà linh hồn đã được bước vào cõi siêu xuất thế gian, huyền đồng cùng Trời Đất, không còn bị lệ thuộc bởi không gian và thời gian, mặc dù không còn hiện hữu nơi cõi thế trần nhưng có đủ quyền năng hành đạo giúp đời, độ dẫn chúng sanh. Nói một cách dễ hiểu, đó là những con người đã đắc các quả vị Thần Thánh Tiên Phật, mà một minh chứng gần gũi nhất là chúng ta đang tham dự lễ kỷ niệm ngày thoát xác của một “Con người muôn thuở muôn phương” là Ngài Thái Lão Sư Lê Đạo Long năm xưa, người có công đức tạo nên ngôi chùa lịch sử cho công cuộc phổ độ Kỳ Ba nay dưới danh xưng “Nhu Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn”.

Làm xong sứ mạng xây chùa để làm nơi khởi đầu hoàng khai mới Đạo, Ngài Thái Lão Sư Lê Đạo Long đã trở về phục lệnh Đức Chí Tôn nơi cõi vô sanh, nhưng không dừng ở đó, mà Ngài trên cương vị một Đấng Thiêng Liêng đã cùng Thầy và chư Phật Tiên Thánh Thần tiếp tục âm phò mặc trợ dẫn dắt đàn em trên đường phổ độ, để rồi qua huyền cơ diệu bút, những lời dạy Đạo chí tình tha thiết của Ngài đã lần lượt tuôn chảy vào kho tàng Thánh ngôn Thánh giáo của đạo Cao Đài, làm nên gia tài tinh thần vô giá không chỉ cho cộng đồng áo trắng Cao Đài mà còn cho cả nhân loại.

Theo đúng truyền thống xưa của người Việt, trong ngày giỗ, người trưởng họ đứng trước bàn thờ tổ đọc lịch sử dòng họ với ý nghĩa là cách nhắc nhở con cháu nhớ công ơn tổ tiên, đồng thời nhằm để giáo dục truyền thống, gia phong của gia tộc. Đây cũng là dịp anh em, con cháu trong tộc họ gặp nhau, cùng ôn lại chuyện xưa cho tình thương yêu gia đình ngày càng đậm đà gắn bó và đồng thời nung nấu ý thức bốn phận giữ gìn làm vẻ vang dòng tộc”.

Nhân ngày kỷ niệm của Đức Như Ý Đạo Toàn

Chơn Nhơn hôm nay, trong tinh thần kế thừa và phát huy bản sắc truyền thống văn hóa dân tộc, và nhất là với tâm chí thành tưởng nhớ một bậc Tiên nhân có công với Đạo và trên nữa là lòng tưởng nguyện một Đấng Thiêng Liêng dạy Đạo, chúng ta hãy lắng lòng thanh tịnh, tạm rời bỏ giây phút tất cả những xôn xao muộn phiền của cuộc sống đời, sống Đạo... để nghe và chiêm nghiệm lại những lời dạy của Ngài, hầu soi sáng thêm bước đường phía trước trên chuyến hành trình trở lại bến khởi nguyên của mỗi người chúng ta.

Cách đây hơn 40 năm, trong một lần giảng đàn cũng tại nơi đây, Đức Như Ý đã giảng giải về ý nghĩa của tên Vĩnh Nguyên mà Ngài đã đặt khi lập thành ngôi cổ tự này:

“Vĩnh là vĩnh cửu, bất biến. Nguyên là nguyên bản, hằng hữu hằng thường. Chỉ có cái nguyên bản mới hằng hữu hằng thường bất di bất biến. Vạn hữu do từ hằng hữu mà sanh. Vô thường do từ hằng thường mà có.

Con người là một cá thể trong vạn hữu. Người có biết tu chơn ngộ Đạo mới có thể trở về nguyên bản hằng hữu hằng thường bất di bất biến trong cảnh giới vĩnh cửu hư linh. Nhược bằng cứ mãi chấp danh chấp tướng ắt còn chạy theo cái vòng pháp luân vạn hữu vô thường biến dịch rồi muôn đời xa cách bản thể nhứt nguyên tức là xa Tiên, xa Phật, xa Trời, xa Đạo vậy.”

Lời giải thích này không chỉ đơn thuần nói lên ý nghĩa của tên ngôi chùa mà chính là lời dạy nhắc nhở con người thức tỉnh nhận ra nguồn cội thật sự của mình là nơi cảnh giới Nhứt nguyên vô sanh bất biến mà con người phải quay về trên đường tiến hóa; mà muốn quay về thì mỗi người phải rời bỏ hình danh sắc tướng với những đam mê vật chất vốn phù du tạm bợ. Nếu không, mãi mãi con người sẽ bị xoay tròn trong vòng luân hồi chuyển kiếp không có cơ hội trở về với bản thể nguyên sơ là ngôi Thái Cực Đại Linh Quang.

Trong một lần khác trên ngọn linh cơ, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn đã xác nhận việc

1. Vĩnh Nguyên Tự, Rằm tháng 3 Giáp Dần (07-4-1974).

Ngài “lập Vĩnh Nguyên Tự để tu niệm và gây dựng một số hành trang để chờ đợi đoàn người sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ tạm dừng chân để lãnh số hành trang ấy làm vốn liếng trên quãng đường gay go khó khăn giữa thời mạt pháp, ngõ hầu hoàn thành sứ mạng đã thọ lãnh chốn thiên cung” mà nói theo ngôn từ thời nay, Vĩnh Nguyên Tự là một thí điểm đầu tiên được Đức Chí Tôn chuẩn bị cho đại cuộc tận độ Kỳ Ba, mà Đức Như Ý là người nhận lãnh sứ mạng sắp xếp hành trang cho mười hai vị Tiên khai Đại Đạo đưa mối đạo Trời vào chốn hữu hình cứu nguy cho nhân loại trong thời mạt pháp.²

“Cũng nhờ ân đức Tổ Tiên mà Lão đã xây dựng được một nền tảng đạo lý giúp đời, đó là Vĩnh Nguyên Tự. Vì Thiên mạng mà lập cảnh tự này, vì sứ mạng khởi thủy cho công cuộc lập đạo Kỳ Ba, chiêu tập được Thập nhị khai Thiên trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Do đó mà Vĩnh Nguyên Tự đã và sẽ được ghi vào sử đạo Cao Đài. Không phải vì chùa to thất lớn đồ sộ nguy nga mới được ghi vào lịch sử, mà chỉ vì cái tác dụng và sứ mạng thiết thực của nó. Chính vì những ý nghĩa cao cả và mục đích trọng đại đó nên Lão phải lập Vĩnh Nguyên Tự.”

Như vậy, sự ra đời của ngôi chùa Vĩnh Nguyên chính là Thiên cơ vì có sẵn một mục đích và được nhận lãnh một sứ mạng trọng đại để đi vào lịch sử của đạo Cao Đài, chớ không phải chỉ được ghi nhận trở thành di tích cổ xưa có trên trăm năm tuổi như nhiều ngôi cổ tự khác trên đất nước này.

Cho nên, Ngài khẳng định:

“Vĩnh Nguyên Tự có vì Đại Đạo vì nhân sanh, chớ không phải vì một gia tộc, một chi phái hoặc vì một cá nhân nào. Nếu lập chùa thất mà vì danh, vì hậu ý để làm của riêng cho gia đình thân tộc, thì không còn ý nghĩa gì nữa. Thà lập nhà hát, đình, miếu để trâu cúng vật của bá tánh thập phương còn hơn.”³

Lời dạy này cũng chính là lời cảnh báo cho người tín đồ Cao Đài trên đường hoằng giáo,

việc xây dựng chùa thất phải được thực hiện trên tinh thần vô công, vô kỷ, vô cầu, vô danh, phải nhắm vào lợi ích chung của nhân sanh, phục vụ cho việc độ dẫn nhân sanh vào đường đạo đức, thoát vòng nhân quả luân hồi, chớ không phải để làm giàu thêm gia tài cho một dòng họ, một gia đình hay làm vẻ vang cho sự nghiệp công đức của một cá nhân, ngay cả cũng không dành riêng cho một chi phái Đạo.

Nơi cõi hư linh, Ngài theo dõi từng bước đi của hàng môn đệ, ân cần nhắc nhở:

“Ánh thiên quang mùa xuân của vũ trụ đang bao trùm vạn vật, ân tứ phước tải mầm sống cho muôn loài. Người biết Đạo, biết tu phải nương theo cái thuận thời thiên lý mà nâng niu tâm đức của mình cho càng ngày càng thêm mãn tuệ, trau dồi đạo hạnh cho thuần thành thánh thiện, phước huệ song tu. (...) Đời người tuy nói trăm năm, nhưng không mấy chốc. Trước cảnh sanh lão bệnh tử đã chiếm quá nhiều thì giờ, lại còn sự thanh suy, đắc thất, buồn vui, sướng khổ cũng làm hao tâm lực không phải ít.”

Ngài nhắc lại kiếp sống con người ngắn ngủi, một đời người cho dẫu trăm năm cũng không được hưởng trọn vì phải tốn nhiều thời gian và sức lực để tranh đấu cho miếng cơm manh áo của bản thân, gia đình, rồi còn phải đương đầu chống chọi với bệnh hoạn xác thân, khi tuổi già đến đành bất lực để cuối cùng phải khuất phục trước định luật tử sanh. Đó là chưa kể sự khổ cực mỗi mòn của phần tinh thần trên suốt chặng đường đời chông gai chìm nổi do bởi sự chi phối của những được thua thành bại.

Do vậy, Ngài khuyên:

“Người hiểu đạo biết tu phải vượt qua khối bận rộn trong vòng lẩn quẩn đó. Nếu không qua được, sanh tử luân hồi sẽ triển miên tiếp diễn. Sự hữu phước là chưa hiển được làm người hội đủ điều kiện để lãnh hội ý Phật, lời Tiên hơn các đảng chúng sanh còn thấp kém, đang trong trạng thái mê muội, ngu khờ, chậm chạp, ngây ngô.”⁴

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 20-3 Canh Tuất (25-4-1970).

3. Ngọc Minh Đài, 01-12 Bính Ngọ (11-01-1967).

4. Vĩnh Nguyên Tự, 16-01 Bính Thìn (15-02-1976).

Trong vòng lẩn quẩn đó, con người không thoát ra được nên phải chịu sự tác động triền miên của bánh xe luân hồi chuyển kiếp. Tuy nhiên, do con người đã được phú bẩm trí thông minh, có thể nghe và thấu hiểu lời Tiên tiếng Phật để nhận ra chân lý, để tìm thấy điểm dừng của chính mình mà thoát khỏi quỹ đạo luân hồi. Hơn thế nữa, con người còn có khả năng vượt trội tiềm ẩn là tự mình có thể bước lên nấc thang tiến hóa để làm Tiên làm Phật.

*“Chư hiền đã có ưu thế để tạo Tiên tác Phật, lên hàng chánh đẳng, chánh giác. Chỉ còn một điều là có thiết hành chơn đạo hay không, có thắng được lòng tham sân si dục hay không, có khắc phục tánh giải đãi biếng lười hay không đó thôi. Sự hữu phước là chư hiền biết thức tỉnh, biết chế ngự lòng ham muốn, biết tiết kiệm sự tiêu xài để làm việc phước đức. Tuy những việc đó, nói thì dễ, nhưng hành, phải là có tu từ nhiều kiếp.”*⁵

Qua lời dạy này, Đức Như Ý đã xác định rõ để được lên hàng chánh đẳng, chánh giác, con người phải là người chiến thắng chính bản thân mình, tức khắc chế được lòng tham sân si dục đang mai phục trong chính con người mình, sẵn sàng trỗi dậy để đẩy xô con người vào vòng tạo nghiệp; và khi đã ý thức được việc tu hành giải thoát có diệt trừ được tánh lười biếng giải đãi đã theo mình từ nhiều đời nhiều kiếp để chí tâm hành trì cho đến nơi đến chốn hay không. Bởi vì Ngài dạy, nói thì nghe dễ nhưng không phải ai cũng làm được, vì phải là người đã từng có tu từ nhiều kiếp trước.

Mục đích của việc tu hành là nhằm đến sự giải thoát. Đó cũng là một trong hai cứu cánh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Giải thoát là đạt đến đích điểm của sự tiến hóa, Ngài dạy rất rõ về việc này:

“Người tu học đại thừa phải hành Thiên Đạo. Thiên Đạo tức là đường lối giải thoát của người tu. Giải thoát mà Lão muốn nói đây là giải thoát mọi ràng buộc, phá hết mọi sự chấp ngã, chấp

nhơn, chấp đạo, chấp pháp, tất cả đều "Không" mới là giải thoát.”

– Trước hết, người tu Thiên Đạo phải giải thoát khỏi những ràng buộc của nghiệp lực bản thân, nhưng giải thoát không có nghĩa ly gia cắt ái, bỏ mặc gia đình để lo tu cho riêng mình mà trái lại phải giải quyết bằng việc chu toàn bổn phận một cách sáng suốt, Ngài dạy: *“Các mối nghiệp lực như thê tử, như phận sự người con, người dân, vào bên trong như nhục dục thất tình, xưa nay ai biết tu hành đều có bàn đến, những thứ ấy lại phải giải thoát bằng một phương pháp khác hơn, là phải tự mình giải quyết mọi vấn đề bằng bổn phận, bằng nội tâm. Khi tâm sáng suốt thì bổn phận nào cũng là bổn phận phải hoàn tất.”*

– Nhưng muốn tâm được sáng suốt để giải quyết mọi vấn đề nghiệp lực bản thân, thì Ngài đưa ra phương cách cho từng hoàn cảnh như sau:

– *Đứng trước một xã hội tao loạn người giải thoát phải tự giải thoát cái tao loạn ở tâm mình để biến hoàn cảnh hiện tại tao loạn trở nên an nhiên, đó là giải thoát.*

– *Đứng trước vật chất vinh hoa phú quý, danh lợi đầy dẫy sáng chói, người tu học Thiên Đạo Đại Thừa phải nhắm vào sự sáng chói của tâm, sự tịch mịch của tâm, như núi Thái Sơn sừng sững trước gió loạn sấm chớp vẫn không lay chuyển, đó là giải thoát. Ở vào cảnh vinh sang phú túc nệm gấm chăn êm mà tâm vẫn an nhiên thanh tịnh như ngồi trên nệm cỏ bồ, như uống nước suối trong veo, như ăn những quả đào ngon ngọt, không thấy tâm động vì có đó mà tha thiết, vì mất đó mà phải rối loạn, đó là một giải thoát nữa.*

– *Đứng trước nghịch cảnh trái ngang, nhưng tâm thấy như ngồi trên bàn thạch, hoặc ở chỗ thanh thoát bao la để biến hoàn cảnh ấy như gió thoảng như mây bay tự tan không ngừng nghỉ, đó cũng là một phương giải thoát.*

– *Ở vào hoàn cảnh bị động vì các lý do sống còn nhưng tâm vẫn an nhiên thanh tịnh để sáng suốt giải quyết mọi vấn đề như cá trong nước, như rồng trong mây, có thể hòa hợp tâm linh trong vũ trụ, cho tâm khỏi dao động mới hòa mình với nếp sống hiện*

5. Vĩnh Nguyên Tự, 16-01 Bính Thìn (15-02-1976).

tại, từ việc to tát đến việc nhỏ nhen vẫn là một con số không trong cái có, đó cũng là phương giải thoát.⁶

Người tu giải thoát Tâm mình khỏi những ràng buộc của tham dục vật chất, những chi phối của nghịch cảnh trái ngang, có nghĩa là luyện được một cái Tâm vững vàng kiên định trước mọi tình huống, hoàn cảnh, không phải để hưởng hạnh phúc riêng tư mặc cho thế đời nghiêng ngửa, nhân sanh khổ đau mà để tạo điều kiện hòa mình vào cuộc sống nhân quần xã hội, làm tròn bổn phận làm người như lời Ngài dạy:

“Đối với bốn phận vi nhân, không phải chỉ biết có riêng mình được ấm no vui sướng, hoặc với bao nhiêu khí lực cạnh tranh giành giật của tha nhân, mà phải biết sống một đời sống nhưn quần xã hội, có nghĩa có nhân, xây dựng điểm tô nên trật tự, có lễ có trí, có tín, thì quyền pháp mới được sáng tỏ. Giúp đỡ người thua kém nghèo hèn, điu dắt người sa cơ thất thế. Tuy là việc nhỏ không sánh được với người xưa đã bỏ đai vàng, lìa cung ngọc, nhưng đó cũng là công đức ích lợi vị tha. Lúc no bụng nhớ kẻ đói ở quanh mình, khi lành lặn ấm áp nên nhìn người đói rách lang thang, chia cơm xẻ áo, không tích trữ, đó là hạnh Bồ Tát tại thế. Tuy việc nhỏ mà nên Đạo, đừng chê nhỏ mà không làm. Lợi danh lớn mà mang tiếng ác nhưn thì nên tránh xa.”⁷

Chỉ cần việc nhỏ: “Giúp đỡ người thua kém nghèo hèn, điu dắt người sa cơ thất thế.” Ngài dạy: “cũng là công đức ích lợi vị tha”. “Lúc no bụng nhớ kẻ đói ở quanh mình, khi lành lặn ấm áp nên nhìn người đói rách lang thang, chia cơm xẻ áo, không tích trữ,” Ngài dạy: “Đó là hạnh Bồ Tát tại thế.” Chúng ta đã biết trong Tam Kỳ Phổ Độ với cơ Đại Ân Xá của Đức Từ Phụ, công quả dù nhỏ cũng được nhân hệ số 3. Cho nên ghi nhớ lời dạy của Ngài: “Tuy việc nhỏ mà nên Đạo, đừng chê nhỏ mà không làm (...) Muốn độ đời cần vong kỷ, bố thí, trợ nghèo giúp khó là phương pháp bảo toàn tự thân. Nên ghi nhớ.”⁸

Sự cứu độ của Đức Cao Đài trong thời mạt

kiếp là một cuộc vận chuyển máy trời để kết thúc một chu kỳ Tam ngàn theo đúng quy luật của Tạo Hóa. Đây cũng là cơ hội để con người kết thúc cuộc hành trình kéo dài trong vòng tử sanh miên viễn, trở lại bến khởi nguyên. Và để nhìn lại được quê xưa vị cũ của mình, con người phải quyết tâm hoàn thành sứ mạng cao trọng là tự độ và độ tha cho kịp kỳ phán xét sau Hội Long Hoa (Long Hoa đang khai hội) như lời tiết lộ của Đức Như Ý trong một lần giáng cơ:

“Trong thời Hạ ngàn mạt kiếp, mỗi người Thiên ân, mỗi vị tín hữu đều có sứ mạng tận độ quần sanh, kịp đến kỳ thánh đức sau hội Long Hoa, và tiến đến chỗ vô sanh bất diệt.

Ai đã làm? Ai đang làm và ai sẽ làm?”

Và Ngài cẩn thận dặn dò:

“Muốn giải quyết vấn đề, trước phải giải quyết tự thân. Thời gian không đợi, thế phải giữ gìn lấy của cải vốn Thiêng Liêng đã có nơi mỗi người để thực hiện (...).”

Giải quyết tự thân mỗi người như thế nào. Hãy nghe lời dạy của Ngài những điều phải kiên tâm thực hành:

“– Người Thiên ân tín đồ của Thượng Đế phải hằng tinh tâm giác ngộ trên đường tu học, đừng thấy khó mà sợ thì mới nhận được cái khôn, đừng thấy nhưn tình tráo trở, thế sự đảo điên mà rộn ràng tâm tánh rồi lãng quên công phu công quả.

– Đã dốc chí tu hành thì đừng câu nệ chỗ đức bạc tài sơ hay căn cơ còn non kém. Đạo gốc là ở lòng chí thành, chí kính, chí chánh, chí chơn. Từ chỗ thành kính chánh chơn thâm nhập lâu ngày vào lòng, người tu hành sẽ trở nên kiến tánh. Muốn được như thế thì phải cần tu tập hằng ngày về đạo tâm, về đức hạnh không giây phút nào quên. Dầu lỗi nhỏ chớ làm, lỡ lầm phải ăn năn, đừng tái phạm. Gặp lợi dầu lớn nhỏ chớ tham để không sanh lòng buồn vui được mất.

– Biết nẻo tà là muôn ngàn sai quấy, tội nghiệp vương mang thì hành động và ngôn ngữ phải đặt dè, hãy xa lánh. Có lẽ bước, sớm giác ngộ quay về. Hằng xét lòng khi nổi tánh tham sân. Hãy tự cảnh giác mà quyết tâm cải hối.

6. Vĩnh Nguyên Tự, 10–6 Bính Thìn (06–7–1976).

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11–11 Kỷ Mùi (28–12–1979).

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11–11 Kỷ Mùi (28–12–1979).

– Khi sanh lòng ích kỷ hãy nhớ đến hạnh bác ái vị tha.

– Khi ham mê rượu trà thì nhớ đến điều xấu hổ bê tha mà chữa bỏ.

– Khi lòng sanh hẹp hòi chấp nhứt phải nhớ lại người tu hành đức độ khoan dung.

– Khi tánh tật đố nổi lên thì phải nhớ lại pháp quyền vô tư mà tự kiểm.

– Tình thương mở rộng thì trên thuận dưới hòa, khắc kỷ phục lễ cho nên người gương mẫu.

Bao nhiêu đó nếu làm được thì nội bộ yên vui, ngoại cảnh dầu chi phối cũng đủ sự sáng suốt để an bài. Đó là thấy được chơn lý, thấy được pháp môn. Tánh đạo có phát sanh nhờ tâm thiện tịnh định. Tuy thân phải cộng nghiệp mà lòng giữ cho thơ thới thung dung. Vật chất dầu hao mòn mất mát mà tinh thần sáng suốt vững vàng, an phận thủ thường mà công phu tu luyện.”⁹

Những lời dạy của Ngài rất chi li chẳng khác nào cầm tay chỉ việc đã cho thấy tình thương của Ngài dành cho đàn em nơi miền hữu giới thật vô biên, đồng thời chúng ta cảm nhận được phước báu mà mình đã được hưởng giữa lúc nhân loại đang triển miên đắm chìm trong phong ba bão tố của nguy cơ tận diệt.

Không chỉ chỉ ra phương cách thực hành để con người luyện trau tâm tánh để Thánh hóa bản thân mà Ngài còn nhắc nhở luật Thiên điều chí công không tư vị bất cứ một ai để người tu cảnh tỉnh không bị lâm vấp trên đường tu học:

“Thiếu tâm chí thành kiên trì thì nấc thang đại thừa khó bước lên, thiếu hạnh chơn tu thì dễ lạc vào bàng môn tả đạo. Tâm hạnh viên dung mới khỏi uống công tu học. Đừng tưởng chốn huyền môn ra vào tự ý, trong khi Thiên luật vô tư, quỷ ma rình rập xô đẩy vào nẻo đọa vì phạm khinh đạo luật pháp Trời.”¹⁰

Đây là lời cảnh báo vô cùng quan trọng cho những ai đã bước vào Thiên Đạo Đại Thừa: nếu không có tâm chí thành thì việc tu học đạo pháp

không thể tiến bước vào chỗ tinh tấn; Công phu luyện Đạo mà không sửa mình luyện kỹ, cứ để lòng tham dục sân si dẫn dắt thì sẽ sa vào chỗ bàng môn tả vạy. Đã được học chánh pháp thì phải nhứt tâm hành trì thủy chung không dời đổi, còn nếu đứng núi này trông núi nọ, thử nghiệm pháp môn thì sẽ bị quỷ ma rình rập dẫn đưa vào nẻo đọa lạc vì phạm tội tà đình là coi thường đạo luật pháp Trời. Ngay cả trong việc hành lễ khi cúng kính cũng được Ngài lưu ý: “Khi lễ, đối với phần Thiêng Liêng phải hết mực thành kính tôn nghiêm để được trọn hưởng hồng ân, không phạm tội.”¹¹

Biết rõ con người sống trong thời mạt pháp, việc tu luyện khó mà chứng nghiệm đến chứng quả vô sanh, bởi vì theo Ngài: “Người hành giả muốn đạt đến chỗ vi diệu của Đạo Pháp, phải đại hùng đại lực đoạn lìa mọi thế tục thì mới có kết quả”¹² mà việc đại hùng đại lực đoạn lìa mọi thế tục giữa thời buổi này còn khó hơn mò trăng đáy nước. Chính vì vậy mà Đức Như Ý thương tình chỉ cho phương cách khả dĩ có thể thay thế là “đạo tâm”: “Chư hiền đệ muội sanh vào thời mạt pháp mà công phu tu luyện chưa đạt đến chỗ tuyệt diệu vô phương, chỉ còn đạo tâm.”¹³ (...)

Ngài dạy:

“Tâm phải bình thường như mặt nước hồ thu không tí gợn. Tâm phải vững như cột trụ kinh thiên. Tám gió không lay, mười hung chẳng phạm. Tâm có minh thì thần mới linh. Luyện tâm tức là luyện thần. Luyện được thần thì tâm không còn là tâm nữa mà là thần. Thần là chủ thể vạn sự vạn vật. Thần ứng hóa cả việc thế cơ Trời. (...) Thần linh diệu thì ngồi một chỗ mà suốt thông mọi hướng, lạng lẽ không lời mà cơ cấu vẫn điều hành.”

Ngài xác nhận “luyện tâm” đối với con người là việc làm khó khăn nhưng là việc của con người, và con người hoàn toàn có khả năng

9. Vĩnh Nguyên Tự, 10-01 Đinh Tỵ (27-02-1977).

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-11 Kỷ Mùi (28-12-1979).

11. Vĩnh Nguyên Tự, 10-3 Quý Sửu (12-4-1973).

12. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 09-6 Mậu Thìn (22-7-1988).

13. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-8 Quý Hợi (05-10-1983).

thực hiện. Nếu muốn, con người sẽ làm được, mà luyện tâm tức là luyện thần. Thần linh diệu có khả năng làm thay đổi cuộc diện thế gian và xoay chuyển cơ Trời, có nghĩa là chính thần lực của con người luyện được sẽ cảm hóa được tâm hồn người đời ra khỏi bóng đêm tăm tối vì vật chất lợi danh.

“Sự việc đó không phải nói mà không làm được, vì đó là việc của con người. Con người muốn làm sẽ làm được. Chỉ có thần lực của con người mới khơi dòng đạo mạch đang bị lấp vùi tắc nghẽn trong tâm hồn nhân thế.”

Đức Như Ý cũng không quên đề cập đến một chứng bệnh trầm kha phổ biến làm cản trở sự tiến bộ của người tu học rất nhiều là bệnh tự tức tự mãn. Ngài dạy:

“Về sự tu học, phân đông hay bị vướng phải cái chứng bệnh tự tức tự mãn, vì thế ngăn trở bước tiến không ít trên đường tu tập. Mỗi hành giả, hằng ngày, hằng giờ, hằng phút, hằng giây phải luôn luôn xem mình còn thiếu, còn kém cõi về phương diện học Đạo tu thân để cố gắng tiến lên mãi mãi không ngừng.”

Ngài nhấn mạnh để cảnh báo con người:

“Rất đổi đến bậc Đại Giác Kim Tiên còn phải tự tu tự tiến, đừng nói chi chư hiền đang bị chi phối nơi cõi hạ giới trước trần này.”¹⁴

Để diệt trừ căn bệnh tự mãn tạo điều kiện cho sự tự tu tự tiến, Ngài dạy rất đơn giản bài học Công trình, nhưng hiệu quả vô cùng to lớn:

“Người tu hành phải giữ tâm từ hiền hòa nhẫn nại, khiêm cung, khoan dung tha thứ, từ bề trên đến kẻ dưới, phải xử sự sao cho kẻ mến người thương, siêng năng công phu công quả, bỏ lòng chấp nhứt, bỏ tất cả lời lẽ thị phi, sao cho trên thuận dưới hòa dầu muốn lập biển cũng không khó.”¹⁵

TẠM KẾT

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã được hoàng khai

14. Vĩnh Nguyên Tự, 16-01 Bính Thìn (15-02-1976).

15. Vĩnh Nguyên Tự, 29-4 Nhâm Tuất (22-5-1982).

trên đất nước Việt Nam gần 90 năm, có nghĩa là gần ấy năm, Đức Thượng Đế đã ban trao sứ mạng tận độ Kỳ Ba cho dân tộc Việt Nam nói chung, tín đồ Cao Đài nói riêng. Nhưng đến hôm nay, cuộc diện thế giới nhân loại ngày càng đi vào chỗ bế tắc, những cuộc tranh chấp, xung đột, tương tàn thảm sát trong cộng đồng loài người vẫn tiếp tục gia tăng; thiên tai bị tác động bởi luật Nhân quả từng ngày tàn phá đưa con người vào chỗ điêu linh, ngọn đuốc Cao Đài cũng vẫn còn là những đốm sáng rời rạc giữa đêm trường tăm tối của buổi Hạ ngưng.

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn đã từng lo ngại cảnh báo: *“Thời Hạ ngưng mạt kiếp, Lão e cho khó đặng chuyển luân về cõi đời Thánh đức, lại phải tán ra khỏi trần thì thật là thảm thảm!”¹⁶*

Nhiều người trong chúng ta tin tưởng rằng Đức Chí Tôn sẽ xoay đổi cơ đời sang Thánh đức cho dù nhân loại có phải chịu nhiều cộng nghiệp, nhưng Đức Như Ý đã đặt vấn đề trong một lần giảng cơ: *“Thế thì ai vận chuyển vẫn xây tạo dựng trong thời này”* Rồi chính Ngài cũng đã trả lời: *“THƯỢNG ĐẾ và con người hay thiên lý và nhân tâm. Nếu thiếu một trong hai thì cuộc đời sẽ đi đến cơ hủy diệt.”¹⁷*

Bởi vì Ngài giải thích: *“Thượng Đế là chủ quyền điều động tất cả, tạo hóa muôn loài vạn vật, từ nguyên nhân cho đến hóa nhân, thấp sanh¹⁸, hóa noãn¹⁹ đều phải có đạo lưu hành để trường dưỡng và tiến hóa. Nếu vì lý do nào đó, đạo pháp bị làm chậm trễ truyền bá, nhân loại nói chung, vạn vật nói riêng, đều bị ảnh hưởng tai hại vô cùng. Dầu Thượng Đế có đủ quyền năng nhưng các cấp bộ cơ quan tổ chức đầu não v.v. bị trì trệ hoặc tắc nghẽn thì Thượng Đế cũng đành rơi lệ cho số phận sanh linh.”²⁰*

16. Văn Phòng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 20-3 Canh Tuất (25-4-1970).

17. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 09-6 Mậu Thìn (22-7-1988)

18. Loài vật hay côn trùng sinh ra chỗ ẩm ướt.

19. Hóa noãn, tức noãn sinh = loài vật hay côn trùng sinh ra từ trứng.

20. Thiên Lý Đàn, 12-02 Kỷ Dậu (29-3-1969).

Như vậy, số phận nhân loại một nửa tùy thuộc vào chính nhân tâm con người. Đức Thượng Đế đã chọn dân tộc Việt Nam vào vai trò sứ mạng tiên phong mở đường truyền bá đạo lý, đạo pháp để khôi phục nhân tâm cứu nguy nhân loại. Ngài đã cùng chư Phật Tiên Thánh Thần lâm trần, ân cần dạy dỗ chăm lo dẫn dắt. Chỉ riêng Đức Như Ý với gia tài Thánh ngôn đồ sộ, Ngài đã dạy cận kề từ Thế Đạo đến Thiên Đạo, từ cung cách lễ nghi, đến lễ luật quy giới, phương cách sửa mình, công phu luyện Đạo, kèm theo những lời giáo huấn như khuyên dạn dò tha thiết, chỉ vì Ngài sợ đàn em không tròn sứ mạng phải chịu tội trước Đấng Cha Trời.

Cách đây gần nửa thế kỷ, Ngài đã nhắc nhở:

*“Ngày nay, trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đã có nhiều phương tiện cho người tín hữu tu hành để đắc quả, nhiều lối quanh đường tắt, nhiều kinh điển Thánh giáo Thánh ngôn, ít ai chịu khó tìm hiểu lý nghĩa sâu sắc và những khía cạnh thích hợp với thành kiến sẵn có, thỏa mãn những dục vọng tầm thường, rồi tự cho là đủ. Bởi vậy cho nên, đã hơn bốn mươi năm trời giáo đạo, mà chưa được mấy người tìm hiểu và làm đúng sự mầu nhiệm của lý Đạo. Do đó mới có cảnh trống đánh xuôi kèn thổi ngược trong huynh đệ đồng đạo. Chỉ đến ngày nay, trước cảnh tang thương bi đát của đời, Thượng Đế không thể kéo dài thời gian, để dài nuông chiều với những đứa con còn lười biếng, chậm chạp, tự ái, ích kỷ, nên đã truyền lệnh các bậc Chơn Tiên đem pháp môn thiết thực đến để dạy những ai chịu khó gia công học hỏi và hành để tu nhứt kiếp ngộ nhứt thời. Còn ai chẳng được làm theo thì cũng tùy theo duyên phúc mà thọ hưởng ít nhiều, hoặc bị rơi ra ngoài vòng tiến hóa của vũ trụ trong buổi Hạ nguơn mặt kiếp điều tàn, để lập lại đời Thượng nguơn Thánh đức.”*²¹

Sứ mạng Kỳ Ba được chọn trao cho cả dân tộc Việt Nam, nhưng để thực hiện thì từng cá nhân

mỗi người tín đồ Cao Đài phải đặt mình vào vai trò của một thí sinh trên đang vào trường ứng thí. Mỗi người chúng ta đã quyết tâm giải thoát, đã quyết tâm đi theo con đường của Đức Cao Đài thì hãy sáng suốt công tâm nhìn lại chính mình để tận dụng cơ hội ngàn năm một thuở “*tu nhứt kiếp, ngộ nhứt thời*” này để không phải “*bị rơi ra ngoài vòng tiến hóa của vũ trụ trong buổi Hạ nguơn mặt kiếp điều tàn*”.

Tất cả những ai đã nghe được tiếng nói của Đức Cao Đài, có nghĩa là đã bước qua ngưỡng cửa của Cao Đài với lòng quyết tâm tu hành giải thoát, theo bước Đại Thừa có quyền tin rằng mình đã có được “điều kiện cần” để tu nhứt kiếp ngộ nhứt thời, chỉ còn chờ “điều kiện đủ” là sự gia công tu học và hành của bản thân để đoạn trừ nhân dục cho tâm thanh tịnh được phát khởi, thì không lo gì sứ mạng chẳng thành công, bởi vì con đường tu hành của chúng ta không đơn độc, như lời xác nhận của Chơn Nhơn:

*“ĐẮNG CHÍ TÔN luôn luôn ngự trong tâm thanh tịnh của chư đệ muội. Phật thánh tiên luôn luôn hộ trì, chỉ cần chư đệ muội công phu tu tập cho thật dũng mãnh sáng suốt, dầu đạo pháp ở cấp bậc nào cũng có thể tu chứng được”*²²

Cuối cùng, chúng ta hãy nghe lời thiết tha nhắn nhủ của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn:

*“Nếu còn tưởng đến Lão thì hãy làm và làm cho thật nhiều những gì Lão đã truyền dạy khi còn sanh tiền và những điều đã dạy xuyên qua các đàn cơ từ ngày Lão thoát xác đến giờ. Nếu đặt vấn đề sùng phụng cúng bái Lão mà không làm được việc Đạo có ích lợi cho gia đình và cho nhơn sanh thì Lão khuyên nên tạm gác phần cúng bái mà thiếu ý nghĩa đó.”*²³

Cổ nhân có câu: “Cung kính không bằng vâng lời.” Tất cả chúng ta đồng nguyện hứa sẽ vâng lời, cố gắng làm và làm thật nhiều những gì Ngài đã dạy. ■

21. Ngọc Minh Đài, 01-12 Bính Ngọ (11-01-1967).

22. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 09-6 Mậu Thìn (22-7-1988).

23. Ngọc Minh Đài, 01-12 Bính Ngọ (11-01-1967).

XÂY DỰNG XÃ HỘI THÁNH ĐỨC

■ THUY TUYÊN

Cách đây 45 năm, vào ngày 17 tháng 11 năm Kỷ Dậu (25-12-1969), tại Thánh thất Bàu Sen, Đức Chúa Giê-su Ki-tô giảng dạy hàng môn đệ Cao Đài hãy luôn tỉnh thức trước buổi chiều tà đang dần buông xuống và hãy chung tay xây dựng xã hội thánh đức trên căn bản tình thương.

1. HÃY TỈNH THỨC TRƯỚC BUỔI CHIỀU TÀ ĐANG DẦN BUÔNG XUỐNG

Jésus Thánh Chúa, Ta chào mừng chư hướng đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

THI

JÉSUS THÁNH CHÚA đã từ lâu,
Rửa tội nhưn sanh đổ máu đào;
Dựng thế bằng lời thương tất cả,
Ngàn xưa cho đến những ngàn sau.

Câu 1&2: “Jésus Thánh Chúa đã từ lâu / Rửa tội nhưn sanh đổ máu đào” có nghĩa là Đức Chúa Giê-su đã giảng trần cách nay đã lâu, hơn 2.000 năm trước, và đã chịu đóng đinh trên thập tự giá, đổ máu đào để chuộc tội hay rửa tội cho nhưn loại. Câu 3&4: “Dựng thế bằng lời thương tất cả / Ngàn xưa cho đến những ngàn sau” có nghĩa là Ngài đến thế gian để kêu gọi con người hãy thương yêu nhau cho mọi người được hạnh phúc, cuộc đời này được bình an. Tình thương là bài học của muôn đời, từ xưa đến nay vẫn không hề thay đổi. Đại ý của bài thi tú tuyệt xưng danh, Đức Giê-su Kitô giảng lâm nơi trần thế cách đây rất lâu để chịu tội thay cho loài người và khuyên dạy con người hãy cư xử với nhau bằng tình yêu thương thực sự để biến trần gian nầy thành nơi an bình, hạnh phúc. Bài học tình thương luôn có giá trị miên viễn cho đến hôm nay và muôn đời mai sau.

Đức Chúa dạy tiếp:

“Ta vâng lệnh Cha Ta đến trần gian trong mùa đông giá lạnh, giữa sự ấm áp của vầng thái

duy dương lồng vào. Miễn phép toàn thể an tọa, Ta để lời nhắn gửi:

Hỡi những sứ đồ của Tam Kỳ Phổ Độ!

Hỡi những chiến ngoan của cuộc điện sau cùng!

Hỡi những Thiên mạng tiên tri cứu rỗi!

Tất cả từ bé nhứt cho đến vĩ đại nhứt hãy đồng nghe Ta:

Từ giờ này cho đến ngàn giờ sau nữa, tiếng kêu nơi đồng vắng vẫn mãi vang lên. Ai có tai hãy lắng nghe. Ai có tim hãy rung động. Ai có khối óc hãy suy tư. Ai có đôi tay dịu dàng hãy cứng mạnh vươn lên để xây dựng.

Hỡi những ánh mắt chói lòa trước ánh sáng thể nhân! Còn gì nữa! Hãy nhắm mắt lại để khỏi mù đi bằng ánh lửa của tham vọng đấu tranh! Hãy quay lưng lại vì trước mặt chứng nhân là lâu đài của đao phủ thủ, là hồ huyết của nghĩa trang.

Chần chờ gì nữa. Chư hiền hãy tạo cho mình một tư thế vững chắc để tinh thần và thể chất an định uy hùng. Hãy hét to lên tiếng vọng tâm linh! Hãy thấp ngọn đuốc dẫn đường bao kẻ lang thang bơ vơ khao khát.

Ta gọi lời này cho tất cả nhân sinh trên cuộc đời đang có, từ dân tộc nghèo đói dốt nát mù mịt nhứt tới bầu trời đầy ánh sáng văn minh tiến bộ. Hãy rao lên tiếng nói của mục đồng giữa độ chiều tà đang chực chờ rũ bóng.

Chư hiền hãy thế Ta thi hành ước vọng này. Bất cứ ước vọng nào cũng đều vô ích nếu nó không đạt được mục tiêu cứu rỗi cho nhưn loại.

Nhìn hiện trạng của cuộc đời. Một hình ảnh đáng buồn đang xảy ra càng ngày càng rối rắm khiến xã hội con người càng đông đúc sự phức tạp, sự mâu thuẫn về cuộc sống tinh thần lẫn cuộc sống thể chất. Con người chính danh với sứ mạng con người chắc không khỏi lo âu thật nhiều.

Ta muốn ở chư hiền ý thức thật sự như vậy. Có ý thức thật sự như vậy thì sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ

mà chú hiện là tiêu biểu mới đạt được sự nghiệp to tát, nhứt là việc góp tay xây dựng nền tảng và cơ cấu xã hội, một xã hội tốt hơn xã hội hiện tại.

Con người vô tình hoặc cố tâm đánh giá giá trị tinh thần bằng khả năng vật chất. Sự phá giá tinh thần đang tràn ngập ở mọi chiều hướng, mọi tư duy. Người tôn giáo thật sự không khỏi chau mày cho cuộc đời tối tăm sắp đến.”

Đức Giê-su Ki-tô gửi gắm những lời dặn dò, khuyến nhủ đến đối tượng được mệnh danh là: “những sứ đồ của Tam Kỳ Phổ Độ”, “những chiến ngoan của cuộc diện sau cùng”, “những Thiên mạng tiên tri cứu rỗi”, phải tỉnh thức trước hiện trạng của thế gian; đó là những cảnh báo của cơ tận diệt cuối thời Hạ nguơn Mặt kiếp bước sang cơ tái tạo xây dựng xã hội Thượng nguơn Thánh đức. Ngài đã cho biết trước cuộc diện đau lòng do khối dục vọng của con người gây tạo ra từ bao đời nay tạo thành cộng nghiệp khổng lồ đến lúc nổ tung ra với cường độ ngày càng mạnh mẽ như lời Chúa dạy “Người tôn giáo thật sự không khỏi chau mày cho cuộc đời tối tăm sắp đến.”

Chúng ta nhận thấy rằng trên thế giới ngày nay đang có những diễn biến rất phức tạp: nào là dịch bệnh Ebola; nào là nguy cơ chiến tranh nguyên tử; nào là sự tàn ác đội lốt tôn giáo của tổ chức IS tự xưng Nhà Nước Hồi giáo tại Syria và Iraq; nào là thiên tai gây hạn hán, bão lụt, sóng thần; nào là ám ảnh của suy thoái kinh tế; nào là thiếu hụt lương thực, nước uống trên thế giới, v.v. Đó chính là do sự mất quân bình giữa nhân sinh và tâm linh, giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Chính sự mất quân bình này đã tạo nên nghiệp lực của tập thể nhân loại, còn gọi cộng nghiệp. Cho nên, Đức Chúa Giê-su đã thốt lên: “Nhìn hiện trạng của cuộc đời. Một hình ảnh đáng buồn đang xảy ra càng ngày càng rầm rĩ khiến xã hội con người càng đông đúc sự phức tạp, sự mâu thuẫn về cuộc sống tinh thần lẫn cuộc sống thể chất. Con người chính danh với sứ mạng con người chắc không khỏi lo âu thật nhiều.” Chúng ta lưu ý cụm từ “sự mâu thuẫn về cuộc sống tinh thần lẫn cuộc sống thể chất.”

Hào Sơ lục quẻ Khôn có câu: “Lý sương kiên

băng chí” nghĩa là đạp lên sương thì biết băng dày sắp đến. Quả thật vậy, các loài thú vật khi nhận thấy hiện tượng thiên nhiên báo hiệu sắp có bão tố hay động đất, liền tìm cách chạy đi tìm nơi trú ẩn an toàn, hà hướng chi là loài người thuộc hàng thượng đẳng chúng sinh. Khi nghe lời Ôn Trên khuyến dạy đối chiếu với những gì đang diễn ra trên cuộc đời này, chúng ta hiểu rằng “chiều tà đang chực chờ rũ bóng”. Điều này có nghĩa là nếu chúng ta không tìm phương cách hóa giải để tự cứu bản thân và cộng đồng nhân loại thì chúng ta cũng sẽ là nạn nhân thay vì là những cứu tinh cho trường sát kiếp.

Đức Chúa Giê-su Ki-tô dạy rằng:

“Từ giờ này cho đến ngàn giờ sau nữa, tiếng kêu nơi đồng vắng vẫn mãi vang lên. Ai có tai hãy lắng nghe. Ai có tim hãy rung động. Ai có khối óc hãy suy tư. Ai có đôi tay dịu dàng hãy cứng mạnh vươn lên để xây dựng.

Hỡi những ánh mắt chói lòa trước ánh sáng thế nhân! Còn gì nữa! Hãy nhắm mắt lại để khỏi mù đi bằng ánh lửa của tham vọng đấu tranh! Hãy quay lưng lại vì trước mặt chúng nhân là lâu đài của đao phủ thủ, là hổ huyết của nghĩa trang!”

Như vậy, tiếng kêu nơi đồng vắng là tiếng kêu gì? Ai có tai lắng nghe điều gì? Ai có tim rung động điều chi? Ai có khối óc suy tư điều gì? Vì sao lại là tiếng kêu nơi đồng vắng? Ôn Trên đã nhiều lần thức tỉnh chúng sanh, nhiều lần hé lộ Thiên cơ, nhưng con người bị vô minh che lấp nên chưa nhận ra, chưa giác ngộ, chưa đáp lại tiếng kêu gọi thiết tha đó. Ngài khuyến chúng ta hãy lắng nghe, hãy rung động, hãy suy tư mạc khải của các Đấng Thiêng Liêng để không bị ánh sáng hào nhoáng vật chất quyến rũ, không bị lửa dục vọng đấu tranh tàn phá. Ngài khuyến chúng ta hãy quay vào bên trong nội tâm tìm cầu Thượng Đế, còn bên ngoài hay trước mặt là “lâu đài của đao phủ thủ, là hổ huyết của nghĩa trang”. Chúng ta nghe lời dạy này của Đức Chúa Giê-su có cảm thấy lo lắng không? Người đời thường nói vui là chưa thấy quan tài chưa đổ lệ.

Như vậy, sứ mạng Tam kỳ Phổ độ là gì? Sứ mạng của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo là chi?

Đức Giê-su Ki-tô đặt câu hỏi và trả lời ngay tức thì là chúng ta hãy “góp tay xây dựng nền tảng và cơ cấu xã hội, một xã hội tốt hơn xã hội hiện tại” bằng phương thuốc tình thương sẽ được đề cập trong ý đạo thứ hai. Đây cũng chính là mục đích Thế đạo đại đồng của đạo Cao Đài song hành với mục tiêu Thiên đạo giải thoát vậy.

2. XÂY DỰNG XÃ HỘI THÁNH ĐỨC TRÊN CĂN BẢN TÌNH THƯƠNG

Đức Chúa dạy tiếp:

“Cái an lạc và thanh bình không tự do nơi nào đem đến, chỉ có bản thân cùng tâm linh mỗi cá nhân gây dựng khi khai triển đúng mức. Trong khi tâm thần con người đang hồi băng hoại thì biến cố vật chất càng mạnh mẽ thêm. Sự chia rẽ là một căn bệnh nan y khó mà tìm được thân y hàn gắn lại, chỉ có phương pháp của Cha Ta ban cho: thương yêu siêu việt mới đủ điều kiện giải thoát con người ra khỏi chứng bệnh hiểm nghèo đó. Chia rẽ phân cách là kết quả của lòng ngã chấp mà tự bao giờ cho đến bây giờ nền giáo dục đời cũng như tôn giáo đã lợi dụng triệt để để nhồi nắn con người trở thành công cụ. Cái thiên lệch của giáo dục đóng khung, cái thôi miên lợi dụng theo thời gian tạo một sợi dây vô hình buộc con người trong bối cảnh tôn giáo. Hưởng thụ nền giáo dục ấy là hậu quả của sự kiện phân tranh.

Ngày nay khi con người thốt lên một tư tưởng, một ý định, cứ cho rằng đó là một tự do, tự quyết, nhưng thực tế cái màn nô lệ còn phủ trùm nền giáo dục được hấp thụ trên con người mà chủ thể không hay không biết. Không biết đâu phải là không có.

Ngày xưa, khi Ta truyền đạo, tiếng thương yêu nêu lên với tính cách khai phóng bao la. Trái lại, ngày nay các con chiền kế tục làm sáng danh sự thương yêu đã tự tạo một điều kiện khả hữu, đặt lên ngai vàng thương yêu với những màu sắc vàng son phù phiếm.

Đó là những gì ta muốn nói trong mùa Giáng Sinh năm nay.

Ta muốn bảo, thương yêu là cái gì thuần khiết, du lưu trong mọi thời không, trong mọi sự kiện, chớ không phải tôn ngai thương yêu lên

thần thánh cách biệt con người và vạn loại. Quả thật Ta không bảo chư hiền hằng ngày bái lạy sự thương yêu mà không thực hành thương yêu.

Khi Ta giáng sinh, chỉ một tiếng kêu nơi đồng vắng, ngày nay có biết bao tiếng kêu nơi đồng vắng hiện vang. Ai điếc cũng cố gắng nghe. Ai mù cũng cố nhìn thấy. Búa rìu của kẻ sử dụng sẽ trả về cho người sử dụng. Chiến tranh sẽ chấm dứt để quay về với nguồn cội chiến tranh.

Dòng nước đang dâng lên, hàng vạn con nước hãy dâng theo sau. Những gì là sâu bọ rác bần gồm ghiếc chờ đợi tới phiên. Sự tinh sạch sắp đến.

Hỡi dân tộc được chọn! Ta không cần nói nhiều. Sứ đồ kỳ cuối cùng sẽ gặp nhiều khó khăn hơn, vất vả hơn, nhưng cũng vinh quang hơn trong ánh sáng của đấng Cha lành.”

Trong đoạn Thánh giáo này, Đức Chúa dạy rằng do con người bị mất quân bình giữa vật chất và tinh thần nên đã gây ra một chứng bệnh trầm kha, nan giải. Đó chính là sự chia rẽ giữa con người với nhau trong xã hội nhân sinh như: gia đình, họ hàng, láng giềng, cộng đồng, quốc gia và xã hội tôn giáo như xã đạo, thánh thất, hội thánh, các tôn giáo. Suy cho cùng, nguyên nhân sâu xa của chia rẽ xuất phát từ sự mất quân bình giữa tâm và vật trong chính bản thân mỗi người, từ đó mới lan rộng ra bên ngoài. Sự mất quân bình giữa tâm linh và nhân sinh, mà cụ thể là vật chất lấn át tinh thần. Con người ngày càng xem trọng vật chất, xem nó là mục tiêu, là lẽ sống, là niềm hạnh phúc của cuộc đời. Con người do lòng tham hay dục vọng chỉ biết bồi đắp vật chất cho bản thân mình, cho gia đình mình, cho những người mình yêu thương. Cũng do lòng ích kỷ đó mới xảy ra đấu tranh, xung đột giữa con người với nhau vì bốn chữ: sống-ăn-mặc-ở hay danh-lợi-tình-tiền. Đây cũng chính là bốn bức tường giam hãm con người trong vòng đọa lạc khổ ải, luân hồi sanh tử từ muôn ức kiếp đến nay. Vật chất không thể tạo ra được hạnh phúc trên cuộc đời này. Có biết bao nhiêu triệu phú, tỷ phú sống xa hoa phung phí nhưng tâm trạng lúc nào bận rộn, căng thẳng, lo âu, sợ hãi, không được một

giờ phút nào bình an, thanh thoi. Thử hỏi những người giàu có đó có thật sự hạnh phúc hay không?

Giáo lý đạo Cao Đài dạy con người phải giữ gìn Ngũ giới cấm. Khi chúng ta tuân thủ Ngũ giới cấm (không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không rượu thịt, không nói dối) tất yếu sẽ không tạo ác nghiệp và đồng thời phát huy thiện nghiệp là Ngũ đức tương ứng là nhân, nghĩa, lễ, trí và tín. Ngũ đức là giếng mối của công dân gương mẫu trong xã hội, là chuẩn mực của tín đồ thuần thành trong cửa đạo. Ngũ đức cũng là nền tảng để xây dựng xã hội Thượng nguơn Thánh đức, cõi thiên đàng tại thế gian, hay có thể gọi là “*một xã hội tốt hơn xã hội hiện tại*” như lời dạy của Đức Giê-su Ki-tô.

Muốn hóa giải lòng tham và sự ích kỷ, con người cần thực hiện đức Nhân và đức Nghĩa trong ngũ đức. Đức Nhân là không vị kỷ, mà phải thương yêu kẻ khác, thương chúng sanh. Đức Nghĩa là không tham, mà phải giúp đỡ người khác, giúp chúng sanh. Đó chính là bác ái vị tha. Sự thương yêu không chỉ bằng lời nói mà cần được thể hiện bằng những việc làm thiết thực và cụ thể, được gọi là thực hành thương yêu. Đức Chúa dạy: “*Thương yêu là cái gì thuần khiết, du lưu trong mọi thời không, trong mọi sự kiện, chớ không phải tôn ngời thương yêu lên thần thánh cách biệt con người và vạn loại. Quả thật, Ta không bảo chú hiển hằng ngày bái lạy sự thương yêu mà không thực hành thương yêu.*”

Thực hành thương yêu cũng được gọi là bố thí hay công quả. Con người tạo ác nghiệp từ thân, khẩu, ý và con người cũng tạo thiện nghiệp hay công quả bố thí cũng từ thân, khẩu, ý. Chúng ta thử nghiệm xem việc thực hành yêu thương khởi mầm từ nơi đâu trước nhất? Xin thưa từ một niệm lành đầu tiên, rồi mới dẫn đến nghiệp lành từ khẩu và thân. Chúng ta có thể nêu một thí dụ nhỏ để minh họa. Khi nhìn thấy bệnh nhân phòng Khám bệnh Phước thiện Cơ Quan đến khám bệnh định kỳ với thân hình ốm yếu, chúng ta rất đau xót và ái ngại, liền khởi niệm là phải chi ngoài thuốc men phát miễn phí, chúng ta biểu thêm cho quý vị thực phẩm dinh dưỡng. Xuất phát từ thiện

niệm này, chúng ta vận động quyên góp đồng đạo mua thực phẩm dinh dưỡng gửi tặng cho bệnh nhân nghèo. Như vậy thì bất kỳ công quả bố thí nào cũng đều có liên hệ đến thân, khẩu và ý; mà ý niệm giữ vai trò căn bản, quyết định.

Khi ý thanh tịnh mà khởi niệm tất nhiên sẽ phát sinh công quả vô lậu hay công đức. Ngược lại, khi ý vọng động mà khởi niệm tạo ra công quả hữu lậu hay phước đức. Mặc dù đối tượng đều là tha nhân, đều là vong kỷ, nhưng ý tịnh thì công đức sinh ra, ý động thì phước đức tạo thành. Trong thời Đại ân xá, dù công đức hay phước đức đều được nhân hệ số ba. Vấn đề là làm sao chúng ta khởi được niệm thanh tịnh? Tâm thanh tịnh sẽ khởi niệm thanh tịnh. Vậy thì làm sao tâm được thanh tịnh? Tâm định tất sẽ thanh tịnh. Muốn tâm định chúng ta phải cột tâm không cho giông ruổi, trèo leo, vọng động. Chúng ta có thể thực tập phương pháp cột tâm rất hay, rất hiệu quả là thực hành chánh niệm, là tiếp đón Thượng Đế vào trong tâm, sao cho Thượng Đế luôn ngự trị trong tâm của mình. Lúc bấy giờ tâm phàm sẽ chuyển hóa thành tâm thánh. Thực hành chánh niệm cũng gọi là công phu, là tập trung tư tưởng, là giờ nào việc đó. Người tu cần thường hành chánh niệm 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần, 30 ngày một tháng, 12 tháng một năm. Ôn Trên dạy rằng chỉ cần thực tập chánh niệm cho tâm thanh tịnh hay hư tâm trong 1 phút, chúng ta sẽ nhận được sự mẫu nhiệm của đạo pháp trong 1 phút đó. Chính trong 1 phút đó chúng ta đã chuyển đổi từ thân phàm phu trở thành pháp thân. Trong giây phút thanh tịnh mẫu nhiệm đó, con người được Ôn Trên gọi là “Tiên tại thế” hay “Thánh nhân tại tiền”. Vấn đề là làm sao chúng ta thực tập nhân thời gian làm Tiên tại thế từ một phút ngắn ngủi tăng lên 5 phút, 10 phút, 30 phút, 1 giờ, 1 ngày hay lâu hơn nữa. Công án này thật sự rất thú vị cho những ai đang là tịnh sĩ hay thiện sinh!

Thực hành chánh niệm tức là mượn chánh niệm để cột cái “tâm viên ý mã”, cái phàm tâm vọng động. Thực tập được điều này có kết quả, chắc chắn chúng ta sẽ phát khởi được bồ đề tâm; tình thương thâm sâu, bao la tự trong tâm sẽ ứng

hiện mọi lúc mọi nơi, công đức không thể nghĩ bàn. Tình yêu “vô lậu” sẽ phát sinh công đức vô lậu, chắc chắn là như vậy. Tình yêu “vô lậu” là gì? Đó chính là tình yêu phát xuất từ tâm thanh tịnh.

Khi chúng ta thực hành tình yêu thương với tâm thanh tịnh, thế giới này sẽ hòa bình, chiến tranh sẽ chấm dứt, thiên tai sẽ tiêu tan, bệnh tật sẽ qua khỏi; mọi người đều được an vui, bình an, hạnh phúc. Hạ ngươn Mặt kiếp chuyển thành Thượng ngươn Thánh đức. Thực hành thương yêu với tâm thanh tịnh trong chánh niệm chính là “thương yêu siêu việt” như lời Đức Giê-su Ki-tô đã dạy.

Đức Chúa dạy tiếp:

THI

*Vinh quang thay chiến lành cỏ dại,
Hạnh phúc thay con cái Chúa Cha;
Muôn vì sao chói sáng lòe,
Kinh thành đồng nội sơn hà nhô lên.
Miền Tây Thái một tên một tuổi,
Đất Á Nam cũng ruổi cũng giông;
Máu tim tuy đỏ mà trong,
Rửa tiêu tội lỗi của lòng dục tham.
Đời vì Ta chuộng ham hạnh Thánh,
Ta vì đời xa lánh ma vương;
Nhơn danh cứu Chúa tình thương,
Nhuộm loang nơi chốn pháp trường bội vong.
Nụ cười ấy cũng không xoa được,
Giọt máu này tắm ướt trần gian;
Kêu người thức tỉnh mau toan,
Biết đâu địa ngục thiên đàng mà theo.
Cùng thú giống đem gieo nhiều chỗ,
Khác côi bờ tiên tổ mỗi nơi;
Có chi phải chịu rã rời,
Có chi dị biệt, mỗi thời mỗi danh.
Ai hằng nói công bằng bác ái,
Ai rao truyền quảng đại ưu sanh;
Phải chăng sứ mạng trung thành,
Biết tin biết sợ phép lành của Ta.
Ai tiền kiếp Giu-Đa khoác áo,
Ai Pie-rơ chối đạo quên mình;
Mong gì thị hiện Thánh linh,
Mong gì ân phúc hiển vinh đời đời.
Chi hơn tin kính Cha Trời,*

Hạ ngươn vận thế ấy thời phục nguyên.

Trong bài trường thiên theo thể thơ song thất lục bát này, Đức Chúa Giê-su đã tóm tắt sứ mạng giảng trần của Ngài hơn 2.000 năm trước đây tại miền Thái Tây. Con người nơi thế gian rất hữu duyên là “chiên lành”, là “con cái Chúa Cha” nhận được sự cứu rỗi tội lỗi do bởi lòng tham dục. Cho dù Đức Chúa Giê-su giảng trần nơi Thái Tây hay Đức Thượng Đế thị hiện tại vùng Nam Á, cũng đều từ một nguồn gốc là Đạo hay Đại Đạo. Đó chính là: “Miền Tây Thái một tên một tuổi / Đất Á Nam cũng ruổi cũng giông” hay: “Cùng thú giống đem gieo nhiều chỗ / Khác côi bờ tiên tổ mỗi nơi”. Các bậc Giáo chủ đến thế gian hoằng dương chánh pháp cứu độ nhân sanh đều là những Thiên sứ. Hình thức, giáo điều, lễ nghi của các tôn giáo có khác biệt do trình độ căn trí, phong tục tập quán và thời kỳ mở đạo khác nhau, nhưng cốt lõi hay căn bản của giáo lý các tôn giáo đều nhất quán với nhau. Vì thế, Đức Chúa Giê-su mới nói: “*Có chi dị biệt, mỗi thời mỗi danh.*” Điểm nhất quán đó là các bậc giáo chủ đều dạy con người làm lành lánh dữ, thương yêu đùm bọc, giác ngộ tu hành, đem đạo vào đời, giáo hóa tha nhân để xây dựng trước nhất là con người đạo đức, gia đình hòa ái, xã hội an lạc, quốc gia thái bình, thiên đàng thế gian và sau cùng là giải thoát tâm linh. Lời dạy của các Đấng không ngoài mục đích: “*Kêu người thức tỉnh mau toan / Biết đâu địa ngục thiên đàng mà theo.*” Đức Chúa Giê-su kết thúc thi bài bằng cách mượn gương môn đệ của Ngài là Giu-Đa “bán Chúa” và “Pie-rơ chối đạo” để khuyên nhủ chúng ta phải trung thành sứ mạng và tin kính Thượng Đế. Ngài dạy: “*Phải chăng sứ mạng trung thành / Biết tin biết sợ phép lành của Ta / Ai tiền kiếp Giu-Đa khoác áo / Ai Pie-rơ chối đạo quên mình / Mong gì thị hiện Thánh linh / Mong gì ân phúc hiển vinh đời đời / Chi hơn tin kính Cha Trời / Hạ ngươn vận thế ấy thời phục nguyên.*”

Trong đoạn cuối bài Thánh giáo, Đức Chúa dạy:

“Toàn thể thế giới đồng đón rước Ta trong ngày Giáng Sinh. Ta rất lấy làm cảm kích tấm lòng ngưỡng mộ ấy.

Song Ta khuyên tất cả nhơn loài nên vì Ta, vì sự tưởng nhớ đến Ta mà nên nghe lời Cha Ta. Đức Jéhovah hay Cao Đài Thượng Đế đã truyền dạy từ muôn thuở đến bây giờ. Bởi cố Ngài là chủ tế lễ thật.

Ta thừa lệnh Ngài tuyên bố lễ thật cho loài người tiếp lấy trên sự sống của cuộc đời, đó là Ta gần gũi chu hiền nhơn loại mãi mãi, lựa là phải đón rước mỗi năm một lần.

Hỡi tất cả! Thời giờ mãn hạn. Chư hướng đạo cùng toàn thể tiếp diễn Tiên Bối đến, Ta ban ơn lành khắp mọi nơi, mọi người hiện diện. Thăng.”

Đức Chúa Giê-su khuyên chúng ta đón rước và tưởng nhớ đến Chúa hãy nghe lời Cha của Ngài là Đức Cao Đài Thượng Đế. Chúa Giê-su giảng sinh để tuyên bố lễ thật, mà Thượng Đế chính là “chủ tế lễ thật”. Lễ thật nầy chính là con người phải thương yêu nhau để có sự sống đời đời nơi Thiên quốc, mà trước tiên là sự sống bình an nơi thế gian. Khi con người biết thương yêu nhau thì con người mới được gần gũi với Chúa, mới gần gũi với Thiên Chúa là Cao Đài Thượng Đế; bởi lẽ, Đức Chúa Giê-su và Đức Thượng Đế chính là tình thương, là “đại dương tình thương”. Con người nơi thế gian muốn hội ngộ, muốn hiệp nhất cùng Thượng Đế thì mỗi người phải là “một giọt tình thương” trong đại dương tình thương của Chúa Giê-su và Chúa Cha Cao Đài Thượng Đế.

TẠM KẾT

Tóm lại, bài Thánh giáo của Đức Chúa Giê-

su Ki-tô với chủ đề “Xây dựng xã hội thánh đức” gồm có hai ý đạo.

Thứ nhất là chúng ta hãy tỉnh thức trước buổi chiều tà hay màn đêm đang dần buông xuống. Điều nầy có nghĩa là mọi người cần phải “tăng tốc” nhiều hơn nữa, cần tu cho kịp với thời gian, bởi vì quỹ thời gian của mỗi người không còn bao nhiêu, và cơ hội cuối cùng của thời Hạ ngươn mặt kiếp cũng dần khép lại để chuyển sang Thượng ngươn thánh đức.

Thứ hai là sứ mạng của nhân viên Cơ Quan nói riêng hay tín đồ Cao Đài nói chung là phải xây dựng xã hội thánh đức tại trần gian. Muốn có xã hội thánh đức thì phải xây dựng con người thánh đức với tiêu chuẩn ngũ đức là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Con người thánh đức phải có “tâm thánh đức” hay “thánh tâm” mới phát khởi được “tình thương thánh đức”. Tâm thánh đức chính là tâm thanh tịnh. Muốn có tâm thanh tịnh, chúng ta có thể thực hành chánh niệm để tiếp đón Thượng Đế vào tâm, sao cho Thượng Đế luôn ngự trị trong tâm của mình.

Xin thành tâm cầu nguyện Đức Chúa Giê-su Ki-tô ban bố thật nhiều hồng ân và sự bình an cho tất cả con cái của Đức Cao Đài trên bước đường phụng sự nhơn sanh dựng xây xã hội Thánh đức theo đúng Thánh ý của Đấng Cha Trời. ■

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT.

NAM MÔ GIA TÔ GIÁO CHỦ CỨU THẾ THIÊN TÔN.



Con người là điểm Tiểu Linh Quang, điểm Chơn Dương, hay Thiên Tánh được Đức Thượng Đế (khối Đại Linh Quang) chiết ra cho xuống thế gian thay Trời tiếp tục công cuộc lập đời nơi chốn hữu hình và cuối cùng là trở về hiệp nhứt cùng Ngài.

Từ cõi thượng thiên nhẹ nhàng, thanh khiết, muốn đến thế gian, Tiểu Linh Quang phải mang vào thân “tứ đại giả hiệp” cho phù hợp với điều kiện sống ở cõi vật chất hữu hình trọng trước này. Điểm Tiểu Linh Quang được bao bọc trong thân huyết nhục nghĩa là được cấu thành bởi hai yếu tố Âm Dương nên con người có thanh có trược, có Thánh có phàm, có tốt có xấu, có thiện có ác... mà thường thì xấu nhiều hơn tốt.

Trong quá trình tu học tự tạo Chơn Thân để trở về vị cũ, con người phải rèn luyện cho mình trở nên hoàn toàn tốt đẹp, trong sạch, thánh thiện từ nội tâm đến ngoại thể, đó là công trình hoàn thiện hóa bản thân với hai phần Luyện Kỹ và Tu Đơn mà Luyện Kỹ là phần quan trọng hơn hết.

Trước học luyện Kim đơn, lo luyện kỹ

(...)

Phép tu hành, “Luyện kỹ” đứng công đầu.¹

Chúng ta có thể hiểu luyện kỹ ở những mức độ khác nhau từ thấp đến cao, từ tín đồ đến bậc lãnh đạo, từ ngoại thể đến nội tâm, từ tác phong đến đạo hạnh, từ hành động đến ý tưởng.

I. LUYỆN KỸ THEO Ý NGHĨA THÔNG THƯỜNG

• KỸ: là ta, là mình (thường dễ vướng tam độc và dục vọng), cái ta ích kỷ, tự cao, tự tôn, tự đại, tự ái...

Tham, sân, si, dục ái hà

Thị phi, nhân ngã, đó là vô minh.²

1. Đức Bác Nhã Thiển Sư, Minh Lý Thánh Hội, 07-9 Quý Sửu (02-10-1973).

2. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-6 Đinh Tỵ.

• LUYỆN: là rèn, trui, mài, giũa.

Đại Thừa Chơn Giáo có dạy:

“Luyện là trau dồi cho sáng suốt hoàn toàn, giũa, mài, rèn, đúc cho trơn tru khéo léo.

(...) Luyện là rèn thì chẳng khác nào một cục sắt đó còn đương vô dụng. Luyện là phải nung cho nó chảy rồi đập, giũa, cạo, gọt, rèn, đúc mới thành cái khí giới.”³

Đức Bác Nhã Thiển Sư dạy:

Luyện là bớt chỗ dư, bồi chỗ hổng.

Chữa cái hư, hàn cái lủng cho thành.

LUYỆN CÁI GÌ?

Đức Bác Nhã Thiển Sư dạy:

Luyện tâm viên không chuyên níu ghét ưa

Luyện ý mã hết đong đưa bắt bớ

Luyện tình cảm không ham mê đây đó

Luyện mắt tai không nghe ngó dâm tà

Miệng lưỡi không thềm lạt, nói ba hoa

Mũi không thích la đà thơm quyến rũ

Thân thanh tịnh không dâm mê ăn ngủ.⁴

Và “Luyện kỹ” là tự giác rèn luyện, sửa đổi bản thân, bản tâm từ xấu ra tốt, từ phàm ra Thánh...

Đại Thừa Chơn Giáo dạy:

“Luyện kỹ là lập cái tâm cho dứt sự thương yêu, triú mến thế thiếp, tử tôn cùng ham muốn mọi sự ở thế gian.

Hễ tập dặng như thế thời cái nhờn tâm dứt rồi đạo tâm mới sanh.”⁵

TẠI SAO LÀM NGƯỜI PHẢI LUYỆN KỸ?

Vì con người vào cõi nhị nguyên, phải mang vào thân huyết nhục, hữu hình, hữu tướng nên

3. Đức Cao Đài Tiên Ông, đàn ngày 03-8 Bính Tý 1936, bài “Luận về Đại Đạo Tâm truyền”.

4. Minh Lý Thánh Hội, 07-9 Quý Sửu (02-10-1973).

5. Đức Cao Đài Giáo Chủ, đàn ngày 11-8 Bính Tý (1936), bài “Luyện kỹ tu thân”.

có ý thức về sự tồn tại bản thân so với những thực thể chung quanh.

Ngũ giác quan gồm: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân là năm cửa ngõ tiếp xúc, thâm nạp những hình ảnh, âm thanh, mùi, vị, sự va chạm bên ngoài cộng với sự suy nghĩ, tính toán (ý) trong tâm thành lục thức của con người. Do có lục thức mà sinh ra lục dục, từ lục dục mà có thất tình: mừng, giận, thương, ghét, buồn, vui, sợ, rồi sinh ra sự phân biệt, tranh chấp giữa ta và người.

Những gì của ta hoặc liên hệ đến ta như: bản thân, cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cháu, nhà cửa, sự nghiệp, danh vọng, lợi quyền... thì được ta yêu quý, chăm sóc, lo lắng, giữ gìn.

Những gì của người thì coi thường, không quan tâm giúp đỡ, thậm chí so đo, phá hoại, lừa dối... Khi lo cho cái ta thì lo quá đáng đến mê tối, lạc lẫm, rồi có khi trở nên ác đức... nếu bỏ nó ra thì luyến tiếc không đành, xót thương, tội nghiệp, giận hờn, đó là bị tam độc (tham, sân, si) là vô minh.

Sự vô minh được thể hiện nơi thân và tâm.

- THÂN thích sự giàu có, sung sướng, tham ăn, tham mặc, tham ngủ, tham sắc, tham dục, tham êm ấm, tham lười biếng, thân cũng không thích sự thiếu thốn, cục nhọc, không thích xa người thương, gần người ghét...

- TÂM ưa thích được danh vọng (dù là trong Đạo), gọi là háo danh; thích được khen ngợi, được tôn sùng, có uy quyền, được thương yêu... không thích sự chê bai, ghét bỏ, không thích sự hèn mọn, nhưng dễ thiên lệch, giận ghét, thị phi, hoặc tật đố, kỳ thị...

Một con người còn phạm tục ở thế gian là vậy, với bao nhiêu phiền toái, đau khổ, diễn ra ở trên đời do tâm sai biệt, ích kỷ, cao ngạo, chấp ngã. Vì thế mà con người tạo tội lỗi, bị ràng buộc không thoát ra được tứ khổ phải luân hồi để trả nghiệp chướng.

Đức Trung Vương bảo rằng:

“Cõi trần là thế đấy các em! Đối cảnh sinh tình, tình sinh phiền não, phiền não sinh oan nghiệp,

*oan nghiệp buộc trói con người vào vòng vay trả trả vay.”*⁶

Không biết bao giờ thoát ra được. Muốn thoát ra được chỉ có một cách dẹp bỏ hết những cái đó ở trần đời mà quay về với đạo lý.

Con người một sớm một chiều không phải giải quyết được một cách dễ dàng, mà phải quyết tâm, trì chí, chấp nhận khổ đau, khảo đảo, vượt lên chính mình từ từ bằng trước hết làm tròn bốn phận làm người ở đời, đó gọi là tròn Nhơn đạo (tùng khổ), rồi tiến thêm một bước cao hơn là khắc khổ, tiết chế, giảm bớt ham muốn từ vật chất đến tinh thần, từ hành động đến tâm tư tình cảm.

Đức Thánh Khổng dạy thầy Nhan Hối rằng: *“Khắc kỷ phục lễ vi nhân,”* nghĩa là, trừng trị hết cái bệnh tư dục của mình là khắc kỷ, hồi phục cái chân lý của Trời là phục lễ, đó là làm người nhân vậy.

Do đó, Ôn Trền dạy người tín đồ lo tu hành cẩn thận bằng cách:

Ngay từ khi nhập môn vào Đạo, người tín đồ đã bắt đầu phải luyện kỹ bằng cách khép mình trong khuôn khổ đạo đức, học giáo lý, đi cúng kính nơi Thánh thất, ăn chay, giữ giới luật (Ngũ giới cấm, Tứ đại điều quy...) để bỏ dần tánh xấu, thanh lọc thân tâm, tập thêm tánh tốt. Giai đoạn này thường gọi là giai đoạn tu tâm sửa tánh, luyện tập tác phong đạo hạnh của người tu, là luyện kỹ vậy.

Mức độ rèn luyện bản ngã sẽ được thể hiện qua tác phong ở bên ngoài như lời nói, cử chỉ, hành động, cách đối xử với người khác, giữ đúng nghi lễ, trật tự hòa thuận trong một tổ chức, trong tập thể; còn bên trong là lo trau dồi đạo hạnh, tập những tánh tốt, học gương các Đấng trọn lành...

Tuy nhiên, gốc rễ của tật xấu vẫn còn ẩn khuất trong tâm nên rất khó nhận được vì nó ẩn sâu trong tiềm thức của con người. Muốn trừ tận gốc phải diệt hết các ý niệm trong lòng, đó là bước lên giai đoạn rốt ráo nhất, con đường Thiên đạo.

6. Thánh thất Bình Hòa, 15-8 Canh Tuất (15-9-1970).

Nghiệp lành dữ rốt rồi là nghiệp,
Sắt hay vàng đều xích xiềng thân,
Sao bằng tâm chí láng láng,
Nhỏ mầm tình thức, đoạn nhân tục phàm.⁷

II. LUYỆN KỸ THEO Ý NGHĨA ĐẠO PHÁP

kỷ: là hư linh bất muội

Chính là Chơn Diệu Thể Bản Lai.

Bước kế tiếp của người tu hành trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là bước lên con đường Thiên đạo giải thoát, là học và hành Đạo pháp.

Người tu ở giai đoạn này sẽ thực hành công phu tham thiền nhập định để tìm sự thanh tịnh cho thân tâm bằng cách lắng đọng hết mọi thứ trong lòng để được trong sạch tâm linh, tìm lại Thiên tánh khi xưa do Thầy ban phát.

*Tĩnh ngộ rồi giải thoát mọi hư danh,
Tu học phép trường sanh là đại chí,
Muốn hạ thủ trước phải lo luyện kỹ,
Luyện thuần thành khỏi uổng phí một đời tu.⁸
Nếu kỹ mà còn to tướng quá,
Làm sao đạo pháp chảy xuôi dòng.⁹*

Như thế, luyện kỹ chính là tìm về cái trường tồn, vĩnh cửu, là tìm về cái kỷ hư linh bất muội (phần Tiên thiên) và dẹp hoàn toàn cái ta phàm tục (phần Hậu thiên.)

PHẢI LUYỆN NHƯ THẾ NÀO?

Đức Bác Nhã Thiên Sư dạy:

*Cách trau rèn cũng phải lăm công phu
Chí gan dạ, cần cù, hăng quyết liệt.*

(...)

*Tu phải luyện thân tâm cho đảm bảo
Vững lập trường chí Đạo tới không thôi.*

(...)

*Luyện kỹ cốt cho ý thành tâm chánh
Mới không lo bị lạc cảnh bàng môn.*

(...)

7. Đức Mẹ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo lý, 14-8 Tân Dậu (11-9-1981).

8. Đức Bác Nhã Thiên Sư, Minh Lý Thánh Hội, 07-9 Quý Sửu (02-10-1973).

9. Đức Bảo Pháp Chơn Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-9 Bính Dần.

*Luyện cho chính, cho sâu, cho rốt ráo
Thường chuyên nhứt, quyết không cho trở tráo
Vững một lòng, kháo đảo cũng kiên trinh.¹⁰*

VỚI MỤC ĐÍCH LÀ GÌ?

Luyện kỹ phục sơ tánh trọn lành

Trăm ngày tận diệt gốc vô minh.

Tâm can có chủ thân yên ổn

Tai mắt vô quyền hết sự sanh.

(...)

Tánh mạng song tu hay nhập Thánh

Âm dương lưỡng hiệp đặng trường sanh

Quay về nhà cũ không phiền não

(...)

Tật xấu, thói hư đều tẩy sạch,

Kiều căng tự ái cũng tan tành.

(...)

Bảy tình, tám thức đều siêu hóa

Ba độc, bốn tường cũng vãng sanh.

(...)

Sàng, sây, giã, xay, giê trấu bụi,

Khuôn Thiên tạo đúc đã nên hình.¹¹

III. PHƯƠNG PHÁP LUYỆN KỸ

1. DỌN MÌNH

- Tụng kinh, sám hối lỗi lầm.
- Học Thánh giáo thường xuyên.
- Tự quán xác thân là giả tạm, tức là tá giả tìm chơn để không nuông chiều, chăm sóc mà lo lập công bồi đức để tiến hóa tâm linh.
- Sống cuộc sống thanh cao, giản dị.
- Giữ gìn Luật Đạo: thực hành Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại Điều Quy và Tân Luật Pháp Chánh Truyền.

2. TÌM THẤY TÁNH TUYỆT ĐỐI

Đức Bác Nhã Thiên Sư dạy:

Phép luyện kỹ quay mắt, tai về tánh

10. Minh Lý Thánh Hội, 07-9 Quý Sửu (02-10-1973).

11. Đức Bác Nhã Thiên Sư, Minh Lý Thánh Hội, 07-9 Quý Sửu (02-10-1973).

(...)

*Thầy quy về sở chủ tánh nguyên linh
Khẳng khít nhau thành một thể viên minh
Đắc nhứt tánh vô sinh, thân diệu dụng.*¹²

“Cái quan yếu của Đại thừa đốn pháp không chi lạ là thấy Tánh, mà muốn thấy được Tánh thì chỉ có tu vô niệm. Vì Tánh là đầu mối của con người, nguồn sống bất tuyệt, lẽ thật hằng thường, rất thiêng liêng mẫu nhiệm, đó là nhơn bản, là nguồn cội của con người.”¹³

Dưỡng Chơn Tập dạy rằng: “Tánh ở trong tâm. Tâm không một phần thì tánh hiện một phần, tâm không mười phần thì tánh hiện mười phần. Tánh hiện tức là tánh tận (tận là thiệt hiện, tức là cái chi bị khuất lấp, nay đem bày ra chỗ quang minh.”

Tánh có hai phần:

1. **Tánh tuyệt đối** (thuộc Tiên Thiên) do Trời phú cho, là căn bản của con người, bao hàm ý nghĩa cùng tột cao siêu.

Khi tánh tuyệt đối chưa phát hiện thì nó vốn có một, vô vi, vạn tượng còn ngấm ngấm bên trong.

2. **Tánh tương đối** (thuộc Hậu Thiên)

Khi tánh hiện ra rồi thì nó có đủ Lý, Khí.

Vì Tánh do chữ Tâm và Sanh hiệp thành.

Tâm (Lý: là lẽ thật;) Sanh (Khí: là sự sống.)

Khi Tánh phân ra âm dương, ngũ hành thì hóa ra Tánh khí chất, sanh ra thiên hình vạn trạng.

Tánh khí chất của con người gồm những thứ như: tánh nết, tình cảm, lý trí, ý thức... vì thế nó chứa đựng tất cả lực dục thất tình.

Tu là Hậu Thiên phản Tiên Thiên, nghĩa là luyện kỹ thuần thành để tánh khí chất trở lại tánh tuyệt đối hỗn nhiên Thiên lý.

Muốn thấy Tánh phải tu vô niệm.

“Vô niệm là nghĩa thế nào?”

Thấy tất cả mọi sự mọi vật, mọi pháp vô vi, hữu vi mà không trước nhiệm một pháp nào gọi là vô niệm.

12. Minh Lý Thánh Hội, 07-9 Quý Sửu (02-10-1973).

13. Đạo Học Chỉ Nam.

Vậy phương tu cách tịnh, không pháp nào ngoài cái “đoạn niệm, mà tâm là niệm, khởi tu phải lập địa do tâm, khi tâm được yên lặng, không một niệm khởi sanh, hô hấp điều hòa, chẳng nghĩ mình nghĩ người, đất trời lặng lẽ, khi đó một niệm mống hiện ra đó là thi giác, là Đông chí nhứt dương sanh, là Sinh cơ, Chơn ý, là Thiên Địa chi tâm.”¹⁴

Đức Tôn Sư dạy phải “Diệt trừ niệm lự”.

Khi không còn niệm nữa, tâm Thiên Địa xuất hiện là thấy Tánh, là luyện kỹ được thuần thành vậy, vì bởi tâm còn một niệm trần tục là luyện kỹ chưa thuần thực, sẽ không có chơn ý, và từ đó không có chơn khí, tức không có Tiên Thiên khí, không quy hiệp được tam bửu ngũ hành.

IV. ỨNG DỤNG CỦA VIỆC LUYỆN KỸ

Công phu tu luyện có 2 phần là: luyện kỹ và luyện đơn hay là tu tánh và luyện mạng.

1. Luyện kỹ là phương pháp đầu tiên, là điều kiện để việc luyện đơn được thông suốt và có kết quả trước “Luyện kỹ tối nan, hoàn đan thậm dị.”

Luyện kỹ được 7 phần thì luyện đơn 3 phần còn lại dễ dàng.

2. Nếu kỹ được thuần thành trong quá trình luyện đơn sẽ quy được tam bửu ngũ hành, đó là lúc tu chứng Đạo, liền sau đó đạt Đạo dễ dàng.

3. Khi hành giả chứng được Đạo:

– Tâm sẽ đạt đến chỗ lục thông, giải quyết mọi việc được kết quả tốt đẹp siêu phàm.

– Thân thể hiện đức độ uy nghi, tác phong đạo hạnh hiện rõ tiên phong đạo cốt, cảm hóa nhơn tâm dễ dàng.

– Làm gương sáng cho tập thể noi theo, nhờ đó giữ được nghiêm minh quyền pháp, trật tự kỷ cương, trên thuận dưới hòa.

– Với nhơn sanh, hành giả có đủ điều kiện để thực hiện sứ mạng đại thừa hoàn thiện hóa người khác, góp tay cùng Thượng Đế cứu độ và tận độ quần sanh. ■

14. Đức Bác Nhã Thiên Sư.



THÔNG CÔNG

(TIẾP THEO CĐGL 127)

■ ĐẠT TƯỜNG

CHƯƠNG 3: QUYỀN PHÁP TRONG THÔNG CÔNG

Theo Thánh giáo, Quyền Pháp có 2 mặt âm dương:

- “*Quyền Pháp là Thầy là Đạo. Quyền Pháp là tình thương và sự sống.*”
- “... *quy lệ ni tắc đó là quyền pháp đạo luật trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.*”

Lập Tam Kỳ Phổ Độ này, Đức Chí Tôn, vì tình thương của Đấng Tạo Hóa, dùng linh điển để giáng lâm xuống địa cầu 68 này giáo hóa nhơn sanh, thúc tiếng còi linh đánh thức các nguyên nhân còn đang lạc lối. Thầy chỉ con đường sáng để nhân sinh nương theo đó hầu kịp được cứu độ trước khi đại chu kỳ Tam Nguơn của vũ trụ kết thúc, chuyển luân sang đại chu kỳ mới. Các Đấng Thiêng Liêng noi gương Thầy cũng đã nhiều lần giáng cơ, góp phần soi đường chỉ lối cho vạn linh sanh chúng.

Nhưng như Thầy đã dạy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, song song với cơ cứu độ Kỳ Ba, Quỷ Vương cũng được phép giả danh Thầy và các Đấng Thiêng Liêng để dụ dỗ chúng sanh đi sai đường lạc lối. Chúng được phép dùng những kết quả ấy để lập công hầu tiến hóa tâm linh theo kịp sự vận chuyển của luật định Thiên cơ!

Chính vì thế, để bảo vệ nhơn sanh, Ôn Trên đã hạ trần góp phần thực hiện sứ mạng Tam Kỳ Phổ Độ, giúp nhơn sanh những nguyên tắc để tránh sự cám dỗ của Quỷ Vương qua danh lợi sắc tài. Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng đã nhiều lần nhắc nhở nhân sanh phải biết dùng phần trí huệ của mình để soi xét xem lời dạy của đàn cơ có phù hợp với những đạo lý căn bản mà các Ngài đã từng dạy dỗ hay không. Bên cạnh đó, những nghi thức lễ nghi – phù chú phò cơ thỉnh Tiên cũng được Ôn Trên hướng dẫn rất kỹ lưỡng, chi tiết.

Các bí pháp này không được khinh truyền lại cho người khác dầu cho đó là hàng chức sắc cao cấp đi nữa trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nếu như chưa có lệnh dạy đúng theo quyền pháp của tổ chức vô vi Hiệp Thiên Đài.

Những trật tự kỷ luật này là những biện pháp để bảo vệ “sự sống,” tức là sự tiến hóa tâm linh cho sanh chúng.

Như thế, trong sự thông công giữa Thiêng Liêng với con người, quyền pháp Đạo đã được thể hiện rất chặt chẽ. Một vài trích đoạn Thánh giáo sau đây giúp chúng ta có được cái nhìn và hiểu biết rõ nét hơn về vấn đề này...

THI

LÝ nào ta cũng quyết thành công,

TRÍCH bạch Pháp Quyển mở Đạo thông,

TIÊN Phật lân này ban Thánh đức,

Giáng thẳng đôi nẻo rõ huyền công.

Bản Đạo chào chư Thiên phong, chúc sắc, chúc việc và toàn đạo hữu đạo muội.

Nơi đây lòng tu còn yếu đuối, Quyển Pháp chưa thông, vì thế mà bốn phận người tín đồ không hiểu đường lối Pháp luật.

Ôn phúc của buổi Tam Kỳ không dễ chi một lần Thiêng Liêng giáng đàn. Nếu không phải cơ tận độ và thể lòng từ bi của Thầy thì các đệ các muội đều bị quả trách, thiếu uy nghiêm trật tự, thiếu lễ giáo tín thành. Một Đấng quyền năng đã đến mà dường như chuyện coi hát nghe ca!

Từ xưa người tu muốn cầu Tiên, phải năm hồi mười hịch, trai giới tháng nọ tháng kia, lên non vào rừng, đốt hương khấn nguyện may mới được một bài thơ. Người được hồng ân ấy truyền tụng và thú thích vô cùng.

Hôm nay thời giáo hóa, nếu không nói ra thì chư hiền quá dễ dung mà phạm Thiên điều. Tu cầu phúc, mà công quả chưa bao lăm, lòng khinh thường cũng tiền công tận phế mà còn đọa nữa là khác.²¹

1. CÁC PHẬN SỰ TRONG BỘ PHẬN THÔNG CÔNG LÀ TIÊN ĐỊNH:

– Không phải ai cũng có thể được chọn làm Đồng Tử dẫn rằng ở vị trí này cũng chia làm 3 bậc cao thấp khác nhau. Đức Chí Tôn có dạy:

“Thầy nói cho các con hiểu, bậc Chơn Thánh mà phải đọa trần nếu không đủ tánh chất để dìu dẫn như sanh thì cũng chưa xứng đáng cầm bút cho Thầy truyền đạo.”²²

– Vị trí thứ hai trong bộ máy tiếp diễn là Độc Giả cũng là người có tiền căn để nhận lãnh sứ mạng thiêng liêng. Tuy vị Pháp Đàn có trách

1. Thánh thất Tịnh Quang, 08–12 ĐĐ 33 Mậu Tuất (16–01–1959).

2. Thánh Ngôn chép tay, Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh, tờ 442a.

nhiệm và quyền pháp thực hiện các nghi thức thông công mang tính Thể pháp và Bí pháp nhưng nếu không được Ôn Trên ban ân bố điển khai khiếu huệ nhãn để làm Độc Giả thì vẫn không có cách gì đọc được những dòng chữ từ đầu ngọn bút của Ngọc cơ đang cộ lướt trên bàn!

Thí dụ trong một đàn cơ ở Thánh tịnh Ngọc Chiếu, huyện Lái Thiêu – Bình Dương, Ôn Trên liền tiếp cho phép ba vị được làm Độc Giả. Khởi đầu là Pháp Đàn Huệ Chiếu tiếp theo là 2 vị Tứ Bửu: Thiện Tùng và Thiện Đạo.

“Huệ Chiếu độc giả

THI

CHƠN thành với Đạo một lòng tu,

HÒA hiệp cùng nhau vệt ngút mù,

CHƠN chánh căn nguyên hồi phẩm vị,

TIÊN ban nguồn cội xuất trời Thu.

Chơn Hòa – Tôi mừng huynh tỷ đệ muội đàn tiên an tọa nghe Chơn Hòa tôi đôi lời lưu lại.

Này chư hiền Thiên mạng cùng huynh tỷ, mỗi Đạo Thầy đã khai mở khắp nơi quyết độ tận chúng sanh về nơi cội vị. Đó là đại ân xá kỳ ba. Vậy chư chúng sanh (Thiện Tùng tiếp đọc) tùy theo căn cơ mà tu học không theo từng lớp nào cũng có thể được, miễn là biết quày đầu hướng thiện quỳ dưới chân Thầy là được hưởng Kỳ Ba đại xá (Hiện xuất ngoại).

Như Chơn Hòa tôi lúc tại trần không là bao công quả nhưng với tấm lòng quyết chí tôn thờ đạo đức nên ngày nay tôi được thẳng giáng ngọn cơ linh ngày khai xuân nơi Ngọc Chiếu. Chơn Hòa tôi đôi lời lưu lại mừng chung quý huynh tỷ nơi địa phương thành tâm tiếp lệnh Chơn Hòa tôi điễn hồi Tiên cảnh. Thăng.

TIẾP DIỄN

Thiên Tánh – Tôi mừng chung chư Thiên mạng đàn tiên an tọa (Thiện Đạo tiếp đọc).

THI

THIÊN điều luật Đạo gắng tri hành,

TÁNH tục giới trau ngự bảng danh,

CHƠN giả tâm phạm minh định lấy,

TIÊN ban ân huệ tử hườn sanh.

Nay là ngày khai xuân nơi Ngọc Chiếu, tôi hạ

ngọn linh cơ, mừng chung Thiên mạng cùng các em đàn tiên an tâm, Thiên Tánh tôi lưu lại đôi lời. (Hiện xuất ngoại.) *Này Thiên mạng cùng các em! Một kỷ niệm lưu tồn là nơi Thánh cảnh được che ấm áp cho chư huynh tỷ tập trung về hành lễ. Đó là một điều hạnh phúc mà các em được hưởng nơi trần (...)*³

Qua đoạn Thánh giáo trên, chúng ta hiểu là sau dòng chữ “hiện xuất ngoại” thì Pháp Đàn Huệ Chiếu lại tiếp tục làm Độc Giả cho tới khi có lệnh mới tiếp theo cho một vị khác vào làm Độc Giả.

Như vậy, chỉ có những ai không thấu hiểu về huyền diệu và huyền pháp trong việc thông công mới nghĩ rằng có cơ bút giả. Thật ra người ta chỉ có thể giả mạo cơ bút để thực hiện một âm mưu nào đó chứ không hề có cơ bút giả!

2. VỚI CÁC ĐẮNG THIÊNG LIÊNG ĐƯỢC GIÁNG CƠ, TRẬT TỰ QUYỀN PHÁP THỂ HIỆN RÕ QUẢ NGHI THỨC NHẬP ĐÀN:

– Chúng ta hãy tham khảo đoạn Thánh giáo sau của Đức Nguyệt Đức Kim Tiên:

“Này Thiên mạng, ngày Thiên Đán, Huỳnh Đức tôi thọ lệnh Giáo Tông chuyển linh cơ mừng Thiên mạng đôi lời hành sự.

Huỳnh Đức tôi mừng chung đồng nhắc Thiên mạng cùng chư đệ: Trên bước đường Đạo Pháp, Đạo căn phải dụng luật lệ để tiến hành đến ngày thành Đạo, luật lệ nghiêm trang đó là một trật tự để bảo đảm cho người hành đạo. Vậy niên Tân Hợi bước sang nên điều chỉnh luật lệ nghiêm minh để giữ gìn trật tự hầu tăng cao phẩm giá của người Thiên mạng như các em. Vì luật lệ hầu đàn như cúng đại lễ đã ghi nơi bảng đen giảng đường cùng áp dụng, cần điều chỉnh cho đúng để tỏ ra mình là người gương mẫu giác tri hành luật lệ là khuôn viên đưa con người đến nơi Bồng Đảo. Như vậy từ đây, khi cúng thời, khi thiết lập nghi đàn, cần noi theo luật lệ mà hành cho khỏi điều rối loạn. Về phần Bảo Đàn, Chính Đàn cần sắp đặt nghiêm minh trật tự, lớn nhỏ phân minh

để tỏ ra người hiếu đạo. Đó là một trật tự không hề giai cấp, trật tự làm sáng danh đạo. Như vậy Thiên mạng nên y hành cựu luật từ đây.

*Về phần hầu đàn, chuẩn đàn nên tỏ vẻ tu chính cá nhân để khỏi phải chạm vào vô lễ, vì từ đây đến ngày Đại Hội, Đức Giáo Tông trao quyền điều khiển về phần vô hình, thế nên Huỳnh Đức tôi tỏ lời cùng Thiên mạng chung đồng với các em cẩn thận để y hành.”*⁴

Phần nơi thế gian đã nghiêm trang như thế thì phần vô hình, chúng ta thấy lại còn chặt chẽ hơn nữa.

2.1. Với những Đấng Thiêng Liêng cao cấp, trước khi giáng cơ đều có một Đấng ở cấp nhỏ hơn đến trước để báo đàn. Thông thường đó là một vị xưng danh là Đồng Tử.

Thí dụ, Đức Bạch Hạc Đồng Tử thường xuyên đến trước báo đàn cho Đức Chí Tôn.

Vì thế, người đã hầu đàn lâu năm có kinh nghiệm khi nghe danh một vị đến báo đàn thì có thể đoán trước Đấng sẽ giáng cơ ngay tiếp theo sau là ai. Như vậy không phải bất cứ một Đấng Thiêng Liêng nào cũng đều được có Đồng Tử đến báo đàn. Thường thì phải là các Đấng Thiêng Liêng cao cấp mới được hưởng quy chế này.

Ngoại trừ các Đấng Tam Giáo Đạo Tổ, Tam Trấn Oai Nghiêm hoặc Ngũ giáo Thánh Nhân, v.v. đều có đệ tử đến báo đàn thì các Đấng khác ở hàng Tiên vị phải là những vị đã đạt đến phẩm Đại Giác Kim Tiên trở lên hay ở hàng Bồ Tát mới được hưởng tiêu chuẩn này.

Thí dụ:

THI

THANH nhã khoan thai lướt dặm trường,

NGƯU niên Tân Sửu lẫm tai ương,

ĐỒNG tâm kính lễ lo nghinh tiếp,

TỬ báo Lão Quân giáng tịnh đường.

Ta chào đàn nội, chư Thiên ân lương phái khác thành kính cung nghinh, Ta hộ đàn.

TIẾP ĐIỂN

THI

3. Đạo Lý 63, Thánh thất Ngọc Chiếu, 25-01 Tân Hợi (20-02-1971).

4. Đạo Lý 63, Huồn Cung Đàn, 09-01 Tân Hợi (04-02-1971).

THÁI bình dân sự đạo phô trương,
THƯỢNG trí lợi danh bất khả vương,
LÃO sĩ ẩn tu kinh nghiệm lý,
QUÂN thân đảo lộn thế gian thường.(...)⁵

THI

NHAN nhân điềm Trời chuyển thế gian,
LỘ đồ hành đạo lắm nguy nan,
GIÁNG trần phận sự tua lo vụn,
Đàn nội trang nghiêm tiếp lệnh ban.
Ta chào chư vị trung đàn, khá thành tâm, có
Khổng Thánh Tiên Sư đến, Ta xin xuất ngoại
châu lễ. Thăng.

TIẾP ĐIỂN

THI

KHỔNG môn nho học Đạo hơn luân,
THÁNH huấn giáo truyền đệ tử tuân,
TIÊN Phật đồng nguyên quy nhứt lý,
SƯ tăng khổ hạnh ý tâm thuần.(...)⁶

THI

GIÀ, bịnh, sanh tử khổ trần,
LAM thiên định tịnh rõ nguyên nhân, (1)
CHƠN tu thấu đạo cơ siêu thoát, (2)
PHẬT tại tâm linh sự giả lâm.
Ngã Già Lam lâm cơ báo đàn. Giờ lành có
Đức Như Lai phóng điển quang xuống trần giáo
hóa chúng sanh đàn nội.

Vậy đồng đảng tam ban nghiêm lễ tiếp lệnh.
Ngã Già Lam xin kiếu...

TIẾP LỆNH

Nam Mô A Di Đà Phật,
THÍCH Giáo Tam Quy Ngũ Giới truyền,
NHƯ như bất động là chơn pháp,
LAI phục hườn căn đáu bốn nguyên.
GIÁO pháp Phật tăng hành đúng lý,
CHỦ trì giới nhiệm huệ tâm yên,
THÍCH, Nho, Đạo cũng chung nguồn sống,
ĐẠO vốn là đường giải khổ phiền.⁷

– Trường hợp của Đức Gia Tô Giáo chủ
giáng đàn.

Thường khi có một trong các vị Thánh tông
đồ đến trước để báo tin cho Chủ của mình
nhưng đôi khi cũng có thể có một vị khác trước
kia đã là Kỳ Tô hữu sau nhập môn Cao Đài tu
đắc vị và được phép đến báo tin cho Đức Chúa:

THI

SƯ sở ngày nay đã vãn hồi,
ĐỒ y luật Đạo phản về ngôi,
DU dương mùi Đạo qua thời loạn,
ĐỀ hứng lạc hoan đã đến rồi.

Ta sứ đồ GIU ĐỀ, vâng lệnh Cha Ta hạ trần
truyền giáo cho các môn đồ. Vậy các môn đồ tịnh
tâm, Ta miễn lễ.⁸

– Một trường hợp khác là Đức Lê Đại Tiên:

THI

LÊ đào nhuần gội tiết Xuân sang,
KHÔI mượn linh cơ để báo đàn,
TIỂU đệ chào chung trong nội điện,
TƯỚNG Gia sắp đến, khá nghiêm trang.

Tiểu Tướng chào chư Thiên mạng lưỡng đài,
chào chư liệt vị lưỡng ban. Tiểu Tướng vâng lệnh
báo đàn, khá thành tâm tiếp Đại Tiên giáng bút.
Tiểu Tướng xin xuất ngoại.

TIẾP ĐIỂN

LÊ VĂN DUYỆT – Lão chào chư Thiên sắc, chào
chư hiền đệ, hiền muội. (...)⁹

Qua nhiều Thánh giáo của các Hội Thánh,
chúng ta có thể đi đến kết luận là phần lớn
những vị báo đàn là đệ tử đến báo tin cho
sư phụ của mình. Tuy nhiên, đôi khi đó là
những Đấng Thiêng Liêng có trách nhiệm ở
địa phương như vị Thần Hoàng Bốn Cảnh hay
một vị khi xưa đã từng tu học hành đạo tại địa
phương đó. Thí dụ:

THI

THÀNH lòng tâm lối thoát mê tân,
HOÀN(G) vũ điều linh khắp phú bản,
BỐN mặt nếu không gìn chín chắn,
CẢNH trần lạc nẻo khó yên thân.

5. Hườn Cung Đàn, 14-3 Tân Sửu (28-4-1961).

6. Hườn Cung Đàn, 19-8 Tân Sửu (27-9-1961).

7. Tiên Thiên Thánh Huấn quyển XI.

8. Thánh Giáo Đạo 43, Ngọc Chấm đàn, 19-11 Giáp
Ngọ (13-12-1954).

9. Ngọc Minh Đài, 05-01 Ất Tỵ (06-02-1965).

THÀNH HOÀNG BỐN CẢNH – *Ta chào chư Thiên mạng lưỡng đài, chào chư liệt vị nam nữ. Bốn Thần được lệnh báo đàn, vậy chư vị thành tâm nghinh tiếp Đức Lê Đại Tiên, Bốn Thần xin xuất ngoại ứng hầu.*

TIẾP ĐIỂN

THI

LÊ dân chen chúc cảnh lâm than,
VĂN sĩ tài nhân khéo ngõ ngang,
DUYỆT lại số đời trong quá khứ,
LỬA Thiên chưa dội chí ngang tàng.
HỒNG trần lặn hụp vòng tai ách,
ĐẠI Đạo hoàng dương cứu khổ nàn,
TIÊN tục phải đâu xa vạn dặm,
GIÁNG cơ gởi gắm tắc can tràng...¹⁰

Hay như một vị nữ Phối sư từng giữ nhiệm vụ Học Viện Trưởng của Hội Thánh Tiên Thiên, sau khi đắc vị có lần đến báo đàn cho Đức Mẹ giảng cơ.

THI

BẠCH ô hiệp rõ ràng,
LIÊN hiệp diệu linh ban,
CHƠN ngã quy căn bốn,
TIÊN Thiên hội chánh đàng.
GIÁNG trần khuyển nữ phái,
ĐÀN khải nhũ dương gian,
BÁO quả tròn xong nợ,
LỊNH phê trả nghiệp oan.

Bạch Liên Chơn Tiên, tôi chào Chúc Sắc lưỡng đài Giáo hội cùng chư Nhơn Thánh tam ban nội ngoại đàn tiền.

Giờ này Bạch Liên tôi đắc lệnh của Đức Diêu Cung giảng đàn báo tin. Vậy đàn trung an tọa, để Bạch Liên tôi có đôi lời cùng chư hiền muội.¹¹

Qua một số trường hợp vừa nêu, khảo sát rộng rãi các bản điển của các Hội Thánh, chúng ta có thể đưa ra kết luận: chỉ có các Đấng Thiêng Liêng cao cấp mới được có vị báo đàn.

Chúng ta chưa có thể khẳng định phải đến

cấp bậc nào mới có người báo đàn trước khi Đấng Thiêng Liêng cao cấp giảng cơ nhưng ngược lại khi có duyên may được dự một buổi đàn cơ, nếu thấy có một vị đến trước báo đàn thì chúng ta khẳng định Đấng giảng cơ sau đó chắc hẳn là một vị có trọng trách thiêng liêng.

2.2. Cách thức xưng hô của các Đấng Thiêng Liêng cao cấp

Có một điểm chung, chúng ta có thể rút ra khi được đọc qua nhiều Thánh giáo của các Hội Thánh trong Cao Đài giáo. Thường là những Đấng Thiêng Liêng có đệ tử đến báo đàn khi giảng cơ đều xưng rất khiêm tốn bằng các đại từ nhân xưng như: Bản Đạo, Bản Tăng, Bản Ni, v.v.

Trong khi đó, chúng ta thấy tuyệt đại đa số chư vị tiền bối các Thánh sở địa phương hay tiền bối các Hội Thánh khi được giảng đàn chỉ xưng là “Tiên huynh” hay đơn giản hơn, xưng là “tôi”.

Thí dụ: Trường hợp của ngài Huỳnh Đức – Phan Khắc Sửu, sau khi liễu đạo được đắc vị Nguyệt Đức Kim Tiên. Vài tháng sau, Đức Nguyệt Đức được Đức Chí Tôn ban ân nâng cao phẩm bậc thiêng liêng:

“Hôm nay, Huỳnh Đức tôi được sắc lệnh Thấy giao thủ quyền cùng Tam Trấn được mệnh danh là “Bản Đạo” nhưng tôi xin yêu cầu từ đây xưng là anh cùng các em như hồi sanh tiền...”¹²

Một thời gian sau, Ngài Nguyệt Đức Kim Tiên được ban cho Đồng tử để báo tin trước khi giảng đàn.

THI

THANH vân nguyệt chiếu rọi đàn trung,
HÀ hải sơn lai hội điển tưng,
ĐỒNG thọ sắc truyền quy Nguyệt Đức,
TỬ lai sanh, xá lệnh Huyền Khung.
THANH HÀ ĐỒNG TỬ tự Lê Đoàn Thanh Hà
Mừng Thiên mạng đàn tiền. Con mừng nội thân, song thân nhục thể, mừng huynh tử an tọa. Cho phép tôi đôi lời, xin Thiên mạng tri tường.
Này song nhục thân, con thọ sắc Giáo Tông

10. Ngọc Minh Đài, 03-3 Ất Tỵ (05-4-1965).

11. Tòa Thánh Tiên Thiên Minh Đức, 29-3 ĐĐ 41 Bính Ngọ (1966).

12. Đức Nguyệt Đức Kim Tiên – Phan Khắc Sửu, Huần Cung Đàn, 29-5 Canh Tuất (02-7-1970).

tùng Nguyệt Đúc Kim Tiên tử đồng tùy tùng báo hiệu. Đó là nhờ ân đức song thân bồi dưỡng trước kia phần xác thịt tạo thành. Nay vì lòng hiếu Đạo dựng thành Thánh cảnh trường tồn, ân đức ấy con được thọ ân sắc tứ. Con cúi đầu từ tạ ân này.

Giờ thọ sắc báo hiệu Nguyệt Đúc Kim Tiên, con báo tin song thân vui mừng cùng Thiên mạng đàn tiên, về điều quả công được kết tụ dù cho cảnh vô hình, hữu hình cũng đồng một lý. (...). Vậy Thiên mạng cùng huynh tỷ thành tâm tiếp lĩnh. Tôi xin già từ ngọn bút. Thăng.

TIẾP ĐIỂN:

Huynh Đúc – Tôi mừng Thiên mạng, Anh mừng chung các em đàn tiên an tọa nghe Anh đôi lời lưu lại.

Này Thiên mạng cùng các em, giờ thọ lĩnh Giáo Tông ban ân huệ sắc tứ Thanh Hà Đồng Tử trao cho Anh để tùy nghi báo tin. Đó là một ân huệ hầu tiếp xúc như những bậc Đại Tiên. Vậy giờ này, trước đàn tiên, giữa Thiên mạng cùng các em, Anh chấp nhận từ đây thâu Thanh Hà cùng chung nhứt lộ nơi non Bồng luyện Đạo.¹³

3. QUYỀN PHÁP TRẬT TỰ KHI ĐÓN TIẾP

THIÊNG LIÊNG GIÁNG CƠ:

Thông thường trong đa số các trường hợp khi có một Đấng Thiêng Liêng giáng cơ thì những người hầu đàn hôm đó đều phải thủ lễ, lạy chào mừng. Nhưng cũng có những trường hợp khác: khi chơn linh được nhập cơ có phẩm bậc thiêng liêng thấp hơn chư vị Chức sắc hầu đàn thì Đấng giáng đàn trước đó sẽ nhắc. Thí dụ:

3.1. Vong linh được ban ơn nhập cơ thăm viếng thân nhân trước khi đi đầu thai.

“Hiển muội Diệu Long! Theo sự tấu trình của Đô Thống Quân Địa Thần, Tam Giáo Tòa đã chuẩn phê cho vong linh Hoàng Đình Lập được về cơ hội diện cùng gia quyến của phần nhục thể lần chót trước khi chuyển kiếp khác. Hiển muội an lòng sửa soạn nội tâm để thiết lễ vào 7 giờ

tối ngày 8 tháng 8 Mậu Thân. Có hai địa điểm để hiển muội thảo luận với hiền đệ Thiện Bảo: Một là tại Văn Phòng, hai là tại tư gia. Nếu là tại tư gia thì nghi lễ phải được trang hoàng: một là Thiên Bàn, hai là bàn vong, vì vong linh chỉ được giáng cơ tại bàn vong, chưa được phép giáng trước Thiên Bàn. Hiền muội hiểu kịp chăng? Hiền muội an tọa.

Bảo Pháp Chơn Quân hiển đệ! Bản Đạo chuyển tôn ý của Đông Phương Chương Quân đến hiền đệ cùng Bộ Phận Hiệp Thiên Đài chuẩn bị hành sự đàn cơ vào lúc 7 giờ tối ngày mùng 8 tháng 8 Mậu Thân. Theo sự thỏa thuận của hiền đệ Thiện Bảo và hiển muội Diệu Long, trước hết lập đàn cơ tại Thiên Bàn để lãnh lĩnh giờ chót. Y phục đồng tử và độc giả như cựu lệ. Sau đó đến lập đàn cơ vong thì thiết lập tại bàn vong. Pháp Đàn khởi trấn đàn tại bàn vong vì có Linh Quang Thổ Địa dẫn vong hồn rồi. Đồng tử không được mặc y cân hiện thời, nên dùng y cân khác. Độc giả và điển ký nên mặc tiểu phục và đứng mà đọc bài cầu vong. (Mừng thay rảnh đặng cuộc trần).

Tất cả những hiền đệ hiển muội dự khán có thể ngồi những hàng ghế chung quanh, không ai được quỳ. Hiền đệ nhớ hành y.¹⁴

3.2. Chơn linh giáng cơ có phẩm vị thiêng liêng ngang bằng hay thấp hơn một số vị hầu đàn. Thí dụ:

a. Vào tháng 3 năm 1926, khi độ dẫn ngài Lê Văn Lịch làm môn đệ, trong buổi lập đàn tại chùa Vĩnh Nguyên Tự, Đúc Chí Tôn cho chơn linh cha ông Lịch giáng cơ. Đúc Cao Đài dạy hai ông Lê Văn Trung và Nguyễn Ngọc Tương hãy đứng chú không phải quỳ. Sau đó, chúng ta được biết Ngài Lê Văn Tiếng đã đặc vị Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn. Tiếp điển một bậc Đại Tiên mà lại được lệnh không phải quỳ để cho đúng lễ phép trật tự thiêng liêng, sự kiện này cho chúng ta thấy tiền căn của hai Ngài Trung và Tương lớn đến mức nào!

13. Đạo Lý 66, Thanh Tịnh Đàn, 15-4 Tân Hội (08-5-1971)

14. Đúc Lê Đại Tiên, Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý, 29-7 nhuận Mậu Thân (21-9-1968).

“Cao Đài!
Xuất ngoại nhơn.
Lịch! Ta cho Tiểng là cha người nhập cơ.
Trung, Tương đứng.

TIẾP ĐIỂN

Lê Văn Tiểng. Lịch thính ngã.
Ngã thị nễ phụ, thọ mạng Cao Đài Tiên Ông
viết Ngọc Hoàng Thượng Đế Giáo Đạo Nam
Phương. (...)”¹⁵

b. Trường hợp chơn linh Ngài Tiếp pháp
Trương Văn Tràng, một Đấng Tiên Khai Đại
Đạo, xin giáng đàn:

“Nhân tiên hôm nay, Mẹ có tiếp khái thỉnh cầu
của Lương Đài Tiên Bối, Trương Văn Tràng xin
lâm đàn để cùng Huệ Lương đôi lời tâm sự. Mẹ sẽ
cho Kim Đồng hộ trợ chơn linh nhập đàn. Vậy xả
đàn 5 phút, sửa lại bàn cơ cho Đồng tử ngồi một
bên và triệu Ngọc Liên độc giả. (...)”

Mẹ ban ơn lành tất cả các con. Mẹ hồi cung.
Thăng.

TIẾP ĐIỂN

Thành Hoàng Bốn Cảnh – Bốn Thần xin phép
chư Thiên mạng đến trấn giữ trong ngoài để chơn
linh hạ bút. Xin chào chư Thiên mạng. Bốn Thần
báo trước, chớ nên quy lễ bái nghe. Bốn Thần xin
xuất ngoại. Thăng.”¹⁶

c. Một số vị Đạo trưởng nam hay nữ thuộc
hàng đại nguyên căn vì thế khi tiếp cơ những vị
có phẩm bậc Thần, Đấng Thiêng Liêng giáng cơ
trước sẽ nhắc chỉ cần “tiểu lễ.”

“Đây Chí Tôn sắp ngự, nhưng chưa đến giờ, Bản
Đạo cho phép Linh Quang Thổ Địa đến cùng vui
xuân với chư Thiên mạng và liệt vị trung đàn. Hẹn
sẽ gặp lại sau. Bản Đạo mừng tất cả trung đàn một
mùa xuân thành công rực rỡ... Bản Đạo chào chung.

Tiếp điển, và khi điển quang xuất hiện, hãy
tiểu lễ, bình thân nghe. Thăng.”¹⁷

(CÒN TIẾP)■

15. Thánh Ngôn Chơn Truyền Bí Yếu- Chánh Phối Sư
Thái Thơ Thanh, tờ 64b.

16. Thiên Lý Đàn, 20-5 Ất Tỵ (19-6-1965).

17. Đức Phạm Công Tắc, Thiên Lý Đàn, 29-12 Ất Tỵ (20-
01-1966).



THÁNH GIÁO

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

KIM VIẾT CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT.

HUẤN TỪ

Đại Từ Phụ Ngọc Hư sắc tứ,
Ban Thiên ân nam nữ điện tiền,
Phụng hành lý Đạo cơ Thiên,
Song tu tánh mạng pháp quyền xương minh.

Đạo vô vi chấp tình cầu tánh,
Thế vô thường vạn hạnh dung thông,
Nhơn nhơn tự hữu chủ ông,
Hòa quang hỗn tục chí công vạn hành,

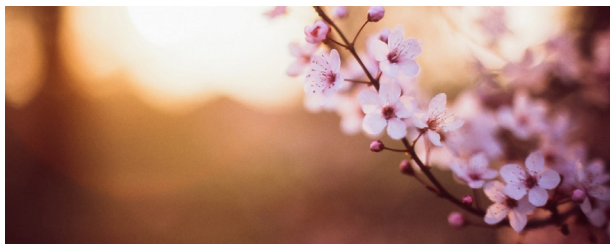
Vi nhân tử tài thành nhân vị,
Phật Thánh Tiên nhứt lý do hà?
Vô tư, vô dục, vô tà,
Từ bi, bác ái, trung hòa, lợi sanh.

Chuyển nhân dục loạn thành thế trị,
Hoàng đạo cơ chơn lý hiển dương,
Quân bình tâm vật kỷ cương,
Thần hình cu diệu tứ phương cộng đồng.

Tu chúng giả biến thông vô tận,
Đắc nhứt trung trực tấn Cao Đài,
Thiên nhân chánh vị hòa hài,
Vạn đồ cổ vãng kim lai thủ thành.

Thử sứ mạng đương sanh hoàng giáo,
Thị Đại thừa Thiên đạo tiến tu,
Kỳ khai nhứt bốn vạn thù,
Vạn thù quy nhứt công phu siêu phàm.

■ CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 29-02 MẬU NGỌ (06-4-1978).



Từ xa xưa cho đến ngày nay con người vì muốn kéo dài tuổi thọ của mình, đã tìm phương trường sinh bất lão hay trường sinh bất tử. Con người tìm đủ mọi phương cách, nghiên cứu nhiều thảo dược để bào chế ra những loại thuốc có thể giúp con người đắc thành sở nguyện, nhất là các bậc vua chúa vương giả...

I. BÍ QUYẾT TRƯỜNG THỌ

Nhà bác học người Pháp Buffon nói: “Con người có thể sống từ 125 đến 150 tuổi.”

Theo một số nhà khoa học nghiên cứu một số động vật như: rùa, cá voi, linh dương, chó, mèo... thì tuổi thọ của từng loài gấp 6 lần (hoặc hơn) thời gian phát triển trưởng thành của cơ thể của loài đó. Ví dụ: con người thời gian trưởng thành là 20 năm thì con người có thể sống thọ $20 \times 6 = 120$ tuổi trở lên.

Ngày nay, thế giới đã có trên 210 ngàn người

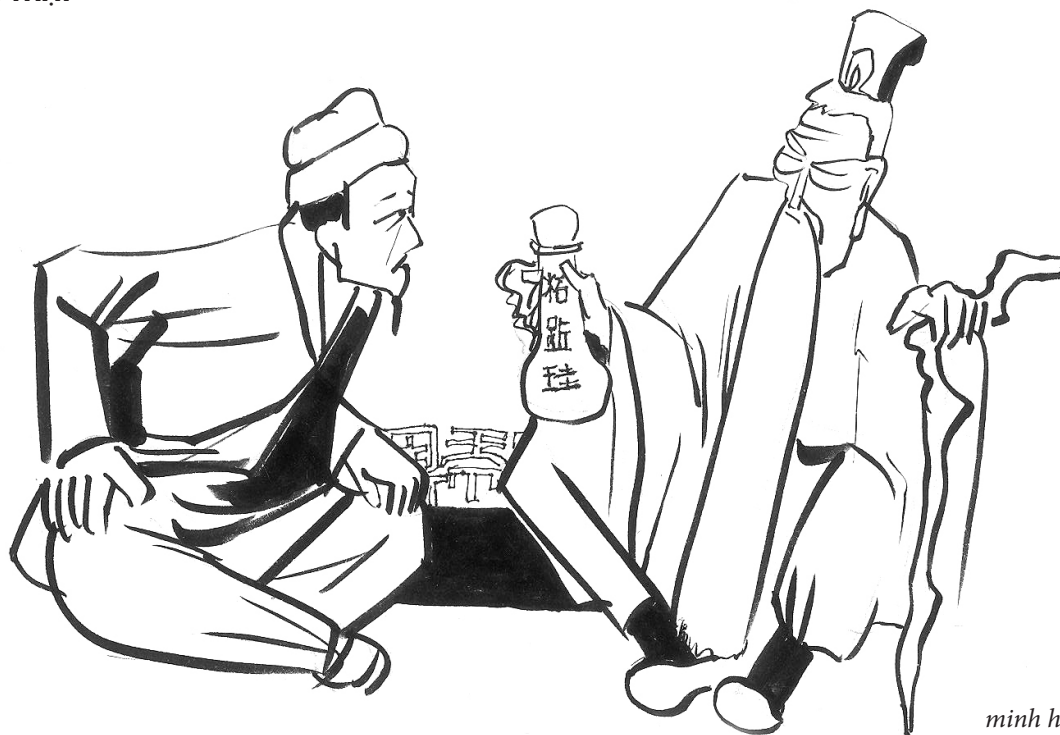
thọ trên 100 tuổi. Năm 1994, Nhật Bản có trên 100 ngàn người thọ trên 100 tuổi thì năm 2004 đã có trên 20 ngàn người thọ trên 100 tuổi (gấp hơn 200 lần;) tuổi thọ trung bình của nam là 77,9 tuổi; của nữ là 85,1 tuổi. Trung Quốc có trên 17 ngàn người, Việt Nam có 3.695 người thọ trên 100 tuổi.

Điển hình, cụ ông Sayed Alisakhi KuTahi ở Iran thọ 185 tuổi; cụ ông Setrasch Czaten ở Hungari cũng thọ 185 tuổi; cụ ông Jepse Abzipe ở Nga, thọ 180 tuổi; cụ ông S.Jzmi ở Nhật thọ 121 tuổi, được tạc tượng đồng tại quê hương cụ. Ở Việt Nam, cụ bà Lê Thị Cơ, sinh năm 1880, mất 1998, thọ 118 tuổi...

Bí quyết gì mà các cụ sống lâu như vậy? Theo công trình nghiên cứu thực hiện từ 1950 đến 1996 của bác sĩ Chen Jungchao, giám đốc trung tâm nghiên cứu tuổi thọ ở Bama, tại làng Soulou, huyện Bama, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc một

HỌC PHÉP TRƯỜNG SINH THOÁT TỬ SINH

■ CHÍ THẬT



minh họa: Cọ Trắng

vùng giáp Việt Nam nơi mà nhiều nhà lãnh đạo Trung Quốc đã đến thăm, đã có 289 người sống trên 100 tuổi; cao nhất là cụ Nan Mekun 131 tuổi; được biết: “Dân làng ở đây sống thọ là vì ăn uống thanh đạm, ít ăn thịt, không khí trong lành mát mẻ; cuộc sống yên bình, không lo âu về tiền; sống thanh thản vui vẻ, thân thiện với nhau.” Trung Quốc có rượu gọi “trường sinh bất tử” nhưng các cụ ở đây thỉnh thoảng uống rất ít rượu ngô do địa phương làm. Hàng năm có khoảng trên 100 ngàn du khách đến thăm Bama.

Ngược dòng lịch sử Trung Quốc, chúng ta thấy từ đời Tần đến đời nhà Thanh có 259 vị hoàng đế. Theo sử sách có 209 vị sống lâu nhưng tuổi thọ bình quân cũng chỉ đạt 39,9 tuổi. Trong đó sống lâu nhất là Càn Long 89 tuổi và Võ Tắc Thiên 82 tuổi. Sau đây, chúng ta tìm hiểu hai vị hoàng đế này.

Vua Càn Long sinh năm 1710, mất năm 1799, thọ 89 tuổi, vị vua thứ tư đời nhà Thanh tên thật là Ái Tân Giác La – Hoàng Lịch, tên thụy là Cao Tông Thuần hoàng đế làm vua được 63 năm 4 tháng (60 năm tại vị và 3 năm Thái thượng hoàng). Bí quyết trường thọ của Càn Long trong 16 chữ:

Thổ nạp phế phủ
Hoạt động cân cốt
Thập thường tứ vật
Thích thời tiến bổ.

Thổ nạp phế phủ là thường xuyên tập khí công, dưỡng sinh thở sâu, điều hòa;... Hoạt động cân cốt là vận động thân thể như săn bắn, thể thao;... Thập thường tứ vật là mười bộ phận của cơ thể luôn chú ý vận động tập luyện như mắt, tai, mũi, răng, nước bọt, chân tay, bụng và ruột gan;... Tứ vật là bốn điều kiêng kỵ như: “Thực vật ngôn” là khi ăn uống không nói chuyện; “Ngọa vật ngữ” là nằm nghỉ không chuyện trò; “Ẩm vật túy” là uống rượu vừa phải, không được uống say; “Sắc vật mê” là không được sắc dục thái quá. Tài liệu khác nói Càn Long rất ham đọc sách, được coi là nghệ thuật tập luyện trí não hoặc Càn Long thực hiện 4 kết hợp: “Làm việc, ăn uống, nghỉ

ngơi, rèn luyện.” Đó là bí quyết trường sinh bất lão của Càn Long.

Nữ hoàng Võ Tắc Thiên thọ 82 tuổi thực hiện 7 điểm:

1. Tĩnh tâm, điều dưỡng thân tâm. (Từ bé Võ Tắc Thiên đã theo mẹ tập thiền).
2. Ôn văn luyện võ rất thích vận động, luyện tập võ nghệ.
3. Lòng dạ thành thoi, ngắm hoa, xem cây cỏ.
4. Nghe nhạc, chơi tranh.
5. Cải lão hoàn đồng (70 tuổi mọc 2 răng sữa.)
6. Tiết chế ăn uống.
7. Dung nhan phương – thuốc làm đẹp da (thuốc đông y bằng cây cỏ ngày thoa 2 lần sáng và tối).

Các danh y Trung Quốc nói về bí quyết trường thọ như:

• TÔN TƯ MẠC, danh y đời Đường thọ 102 tuổi, ông nêu lên 5 điểm:

1. Điều chỉnh tính nết.
2. Tiết chế ăn uống.
3. Luyện tập vừa sức.
4. Sống có nề nếp.
5. Thận trọng khi uống thuốc.

• DANH Y CÁT HỒNG cách đây 1600 năm thọ 81 tuổi đã đề ra thuyết “chúng thuật hợp tu,” kết hợp lý luận đông y với thực tiễn đạo gia mà quan trọng là kết hợp các yếu tố: “Tâm lý, tinh thần, tu dưỡng trong thuật dưỡng sinh.”

• TRƯƠNG QUÂN thọ 104 tuổi nói: “Nhân sinh thất thập phương khai thủy” nghĩa là “Đời người bắt đầu từ tuổi 70.” Đó là về mặt sinh học, sự ảnh hưởng của thời tiết khí hậu... 70 tuổi như 01 tuổi, 73 tuổi như 03 tuổi. Nhưng có điều khác là ở tuổi 70 và 73 thì biết tự chăm sóc sức khỏe của mình. Sinh thời, ông sáng tác bài hát có lời như: “Mỗi ngày đi bộ ba ngàn bước, mỗi đêm ngủ bảy tiếng, không nên ăn quá no, cân bằng giữa làm việc và nghỉ ngơi, sống luôn vui vẻ, lạc quan, không giận dữ hằn thù, yêu người như yêu mình...” Sau này, nhiều sách báo nói về Tứ pháp bảo: “Đi bộ để chữa bệnh, ăn với mục đích phòng bệnh, ngủ ngon giấc, vui vẻ là thần dược.”

Chúng ta tìm hiểu tuổi thọ của một số nhà hoạt động chính trị xã hội, khoa học và văn học nghệ thuật như: Tống Mỹ Linh (1856–2003) thọ 106 tuổi, Tưởng Giới Thạch thọ 86 tuổi, Pablo Picasso (1881–1973) thọ 92 tuổi, Victor Marie Hugo (1802–1885) thọ 83 tuổi... riêng thủ tướng Anh quốc Churchill thọ 91 tuổi đã nói lên bí quyết sống trường thọ của mình gồm 9 điểm:

1. Sống lạc quan trong sáng.
2. Sống biết hài hước vừa độ.
3. Phải có ý chí vượt mọi buồn phiền.
4. Nghỉ ngơi đúng lúc.
5. Giải trí lành mạnh.
6. Quan tâm dinh dưỡng.
7. Khoan dung với mọi người.
8. Ăn uống hợp lý.
9. Thể dục thể thao (cưỡi ngựa, bơi lội...)

• ÔNG NĂM NHÀ ĐÈN

Tên thật là Trần Văn Khoa, sanh năm 1900, nhờ biết kỹ thuật máy nổ, ông Năm được Đức Hộ Pháp giao cho phụ trách các máy phát điện tại Tòa Thánh Tây Ninh. Không có vợ con, ông Năm ở luôn tại nhà máy đèn nên gọi là ông Năm Nhà Đèn. Nhận chức Tổng Giám¹ nhà máy điện từ 22–5–1986, và luôn đảm trách tốt công việc. Ông Năm liễu đạo ngày 24–3 Đinh Hợi (10–5–2007) hưởng thọ 108 tuổi. (hình minh họa)

Qua những phương thức sống, bằng một số dẫn chứng cụ thể nêu trên, chúng ta học được nhiều kinh nghiệm sống của tiền nhân. Các vị có một đời sống bình dị lạc quan, sống theo quy củ, sống có tiết độ, từ việc ẩm thực, đến các sinh hoạt hằng ngày đều tuân thủ theo một nội quy nhất định. Chính những yếu tố chủ đạo đó, giúp cho con người có một đời sống hạnh phúc bình an khi còn tại thế.

Theo giáo lý Đại Đạo qua các lời huấn dụ của các Đấng Thiêng Liêng, hạnh phúc mà con người đang thọ hưởng nơi thế gian chỉ tồn tại trong một thời điểm ấn định bao nhiêu năm mà thôi.

Đức Lý Đại Tiên dạy:

1. Tổng Giám tương đương phẩm Giáo Hữu.

*Thân già an giấc bởi tu hành,
Tham Đạo không màng nẻo lợi danh,
Sống kể ngày năm đời gọi yếu,
Thác về Tiên cảnh mới trường sanh.
Trường sanh dưới thế tính sai lầm,
Lấn bản dương trần dặng mấy lăm,
Một giấc quang âm đường lửa nháng,
Về miền Cực lạc khỏe muôn năm.²*

Quả đúng như lời dạy của Đức Lý Đại Tiên, muốn được trường sinh trọn vẹn đầy đủ ý nghĩa, là được sống miên viễn trường cửu, vượt không gian vượt thời gian, không trẻ không già, không sanh không tử, con người phải hoàn thiện hóa bản thân, phải từng bước nâng phẩm giá sống của chính mình, từ thường nhân lên hiển nhân, đến các phẩm vị: Thần, Thánh, Tiên, Phật... Thiết nghĩ, con đường duy nhất mà con người phải đi, mà đi đâu? Thưa quý huynh tỷ, chắc rằng chúng ta sẽ có cùng một câu trả lời, đó là đi tu. Chữ “tu” được để trong dấu ngoặc kép và được viết theo lối in hoa, trong thực tế không phải tất cả những người đi tu đều đắc quả, trong Thánh giáo Cao Đài có câu:

Đạo Thầy có đến dư muôn,

Ngày sau thành Đạo một xuống còn lừng.

Thật vậy, chỉ có dẫn thân vào đường tu, vừa học đạo vừa hành đạo, con người mới mong tìm cầu giải thoát trên cả hai phương diện nhân sinh và tâm linh, và chúng ta thường nói với nhau là: “Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát.”. Muốn đạt được ý nguyện phải triệt để tuân theo lời dạy của Bề Trên, tu hành đúng theo chánh pháp Đại Đạo, chúng ta mới đủ điều kiện trở về hiệp một với Đạo, tức là hiệp nhất cùng Thầy nơi Bạch Ngọc Kinh.

II. HỌC PHÉP TRƯỜNG SINH

Đức Lý Giáo Tông dạy:

*Muốn biết Thiên cơ trước biết mình,
Phải chằng nguyên thủy cõi hư linh,
Mượn nơi trần tục xây công quả,*

2. Lịch sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu.

*Học phép trường sinh thoát tử sinh.*³

Con người là vật tối linh, đứng trong hàng Tam tài đồng đẳng Thiên, Địa, Nhơn. Nhân thân con người là một tiểu vũ trụ, hể Trời Đất có gì thì con người có cái đó. Trời có Nhật-Nguyệt-Tinh, Đất có Thủy-Hòa-Phong, Người có Tinh-Khí-Thần. Trời có Ngũ phương, Đất có Ngũ hành, Người có Ngũ tạng... Tất cả đều có liên hệ mật thiết với nhau. Cho nên, khi bốn mùa tám tiết vận hành thay đổi, những ai chưa thích ứng với sự thay đổi đó, mới sanh ra cảm mạo thương hàn... Chính vì vậy, bốn mùa tu tịnh trong năm giúp chúng ta khôi phục bộ máy nhân thân, khế cơ hợp lý với sự vận hành của vũ trụ.

Thể theo lời giáo hóa của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, con người vốn có nguồn cội từ cõi thượng thiên và chúng ta hạ phạm với nhiều lý do khác nhau. Có người xuống vì sứ mạng, vì nhiệm vụ, nhưng cũng có vị bị đày xuống trần vì một lý do nào đó...

Đức Đạo Ngạn Chơn Quân⁴ giảng:

*Công phu khó nhọc nhị châu niên,
Cướp đoạt huyền cơ xuất nhập huyền,
Chí khí anh hùng ra bốn vách,
Tám mươi một kiếp đọa trần duyên.*

(...)

*Nợ nhân quả có vay có trả,
Thiệt là đời giả dối biết bao,
Say mê đâu có nhớ nào,
Tám mươi một kiếp lộn nhào chuyển luân.*

Nhớ tới mắt rừng rừng giọt lệ,

Quả nhối cho sự tẻ nhiều lần,

Khổ thay lẫn lộn bụi trần,

Có nhiều kiếp đọa hóa thân thú cầm.

(...)

Xưa ở chốn cung vi thông thả,

Phạm Thiên điều mắc đọa phải cam,

(...)

3. Hườn Cung Đàn, 01-02 Quý Mão (23-02-1963).

4. Thể danh Trần Văn Chim, Thánh danh Minh Chim, là Thập Nhị Bát Tú trốn xuống phạm, tức là ngôi Văn Tuyên Tinh Quân vạy. (Thầy cho biết).

Nhiều khi vào tử ra sanh,

*Xông pha tên đạn nhọc nhằn lao lung.*⁵

Con người được xuống phạm và nường vào cõi trần lập công bồi đức, tạo nên âm chất để phản hồi nguyên vị. Nhưng có không ít trường hợp bị cám dỗ nơi cõi dục giới, đắm say mùi tục lụy, cứ mãi lăn vùi theo bánh xe luân hồi xuống lên, lên xuống không biết bao nhiêu kiếp mà cũng chưa giải thoát được. Hữu hạnh thay, Đức Thượng Đế tá danh Cao Đài lâm phạm giáo Đạo, lập đoan thệ trước Tòa Tam Giáo, mở cơ tận độ cứu rỗi tất cả toàn linh trở về hội hiệp cùng Ngài nơi chốn Ngọc Hư Cung. “*Ngọc Hư Cung, sắc lệnh kêu*” Và chúng ta mượn nơi trần tục xây công quả để trả quả, một khi nghiệp quả đã dứt thì được nhập cảnh thiêng liêng hằng sống miên viễn đời đời không tái tục.

Đức Thanh Hư Đạo Nhơn⁶ giảng:

THANH tịnh giới trau Đạo tối cần,

HƯ vô bồi bổ thể kim thân,

ĐẠO thành Nam Đẩu Tinh Quân chiếu,

NHƠN quả trả xong đặng thoát trần.

Các quả vị nêu trên là bằng chứng cụ thể cho thấy, Đức Cao Đài lập nền chánh giáo ban trao tân pháp Cao Đài, khai cơ cứu độ, làm phương châm tận độ toàn linh thoát vòng tứ khổ sanh tử luân hồi.

Phép trường sinh mà chúng ta phải học đó là đạo pháp, là đạo lý làm người, là kinh nghiệm sống của người đi trước...

Từ lúc khai Đạo cho đến nay trải dài gần một thế kỷ, chư vị Tiên Khai, Tiên Bối trong toàn Đạo, đã lần lượt kẻ trước người sau trở về phục lệnh Đức Đại Từ Phụ nơi Bạch Ngọc Kinh sau khi công viên quả mãn, hoàn thành trọng trách đã được ban trao. Là thế hệ kế thừa chúng ta cứ noi theo dấu chân của người đi trước, phát huy đạo nghiệp của các bậc tiền

5. Trước Tiết Tàng Thơ, 05-3 Đinh Sửu (1937).

6. Thể danh Nguyễn Văn Mười (1901-1948). Thánh sắc tại đàn Phú Lâm, ngày 05-9-1948.

nhân còn lưu lại, những phần việc nào các vị chưa kịp thực hiện lúc sinh thời, chúng ta tiếp tục thực hiện để hoàn thành tâm nguyện của các Ngài, và cũng là trách nhiệm chung đối với toàn Đạo.

Phép trường sinh mà người đi trước đã học đã hành không ngoài Tam công hay phương tu Tam thừa Cửu phẩm trong nền tâm pháp Đại Đạo, chúng ta nối chí người xưa, noi theo những việc làm đó để được như các Ngài.

TIỀN KHAI THÁI THƠ THANH:

*Đem lợi danh đời đời đạo danh,
Dầu đời còn loạn, đạo chưa thành,
Dầu thân đã trả xong duyên nghiệp,
Danh Đạo mãi còn với chúng sanh.*

**ĐỨC NGỌC CHUỖNG PHÁP TIÊN THIÊN ĐẠI ĐẠO
NGUYỄN THẾ HIỂN:**

*Công phu đạo nghiệp sử dề danh,
Buồn nổi phách chi chẳng hiệp thành,
Ai có về quê xin nhắn nhủ,
Ta còn sống mãi với nhơn sanh.*

TIỀN BỐI HOÀNG NGỌC TRÁC:

*Đời Đạo sao không thẹn với danh,
Danh nêu sử Đạo ấy danh thành,
Danh không thẹn với người, cây cỏ,
Nên Phật Tiên nhờ kiếp chúng sanh.*

TIỀN KHAI NGỌC TRANG THANH:

*Chẳng tiếc công mà chẳng mển danh,
Nguyện sao Đại Đạo sớm viên thành,
Cho đời giảm bớt cơn điều đứng,
Cho khỏi luân hồi nẻo tử sanh.*

TIỀN KHAI ĐOÀN VĂN BẢN:

*Đạo sĩ màng chi chốn vị danh,
Mặc ai tài cán đắp Trường thành,
Rửa tai e bợn mùi vương giả,
Nương gót đường mây lánh tử sanh.⁷*

ĐỨC HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC:

*Nòi giống những mong nên đạo đức,
Nước nhà mới đến độ văn minh,
Thoát thân tử đại nhưng hằng sống,*

Hỡi bạn trần ai có biết mình.⁸

Có câu: “Hổ chết để da, người chết để tiếng.” Những đoạn Thánh thi của chư Tiên Khai Đại Đạo đã thể hiện tinh thần bất tử, chư vị sống mãi trong lòng của thế hệ đi sau, trong nỗi niềm ngưỡng vọng cố nhân với sự tôn kính chân thành. Các vị cả một đời hy hiến, trải nhiều gian truân, hoằng dương chánh pháp, phụng sự nhân sanh, thực thi tôn chỉ Công bình, Bác ái, Tử bi và lập trường Thuần chơn vô ngã của Đại Đạo.

Đức Ngô Minh Chiêu Đại Tiên dạy:

“Tâm thương đời là phúc trường sanh.”⁹

Qua lời dạy của Đức Ngô chúng ta đem tình thương chia sẻ với mọi người, thực hiện công quả bố thí trên hai phương diện nhân sinh và tâm linh, vừa giúp khó trợ nghèo, vừa phổ biến giáo lý khuyến tu làm lành lánh dữ, để mọi người ý thức và đem kiến thức tự hữu góp phần vào công cuộc xây dựng một xã hội thanh bình, cơm no áo ấm hạnh phúc văn minh tiến hóa.

“Ngài rất từ thiện, hay giúp đỡ người hữu sự. Nhưng Ngài thường bố thí một cách kín đáo, không muốn cho người biết để cảm ơn.

Thấy trong xóm có người nghèo quá, muốn giúp cho họ, mượn cớ nhờ làm việc lật vật quanh nhà rồi trả tiền gấp năm gấp mười cho họ. Ngày Tết, gặp người vùng quê bán hàng ế, Ngài mua dùm, để họ có tiền mua sắm lễ vật cúng ông bà trong ba ngày Xuân.

Ban đêm, Ngài mặc quần áo thường dân đi len vào xóm nghèo, nghe ai than thở cảnh túng quẫn, con đau vợ yếu, Ngài lén bỏ tiền vào kẹt cửa rồi đi luôn không cho họ biết.”¹⁰

Đức Ngọc Hoàng Đại Đế dạy:

*Các con muốn trường sanh bất tử
Trường sanh là trọn giữ đạo nhơn
Đạo nhơn, gốc chỉ làm nhơn
Nhơn nhơn hóa kỹ, phục hườn bốn nguyên*

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14-01 Bính Ngọ (04-02-1966).

8. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01-10 Tân Hợi (18-11-1971).

9. Trung Hưng Bửu Tòa, 23-01 Bính Thân (05-3-1956).

10. Lịch sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu, Saigon 1962, tr. 15.

Mãn duyên là Phật, là Tiên
Phật Tiên thì phải hết duyên côi phàm.
(...)

Khỏi trăm luân thì đừng tái kiếp
Mới gọi là điệp điệp trùng lai
Trùng lai một côi với Thầy
Với Thầy thì khỏi đọa đày trần gian
Đây là Thầy vén tấm màn
Trường sanh bất tử, chỉ dành cho con.
(...)

Được cao ngôi luân hồi chẳng vướng
Thì mới là đặng hưởng trường sanh
Trường sanh bất diệt, bất sanh
Bất sanh mới được cảnh thanh an bề
Côi Trời là cảnh, là quê
Con ôi! Gắng chí trở về Kỳ Ba.¹¹

Thầy ban Thánh sắc cho Đức Thiên Môn
Đế Quân¹²

Cho hay cái chí tu hành,
Đến ngày quy liễu, phước lành Thầy ban.
Đạo tâm biết rõ đá vàng,
Huỳnh nay đặc chỉ Thầy ban trở về.

Thầy ban Thánh sắc cho Đức Như Ý
Nương Nương¹³

Quang cảnh trời thu rất đượm đà,
Giáng trần Thầy rưới nước Ma- ha.
Độ điều chơn tánh hồi Tiên cảnh,
Dẫn dắt anh linh đáo Bửu tòa.
Nước trí bốn mùa sanh dị thảo,
Non nhơn tám tiết trở kỳ hoa.
Thoát trần đặng dự Bàn Đào hội,
Mới rõ người Tiên chẳng trẻ già.

Đức Như Ý Nương Nương dạy:

“Từ ngày dứt bỏ đặng xác tục rồi thì hồn Tiên

rất nên thông thả, chốn non linh muôn ngàn tự
toại, có lúc nhàn du miền động phủ, có cơn khiến
hứng chốn Bồng dinh, ngắm xem cảnh báu muôn
vẻ lịch xinh, rất thỏa tình người thoát tục.”

“Chư hiền hữu nên ghi nhớ rằng: người học đạo
Tiên gia thì phải cần tu chưởng đức lành. Bởi vậy
cho nên luôn luôn phải kèm chế lấy tâm phàm,
cân nhắc tội phước từ việc làm, chọn lọc từ lời nói.
Đừng để cho lòng tánh buông lung rồi tam muội
hỏa thiêu hết công đức lâm thì rất uống cho công
trình đã đào tạo.”

Lời khuyên nhủ của Đức Như Ý Nương
Nương, là một hồi chuông thức tỉnh người tu,
ngoài việc tạo chưởng công đức, phải chú trọng
rèn luyện tâm hạnh, cẩn thận trong lời nói, cân
nhắc trong việc làm. Nhược bằng, trái lại tất cả
mọi nỗ lực, mọi phấn đấu của chúng ta trong
suốt mấy mươi năm dài khó nhọc, chỉ là công
đã tràng thật đáng tiếc lắm thay!

Đức Bích Vân Tiên Cô¹⁴ dạy:

“Từ ngày nợ mãn số trần, căn Tiên phục vị đến
nay, tôi hằng thừa lúc thanh nhàn ngao du khắp
cả non Tiên động Thánh. Nay tôi mới rõ lại côi
trần đen tối, lạnh lùng, nặng nề, trọng trước, sánh
với non Tiên muôn phần khác hẳn, nào là thú
non nhơn nước trí, dị thảo kỳ hoa; bốn mùa thoai
khí đằm ấm êm đềm thanh tịnh. Người thì muôn
tuổi chẳng thay hình, còn cảnh vật lại ngàn năm
không đổi sắc, Thật: “Cảnh tục người Tiên không
thể trú, còn cảnh Tiên người tục dễ chi gần.”

Đức Quán Pháp Chơn Tiên dạy:

Thoát được rồi về nơi u nhã,
Chốn Thiên đình cảnh lạ đẹp xinh,
Phải đâu như ở thế tình,
Nay buồn, mai thảm, tháng kinh, năm sầu.
(...)

Tại đây tuyệt tuyệt phi già trẻ,
Ở đó vô vô bất luy phiền,
Thế giới Phật Tiên muôn vẻ lạ,

11. Ngọc Đế Chơn Truyền, trang 556– 557.

12. Thế danh Nguyễn Văn Huỳnh, còn gọi Ông Tư Huỳnh, chủ hãng đóng tàu cano và garage Cẩm Vân ở Cần Thơ, giúp Thầy lập Chiếu Minh Đàn tại tư gia năm 1928 ở Cần Thơ. Sau khi Thầy liễu, bà Tư Huỳnh thay ông lập ngôi Thánh Đức Tổ Đình năm 1935. Ông là đệ tử trực truyền từ Đức Ngô, và là hiền phu của đạo tỷ Trần Thị Hường.

13. Thế danh Trần Thị Hường, Thánh danh Minh Hồng, là người đứng ra tạo lập Tiên Tổ Đình và Hậu Tổ Đình, giữ gìn mối Đạo Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi nơi Hậu Giang.

14. Thế danh Nguyễn Thị Lưu, không những đặc vị mà còn ân phong vào hàng Hậu Bát Tiên. “Đàn nay Thầy ân phong cho Lưu vào hàng Hậu Bát Tiên, chứng vị là Bích Vân Tiên Cô thế cho Hà Tiên Cô thăng cấp.”

*Trần gian nào sánh hời chư hiền.*¹⁵

KẾT LUẬN

“Sanh tử là một vấn đề rất quan trọng. Ta cần biết chỗ khởi niệm phát ra lành hay dữ, mà vòng xích luân hồi phải đưa đẩy vào chỗ tối tăm, hay ra nơi sáng suốt.”¹⁶

Mục đích rốt ráo của người tu là tìm phương giải thoát trên cả hai mặt nhân sinh và tâm linh.

– Nhân sinh được đặt trên nền tảng như đạo, giúp con người ổn định đời sống thường nhật.

– Tâm linh được đặt trên nền tảng Thiên đạo, giúp con người an định nội tâm, tiến hóa từ cõi phàm lên cõi Thánh, giải thoát toàn diện cá thể con người, vượt lên trên tầng mức tầm thường trở nên phi thường. Được như thế, mới xứng phận chư đệ muội của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo với lời giáo hóa: “*Học phép trường sinh thoát tử sinh.*”

15. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 08–12 Đinh Mão (26–01–1988).

16. Đạo Học Chi Nam.

Đức Bác Nhã Thiên Sư dạy:

Tánh mạng song tu hay nhập Thánh,

*Âm dương lưỡng hiệp đặng trường sanh.*¹⁷

Đức Ngô Minh Đạo Nhơn dạy:

Ở thế mà tâm chẳng nhiễm trần,

Tránh điều si dục với tham sân,

Tâm mà thanh tịnh Tiên rồi đó,

*Dầu chốn bụi hồng bao lấy thân.*¹⁸

Đức Mẹ dạy:

Sanh cõi tục nhưng tâm thoát tục,

Lạc chợ đời không chút luyến đời,

Thuyền từ bể hoạn¹⁹ dòng khơi,

*Tu tâm luyện tánh về nơi đảo Bồng.*²⁰ ■

17. Minh Lý Thánh Hội, Thánh ngôn, 02–10–1973.

18. Ngọc Minh Đài, 15–4 Canh Tuất (19–5–1970).

19. Bể hoạn: hoạn hải, chốn quan trường. Ví chốn công danh là biển vì kẻ làm quan (hay công chức quyền thế) giống như kẻ vượt biển, rất nguy hiểm. Một là do cấp trên hiềm nghi hay do người khác ganh ghét hãm hại mà thiệt thân; hai là do danh lợi cám dỗ mà mất đức...

20. Thánh tòa vô vi Huỳnh Quang Sắc, 04–01 Ất Tỵ (05–02–1965).

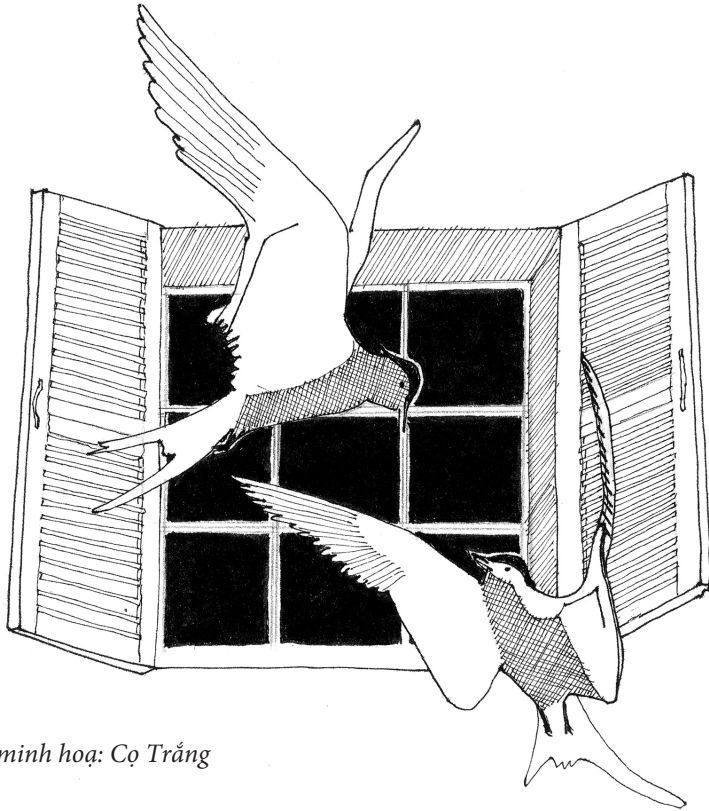


Thầy các con. Thầy mừng các con. Thầy hội chư Phật Tiên đến trần gian đêm Giao thừa để chứng tâm thành và ban ơn cho tất cả các con hưởng mùa xuân vui vẻ. Thầy miễn lễ, tất cả các con đồng an tọa.

Này các con! Năm mươi năm khai Đạo là các con đã hưởng năm mươi mùa xuân đạo dưới bóng Cao Đài. Con ôi! Xuân là Đạo vận hành biến dịch trong thế dinh hư tiêu tức, còn Đạo vô vi thì huyền nhiệm trường lưu. Con muốn thưởng xuân phải có tâm đạo thì tâm xuân mới phát hiện. Tâm xuân có phát hiện thì thế cuộc dầu có đổi thay phiên não, lòng con vẫn an định tự nhiên. Có an định tự nhiên mới thông đạt được lý Đạo. Có thông đạt được lý Đạo mới bảo trì quyền pháp phụng Thiên sự dân. Các con hãy đọc lại lời dạy của Thầy và chư Phật Tiên trong mười năm qua để điều hành nội bộ Cơ Quan và thực hành sứ mạng phổ thông giáo lý Đại Đạo. Thầy sẽ cho Thánh Thần hộ trì cho các con. (...)

Các con Ban Thường vụ, Vụ trưởng, chức sắc, chức việc, nhân viên Cơ Quan hãy đem những lễ phẩm hiến dâng cho Thầy cùng chư Phật Tiên trong đàn nay phân phát cho tất cả các con hiện diện hôm nay. Nếu cần có con khiếm diện muốn được hưởng, các con cũng chia cho chúng. Các con ghi nhớ lời Thầy dạy. (...)

▪ ĐỨC CHÍ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 01–01 BÍNH THÌN (30–01–1976).



minh họa: Cọ Trắng

HÃY LÀM CÁNH NHẬN YÊU THƯƠNG

■ DIỆU THUẬN

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn có viết: “Cám ơn đời mỗi sớm mai thức dậy. Ta có thêm ngày nữa để yêu thương.” Đúng vậy, con người sống ở trên đời này là để yêu thương. Dù cho đó là người đời hay người Đạo, ai ai cũng thọ bẩm trong người bản thể của Tạo Hóa, đó là lòng Nhân, là gốc của con người. Tình thương là một cái gì vô cùng thiêng liêng và cao quý, nó hằng hữu bất biến trong mỗi con người chúng ta và được cảm nhận bằng trái tim yêu thương mà con người trao tặng cho nhau. Tình thương, hai chữ nói ra thật đơn giản và có khi nghe thật là nhàm chán, nhưng để hành được tình thương cho đúng nghĩa, quên mình để

phục vụ tha nhân quả thật là muôn vàn khó khăn, gian khổ. Chính vì thế, từ ngàn xưa cho đến ngày nay, các tôn giáo thường dạy con người phải biết thương yêu nhau, thương yêu tất cả mọi người. Đồng thời khuyên dạy con người phải có một tình thương bao la rộng lớn đối với nhân loại như biển đại dương, không giới hạn, không đóng khung trong phạm vi dân tộc, tôn giáo... Đó chính là một thứ tình thương siêu việt như lời Đức Chúa Giêsu hằng dạy: “*Ta muốn bảo thương yêu là cái gì thuần khiết, du lưu trong mọi thời không, trong mọi sự kiện, chớ không phải tôn ngôi yêu thương lên Thần Thánh, cách biệt con người và vạn loại. Quả thật, ta không bảo chư hiền hằng ngày*

bái lạy sự thương yêu mà không thực hành thương yêu.”

Mỗi người trong chúng ta ai ai cũng có hột giống thiện lương Trời ban phát cho, đó là cái gốc Nhân. Nhưng tại sao con người lại cứ mãi đau khổ vì chiến tranh, thù hận, phải chịu cảnh nổi da xáo thịt, đồng bào đồng loại cũng từ bỏ... đó là do con người đã để cho vật chất kim tiền chi phối, xa rời tình thương – là cái gốc của mình, nên con người cứ phải chịu biết bao cuộc tang thương biến đổi, rẽ chia và ngày càng đi đến chỗ diệt vong.

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát dạy:

“*Chư hiền đệ hiền muội!*

1. Thánh thất Bàu Sen, 17–11 Kỷ Dậu (25–12–1969).

*Ngoài đời, nhơn sanh đang khổ lụy vì sự cộng nghiệp của nhơn sanh. Nghiệp ấy đã do nơi xa tình thương hoặc chối bỏ tình thương của Thượng Đế nên đã gây ra lắm điều phải trái hơn thua, từ đó là mầm nảy sanh bao điều tranh chấp rồi lẫn hời đi đến thảm trạng tương tàn tương diệt.”*²

Như thế để tránh thảm trạng tương tàn tương diệt, rẽ chia, con người phải thực hành cho được TÌNH THƯƠNG. Đó chính là phương thuốc linh đơn mầu nhiệm để chữa chứng bệnh nan y của sự rẽ chia, thù hận.

Đức Chúa Giêsu dạy: *“Sự chia rẽ là một căn bệnh nan y khó mà tìm được thần y hàn gắn lại. Chỉ có phương pháp Cha ta ban cho: Thương yêu siêu việt mới đủ điều kiện giải thoát con người ra khỏi chứng bệnh hiểm nghèo đó.”*³

Quả thật vậy, Đức Chí Tôn khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã từng dạy con cái Ngài phải biết yêu thương nhau, và yêu thương nhân loại. Đó là tôn chỉ để xây dựng một thế giới đại đồng tại thế gian cho con người cùng chung sống với nhau trong cảnh thái bình cực lạc, không kỳ thị, phân chia... và đó chính là phẩm vật quý báu dâng lên Đức Đại Từ Phụ.

Nói đến sự thương yêu thì không bút nào tả xiết, có

rất nhiều định nghĩa về tình thương như: “Thầy là Cha cả của sự thương yêu,” “Thương yêu là chìa khóa mở Bạch Ngọc Kinh”... Bài viết hôm nay không đề cập đến những định nghĩa về tình thương bằng những lời lẽ ca ngợi sự yêu thương trên lý thuyết, trên những trang giấy mà chỉ với ước mong nhỏ bé, mỗi người chúng ta hãy làm một cánh nhận yêu thương, một con sông yêu thương để chở tình thương bao la của Đức Từ Phụ đến cho muôn người đồng cộng hưởng, hầu xây dựng một cõi thiên đàng cực lạc tại thế gian.

Hãy nhìn xem tình thương của Tạo Hóa luôn ban đều cho khắp chúng sanh vạn vật, mưa nắng ban đều cho tất cả muôn loài, vạn vật nhờ đó mà sinh sôi, phát triển; đất thì luôn chở đỡ, hứng chịu tất cả mọi bợn nhơ, ô uế để biến nó thành những thứ mầu mỡ, có ích hầu nuôi dưỡng vạn linh. Vậy, con người hãy học noi theo đức của trời đất để yêu thương nhau, không thù nghịch lẫn nhau, luôn thương yêu, bảo bọc lẫn nhau cho dù người đó là người đối nghịch với mình. Để thực hiện được điều đó, điểm trước tiên chúng ta phải biết hy sinh cái bản ngã của mình.

1. HY SINH BẢN NGÃ

Khi nói đến sự thương yêu là ta nói đến sự hy sinh, nhưng thông thường thì con người dễ dàng hy sinh tiền bạc để giúp

đỡ người nghèo khó, hy sinh thời gian để giúp ích cho người khác... nhưng có một thứ hy sinh mà con người rất khó thực hiện, đó là hy sinh bản ngã của mình. Vì thói thường trên đời này phần lớn ai cũng thích nghe lời khen, nhưng lại rất khó chịu đôi khi còn giận dữ khi nghe lời chê bai, chỉ trích. Có một câu chuyện kể rằng:

Có một chú tiểu rất thông minh đến gặp một vị Lạt Ma và nói rằng: “Trời ơi! Ngài nổi tiếng lắm, đi đâu con cũng nghe danh Ngài.” Được khen, vị Lạt Ma liền hướng vô bên trong và kêu:

“Này thị giả, hãy mang kẹo ra cho chú tiểu.”

Chú tiểu nói tiếp:

“Ngài làm như vậy, sao mà giống như Phật dạy quá!”

Vị Lạt Ma lại gọi:

“Thị giả, mang thức ăn ngon ra cho chú tiểu.”

Chú tiểu khôn ngoan đó lại nói tiếp:

“Chính Ngài là Đức Phật tại thế.”

Vị Lạt Ma lại gọi vào trong:

“Hãy mang thêm 3 đồng tiền vàng cho chú.”

Chú tiểu nghĩ rằng như vậy là đủ rồi, và đứng chờ nhận quà. Chờ mãi mà không thấy ai ra, chú hỏi vị Lạt Ma: “Sao thị giả của Ngài chưa đem kẹo, thức ăn và vàng ra?”

Vị Lạt Ma nói: “Tại sao ta phải cho con kẹo, thức ăn, vàng thật chứ? Con chỉ cho ta những lời nói trống rỗng. Ta

2. Minh Lý Thánh Hội, 01-9 Kỷ Dậu (11-10-1969).

3. Thánh thất Bàu Sen, 17-11-Kỷ Dậu (25-12-1969).

cũng cho lại con những lời nói trống rỗng.”

Qua câu chuyện trên, chúng ta thấy mọi sự khen chê vốn dĩ chỉ là những lời nói trống rỗng, thoáng rồi nó sẽ tan đi theo mây khói. Vậy có gì chúng ta phải quá chú tâm vào những sự khen, chê của thói đời để rồi dẫn đến sự thù nghịch, ghét bỏ lẫn nhau. Là người tu ta cần nên tập hy sinh cái bản ngã của mình, không nên vui khi thấy được khen, không nên buồn rầu, giận dữ khi bị chê bai, chỉ trích. Tất cả chúng ta cần phải hy sinh cái bản ngã của mình, có thể chúng ta mới cảm thấy an vui, hạnh phúc, mới đối đãi với nhau bằng một tình thương chân thật. Trong cuốn gương Chúa Giêsu có lời khuyên người tín hữu phải diệt trừ bản ngã của mình bằng cách xa lìa những sự ca tụng của thế gian: “Bạn cần được coi như những người đã chết đối với những người thân. Bạn cần đến gần Chúa thì phải rút khỏi sự an ủi, khen ngợi, ca tụng của người đời, vì tất cả sự an ủi, ca tụng, khuyến khích của thế gian chỉ làm tăng cái bản ngã của bạn, mà bản ngã của bạn càng tăng, thì bạn càng xa Chúa nhiều hơn.”⁴

Là người tu đã chọn cho mình con đường Đạo, là con đường tâm linh tối thượng thì phải thực hành cho được tình

thương, vì đó là bản thể của Đạo. Muốn thế chúng ta phải tập hy sinh cái bản ngã của mình, sống theo chân ngã, chân tâm và thiện tánh của mình, tức là phải thương yêu tất cả mọi người, vì tình thương có một sức dưng mãnh to lớn, có thể chuyển hóa được tâm người từ dữ ra lành.

Trong những năm đầu tiên Khai Đạo, Đức Chí Tôn đã dạy các con cái của Ngài phải thương yêu nhau không những đối với đồng đạo, mà còn mở rộng ra cả đối với những người ngoài đạo, thù nghịch với mình. Ngài dạy chúng ta “*Chẳng những phải cứu trợ kẻ ngoại đạo, mà lại cứu kẻ nghịch cùng mình trong cơn nguy nữa.*”⁵

Tình thương của Đức Chí Tôn bao la rộng lớn như biển cả đại dương, chúng ta phải là một con sông chở nặng tình thương của Người đến khắp đồng bào đồng chủng. Để làm được điều đó, hằng ngày, hằng giờ, hằng phút chúng ta phải thường xuyên nhắc nhở, xem xét thân tâm của mình không ngừng nghỉ, để diệt trừ những mầm mống của ích kỷ, tật đố, rẽ chia, hy sinh bản ngã, để thương yêu nhau bằng một tình thương chân thật. Đức Chí Tôn dạy: “*Các con là những thành phần giác ngộ, học đạo tu thân, trong lúc còn các con cái khác của Thầy vẫn còn đi trong bóng tối của bến mê tội lỗi. Là thành*

phần giác ngộ đi trước, các con hãy nên thương chúng nó, hợp nhau lại để dìu dẫn chúng nó, đem tình thương đến an ủi vỗ về chúng nó, dìu dẫn chúng nó lại con đường giác. Trong lúc chúng nó khảo đảo các con, làm phiền lụy các con, không phải vì chúng nó muốn như vậy, mà vì vô minh nên không biết đâu là tội, đâu là phúc. Vì lẽ đó, các con nên tha thứ, thương yêu chúng nó hơn là giận hờn phiền trách rồi bỏ chúng nó càng ngày càng đi sâu vào hố sâu vực thẳm của tử thân. Làm được như vậy là các con đã đem món quà Xuân quý vô giá hiến dâng cho Thầy đó.”⁶

Qua lời dạy trên, Đức Chí Tôn đã khuyên chúng ta phải tập dẫn sự bình thản, không tỏ ra giận dữ, ghét bỏ đối với những người luôn khảo đảo, làm phiền lụy ta; trái lại ta phải tập thương yêu những người đó nhiều hơn nữa. Điều này quả thật là khó khăn, nhưng ta cứ luôn tâm niệm và cố gắng thực hành từng giây, từng phút, từng giờ một cách kiên trì bất thối chuyển thì đến một lúc nào đó chúng ta sẽ đạt được thời, nếu như ta có quyết tâm thực hiện. Bên cạnh việc tập hy sinh bản ngã, chúng ta cũng cần phải có sự lắng nghe để chia sẻ, cảm thông và luôn đặt những gì mà chúng ta không hài lòng theo chiều hướng tích cực, cảm thông hơn là thù hằn, trách móc.

4. Theo Wisdom Bliss and Common Sense – nguyên tác Darshani Deane, bản dịch Nguyễn Phong.

5. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, đàn ngày 20-7-1934.

6. Nam Thành Thánh thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

2. PHẢI BIẾT LẮNG NGHE, THÔNG CẢM

Đức Quan Thế Âm muốn cứu vớt một chúng sanh nào ra khỏi đau khổ thì Ngài cũng phải lắng nghe những tiếng kêu cứu của chúng sanh để đến cứu giúp. Đức Chúa Giêsu cũng là một người luôn chăm chú lắng nghe. Các Ngài lắng nghe để đáp trả những gì mà chúng sanh đã tự trong thâm sâu kêu gọi các Ngài. Trong nhiều cuộc chữa lành cho người mù được sáng, người phong cùi được lành lặn... Chúa đã luôn lắng nghe và bằng quyền năng, Ngài đã sờ chạm và chữa lành mọi vết thương cho những người bệnh. Người đã trao cho con người niềm hy vọng và tin yêu trọn vẹn. Người luôn cẩn thận lắng nghe kẻ thù nói và trả lời họ sau khi đã suy nghĩ kỹ.

Vậy để thương yêu được những người đối nghịch, ngoài việc hy sinh bản ngã, chúng ta cũng cần nên bình tĩnh và sáng suốt lắng nghe, thông cảm cho những hoàn cảnh, tâm trạng, cách ứng xử của họ, chớ không nên vội vàng phán đoán, lên án và trách cứ một ai; vì sống trên cõi đời này có ai dám tự hào rằng trong suốt cuộc đời của mình là không có lỗi lầm chằng? Kinh Thánh có ghi lại một câu chuyện: “Còn Đức Giê-su thì đến núi Ô-liu. Vừa tảng sáng, Người trở lại Đền Thờ. Toàn dân đến với Người. Người ngồi xuống giảng dạy họ. Lúc đó, các kinh sư và người Pha-ri-sêu

dẫn đến trước mặt Đức Giê-su một phụ nữ bị bắt gặp đang ngoại tình. Họ để chị ta đứng ở giữa, rồi nói với Người: “Thưa Thầy, người đàn bà này bị bắt quả tang đang ngoại tình. Trong sách Luật, ông Mô-sê truyền cho chúng tôi phải ném đá hạng đàn bà đó. Còn Thầy, Thầy nghĩ sao?” Họ nói thế nhằm thử Người, để có bằng cớ tố cáo Người. Nhưng Đức Giê-su cúi xuống lấy ngón tay viết trên đất. Vì họ cứ hỏi mãi, nên Người ngẩng lên và bảo họ: “Ai trong các ông sạch tội, thì cứ việc lấy đá mà ném trước đi.” Rồi Người lại cúi xuống viết trên đất. Nghe vậy, họ bỏ đi hết, kẻ trước người sau, bắt đầu từ những người lớn tuổi. Chỉ còn lại một mình Đức Giê-su, và người phụ nữ thì đứng ở giữa. Người ngẩng lên và nói: “Này chị, họ đâu cả rồi? Không ai lên án chị sao?” Người đàn bà đáp: “Thưa ông, không có ai cả.” Đức Giê-su nói: “Tôi cũng vậy, tôi không lên án chị đâu! Thôi chị cứ về đi, và từ nay đừng phạm tội nữa!”⁷

Qua câu chuyện trên, ta thấy để có được một tình thương yêu thật sự giữa người với người lẫn nhau, chúng ta không nên có cái nhìn thiên kiến, phán xét tội lỗi của một người nào khác, mà hãy có cái nhìn thương yêu, thông cảm, thấu hiểu để thấy được những điểm tốt, thiện lương bên trong con người đó. Đức Chúa đã dạy: “Anh em đừng xét đoán, để khỏi bị Thiên

Chúa xét đoán, vì anh em xét đoán thế nào, thì anh em cũng sẽ bị Thiên Chúa xét đoán như vậy; và anh em đong bằng đấu nào, thì Thiên Chúa cũng sẽ đong cho anh em đấu ấy. Sao anh thấy cái rác trong con mắt của người anh em, mà cái xà trong con mắt của mình thì lại không để ý tới?”⁸

3. PHẢI BIẾT THA THỨ CHO NGƯỜI

Đã biết là trên cõi đời này không ai là không có lúc lầm lỗi, thì tại sao ta không nên khoan dung, tha thứ cho người khác để thương yêu người hàng đối nghịch, ngược đãi mình. Nước Trời chỉ rộng mở cho những ai biết tha thứ cho người. Trong Kinh Thánh có một dụ ngôn kể rằng: “Nước Trời cũng giống như chuyện một ông vua kia muốn đòi các đầy tớ của mình thanh toán sổ sách. Khi nhà vua vừa bắt đầu, thì người ta dẫn đến một kẻ mắc nợ vua mười ngàn nén vàng. Y không có gì để trả, nên tôn chủ ra lệnh bán y cùng tất cả vợ con, tài sản mà trả nợ. Bấy giờ, tên đầy tớ ấy sắp mình xuống bái lạy: “Thưa Ngài, xin rộng lòng hoãn lại cho tôi, tôi sẽ lo trả hết”. Tôn chủ của tên đầy tớ liền chạnh lòng thương, cho y về và tha luôn món nợ. Nhưng vừa ra đến ngoài, tên đầy tớ ấy gặp một người đồng bạn, mắc nợ y một trăm quan tiền. Y liền túm lấy, bóp cổ mà bảo: “Trả nợ cho

7. Gioan 7:53-8:11.

8. Mt 7, 1-3

tao!” Bấy giờ, người đồng bạn sắp mình xuống năn nỉ: “Thưa anh, xin rộng lòng hoãn lại cho tôi, tôi sẽ lo trả anh.” Nhưng y không chịu, cứ tống anh ta vào ngục cho đến khi trả xong nợ. Thấy sự việc xảy ra như vậy, các đồng bạn của y buồn lắm, mới đi trình bày với tôn chủ đầu đuôi câu chuyện. Bấy giờ, tôn chủ cho đòi y đến và bảo: “Tên đầy tớ độc ác kia. Ta đã tha hết số nợ ấy cho người, vì người đã van xin Ta, thì đến lượt người, người không phải thương xót đồng bạn, như chính Ta đã thương xót người sao?” Rồi tôn chủ nổi cơn thịnh nộ, trao y cho lính hành hạ, cho đến ngày y trả hết nợ cho ông. Ấy vậy, Cha của Thầy ở trên trời cũng sẽ đối xử với anh em như thế, nếu mỗi người trong anh em không hết lòng tha thứ cho anh em mình.”⁹

Vậy thì ngay từ bây giờ chúng ta hãy luôn luôn nhớ đến lời dạy của Đức Chúa Giêsu để tập lần sự thương yêu tha thứ mỗi khi có ai xúc phạm đến ta. Trong Kinh Thánh có ghi lời của Đức Chúa trả lời Ngài Phê rô như sau: “Khi Ngài Phê rô đến gần Đức Giêsu mà hỏi rằng: “Thưa Thầy, nếu anh em con cứ xúc phạm đến con, thì con phải tha đến mấy lần? Có phải bảy lần không?”

Đức Giêsu đáp: “Thầy không bảo là đến bảy lần, nhưng là đến bảy mươi lần bảy.”¹⁰

4. CẦU NGUYỆN CHO NGƯỜI THÙ NGHỊCH:

Thông thường, con người thường chỉ cầu nguyện cho bản thân, gia đình và xa hơn nữa là bá tánh như sanh được tai qua nạn khỏi, bình yên; chứ ít khi nào chúng ta cầu nguyện cho mình đủ sức thương yêu mọi người, nhứt là những người thù nghịch với mình. Chính vì thế trong một lần giảng đàn, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát có dạy: “Chư hiền đệ muội! Ai cũng thường cầu nguyện Thiên Liêng Trời Phật phò hộ cho mình, cho gia đình được an bình hạnh phúc, nhưng có bao giờ cầu nguyện cho mình đủ dạ từ bi để sẻ chia, để thông cảm, xử sự với tha nhân như Đức Chí Tôn đối với chư hiền đệ muội không? Bản Đạo nhận thấy ít có như vậy lắm.”¹¹

Đức Diêu Trì Kim Mẫu cũng dạy:

Con hãy thương yêu kẻ ghét mình,

Thương đời mạt kiếp khó tồn sinh,

Thương thân cá chậu vòng oan nghiệt,

Thương phận chim lồng chốn nhục vinh.

Thương kẻ tội tình chưa thức tỉnh,

Thương người mê muội mãi u minh,

Có thương con mới dày công quả,

*Công quả là đường đến Ngọc Kinh.*¹²

Hòa là cực điểm của tình thương, muốn thương được người khác thì chúng ta phải hòa với nhau. Chính vì thế mà Đức Chúa Giêsu cũng từng dạy những người Ki tô hữu khi đem lễ vật đến dâng lên Thiên Chúa: “Nếu khi nào người dâng của lễ trên bàn thờ mà sự nhớ ra anh em có điều bất bình với người, hãy để của lễ người trước bàn thờ, hãy đi làm hòa cùng anh em đã, rồi người hãy đến dâng lễ.”¹³

Để đạt được tình thương thực sự, ngoài việc tập hy sinh bản ngã, thông cảm sẻ chia, tha thứ, cầu nguyện cho người đối nghịch, thì việc công phu thiền định, quán tưởng để có được tâm vô niệm sẽ giúp chúng ta phát triển lòng thương yêu. Vì khi có quán tưởng, để tâm tĩnh lặng một giây, một phút, một giờ là ta đã thực hiện được tình thương đối với tha nhân một giây, một phút, một giờ và cố gắng nuôi dưỡng sự tĩnh lặng đó nhiều hơn thì mỗi ngày tăng lên một chút, thì tâm từ của chúng ta cũng mỗi ngày sẽ tăng lên một chút và đến một lúc nào đó chúng ta đạt được tâm tĩnh lặng hoàn toàn thì lúc đó cũng chính là ta đã thực hiện được tình thương siêu việt của Đức Thượng Đế một cách hoàn toàn. Đồng thời có tĩnh lặng,

9. Mt 18, 21–35

10. Mt 18, 21–22.

11. Nam Thành Thánh thất, 14–10

Canh Tuất (12–11–1970).

12. Thánh Giáo Sứ Tập 1972–1973, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, tr.79.

13. Mt 5, 23–24.

chúng ta mới thấy được lẽ thật, mới thấy được cái chân ngã của mình và lúc nào chúng ta cũng phải luôn luôn tự nhủ với lòng rằng trong ta không được có sự thù hận, sự thù hận không phải là ta, nó là phạm ngã. Nếu lúc nào ta cũng mang lấy sự thù hận ở trong lòng chẳng khác nào ta mang theo một tảng đá thật nặng nó cứ đeo bám theo chúng ta làm cho chúng ta vô cùng khổ sở, phiền não và không bao giờ cảm thấy bình an trong cuộc sống.

Chúng ta nên biết rằng trong thế giới vô thường này không có việc gì là vĩnh cửu, bất biến, là hoàn mỹ vì biết đâu người hôm nay mà ta xem là một người bạn thì ngày mai người đó có thể trở thành thù nghịch với ta, và ngược lại người mà hôm nay thù nghịch với mình, mình không ưa thì biết đâu sẽ là người bạn thân thích của ta sau này. Thế thì, là một người chân tu đầy lòng nhân ái, trong tâm ta không nên có hai chữ “thù” và “bạn,” vì tất cả chúng ta đều là anh em với nhau, cùng chung một Đấng Cha lành Thượng Đế mà thôi.

Trong quyển Ánh Sáng Trên Thánh Đạo, một vị Chân sư có dạy: “Con hãy đứng trên quan điểm tuyệt đối vô ngã, nếu không cái nhìn của con sẽ bị lệch lạc. Do đó, trước tiên phải hiểu được sự vô tư, vô ngã. Không ai là thù, không ai là bạn. Tất cả đều là anh em của con. Kẻ thù của con trở thành một bí ẩn phải

được giải đáp, cho dù phải mất nhiều đời kiếp. bởi vì con phải hiểu rõ con người. Bạn của con trở thành một phần của chính con, một nơi rộng của chính con, một câu đố khó giải đáp.”¹⁴

Tóm lại: Là người tu, nhứt là người tín đồ Đại Đạo thực thi sứ mạng xây dựng thế giới đại đồng thánh đức cho mọi người cùng chung hưởng thì chúng ta phải thương yêu nhau, nhứt là những người thù nghịch với mình như lời Đức Chúa đã dạy trong Thánh Kinh: “*Hãy yêu kẻ thù mình, làm ơn cho kẻ ghét mình, chúc phước cho kẻ rủa sả mình, và cầu nguyện cho kẻ sỉ nhục mình... Hễ ai xin hãy cho... Các người muốn người ta làm cho mình thế nào, hãy làm cho người ta thế ấy.*”¹⁵

Mùa Xuân đã đến, và mùa Xuân cũng là lúc mà tâm hồn con người luôn phơi phới để chào đón Chúa Xuân. Mùa Xuân cũng ứng với đức Nhân, là lúc mà tâm hồn con người luôn mở rộng sự tha thứ, yêu thương và mong muốn những điều tốt đẹp đến cho mình và cho những người chung quanh. Vậy, mỗi chúng ta cũng thể theo tình Tạo Hóa hãy làm những cánh nhận yêu thương bay khắp mọi phương trời và trong bất cứ mùa nào trong tâm của chúng ta cũng là mùa Xuân để luôn yêu thương nhau, vận hành tình thương của Thượng

Đế đến khắp cho cả chúng sanh, nhân loại và để làm lễ phẩm quý báu dâng lên Thầy.

Thương nhau tặng vật hiến dâng Thầy

Chẳng luận loài nào khắp đó đây,

Thương nhóm không quen nơi đất Bắc,

Thương đoàn lạ mặt chốn phương Tây.

Dắt người đọa lạc về đường chánh,

Dẫn kẻ gian tà lại nẻo ngay, Khôn, dại, ngu, khờ lo tận độ,

*Thương nhau tặng vật hiến dâng Thầy.*¹⁶

XUÂN ẤT MÙI (2015).■

TU LIỆU THAM KHẢO

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Thánh Giáo Sưu Tập năm 1965, 1966–1967, 1970–1971, 1972–1973, 1974.
2. Tỳ khưu Visuddhacara, Thương yêu là thông cảm.
3. Dã Trung Tử, Thương yêu kẻ thù.

16. Thánh Giáo Sưu Tập 1968–1969, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, NXB Tôn Giáo, 2011, tr.230.



14. Mabel Collins, Light on the Path.

15. Luc 6, 27–31

NHỮNG VỊ QUAN THẾ ÂM

trong kinh điển và dân gian

(TIẾP THEO CDGL 126)

■ DIỆU THUẬN SƯU TÂM VÀ BIÊN SOẠN



Trong hai số Cao Đài Giáo Lý 125 và 126, người viết đã cung cấp tư liệu về một số hóa thân của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát qua các hình tượng: Thánh Quán Âm (Dương Liễu Quán Âm), Quan Thế Âm Bồ Tát Thiên Thủ Thiên Nhân, Chuẩn Đề Quán Âm, Thủy Nguyệt Quán Âm, là những ứng thân của vị Bồ Tát rất gần gũi trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam cũng như tất cả các nước trên thế giới. Đức Bồ Tát là một đấng từ bi và trí tuệ, Ngài tùy theo trình độ của chúng sanh mà ứng hóa theo từng hóa thân để cứu giúp và độ

dẫn người đời trở về con đường chơn chánh, thiện lương, đồng thời tìm cách giúp cho tự thân mỗi người nỗ lực vươn lên trong việc tu học hầu được cứu độ và thông dong tự tại trong cảnh Niết Bàn. Trong số này, người viết xin được cung cấp một số ứng thân khác của Đức Quan Thế Âm qua hình tượng: Mã Lang Phụ Quán Âm.

MÃ LANG PHỤ QUÁN ÂM (NGŨ LAM QUÁN ÂM)

Là hình tượng Đức Quan Thế Âm tay cầm giỏ cá, đây là hình ảnh mà Ngài đã từng hóa thân làm hôn lễ với Mã Lang nên còn gọi là “Mã Lang Phụ Quán Âm” nhằm hóa độ một người tên là Mã Lang và nhân dân trong vùng đất ở biển Nam Hải biết hồi đầu hướng thiện, tôn sùng Phật pháp. Hình tượng này có 3 truyền thuyết, trong đó có 2 truyền thuyết hơi giống nhau về hình thức hóa độ và 1 truyền thuyết nhằm giúp nhân dân xây cầu.

Truyền thuyết thứ nhất: Sau khi Đức Quan Âm vân du tới bờ biển Đông Hải, vốn là nơi ở vùng biên giới xa xôi. Nhưng những người dân ở nơi này vốn không tin Phật pháp, Tam Bảo, lại không biết lễ nghĩa, sống ích kỷ, ngu muội lại hung bạo, hiếu chiến không khác gì cầm thú. Để hóa độ những người dân này trở về con đường ngay chánh, thiện lương, một hôm vào buổi sáng sớm, Ngài biến thành một vị tăng hành cước đến chợ cá của thị trấn nhỏ ấy. Dân chài ở thị trấn này chủ yếu sống bằng nghề đánh cá, mỗi ngày đánh cá về đem ra chợ bán. Hôm ấy nhằm ngày họp chợ, thị trấn nhỏ vô cùng náo nhiệt. Bồ Tát

Quán Âm đi dọc theo con đường bằng ngang qua chợ, hai bên đường quây hàng chen chúc san sát, con đường vừa bẩn vừa loạn, chưa kể đến mùi tanh của cá. Nhưng điều đáng sợ hơn hết là dân chài thường gây lộn và đánh lộn. Người bán gây gỗ với người mua; các quây hàng tranh khách, tranh chỗ cũng mâu thuẫn xích mích với nhau, có khi còn động đến chân tay đấm đá. Trong một quãng thời gian ngắn mà không biết bao nhiêu vụ tranh chấp như thế đã xảy ra. Hai bên mắng chửi nhau bằng những lời lẽ thô tục.

Chính mắt Ngài Quán Âm nhìn thấy một thanh niên vạm vỡ lực lưỡng, vì muốn độc chiếm một chỗ tốt nên đã ngang tàng dùng tay đẩy một bàn hàng lớn tuổi một cách hung dữ. Cụ già bị đẩy ngã lăn xuống đất rồi mà còn bị thanh niên nọ dùng chân đá thêm mấy cái liên tiếp.

Người ta đồn rằng thanh niên này tên là Mã Lang, là người rất ngang ngược, thường xưng hùng xưng bá trong thị trấn này. Nhìn thấy chuyện như thế rồi, trong tâm Ngài Quán Âm khởi lên một niềm thương cảm. Ngài thấy sở dĩ dân cư ở đây thích đánh nhau là vì họ ích kỷ, ngu muội, tham tiền, bị ba độc tham sân si trói buộc. Bồ Tát quyết tâm dùng Phật pháp cải hóa những người dân ngu muội của thị trấn này, làm cho họ phải sùng kính Tam Bảo, giải trừ ba độc. Sau khi suy nghĩ cân nhắc chín chắn, Ngài Quán Âm xếp đặt một diệu kế.

Hôm sau, Bồ Tát Quán Âm hóa thành một cô gái thôn chài tuổi chừng đôi tám, tay cầm giỏ cá xuất hiện tại chợ. Cô gái dân chài này tóc bới song đào, mặc áo xanh thêu hoa, nhan sắc xinh đẹp, thân hình nở nang, đi chân đất uyển chuyển bước vào chợ, trong giỏ có vài con cá chép còn sống.

Cô tìm đến một chỗ vắng vẻ ít người, bày giỏ cá ra và bắt đầu rao: “Ai mua cá chép tươi không? Ai mua cá chép tươi không?”

Tuy cô không những không chen vào

những chỗ đông người nhiệt náo mà lại còn ẩn mình dưới một chân tường kín đáo, thế mà lạ thay, chẳng mấy chốc cô được mọi người chú ý vì những người qua lại trên đường, dấu gấn dấu xa cũng đều bị nhan sắc mỹ lệ của cô lôi cuốn, nhất là những anh chàng thanh niên trẻ tuổi. Họ tranh nhau đến gần đòi mua cá của cô, và lập tức, chỗ ấy trở nên thật đông đúc. Những anh chàng trẻ tuổi ấy biết rất rõ, họ viện cớ mua cá, chứ thật ra họ đến chỉ để ngắm nhìn nhan sắc mỹ miều của cô gái bán cá mà thôi. Giỏ cá của cô chỉ còn lại có hai, ba con, mọi người đều tranh nhau: “Bán cho tôi! Bán cho tôi!”

Cô gái bán cá cười hỏi những người đứng chen nhau trước mặt:

– Quý vị đừng tranh giành nữa, xin nghe tôi nói rồi sau đó hãy mua, được không? Đầu tiên tôi xin hỏi một câu, quý vị mua cá của tôi để làm gì vậy?

Người mua cá đáp:

– Còn phải hỏi, mua về nấu ăn chứ để làm gì?

Cô gái bán cá nói:

– Nếu mua về để nấu ăn thì tôi không bán, vì cá của tôi đặc biệt, không giống cá khác. Cá của tôi không thể dùng làm thức ăn cho người ta nuốt vào bụng. Cá này chỉ bán cho người từ thiện mua về phóng sinh mà thôi. Nếu quý vị muốn mua cá về nấu ăn thì trong chợ này thiếu gì chỗ bán, xin mời quý vị chiếu cố đến những quây hàng khác vậy.

Nghe cô gái nói như thế xong, phần đông người nghe đều thấy buồn cười, một thanh niên mồm loa mép giải cười ha hả trả lời:

– Thật là chưa từng thấy người nào bán cá như cô, trong một cái chợ cá như thế này thì mua cá về chỉ để nuốt vào bụng chứ để làm gì nữa, nếu mua cá về phóng sinh thì cần chi mất công làm hai việc, cứ đem tiền vứt xuống biển có phải giản dị hơn không?

– Phải đấy, phải đấy, đúng là lần đầu tiên mới thấy người bán cá kiểu này, nếu cô muốn làm phước thì đừng đi đánh cá. Chợ cá này

mỗi ngày bán cả ngàn, cả vạn cân cá, nếu ai cũng bảo mua cá về để phóng sinh thì người ta lấy gì ăn?

Mọi người cười âm lên và từ từ tản mác.

Bồ Tát Quán Âm nghe tiếng cười của những người ấy, bất giác thắm thờ dài. Đến chiều, cô gái bán cá lại hóa thành vị tăng hành cước vào miếu tạm trú, hôm sau lại lấy hình dạng cô gái bán cá, đi chân không, tay xách giỏ, vẫn ở chỗ hôm qua rao hàng. Và cũng như hôm qua, tuy có rất nhiều người vây quanh mà phần đông là những chàng trai trẻ, nhưng họ chỉ đến phá phách chứ không có một người nào thật tình chịu bỏ tiền ra mua cá phóng sinh.

Mấy ngày liên tiếp, sự việc cứ diễn tiến y như thế nhưng Bồ Tát Quán Âm vẫn kiên trì, ngày ngày vào chợ. Ngài lưu tâm quán sát, tuy mấy ngày qua có rất nhiều chàng trai trẻ đến vây quanh nhưng anh chàng thanh niên ngang ngược tên là Mã Lang kia thì không hề thấy mặt.

Hôm sau, Bồ Tát Quán Âm lại đúng lúc đúng thời có mặt tại chợ. Hôm ấy Mã Lang cũng đến, thì ra anh chàng đi xa mới về, nghe mọi người kể chuyện cô gái bán cá, anh chàng cũng muốn đến xem chơi cho vui. Khi nhìn thấy cô gái, Mã Lang cũng bị nụ cười của cô hấp dẫn. Có lẽ trước nhan sắc của cô gái, Mã Lang không dám để lộ ra thái độ ngang ngược của mình, mà cũng chẳng cười nói phá phách như những chàng trai trẻ khác, trái lại tỏ ra rất lịch sự nho nhã. Mã Lang chỉ hiếu kỳ muốn xem cô gái bán cá với mấy con cá trong giỏ của cô. Lúc ấy trong giỏ có ba con cá, tuy ở trên cạn đã lâu nhưng vẫn còn sống. Mã Lang cảm thấy có chi khó hiểu, tự hỏi từ đâu lại xuất hiện một cô gái như thế, thật là kỳ quái. Nhưng cô gái lại nhìn ngay Mã Lang mà hỏi:

– Sao, đại ca, có muốn mua cá phóng sinh làm phước không?

Bị hỏi thẳng mặt, Mã Lang không biết phải

trả lời thế nào, đâm ra luống cuống nên ấp úng trả lời:

– Cá tôi biết bao nhiêu, nếu muốn phóng sinh thì thả cá của mình chứ mua làm gì...

Nói xong, Mã Lang mau mau rời xa cô gái bán cá, sợ cô hỏi nữa thì không biết phải trả lời sao cho phải. Bồ Tát Quán Âm nhìn bộ dạng lúng ta lúng túng xa dần của Mã Lang, không khỏi muốn bật cười.

Mỗi ngày Bồ Tát Quán Âm vẫn đi bán cá phóng sinh, Mã Lang cùng rất nhiều chàng trai trẻ khác bị nhan sắc của cô gái bán cá làm cho mê mẩn tới hồn điên phách đảo. Ngày ngày nhìn cô gái, vài chục anh thanh niên đã phải lòng, bèn đi tìm người mai đến cầu hôn với cô, ai cũng tranh nhau để cưới cô gái bán cá về làm vợ, và Mã Lang cũng là một trong số người ấy.

Đó chính là điều mà Bồ Tát Quán Âm đã dự liệu trước, Ngài thừa biết chỉ có cách đó mới lôi kéo được những người dân chài vô tri ấy đến gần mình để có thể thi hành kế hoạch, nghĩa là dần dần cải hóa đám thanh niên cứng đầu xấu tính ấy. Ngài bèn nói với những người đến cầu hôn rằng:

– Tiểu nữ xin cảm ơn quý vị đã quan tâm đến. Trai lớn phải lấy vợ, gái lớn phải lấy chồng, tiểu nữ cũng muốn tìm một người tốt để nương thân suốt đời. Nhưng thân gái chỉ có thể có một chồng, mà quý vị đến cầu hôn lại đông như thế này, làm sao một mình tiểu nữ có thể cưới được cả mấy chục người đây?

Những người cầu hôn đều thấy cô gái bán cá nói đúng, không ai có thể trả lời câu hỏi cô gái. Phải rồi, bây giờ làm sao đây? Cô gái nói tiếp:

– Tôi có biện pháp này, không biết nói ra rồi, quý vị có làm theo được không?

Thấy có gái bán cá chủ động đưa ra biện pháp ai cũng muốn nghe theo, nên nhao nhao trả lời:

– Cô cứ nói, chúng tôi quyết y theo lời cô mà hành động.

Bồ Tát Quán Âm nói:

– Biện pháp của tôi rất công bình, nghĩa là ai muốn cầu hôn cũng phải học thuộc lòng một cuốn sách, một cuốn kinh Phật. Quý vị chưa ai từng đọc qua kinh Phật phải không, nhưng điều ấy không quan hệ. Tôi sẽ chỉ cho quý vị tụng kinh. Đây tôi có đem theo cuốn “Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn phẩm”, là một phẩm trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Tôi sẽ chỉ theo lối truyền khẩu cho quý vị, hôm nay quý vị học cho nhớ, để xem trong một đêm ai học thuộc lòng được thì tôi sẽ làm vợ người đó.

Mọi người nói:

– Hay, biện pháp hay, xin cô mau mau dạy!

Thế là Bồ Tát Quán Âm dạy cho họ từng câu, từng câu. Đám thanh niên học từng câu, từng câu và cũng ghi nhớ từng câu, từng câu. Sau đó, Bồ Tát Quán Âm nói:

– Quý vị nhớ hết chưa? Bây giờ hãy về nhà, sáng mai đến đây đọc.

Đám thanh niên ai cũng nhất tâm nhất chí, sợ quên mất nên ráng học thuộc lòng cẩn thận, nhưng mỗi người trời cho một trí nhớ tốt xấu khác nhau. Do vì muốn cưới cô gái bán cá xinh đẹp về làm vợ nên đêm ấy hầu như không ai ngủ, ai cũng đi qua đi lại trong nhà, chuyên chú đọc tụng điều đã học cho thuộc lòng, nhưng sau một đêm, chỉ còn có phân nửa số người có thể đọc thuộc lầu lầu. Phân nửa kia ra sức đến đâu cũng không sao nhớ được, chỉ biết buồn phiền rầu rĩ than thở vì đã đánh mất đi một cơ hội.

Còn phân nửa học được thuộc lòng thì vô cùng phấn khởi, người nào cũng đọc như cháo phẩm “Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn” cho cô gái bán cá nghe, và người nào cũng khoe mình học thuộc kỹ nhất, tụng hay nhất. Người nào cũng thấy rằng cô gái bán cá phải về làm vợ mình, tranh cãi nhau loạn cả chợ, người nào cũng đỏ mặt tía tai, thiếu điều đánh nhau.

Ngài Quán Âm sợ đám thanh niên quá giận dữ mà đánh nhau thật, vội nói:

– Các anh đừng cãi nhau nữa. Người thuộc kinh này đông như thế, không thể phân biệt cao thấp, thật là khó xử, chúng ta phải tìm biện pháp giải quyết vậy. Các anh đã học thuộc được phẩm “Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn”, phẩm này là sơ thừa của Phật giáo, bài kinh ngắn gọn, văn vẻ dễ học. Hôm nay có kinh này dài hơn, đó là kinh “Kim Cang”, tôi cũng sẽ đọc lên cho mọi người ghi nhớ, cũng lấy hạn định là một đêm, trong một đêm ai học thuộc kinh này, tôi sẽ làm vợ của người đó.

Chùng khoảng mười người chân chính muốn cưới cô gái bán cá xinh đẹp này về làm vợ nên không tranh cãi nhau nữa, chân thành học với ngài Quán Âm một cách rất chuyên chú. Dĩ nhiên học kinh Kim Cang khó thuộc hơn, mười chàng trai trẻ ấy lại trải qua một đêm khổ ải, dốc hết tâm lực để học nhưng cuối cùng chỉ còn có bốn người là có thể học thuộc. Hôm sau bốn người ấy đi gặp ngài Quán Âm. Họ lại nhìn nhau, không biết phải làm thế nào. Sau đó bốn người thương lượng với nhau để lấy một quyết định. Mã Lang là một trong bốn người ấy, đứng ra nói:

– Chúng tôi còn có bốn người, không muốn tranh giành với nhau nữa. Cô muốn chọn người nào trong bọn chúng tôi? Cô hãy quyết định, chúng tôi sẽ theo ý của cô, tuyệt đối không có ý kiến nào khác.

Ngài Quán Âm nghe xong rất vui mừng. Mới có hai đêm tụng kinh Phật mà tâm địa bọn thanh niên này đã thanh tịnh được rất nhiều, tâm ích kỷ tham lam đã giảm xuống không ít. Nhưng Ngài đến đây không phải vì vấn đề hôn nhân mà vì muốn tìm cách cải hóa họ thêm một tầng bậc nữa. Ngài bèn nói với bốn anh chàng thanh niên rằng:

– Tôi nhìn bốn người còn lại cũng thấy khó xử, người nào cũng xứng đáng cả, nếu do tôi quyết định chọn lựa thì e không được công bình. Tôi nghĩ tốt nhất là mình tiếp tục phương pháp cũ, lại học thuộc kinh Phật một lần nữa, lần này tôi chọn một bộ kinh dài hơn, ai thuộc thì tôi sẽ làm vợ người ấy.

Bốn người không còn cách nào khác hơn là nghe theo. Ngài Quán Âm bèn lấy ra bộ kinh dài tới 10 vạn chữ là kinh “Diệu Pháp Liên Hoa” và nói với bốn người rằng:

– Bộ kinh lớn này tên là kinh “Diệu Pháp Liên Hoa”, các vị đã học thuộc một phẩm trong bộ kinh này rồi, tức là phẩm “Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn”. Bây giờ các vị về nhà học thuộc bộ kinh lớn này, nội trong 3 ngày sau, ai học thuộc được thì tôi nguyện làm vợ người ấy.

Bốn người đều đồng ý rằng biện pháp ấy rất công bình, hơn nữa chỉ còn lại có bốn người, người nào cũng còn giữ hy vọng, có ai lại không muốn cưới mỹ nhân về làm vợ? Thế là bốn người lại chăm chỉ ghi nhớ học từng chữ, từng chữ với Ngài Quán Âm.

Về tới nhà, bốn người lại thêm một lần nữa gian nan khổ sở ba ngày ba đêm. Bộ kinh này rất khó thuộc, trong số ấy 3 người học không nổi vì lòng nóng như lửa đốt, mà càng nóng này thì càng học sai, họ chỉ đành tự nhận rằng mình dở, buồn bã chấp nhận sự thất bại. Có ai ngờ anh chàng Mã Lang lỗ mãng ấy lại quá giỏi, đọc thuộc lâu bộ kinh không sai một chữ. Nhìn Mã Lang đọc tụng bộ kinh lớn ấy lâu lâu, Ngài Quán Âm cũng phải thầm khen là giỏi. Vì ngay từ đầu đã giao ước rõ ràng, Bồ Tát Quán Âm vui vẻ nhận lời cầu hôn và nói với Mã Lang rằng:

– Tôi nói là làm, anh cứ về chuẩn bị và định ngày hôn lễ.

Mã Lang thấy mình sắp cưới được cô gái bán cá xinh đẹp, thôi thì miệng cười không ngớt. Mấy ngày vừa qua Mã Lang đã thay đổi rất nhiều mà không biết, nhờ chuyên tâm đọc kinh Phật, không còn tranh giành gây gổ ngoài chợ nữa, nhờ thế chợ cá cũng trở nên yên ổn hơn. Bây giờ anh chàng lại hân hoan chuẩn bị lễ cưới, trong nhà từ già tới trẻ ai cũng vui mừng hơn hờ, chờ đợi đón nàng dâu tuyệt sắc giai nhân về.

Ngày hôn lễ, giăng đèn kết hoa rực rỡ, vô

cùng nhiệt náo nhưng có ai ngờ khi cô gái bán cá được các cô phù dâu quây quần xúm xít đưa đến phòng hoa chúc, khi mọi người trong làng đang vui vẻ chọc phá trước cửa phòng thì tân nương đột nhiên ngã xiêu xuống đất, chẳng bao lâu sau tắt thở mà chết.

Đương nhiên rõ ràng chuyện xảy ra như thế là do Bồ Tát Quán Âm dùng một chút thần thông mà làm nên. Niềm vui của Mã Lang chưa tàn mà bi thương đã ập đến, chỉ biết đem thi thể người vợ chưa cưới đi tẩn liệm. Mã Lang thương nhớ cô gái bán cá xinh đẹp nên quyết tâm không lấy vợ khác, mỗi ngày còn âm thầm đọc tụng và học thuộc kinh Phật khác cho bớt buồn khổ. Hơn nữa, ban đầu anh chàng học kinh một cách mù quáng nhưng bây giờ thì đã bắt đầu tìm hiểu nghiên ngẫm Phật Pháp, ngộ được rất nhiều đạo lý, và cuối cùng, cả con người chàng biến đổi, không còn hung hãn ngang ngược, không còn ức hiếp người làng nữa.

Mấy tháng sau, Bồ Tát Quán Âm thấy Mã Lang đã tỉnh ngộ nhiều, lại hoá thành vị tăng hành cước đến thị trấn để giáo hóa thêm một bước cho Mã Lang, chỉ cho anh chàng thấy đâu là bến mê, đâu là bờ giác.

Nhờ nhiều ngày tụng kinh tin Phật nên gặp vị tăng hành cước, Mã Lang cảm thấy có gì rất thân thiết, hai người nói chuyện với nhau rất tâm đầu ý hợp. Mã Lang bùi ngùi thương tiếc đem chuyện tụng kinh cưới vợ cho vị tăng nghe. Lúc ấy Bồ Tát Quán Âm mới nói với Mã Lang:

– Cậu đừng buồn chuyện ấy nữa, cậu có biết cô gái đánh cá ấy là ai không? Chính là Bồ Tát Quán Âm ở Nam Hải Phổ Đà đấy. Ngài đến thôn chài này chỉ là để cảm hóa các vị mà thôi. Nếu không tin hãy quật mồ lên xem, lúc ấy sẽ rõ.

Mã Lang nghe lời vị tăng, đi quật mồ lên xem và giật mình thấy trong mồ không hề có thi thể của cô gái bán cá nào cả, mà chỉ có một khúc xương đòn bằng vàng ròng. Bồ Tát Quán Âm lại bảo:

– Sao? Bây giờ cậu biết Pháp lực của Bồ Tát rồi chứ? Chỉ vì dân chúng các vị ở đây không biết

lễ nghĩa, không tin Phật Pháp, ngang ngược hiếu chiến, vô tri ngu muội nên Ngài mới hóa thành cô gái bán cá đến đây cảm hóa các vị. Mà chính cậu là người có Pháp duyên nhiều nhất, đã được nghe và học hai bộ kinh Kim Cang và Pháp Hoa. Từ nay về sau, cậu nên theo sự chỉ dẫn của Bồ Tát mà hoàng dương Phật Pháp, hướng dẫn chúng sinh, sau này công đức viên mãn, hậu vận rất tốt.

Mã Lang gật đầu đồng ý, vâng dạ luôn mồm. Đang lúc nói chuyện, vị tăng đột ngột biến mất, Mã Lang hiểu rằng đây cũng chính là Bồ Tát Quán Âm về giáo hóa mình, nên nhìn lên không trung bái tạ không ngừng.

Từ đó trở đi, Mã Lang dùng căn nhà tranh ba gian của mình sửa thành cái miếu, dựa theo hình cô gái bán cá mà tạc bức tượng ngài Quán Âm. Vì tay Ngài cầm giỏ nên mới đặt tên là “Ngư lam Quán Âm”.

Truyện thuyết thứ hai: cũng hơi giống truyện thuyết thứ nhất, nhưng truyện thuyết này được lưu truyền trong dân gian Trung Hoa về một cô gái xinh đẹp được sinh ra trong một gia đình bán cá tại Tỉnh Thiểm Tây vào năm Nguyên Hòa đời nhà Đường. Cô gái này hằng ngày mang cá ra chợ rao bán, rất xinh đẹp và nổi tiếng hiếu thuận với cha mẹ nên có nhiều đám đến hỏi cưới. Vì số người cầu hôn mỗi lúc một nhiều nên cô gái xin cha mẹ ra điều kiện kén chồng.

Điều kiện cô ra là đổ những bậc mỳ râu có thể đọc thuộc lầu kinh Quán Âm Phổ Môn trong một đêm. Qua ngày hôm sau, số người học thuộc còn khoảng trên dưới 20 người. Điều kiện kế tiếp của cô là đòi hỏi họ học thuộc Kinh Kim Cang, số người đạt được điều kiện này chỉ còn lại năm. Đến ngày thứ ba khi cô dùng Kinh Pháp Hoa ra đổ thì chỉ còn một mình chàng thư sinh họ Mã là đọc thuộc lầu lầu. Cô gái bán cá này nhận lời đính ước với anh ta.

Đến ngày rước dâu, khi tân khách đến dự vừa rời khỏi nhà thì cô dâu ngã lăn ra chết.

Xác của nàng được chôn tại Kim Sa Thang. Mấy hôm sau có một vị lão tăng đi ngang qua đây hỏi thăm tìm đến viếng mộ nàng. Nhà sư nói với mọi người chung quanh là cô gái này chính là hiện thân của Quán Thế Âm xuất thế để dạy dỗ chúng sinh. Nói xong nhà sư dùng thiền trượng hất ngược nắp quan tài của nàng văng lên trên không. Quả nhiên trong quan tài chỉ còn lại một đôi vòng vàng sinh lễ của chàng thư sinh họ Mã. Từ đó dân chúng vùng Thiểm Tây cung phụng vị Bồ Tát này càng ngày càng đông. Họ đã tạc tượng người y như cô gái bán cá lúc còn sống. Vì vậy mà tượng này có tên Mã Lang Phụ Quán Âm, hay có người còn gọi là Ngư Lam Quán Âm (Quán Âm tay xách giỏ cá).

Truyện thuyết thứ ba: Truyện thuyết này khác với hai truyện thuyết trước. Đây là hình tượng Đức Quan Âm tay cầm giỏ cá và nhánh lá. Theo truyện thuyết này thì do thấy dân chúng sống trong một vùng mà con sông không có cầu, người qua sông rất dễ ngã xuống. Để giúp cho người dân vùng này có phương tiện qua lại một cách an toàn, Ngài đã hóa thân thành một mỹ nữ bán cá, nhưng có điều kiện rằng ai có nhiều tiền ném vào trong giỏ cá thì sẽ cưới làm chồng, nếu ném không trúng thì phải bỏ ra khoản tiền để xây cầu, kết quả chẳng có ai ném trúng. Những người không ném trúng đều phải mang tiền đến, tiền chất thành đống che khuất không còn nhìn thấy Ngài. Khi nhìn lại thì mọi người thấy Ngài hóa thân đứng trên sông.■

TƯ LIỆU THAM KHẢO

- Tủ sách Phật Học Ứng dụng, Dịch giả Phạm Huệ, Những hạt đậu biết nhảy, Nxb. Văn hóa thông tin.
- TK. Thích Minh Hiếu, Bạch Y Đại Sĩ, bài thuyết giảng trên YouTube.
- Diệu Hạnh Giao Trinh dịch, Nguyễn Minh Tiến hiệu đính và giới thiệu, Truyện thuyết về Bồ Tát Quán Thế Âm, mạng Internet.

THI TIÊN LÝ BẠCH

Phần 2 . Chủ đề: XUÂN, HOA, CẢNH

■ TỬ LA LAN



minh họa: Cọ Trắng

Xuân đang về. Thật đẹp những ngày chờ Tết. Vì xuân vẫn còn phía trước. Xuân còn đợi ta giữa dòng thời gian, dù ngàn năm vẫn đang lạnh lùng cuốn về vô tận. Từng nuối tiếc “Xuân đang đến nghĩa là xuân đang qua”, với một chút “vội vàng”, Xuân Diệu muốn níu lại những cảnh thơ phơ phất, hay mong ôm vào lòng gió xanh đồng nội. Henry David Thoreau¹ lại chậm rãi: “Chẳng gì có ích cho con người hơn là sự kiên tâm giữ mình không vội vã”. Sao khác biệt vậy?

Trường An, một ngày xưa.

Thôi Hộ đi thi không đỗ tiến sĩ. Giữa tiết Thanh Minh, chàng học trò áo trắng độc bộ dạo bước ở Nam Đô. Chợt thấy một ngôi nhà trồng đầy hoa. Gọi cửa rất lâu, có một người con gái hỏi vọng qua khe cửa. Chàng trả lời:

– Tầm xuân độc hành, tửu khát cầu ẩm.

Cô gái mở cửa, mời Thôi Hộ chén trà. Nụ cười xuân xinh làm nhạt cả màu hoa đào đang rục rở trên cành. Từ biệt, xa về. Thu qua đông tới, nhưng nụ tầm xuân vẫn nở ấm lòng. Thanh Minh năm sau, Thôi Hộ tìm về nơi cũ. Vẫn cánh cổng, vẫn hoa đào. Nhưng cửa đã khóa, và cô gái năm xưa không còn đó. Không tìm thấy Tết giữa tiết xuân giờ giá lạnh, chàng để bút lên vách cửa:

(...) Nhân diện bất tri hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiếu đông phong.

TẠM DỊCH

Rời người xưa biết về đâu
Còn hoa đào cũ trên lầu gió đông.

Gặp người, xuân suốt cả năm. Không gặp, xuân rời đi giữa Tết. Vậy, xuân ở đâu, nếu không phải chính nơi lòng người. Khi hiểu ra, ta sẽ không cần nữa “vội vàng”. Xuân chưa đến thật đẹp. Xuân đang đến hãy thật thắm. Xuân đi

1. Henry David Thoreau (1817–1862), nhà thơ, nhà văn, một triết gia người Mỹ, cựu sinh viên Harvard, ăn chay trường. Ông là người cống hiến trọn đời cho công cuộc giải phóng nô lệ...

qua vẫn hây như hoa còn đọng lại hương thơm. Mùa xuân sẽ hiện diện trong từng khoảnh khắc hiện tại, bởi xuân không chỉ là cánh én gấp gáp, hoa mai hé vội, hay chút thoáng sương se gió mát, mà là niềm vui an nhiên thường tại giữa vườn tâm thanh tịnh.

Đình Trầm Hương, năm Thiên Bảo. Lý Bạch đang ở tòa Hàn Lâm.

Trong cung vừa trồng được một loài hoa mẫu đơn rất quý, mang tên Mộc Thuộc Dược. Ngày xuân, thường danh hoa, đối giai nhân phi tử, Đường Minh Hoàng truyền lệnh cho nhạc trưởng Lý Quý Niên cầm sẵn giấy hoa vàng, mời Lý Bạch đến. Vào cung đã có chút hơi men, ông vẫn múa bút để thơ:

1. THANH BÌNH ĐIỀU – KỶ MỘT

*Vân tưởng y thường hoa tưởng dung
Xuân phong phát hạm lộ hoa nùng
Nhuộc phi Quân Ngọc² sơn đầu kiến
Hội hướng Dao Đài³ nguyệt hạ phùng⁴.*

Xin tạm dịch:

KHÚC HÁT THANH BÌNH - 1

*Sắc như hoa, áo như mây
Sương hiên gió thoảng xuân bay nồng nàn
Non Quân Ngọc đã gặp chẳng
Hay Dao Đài hẹn dưới trăng hạ trần.*

Rồi giữa thi hứng, Lý Trích Tiên đề tiếp một mạch hai bài tứ tuyệt nữa, được đặt tên thành Thanh Bình Ca – hai và ba. Thanh Bình Ca – kỳ hai, khởi đầu bằng hai câu thơ bất hủ.

Sau này, khi viết về hai câu thơ ấy, cố thi sĩ Bùi Giáng đã kính cẩn nghiêng mình:

“Riêng hai câu này thôi, đủ khiến tại hạ đem Truyện Kiều để tặng ông Lý Bạch chơi một trận:

Nhứt chi nùng diễm lộ ngưng hương

2. Quân Ngọc: tương truyền là nơi tiên ở.

3. Dao Đài: tương truyền là nơi tiên ở.

4. Từ Hán-Việt: Y: áo; Thường: xiêm (váy áo); Phát: phảng phất; Hạm: mái hiên; Lộ: sương; Nùng: đậm đà, nồng nàn; Sơn đầu: chót núi; Kiến: trông thấy; Hội: hội họp, gặp gỡ; Hướng: ngóảnh về; Phùng: gặp.

Vân vũ Vu Sơn⁵ uống đoạn trường...

Tạm dịch:

*Say hương, sương đậu cành hồng
Vu Sơn chi tiếc nhói lòng mưa mây.*

Đọc thơ Lý Bạch, ta hốt nhiên không rượu mà say, như lời bộc bạch của Trung-Niên-Thi Sĩ:

“Cái sầu của Tản Đà dễ hiểu. Lối cợt nhả của Trang Tử, cũng chẳng có gì lạ. Nhưng mỗi phen nghĩ tới Lý Bạch, ta như chạm phải một cái gì đó quá đồ sộ xa xôi. Ta thử nhiều phen uống rượu, xem có gần gũi được ông Lý chăng. Nhưng lời thơ nhẹ như tơ trời của ông vẫn xa vắng quá... Chẳng thể nào viết được những lời đơn sơ bát ngát như thơ Lý Bạch...”

Xuân. Dù mỗi người đều riêng một nỗi lòng. Nhưng những ngày đón gió xuân về ta bỗng cùng hóa thân thành những chiếc lá nhỏ xao động, rung rưng theo làn gió mát, vai choàng nhạc khúc lao xao. Mắt thăm thì ngược lượn cánh én nghênh ngang, lòng rủ rê hẹn sáng ban mai ngấm giọt sương đậu cánh mai vàng. Hay giữa đêm trừ tịch, bước theo chân thi nhân Lý Bạch, để rộn ràng tan tan về xưa trong tiếng sáo Lạc Dương:

2. XUÂN DẠ LẠC THÀNH VẤN DỊCH

*Thùy gia ngọc địch ám phi thanh
Tán nhập xuân phong mãn Lạc thành⁶
Thử dạ khúc trung văn “Chiết Liễu”⁷
Hà nhân bất khởi cố viên tình⁸.*

Chúng tôi tạm dịch:

ĐÊM XUÂN NGHE TIẾNG SÁO LẠC DƯƠNG

*Lạc Dương tiếng sáo nhà ai
Thoảng tan vào gió xuân bay khắp thành
Ai nghe “Chiết Liễu” đêm thanh*

5. Vu Sơn: Trong bài thơ “Cao Đường Phú” của Tống Ngọc, Sở Tương Vương mộng thấy cuộc vui với Thần nữ Vu Sơn, tỉnh giấc mơ cứ ôm lòng tiếc nhớ.

6. Lạc Thành: Thành Lạc Dương, đời Đường gọi là Đông Đô, nay là thành phố Lạc Dương, tỉnh Hà Nam.

7. “Chiết Dương Liễu,” nhạc khúc biên soạn cho sáo ngang, tác phẩm gợi nhớ quê nhà.

8. Chử Hán-Việt: Lạc: thành Lạc Dương; Văn: nghe; Dịch: ống sáo thổi ngang; Thùy: ai; Ám: tối; Tán: tan; Mãn: khắp; Thử: ấy (cái ấy); Vườn: vườn; Tình: tình cảm.

Mà không lòng nhớ cho đành vườn xưa

“Cổ viên,” hay miền quê xa, luôn là nỗi nhớ da diết của kẻ tha hương. Quê Xưa, còn là nơi người tu luôn hướng lòng về. Ngày 26 tháng Chạp Bính Ngọ (05-02-1967), giảng cơ tại Thiên Lý Đàn, Đức Lý nhắc:

(...) Nếu chẳng biết mình nơi vị cũ
Chưa rời bến tục đã hoàng hôn...

Đến bến không sang đò vẫn đợi
Không sang thì trở bước đường dài (...)

Nếu lòng người tu ví như một vò mỹ tửu, thì phần trên “be”, thỉnh thoảng bênh bồng một nỗi buồn nhớ quê nhà. Sâu hơn, bên dưới đáy “vò”, đôi lúc ta vẫn không xóa được vài nỗi buồn vô cớ, những nỗi nhớ lặng lẽ (đời vốn đâu có buồn, chỉ tại lòng ta ôm giữ), về một Miền-Quê-Xưa xa xăm lắm. Nhất là khi đọc lại câu Thánh giáo chở đầy cả thuyền thương mến như thế của Đức Lý: “Đến bến không sang đò vẫn đợi”...

3. XUÂN TỬ

Yên⁹ thảo như bích ty

Tần¹⁰ tang đề lục chi

Đương quân hoài quy nhật

Thị thiếp đoạn trường thì

Xuân phong bất tương thức

Hà sự nhập la vi¹¹.

Chúng tôi tạm dịch:

Ý XUÂN

Cỏ Yên tơ biếc mong manh

Đâu Tần xanh trĩu trên cành phương xa

Chàng đang mong trở về nhà

Là lòng thiếp đã muôn tà nhớ mong

Quen biết gì ngọn xuân phong

Mà màn the dựa mà phòng khuê lay.

9. Yên: một nước phía bắc Trung Hoa, nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

10. v Tần: ở giữa Trung Hoa, hiện thuộc tỉnh Thiểm Tây. Yên- Tần, cách biệt xa xôi giữa hai miền bắc và trung của Trung Hoa.

11. Từ Hán-Việt: Tứ: ý tứ; Bích: xanh biếc; Ty: tơ; Đề: thấp; Lục: xanh lục; Chi: nhánh cây; Đương: đang (lúc); Hoài: nhớ; Thị: ấy là, như thế; Thì: thời; Tương: cùng nhau; La: một loại lụa; Vi: màn.

Khi nghe đề tựa “Xuân Tử,” ta dọn lòng hân hoan đón chúa xuân vui, rửa tâm hồn rớt chén sum vầy. Vậy mà đọc bài thơ dường chỉ có nỗi buồn chinh phụ. Nhưng, đó lại là thi ý độc đáo của bài thơ, và mới chính là nét trầm thống khiêm mặc đã làm ngẩn ngơ mặc khách tri nhân. Nhấp chung rượu xuân ý, Thiên sư Áo Đường Trung Nhân đời Tống đã từng lưu hảo bút:

(...) Khả lân vô hạn thương xuân ý
Tận tại đình châm bất ngữ thì

Tạm dịch:

Thương xuân ý mấy cho lòng

Ngẩng tay thêu chột dềnh

Không nên lời

Đọc bài thơ Xuân Tử, gợi nhớ tài hoa Nguyễn Du “Bẻ bai rủ rí tiếng tơ / Trầm bay lạc khói, gió đưa lay rèm,” hay nỗi chờ mong khắc khoải u nhã của nàng Kiều “Tin sương luống những hoài mong / Mai chờ dưới nguyệt sâu đong voi đầy.”

Một sáng xuân nhiều mây, có chùm gió vô tình rẽ nhánh đào ghé lay màn lụa, thì cũng rung lắc sâu thẳm khuê-phòng-côi-lòng thiếu phụ, vốn mong đợi nhiều lần hơn ngày không xuân. “Xuân Ý” chính là nỗi rộn ràng không hẹn với gió xuân “lạ hoắc,” khẽ lắt lay mà tạt sệt vào lòng người. Gió hấp háy bước vào, không chịu khép cửa, còn mang theo tình thức rất quen của viễn khách, khua khuấy bằng giá nhớ mong đang nặng xuân lòng thiếu phụ.

Xuân, không thể vắng hoa xuân. Ta hãy cùng dừng chân giữa trầm mặc rừng núi, nơi có dòng suối trong veo đang thiển ẩn, để ngắm một loài hoa đơn sơ, mà lộng lẫy bậc nhất của tạo hóa...

4. THỦY PHÙ DUNG¹²

Bích hà sinh u tuyến

Triều nhật diễm thả tiên

Thu hoa mạo lục thủy

Mật diệp la thanh yên

12. ài thơ này thực ra không có tên, là bài thứ 26 trong 59 bài Cổ Phong chép trong tập thơ Lý Bạch. Thủy phù dung là tên gọi của hoa sen.

Tú sắc không tuyệt thế
Hinh hương thùy vị truyền
Toạ khán phi sương mãn
Điều thử hồng phương niên
Kết căn vị đắc sở
Nguyễn thác Hoa Tri biên¹³.

Tạm dịch:

HOA SEN

Suối sâu sen biếc mấy cành
Xinh tươi tô điểm cho thanh tân ngày
Nước pha lục, đóa thu cài
Lá chen lá giữa khói bày cuộc xanh
Tuyệt trần hoa đẹp như tranh
Khoác hương thơm dịu như dành trao ai
Ngồi nhìn sương sớm đầy bay
Ngày tươi năm thắm sẽ phai rồi tàn
Chưa tìm được chốn bằng an
Ao Tiên nguyện gửi bước giang hồ về.

Đầu non hái lá, bờ suối bẻ măng. Đêm có trăng vàng lộng lẫy, ngày có hoa sen long lanh. Có gì hơn nữa vui thú sơn hà, nghe nhạc ve rơi ngấm tranh trăng tỏ. Như Ngải Tuấn Mỹ khi xưa, tang bỗng vạn lý ngang dọc hải hồ, lại nghiêng mình chiêm bái một nhánh hoa mong manh “Thập tải luân giao cầu cổ kiếm / Nhất sinh đề thủ bách mai hoa.”

Rong chơi cùng sen hạc, ngắt ngư say với hoa cỏ sông núi, nhưng Lý Bạch vẫn đủ “tĩnh” để nhận ra lý vô thường vẫn bàng bạc cõi trần gian. Ông từng viết:

Thùy năng xuân độc sâu

Đối thử kính tu ẩm. (NGUYỆT HẠ ĐỘC CHƯỚC)

(Tùng Thiên Tuyền dịch: Biết ai là kẻ xuân sâu/ Trong men rượu ngấm một bầu sắc không).

13. Chữ Hán-Việt: U: ẩn; Triêu: sáng sớm; Điểm: tươi đẹp, rực rỡ; Thả: mà lại; Tiên: tươi mới; Mạo: lông, trùm lên; Mật: dày, rậm; La: giăng (lưới); Tú: thanh tú, đẹp tốt; Chữ “không” có bản ghi là chữ “phấn”(粉): bột phấn, không (空): trống không; Hinh: thơm lừng; Vị (vi): cùng, làm; Truyền: chuyển; Mãn: đầy đủ; Điều: tàn; Thử: cái ấy; Hồng: màu đỏ, yêu quý (hồng nhân); Phương: thơm, đức hạnh (phương danh); Niên: năm, tuổi; Kết: kết thúc; Căn: gốc cội; Vị: chưa; Sở: nơi chốn, xứ sở; Thác: gửi; Hoa Tri: theo truyền thuyết Trung Hoa, đây là tên ao tiên nằm trên núi Côn Lôn; Biên: bờ.

Ngày 26 tháng Chạp Bính Ngọ (05-02-1967), tại Thiên Lý Đàn, Đức Lý giảng cơ dạy:

*Nam Kha giấc mộng hồi còn dài
Uống thuốc trường sanh ngại tỉnh say.*

Chữ “hồi” tuyệt bút, võ vai trần gian gọi tỉnh giấc mê. Choàng dậy, ta có ngay liều thuốc “trường sanh,” để tri thức vô thường mà đều bước đường tu. Khi đó, có ngại gì nữa lúc tỉnh khi say!

Trước đó, tại Huồn Cung Đàn, ngày 15-9 Tân Sửu (23-10-1961), Ngài đã từng “vận đồng hồ báo thức” như thế:

*Giấc mộng trần ai đã tỉnh chưa
Tang thương biến đổi mấy cho vừa
Cân đai lỗ nợ vùi sương tuyết
Bỏ vải âu đành gọi móc mưa.*

Tĩnh, để sáng tấp nập vương hầu, trưa nghiêng ngửa lợi danh, hay lúc chiều rơi đếm sợi tóc già, vuốt nếp da nhăn, ta còn lấp lóe giữa đêm tàn, vẫn hồng đỏ bên tro lạnh. Như cõi ngư say mà tỉnh thức của Lý Bạch ngày xưa khi viết bài thơ dưới đây.

5. CỔ PHONG, KỶ 11

Hoàng Hà tẩu Đông minh

Bạch nhật lạc Tây hải

Thệ xuyên dữ lưu quang

Phiêu hốt bất tương đãi

Xuân dung xả ngã khứ

Thu phát dĩ suy cải

Nhân sinh phi hàn tùng

Niên mạo khởi trường tại

Ngô đương thừa vân ly

Hấp ảnh trụ quang thái¹⁴.

Chúng tôi tạm dịch:

KHÚC CA XƯA- KỶ 11

Biển đông xuôi nước Hoàng Hà

14. Minh: biển; Thệ: đi luôn, không trở lại; Xuyên: sông; Dữ: cùng, kịp; Lưu: chảy; Quang: ánh sáng; Phiêu: phát phối; Hốt: hốt nhiên; Đãi: đợi; Xả: bỏ; Phát: tóc (thí phát); Dĩ: thôi, đã rồi; Cải: đổi; Suy: trái với thịnh; Đương: đang, nên; Thừa: ngồi (xe), cỡi (ngựa); Ly: rỗng; Hấp: hấp thụ; Thái: lớn, an vui; Trụ (trú): lưu trú, ở lại.

Trời chiều nắng rụng chật ngà bờ tây
 Phiêu bông đi chẳng chờ ai
 Sông trôi lấp lánh dòng phai đường về
 Bỏ ta, xuân mạo theo chiều
 Đã rồi tóc úa thu xiêu sợi dùn
 Nhân sinh nào phải tuyết từng
 Mà xanh mãi giữa vô cùng thời gian
 Lưng trời ta cưỡi long vân
 Tiên thiên hấp khí trụ thân dưỡng than.

“Ly,” là một loài cá hóa long. Trang Tử viết:
 “Thiên kim chi châu, tất tại cửu trùng chi uyên,
 nhi ly long hàm hạ.”¹⁵ Hoàng hôn tiếc ban mai,
 tóc già thương cọng ngày xanh. Tương ứng với
 thi nhân, Bùi Giáng viết:

Ngày mai cá sóng phiêu bông
 Ngàn trăng ngậm bóng sương đồng ra đi.
 Và Tô Đông Pha, dù thời gian đã ngậm ngùi rời
 bỏ đi, chút ngôn ngữ năm xưa, nay còn lưu luyến:

Nhân hành do khả phục
 Tuế hành nan khả truy.
 Hay:
 Nhân tợ thu hồng lai hữu tín
 Sự như xuân mộng liễu vô ngân.

6. ĐỀ HỨA NGHI BÌNH AM BÍCH

Ngã ngâm truyền xá vịnh
 Lai phỏng chân nhân cư
 Yên lĩnh mê cao tích
 Vân lâm cách thái hư
 Khuy đình đăn tiêu sắt
 Ý trượng không trừ trừ
 Ứng hoá liêu thiên hạc
 Quy đương thiên tuế dư¹⁶.

15. Ngọc quý ngàn vàng, là nhờ ở dưới chín tầng vực sâu,
 hay ngậm ở giữa hàm rồng cá.

16. Ngâm: ngâm (thơ); Truyền: gieo ra, chuyển đi; Xá: phòng ốc; Vịnh: ngâm thơ; Lai: đến; Phỏng: thăm viếng; Mê: say mê; Cao: trái nghĩa với đê (thấp); Tích: vết tích; Cách: ngăn; Thái: tuyệt cao; Hư: hư không; Khuy: nhìn xuyên qua; Đình: cái sân; Đăn: bắt quạ, chẳng qua; Tiêu: thanh tịnh, tiêu diêu; Sắt: tiếng gió thổi; Ý: dựa, chống; Trượng: gậy; Không: trống không, không gian; Trừ trừ: phân vân, chưa quyết định; Ứng: cho nên, đáp ứng; Hóa: biến hóa; Liêu: xa thăm thẳm; Thiên: Trời; Đương: đang (đang lúc này); Dư: ta (tự xưng).

Khi đọc tới câu thơ “Ý trượng không trừ trừ,” chúng tôi thoát đầu không hiểu. Đọc tới dịch lui, nghiêng qua lật lại, không hiểu được thi ý. Vô đầu hỏi tóc cả ngày, tại sao đang tả cảnh, mà tác giả lại “Chống trượng không trừ trừ?”. Tham khảo một số bản dịch trên mạng, dường như các dịch giả khác cũng chưa hiểu ý câu thơ. Tìm hiểu không ra, chúng tôi đã định xếp lại bài thơ này...

Câu cứu hiền huynh Lê Anh Minh (giải thưởng dịch thuật Phan Chu Trinh 2009), anh gửi chú giải: “Không trừ trừ” là một cụm từ. “Không” ở đây là vô ích (in vain) chứ không phải là sự phủ định (no/not). Trừ trừ = do dự (hesitate).” Thì ra, giữa cảnh tiêu diêu, Lý Trích Tiên trong lúc chống trượng, không cần chút chần chờ, muốn được hóa thân thành thiên-hạc, bay qua mệnh mông thiên-hạ, về thăm hỏi thiên-thu thời gian!

Xin tạm dịch:

ĐỀ THƠ TRÊN VÁCH BÌNH AM Ở HỨA NGHI
 Ghé am thảo bậc cao nhân
 Đạo phòng dừng bước thơ ngâm bút để
 Ngẩn ngơ khói dật non kê
 Bên kia ải núi mây về thái hư
 Sân đình gió khẽ trầm tư
 Buông tay trượng, muốn bay như hạc trời
 Ngẩn ngừ chi nữa ngàn khơi.
 Ngàn năm hơn cũng thành thời đường về.

Xin dừng một chút, chúng ta hãy thử bay theo cánh hạc vàng.

Một thời với Lý Bạch, Thôi Hiệu (700–754) đã lưu bút một tuyệt tác danh tiếng “Hoàng Hạc Lâu.” Sách Đường Tài Tử Truyện (tên tác giả không rõ, có thuyết cho là của Tân Văn-Phòng,) kể rằng có một lần Lý Bạch lên lầu Hoàng-Hạc, thấy cảnh đẹp dưới lầu, thi hứng đại phát, định để một bài thơ lưu niệm. Nhưng ngẩng nhìn lên, ông thấy bài thơ Hoàng-Hạc-Lâu, để bút Thôi Hiệu. Đọc xong bài thơ ấy, ông để lên vách núi vèn vèn hai câu:

Nhân tiên hữu cảnh đạo bất đắc
 Thôi Hiệu để thi tại thượng đầu.

Hoàng-Hạc-Lâu đã khơi thi hứng cho nhiều thế hệ thi nhân, để rồi có hơn bốn trăm bản dịch tiếng Việt đã được ghi chép lại. Trong đó, có nhiều bản dịch hay. Nhưng theo thiếu ý, bản dịch của Vũ Hoàng Chương¹⁷ là một tuyệt phẩm “tình cảm” nhất. Xin chép lại đây:

*Xưa hạc vàng bay vút bóng người
Đây lầu Hoàng Hạc chút thơm rơi
Vàng tung cánh hạc đi đi mãi
Trắng một màu mây vạn vạn đời
Cây bến Hán Dương còn nắng chiếu
Cỏ bờ Anh Vũ chẳng ai chơi
Gần xa chiếu xuống nào quê quán
Đừng giục cơn sầu nữa sóng ơi...*

Sau lời “tỏ tình” của thi nhân với tráng lệ thiên nhiên, phút “hẹn hò” của Tiên Thi với ngàn năm thời gian, ta hãy dõi theo một câu chuyện mà Lý Bạch đã kể lại trong bài thơ dưới đây. Để hiểu thêm con đường tìm học đạo của Người, bên cạnh sự diu dặt thương mến của Thiêng Liêng tự bao ngàn năm, dài theo sự tồn tại và tiến hóa của nhân loại.

7. DU THÁI SƠN – KỶ 3

*Bình minh dâng Nhật Quan¹⁸
Cử thủ khai vân quan
Tinh thần tú phi dương
Như xuất thiên địa gian
Hoàng hà tòng tây lai
Yếu điệu nhập viễn san
Bằng nhai lẫm bát cực*

17. Vũ Hoàng Chương là thầy dạy Việt-văn của Cung Tiến. Ông sinh năm 1916, trước người nhạc sĩ tên tuổi này 22 năm. Nhưng với thói quen khoáng đạt của một nhà thơ, ông không hề câu nệ, vẫn coi Cung Tiến như người bạn vong niên hơn là một đứa học trò. Trong nỗi bi phẫn về cảnh bạn bè tán lạc, Vũ Hoàng Chương đã cảm dịch bài thơ Hoàng Hạc Lâu nổi tiếng của Thôi Hiệu, rồi nhờ bạn bè chuyển đi, đến tay Cung Tiến khi ấy còn ở Canberra bên Úc, Cung Tiến sau đó đã phổ nhạc bài thơ này...

18. Tên đỉnh núi phía đông nam Thái Sơn. Thái Sơn là một trong năm ngọn núi nổi tiếng của dãy núi Thái Hàng, nay thuộc địa phận ba tỉnh Sơn Tây, Hà Nam, Hà Bắc. Đông Thái Sơn, Tây Hoa Sơn, Nam Hành Sơn, Bắc Hằng Sơn, Trung Sơn ở giữa.

*Mục tận trường không nhàn
Ngẫu nhiên trị thanh đồng¹⁹
Lục phát song vân hoàn
Tiểu ngã văn học tiên
Sa đà điều chu nhan
Trù trừ hốt bất kiến
Hạo đấng nan truy phan²⁰.
Xin tạm dịch:*

ĐẠO THÁI SƠN – KỶ BA

*Bình minh trèo núi Nhật Quan
Đưa tay ta vén tấm màn mây sương
Tinh thần thoát tận muôn phương
Dường như bay khỏi cõi dương trần rồi
Hoàng Hà dòng hướng tây trời
Dịu dàng xuôi xuống núi đôi miền xa
Tựa ven non ngắm sơn hà
Không gian bát ngát bao la an nhàn
Thanh đồng một chú bên đàng
Chợt cười tóc búi hai hàng mây xanh
Nhắc ta sắc ủa đời hanh
Đường tiên đã trở hãy nhanh đấng trình
Lời xong người biển mất hình
Vịn mệnh mộng chỉ còn mình tìm ta.*

Thái Sơn nằm ở hướng đông. Theo thuyết ngũ hành, màu phương đông là màu xanh, nên gọi là “thanh đồng.” Theo Chu Dịch, Ly ở hướng đông, tượng cho mặt trời hiện ra ở hướng đông. Ly có nét đứt đôi ở giữa (☲), tượng cho sự trống không, trung hư. Hư thì sáng, nên Ly có một học nghĩa là “minh”. Vì gìn lòng trống không, tự nhiên trí tâm sẽ sáng. Sau này, khi đắc tiên và diu dặt như sanh trong trọng trách Giáo Tông Vô Vi của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, mỗi lần Đức Lý giảng cơ, lại thường có Thanh Minh Đồng Tử báo đàn trước! Bài thơ này kể lại một câu chuyện giúp ta hiểu, sinh thời Lý Bạch, đã

19. “Thanh đồng” cũng là tiên đồng.

20. Chữ Hán-Việt: Cử: đưa lên (cử tạ); Dương: dậy lên; Lai: đến; Bằng: nhờ vào; Nhai: ven núi; Cực: phía; Nhàn: an nhàn; Trị: gặp; Hoàn: búi tóc; Vân: muôn, đến sau (văn bối); Sa: sai lầm; Đà: sa đà; Điều: tàn; Hốt: thành linh, hốt nhiên; Hạo: lớn, mộng mệnh; Đấng: bát ngát, lay động; Phan: vịn (phan long phụ phượng).

có Thần Tiên luôn theo hộ trì cho Người, như đang và sẽ dõi theo chúng ta trên đường tu học...

Ngày 26 tháng Chạp Bính Ngọ, giảng cơ tại Thiên Lý Đàn, Đức Lý Thái Bạch có để lời dạy đạo, như muốn nhắc lại câu chuyện ngày xưa ấy:

*Hoàng hôn có kẻ đến tìm Ta
Nếu muốn say sưa²¹ trước bửu tòa
Hãy gỡ bầu tiên tìm thuốc lạ
Xuất thần chỗ để vương Nam Kha.*

Thời gian, cơn gió buốt qua đời người. Mười năm, hai mươi năm... cũng chỉ là giấc mơ hư ảo. Chần chờ gì mà ta không sửa sang tâm hạnh, dọn dẹp lại cuộc đời mình. Dẫn bước đăng trình theo học đường tiên, quảy lên vai hành trang, có lời nhắc của vị “Thanh Đồng” ngày xưa, và lời dạy “Hãy gỡ bầu tiên tìm thuốc...” của Đức Lý hôm nay.

Mai một đây, cầm bằng vó truy phong, có lá cánh chim bằng, ta sẽ chỉ sót lại bên đời chút gió thừa dặm mỗi, như thi ý trong bài thơ dưới đây.

8. LÂM LỘ CA

*Đại bằng phi hê chấn bát duệ
Trung thiên tối hê lực bất tế²²
Dư phong kích hê vạn thế
Du phù tang²³ hê quải thạch duệ
Hậu nhân đắc chi truyền thủ
Trọng Ni²⁴ vong hê thủy vị xuất thế²⁵.*

Chúng tôi tạm dịch:

DU CA BÊN ĐƯỜNG

Đại bằng bằng gió hê

21. Say, thường là nỗi niềm của phần lớn thể xác. “Say sưa” ở đây, có lẽ là cõi như như mặc mặc của chơn thần hay linh hồn.

22. Mượn phỏng câu thơ Hạng Vũ: “Lực bạt sơn hê khí cái thế / Thi bất lợi hê chuy bất thế.” Tạm dịch: Sức lay núi, Khí ngạo đời / Ô Chuy ngừng vó đầu thời Hạng Vương.

23. Phù tang: một loại cây lớn chỉ có trong thần thoại, mọc ở hướng đông.

24. Khổng Tử, khi thấy kỳ lân bị bắn hạ, Ngài đã thương tiếc mà khóc.

25. Từ Hán-Việt: Duệ (裔): đất ở phương xa; Tối: gãy; Tế: hoàn thành (tế độ); Kích: cảm kích; Quải: treo; Thạch: đá; Duệ (袂): tay áo; Đắc: có thể làm được; Truyền: chuyển đi; Thủ: này (cái này); Vị (vi): làm; Thế: khóc ra nước mắt.

*Lấy lòng chấn động tám phương xa
Lưng trời gãy gánh hê
Mấy ai vẹn cuộc phong ba
Cánh bằng đã lướt mây qua
Vết gió sau lưng hê
Còn rung bến lay bờ vạn thế
Ngất ngưỡng đại thụ hê
Kìa rợp bóng phù tang
Cởi áo mù sương treo ngang vách đá
Ngày xưa còn Trọng Ni vượt lệ tiếc kỳ lân
Nay đại bằng hê, mỗi tựa ven trời
Rối ngàn sau có ai người khóc thương*

Bài thơ này Lý Bạch viết năm 762, cũng là năm ông quy tiên. Một đời lưng lẩy túi thơ lưng kiếm, rồi cũng gác cọ xếp áo để bước theo chân hoàng hôn về cuối bến trời chiều. Trăm năm đời người nhẹ như thoáng xuân phong. Cẩn chút “vội vàng” của Xuân Diệu, để trên đường tu “mau chân cho kịp bóng trời tà”. Cẩn chút “giữ mình không vội vã” của Henry David Thoreau, để thêm trì chí giữa giờ thiền, lúc tịnh tâm.

Mai này, ta sẽ là bông mai mỏng, cánh chim sâu, nhỏ nhoi bay về dưới cội cổ tùng. Dựa mình gác mỏ lên cánh đại bằng vĩ đại xưa xa, mà hỏi thử chuyện đời sau có còn mai một...■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trang Thơ Lý Bạch, tải từ www.thivien.net.
2. Lý Bạch Toàn Tập, Chiêm Anh, Bách Hoa Văn Nghệ xuất bản, 1996.
3. Thánh Giáo Sứ Tập năm 1965-1974, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Nhà xuất bản Tôn Giáo.
4. Rượu Trung Quốc, Lý Tranh Bình, Nhà xuất bản Truyền Bá Ngũ Châu, chuyển nhượng cho Nhà xuất bản Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh, 2011.
5. Đười Ươi Chân Kinh, Bùi Giáng, Nhà xuất bản Hội Nhà Văn, 2011.
6. Hán-Việt Từ Điển, Vệ thạch Đào Duy Anh, Nhà xuất bản Trường Thi, 1957.
7. Hán-Việt Thông Dụng Tự Điển, Lạc Thiện, Quốc Thái Ấn Quán, 1972.

Đường về
Bến Khởi

■ HỒNG PHÚC

Thân lữ khách trên đường về quê cũ,
Ôm trong lòng niềm trần trở bản khoãn;
Bao nhiêu năm lạc bước chốn hồng trần,
Đường trở lại sao mịt mờ thăm thẳm!

Nơi dục hải có làm thuyền ta đắm?
Gió ưu phiền có gây cánh bướm giương?
Để trăm luân trở lại kiếp đoạn trường,
Cho lữ khách đường về xa hơn nữa!

Ta ngược mắt nhìn bầu trời rộng mở,
Xin nguyện cầu Từ Phụ dắt con đi,
Ban cho con ngọn lửa của kiên trì,
Để thiêu đốt tánh phàm tử bao kiếp.

Mặc giông bão trên đường đời nối tiếp,
Cố bền lòng lọc rửa hết rong rêu;
Để mau chân cho kịp chuyến đò chiều,
Chỉ chờ khách trần ai hồn tĩnh lặng.

Thân khẩu ý, nghiệp trần không còn nặng,
Tâm an bình không xao động buồn vui,
Không trách than dù đau xót ngậm ngùi
Khi phải trả nợ vay từ lịch kiếp.

Lòng trĩu nặng, thuyền từ neo có kịp?
Chờ đợi người giữ sạch bụi trần ai;
Kiếp phàm phu quán trọ chẳng còn dài,
Ta có đủ hành trang về bến khởi?!

Nợ cơm áo vẫn còn đang chống chọi,
Xác thân này dần lụn thán ngày qua;
Đường còn xa thấp thoáng bóng chiều tà,
Lòng canh cánh lời nguyện cầu kịp bước.■

Xuân Đạo

■ MINH NGUYỆT

Xuân sang cửa đạo chúc gì đây
Chúc cho bốn đạo được phước dày
Chúc hết đệ huynh cùng tử muội
Xuân này cố gắng học điều hay.

Bước đạo tiến lên lánh tục phàm
Trần thế người ơi chớ có ham
Đã biết thân này là giả tạm
Dứt lẩn nghiệp chướng học thiền tham.

Tham thiền tịnh định mấy mươi xuân
Xuân đến xuân đi xuân lại xuân
Tóc đã điểm thêm nhiều sợi bạc
Tâm còn chưa dứt được giao truân.

Bởi nghiệp đeo mang phải gánh gồng
Gia công hành đạo chỉ cầu mong
Cởi bỏ tâm phàm xa thế tục
Hành trì tâm pháp luyện thâm công.

Xuân đến chúc nhau vạn ý lành
Chúc cho đệ muội mái đầu xanh
Vững tay chèo chống con thuyền đạo
Nối bước đàn anh vững chí thành.

Hỡi các đàn em đã hiến dâng
Vui xuân cửa đạo trọn Thiên ân
Sao cho xứng đáng người chỉ đạo
Đừng để chơn tâm vướng bụi trần.

Xuân đã đến rồi hỡi chị anh
Trời xuân gió mát ánh trăng thanh
Xuân tâm hạnh đức xuân thanh tịnh
“Luyện phép trường sinh thoát tử sinh”■

Tim Xuân

■ MINH NGUYỆT

Tam Kỳ Phổ Độ hoát khai
Chấn hưng Tam Giáo sắp bày đạo Cao
Ai ơi phải kíp tu mau
Đời tàn bao nỗi khổ đau chất chồng
Nhân sinh nghiệp quả gánh gồng
Nợ chung phải chịu khó mong thoát nần
Hạ gương cuộc thế sắp tàn
Lập cơ sàng sậy mở màn Thượng gương
Hỡi người giác ngộ hiền lương
Bên bờ giác ngộ quày chơn tìm về
Phàm tâm thức tỉnh cơn mê
Tam kỳ gặp đạo ráng về ai ơi
Công phu sớm tối chiêu mời
Thiên đàng tại thế là tâm an nhàn
Tìm xuân tìm chẳng đâu xa
Cõi lòng an định xuân ta xuân người
Ta người hòa hiệp nơi nơi
Vui bên cửa đạo đừng khơi sắc màu
Chơn tâm cố gắng dổi trau
Công phu luyện kỹ cần mau hành trì
Tu đi hãy cố tu đi
Tâm Xuân cửa đạo từ bi lòng thành
Tam công cố gắng thực hành
Chúc cho bốn đạo công thành quả viên
Vui xuân trong cảnh hàn huyền
Sẽ chia nâng đỡ cần chuyên tu hành
Xuân sang hoa lá tươi xanh
Lòng ta phơi phới tâm thanh an nhàn
Hoa mai rực rỡ sắc vàng
Đón xuân cửa đạo ngập tràn yêu thương
Tình thương trải khắp muôn phương
Lòng thành tín hiệp tâm nương Cao Đài.
Tình thương cần phải đủ đầy
Vui xuân hành đạo hiệp vậy bên nhau
Hạnh tâm phải cố dổi trau
Quê xưa chốn cũ cùng nhau quay về. ■

Say Men Đạo

■ MINH NGUYỆT

Xuân sang cửa đạo uống cho say
Không phải bằng chung rượu đắng cay
Mà uống cho say tình nghĩa đạo
Hòa hiệp thương yêu trở lại Thầy
Thầy là Thượng Đế đấng Cha chung
Thương xót sinh linh buổi cuối cùng
Giáng bút Thầy trao giềng mối Đạo
Cho đàn con Việt nghĩa bao dung
Hãy uống cho say hồi đệ huynh
Uống dòng trí huệ định tâm linh
Say men tâm pháp châu thân luyện
Bất nhị pháp môn sẽ định hình.
Say dòng giáo lý cứu đời nguy
Vì bởi thế đời đã biến suy
Nhân tâm điên đảo thời mạt pháp
Tế độ giúp người thoát hiểm nguy.
Ân xá Cao Đài Thầy lập đạo
Mượn đất Nam bang đạo đức giàu
Chọn người đạo hạnh trao trọng trách
Đốt đuốc đêm trường chốn bể dâu.
Xuân sang sứ mạng phải tâm thành
Đường tu đã chọn phải tinh anh
Đạo trong trời đất không hai ngã
“Luyện phép trường sanh thoát tử sanh.” ■



minh họa: Cọ Trắng

THỜI NIÊN THIẾU CỦA PHAN BỘI CHÂU

■ KIM TRINH

(Bài này có trích vài tư liệu trong sách của Chương Thâu và Vũ Ngọc Khánh).



Phan Bội Châu (1867–1940) là một Nho sĩ yêu nước, đồng thời cũng là một nhà văn, nhà thơ, nhà tư tưởng, nhà văn hóa. Cuộc đời của Phan Bội Châu đã để lại những trang sử đẹp cho nước nhà.

Hơn 15 năm trước, khi Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý bắt đầu mở lớp nghiên cứu Kinh Dịch thì Đức Giáo Tông trong một đàn cơ tại Minh Lý Thánh Hội có dạy là hãy học cuốn Chu Dịch của Phan Bội Châu.

Như vậy, Phan Bội Châu còn là một nhà Dịch học uyên thâm và chúng ta đã đặt trọn niềm tin vào quyển Chu Dịch của Người để nghiên cứu.

Từ trước đến nay, có nhiều công trình nghiên cứu giá trị về các mặt văn hóa, tư tưởng và về cuộc đời hoạt động cách mạng của Phan Bội Châu. Phần lớn các công trình này đều sử dụng những tư liệu khá quen thuộc.

Cuộc đời của Phan Bội Châu được chia làm 3 giai đoạn rõ rệt:

- Thời niên thiếu trước khi xuất dương
- Thời kỳ ở nước ngoài
- Và thời kỳ bị quản thúc ở Huế mà người đời gọi thân mật là “Ông Già Bến Ngự.”

Trong bài này, chúng tôi xin trình bày về thời niên thiếu của Phan Bội Châu với nhiều giai thoại. Giai thoại là những câu chuyện đẹp. Có giai thoại về văn hóa, lịch sử dân gian, ngành, nghề... Giai thoại là những chuyện thực mà đôi khi có phần hư cấu.

Trong kho tàng phong phú về giai thoại, thì những nhân vật càng có tiếng tăm càng có nhiều chuyện hay. Những mẩu chuyện về Lenin, Bác Hồ chẳng hạn, rất giàu ý nghĩa giáo dục. Phan Bội Châu cũng ở trong trường hợp này.

Đọc giai thoại về các nhân vật nổi tiếng, chúng ta thường gặp nhiều điều thú vị: Một câu nói hay, sự thông minh nhạy bén, một cử chỉ ngang tàng, phóng túng, một phong cách dí dỏm tài hoa.

Khi ta đọc các tác phẩm của họ, ta cần phải suy nghĩ phân tích, nhưng khi ta nghe những giai thoại về họ, ta nhanh chóng bắt gặp những nét độc đáo vô cùng thích thú. Thí dụ: Một Nguyễn Công Trứ, một ông quan kiêu kỳ ngất ngưỡng, một Hồ Xuân Hương – nữ sĩ nghịch ngợm tài tình, hay Lê Quý Đôn uyên bác, một Yên Đỗ thâm thúy, Tú Xương tinh quái. Giai thoại là như thế.

Phan Bội Châu cũng đi vào thế giới giai thoại với những nét tiêu biểu của riêng mình và những nét riêng của Phan Bội Châu không lẫn vào đâu được. Có khi cùng một giai thoại, người này bảo là của Lê Quý Đôn, người kia bảo là của Cao Bá Quát. Khá nhiều câu đối tài tình đã được xem là của Yên Đỗ. Nhưng những giai thoại về Phan Bội Châu chiếm riêng một vị trí khác và có một đặc điểm:

đó là chuyện có thực. Lịch sử cận đại Việt Nam đã dành cho ông những trang đẹp đẽ.

Vậy, chúng ta hãy tìm hiểu sơ nét về quê hương của Phan Bội Châu.

Thị trấn Nam Đàn Xứ Nghệ An nơi cậu bé Phan Văn San chào đời (26-12-1867) là quê ngoại. Đan Nhiễm, nay là xã Xuân Hòa, quê nội của Phan Văn San, cách nhau khoảng 3 km, đều nằm bên bờ sông Lam. Sông Lam là huyết mạch giao thông của Nghệ Tĩnh có thuyền bè xuôi ngược chở lâm sản, hải sản đến các làng quê dọc theo hai bờ sông. Vùng đất Sông Lam còn là nơi có nhiều dấu tích lịch sử. Phía trên gọi là Hùng Sơn có đền thờ Mai Hắc Đế chống quân xâm lược đời Đường năm 772. Phía Bắc là dãy núi Đại với những thành lũy của Hồ Quý Ly chống quân Minh. Phía Tây Nam có dãy Thiên Nhân trùng trùng điệp điệp là căn cứ chỉ huy của Lê Lợi vào thế kỷ xv.

Bên kia sông Lam là quê hương của Phan Đình Phùng.

Phan Văn San, vì là con trai một nên lúc mới sinh ra được gọi là Som, lớn lên một chút, thì gọi tên cha mẹ đặt cho là Phan Văn San.

Phan Văn San sinh ra trên mảnh đất bên bờ sông Lam, đã được nuôi lớn bởi truyền thống đấu tranh bất khuất của quê hương mình.

Khi cậu bé San được sinh ra thì mấy tỉnh Nam Kỳ đã rơi vào

tay Pháp. Lên 7, 8 tuổi, Bắc Kỳ cũng đã bị xâm chiếm, Nguyễn Tri Phương tử trận. Chính vào năm cậu San đỗ đầu xứ là năm Hà Nội thất thủ lần thứ hai, Tổng Đốc Hoàng Diệu phải tuấn tiết. Ra đời trong một hoàn cảnh đất nước như vậy, dù là còn nhỏ, nhưng Phan Văn San đã sớm nung sôi bầu nhiệt huyết và muốn xả thân phục vụ giống nòi.

Nhà Phan Văn San nghèo lắm, nhưng không vì nghèo mà cậu bé San phải thất học. Mẹ Phan Văn San vất vả chạy xuôi chạy ngược để lo sinh kế cho gia đình. Thế nhưng bà vẫn luôn dạy con mình những điều đạo lý. Khi cậu bé lên 4 tuổi đã thuộc nhiều bài thơ trong Kinh Thi. Cha cậu bé là ông Phan Văn Phổ, một thầy đồ hay chữ. Ông rất chú ý đến việc học hành của con.

Nhà nghèo không đủ tiền mua giấy, cậu phải hái lá chuối để tập viết. Khi học thuộc, cậu phơi lá chuối cho khô để chụm lửa nấu ăn. Quyển Tam Thiên Tự, cậu chỉ học trong 3 ngày là thuộc lòng.

Bởi vậy, bà con trong vùng đã gọi Phan Văn San là thần đồng. Lên 7 tuổi, cậu bé đã học xong Luận Ngữ.

Học Luận Ngữ, thấy những câu có chữ “Tử viết” (có nghĩa là Thánh, Thầy bảo rằng.) Cậu bé bỗng nảy ra sáng kiến: “Ông Thầy ấy bảo với người ta chuyện này chuyện nọ, tại sao mình lại không bảo được.”

Vậy hãy thử bắt chước xem

lời mình cũng như lời của Phu Tử vậy. Nghĩ sao làm vậy. Cậu bé gom góp vài tờ giấy trắng, viết nên lời nói của mình (giống như Tử viết) để nói với các bạn. Cậu bé chỉ viết những câu ngắn gọn và tự xưng là Phan Tiên Sinh viết. Ở bìa sách, cậu ngang nhiên đặt tên cho quyển sách của mình là Phan Tiên Sinh Luận Ngữ. Ông Phổ vốn là một ông đồ khuôn phép, cho như vậy là vô lễ với Thánh Hiền nên đã phạt cậu một trận đòn nhớ đời.

Học trò trong lớp đông đảo, nhiều người lớn tuổi nhưng không ai theo kịp San về trình độ học thức. Lên 8 tuổi, San đã học xong Tứ Thư Ngũ Kinh. Lên 10 tuổi, đã thành thạo các thể văn thơ, phú, kinh nghĩa... Có một lần thấy cha băn khoăn lo lắng, cậu hỏi:

– Cha có việc gì mà có vẻ lo lắng quá vậy?

Ông Phổ đáp:

– Cha đang mãi suy nghĩ. Tỉnh ta đang sửa soạn mừng thọ một cụ nghề 80 tuổi. Từ quan Tổng Đốc đến các quan lại, chúc việc đều phải đến mừng. Các vị ấy bảo cha làm một câu đối. Mười ngày rồi mà cha nghĩ chưa ra.

– Dạ, thế cụ nghề ấy khoa danh, quê quán ra sao?

– Cụ ấy ở bên kia sông, dưới chân núi Hồng Lĩnh, thi đỗ ra làm quan, tài kiêm văn võ. Thế mới khó.

Cậu bé San nghe vậy, lặng lẽ đi ra ngoài. Một lát sau, cậu

cầm một tờ giấy vừa viết xong hai hàng chữ Nho, đưa cho Bố.

– Thừa cha, cha thử xem con viết thế này có được không?

“*Sơn Hồng Lĩnh, Thủy Lam Giang, tự cổ doãn xưng song giáp địa.*”

“*Văn khôi khoa, võ hiển hoạn, nhi kim phục đồ bát tuần tiên.*”

Núi Hồng Lĩnh cùng với sông Lam từ xưa vẫn coi là hai danh thắng. Văn đứng đầu, võ nổi tiếng, bây giờ lại thọ những tám mươi xuân.

Người cha thẩm phục tài của con, mỉm cười, mang ngay ra tính. Tổng Đốc đọc lấy làm vừa ý, rất khen ngợi, nhưng người cha vẫn giấu không dám nói đó là tác phẩm của con mình.

Dù còn ít tuổi, Phan Văn San đã nổi tiếng học giỏi, hay chữ ở huyện, phủ rồi khắp cả tỉnh.

Hồi ấy học sinh muốn thành đạt phải làm bài ở trường, ở huyện, phủ. Các thầy dạy đều khuyên ông Phủ nên cho San đi thi. Thi ở huyện, San đạt ngay điểm ưu. Từ quê nhà lên phủ tuy không xa mấy nhưng vì không có xe cộ nên phải đi bộ mấy ngày trời. Đi đường cậu San hay vui chơi nên đến chậm. Đoàn người được vào kỳ thi sát hạch này còn 6 người nữa. Họ đến đúng giờ đủ mặt. Các giám khảo ra bài thi cho họ. Cậu San vào sau gặp ngay quan tri phủ Hoàng Giáp Phạm Như Xương. Ông này cũng đã nghe tiếng cậu học trò ở Nam Đàn. Ông nghiêm mặt hỏi: “Đã được vào phúc hạch, sao không

biết lo lắng, liệu trừ ngày giờ đi. Làm sao mà nhà trường chờ anh được?”

Phan Văn San cúi đầu nhận tội:

– Kính xin tôn sư đại xá.

Ông Hoàng Giáp nói:

– Các thí sinh đã vào làm bài rồi. Đầu đề đã cho khai quyển. Trò không được phép làm đề ấy nữa.

– Bẩm, xin tôn sư cho phép con làm đề khác.

Cụ Hoàng Giáp thấy San biết lỗi nên cho đề khác để xem San học hành thế nào.

Cậu San đặt ngay hành lý xuống, ngồi trên bậc thềm, khép nép và được Thầy cho một đầu đề.

“*Hoa Khai bất cập Xuân*” nghĩa là Hoa nở không kịp Xuân.

Đầu đề hợp với người đến chậm (Hoa nở muộn không kịp mùa Xuân. Chỉ trong một giây suy nghĩ, San đã viết luôn một mạch.

Đông hoàng tàng trước nhân
Dĩ hứa bách hoa khôi

Chỉ vị khiêm khiêm ý

Phiên giao tiệm tiệm khai.

(Nhờ Chúa Xuân lưu ý
Xếp hàng đầu trăm hoa.

Chỉ vì lòng khiêm tốn
Nên để nở dần dà.)

Cậu San không ngồi vào bàn, chỉ nép mình dưới bậc thềm. Cụ Hoàng Giáp Phạm Như Xương đứng ngay bên cạnh. Ông thấy cậu học trò ung dung, thư thái múa bút một mạch trên trang giấy nên rất có cảm tình. Làm bài, có

thầy đứng kể bên thật là khó khăn cho bực trò.

Thầy giáo Phạm Như Xương xem qua bài.

– Khá lắm – thôi cho phép trò dừng lại khỏi phải viết thêm gì nữa.

Phan Văn San ngơ ngác. Các lính hầu, 6 thí sinh cũng ngạc nhiên. Thấy Xương nói.

“Mời các Ngài xem đây. Đầu đề thế này mà viết như vậy thiệt là tuyệt vời. Như thế này đáng đồ đầu xứ không cần phải làm bài nữa.”

Ở trong bài có hai chữ tiệm tiệm với hai chữ khiêm khiêm, là Chữ trong Kinh Dịch.

Ngày hôm đó, San được công nhận đồ đầu xứ và được lên tỉnh thi. Bài thi ở tỉnh có tựa đề “*Hồ thượng khóa lu*” nghĩa là Cõi lừa chơi trên hồ.

Bài này San cũng làm xuất sắc và được chính thức đồ đầu.

Lúc đó đầu xứ San được 16 tuổi.

Một ngày nọ, Phan Văn San làm thầy đồ dạy học.

Trong làng có người tên Khiếu, nhà nghèo thường hay sống một mình, không còn ai thân thích để nương tựa. Nhưng cũng may là ở xóm bên có Cố Khương tuy không giàu nhưng rất thương người, mỗi lần ông Khiếu gặp khó khăn đến nhờ vả, Cố Khương đều giúp. Đến khi Ông Khương bị bệnh qua đời, ông Khiếu đến nhờ thầy đồ San làm một câu đối để viếng ông Khương. Thầy đồ San viết:

“*Bát gạo đồng tiền cố Khương
thương ông Khiếu,*

*Nén hương quả chuối ông
Khiếu điệu cố Khương.”*

Câu đối này được dân gian truyền tụng.

Chúng ta thấy tài dùng chữ của cậu San.

Phan Văn San có 3 người bạn thân là Nguyễn Sinh Sắc, Vương Thúc Quý và Trần Văn Lương. Đây là những người bạn đồng hương, đồng chí, lại cũng là bốn người có tiếng học giỏi nhất vùng, nên được gọi là “Nam Đàn Tứ Hổ.” Người ta truyền rằng:

- Uyên bác bất như San ➔ học rộng không ai bằng San.
- Thông minh bất như Sắc ➔ thông minh không ai bằng Sắc.
- Tài hoa bất như Quý ➔ tài hoa không ai bằng Quý.
- Cường ký bất như Lương ➔ nhớ dai không ai bằng Lương.

Một hôm San cùng các bạn đi hát ở phường vải, San và các bạn bị các cô mời đối đáp. Đòi lúc San cũng mắc phải những câu khó đối.

Hôm đó, có người hát một câu học hiêm:

“*Chữ rằng, Nghiêu hữu cửu nam,*

Biết Đan Chu là một, hỏi tám chàng kia tên chi?”

Thật là gay go. Trong Bắc Sử không thấy tên 8 người này. Nhưng chịu thua thì coi không được. Thật nhanh trí. Ở Xứ Nghệ, chữ hỏi có nghĩa

là cưới vợ lấy chồng. Do đó, Phan đáp ngay:

“*Phận em là gái nữ nhi.*

Một Đan Chu cũng đủ, hỏi chi những tám chồng.”

Khoa thi Đình Dẫu năm 1897, Phan Văn San bị một tai họa lớn trong đời. Trong khoa thi này khi San bước vào trường thi thì Trần Văn Lương (trong Nam Đàn Tứ Hổ) đã tự ý nhét vào túi xách của Phan mấy quyển sách để bạn tiện tra cứu khi làm bài. Phan hoàn toàn không biết việc đó. Sáng ra, sĩ tử kéo nhau vào trường thi. Lúc vào cửa, lính gác đòi kiểm soát lều chõng và hành trang của Phan Văn San. Cậu San tức giận:

– Tôi đậu đầu xứ tỉnh Nghệ An 3 lần, đời nào lại mang sách vào trường thi.

Người lính bảo:
– Đầu xứ thì đầu xứ, cứ mở tráp ra.

Thật không ngờ, mấy cuốn sách mà Trần Văn Lương bỏ vào làm Phan sững người. Trước Hội Đồng Thi, Phan đành phải chịu tội “Hoài hiệp văn tự” (mang theo sách vở) và bị kết án “Chung thân bất đắc ứng thi” (trọn đời không được đi thi).

Thường Phan Văn San tự phê bình mình là người thiếu cẩn trọng. Việc này đã chứng tỏ điều ấy. Rồi cũng nhân cơ hội không lo chuyện thi cử, Phan rộng đường đi khắp nơi vào Nam ra Bắc tìm đồng chí, mưu đại sự sau này. Nhờ nổi tiếng văn chương, Phan làm quen với nhiều người trong quan trường. Rồi cũng vì

danh tiếng của Phan lừng lẫy ở kinh đô nên các quan Nam triều biết án oan “Hoài hiệp văn tự” đã vận động cho Phan được thi Hương lại. Các quan nói: “Dẫu sao thì cái danh vị cũng phải có, mới đảm bảo cho sự hoạt động rộng rãi của anh sau này, dù anh có quan niệm chuyện khoa danh là điều tối hạ.”

Phan cười:

– Các bác không nhớ là tôi đang bị “chung thân bất đắc ứng thi.”

Quan Khiếu Năng Tĩnh đáp: “Điều ấy thì không ngại. Tôi sẽ trình với nhà Vua xóa cái án này cho Bác. Bác cứ phải đi thi. Bác đừng phụ lòng chúng tôi nữa.”

Nhà Vua lúc bấy giờ là Vua Thành Thái, đã lên ngôi trên mười năm. Nhà Vua luôn luôn có ý hướng giúp đỡ ngấm ngấm những người yêu nước. Nhà Vua chấp nhận ngay đề nghị của các quan xóa án cho Phan.

Tất cả các danh sĩ vui mừng và thúc giục Phan về quê để cho kịp kỳ thi năm Tý 1900. Để đánh dấu chặng đường mới mẻ này, họ bàn với Phan đổi tên cũ lấy một tên mới để hy vọng mọi việc sáng sủa hơn.

Vị quan Đặng Nguyên Cẩn cười:

– Tên Bác là Phan Văn San, mà cổ văn lại có câu “Châu Bội hà San San” (= đeo ngọc chân lêng keng) chi bằng cải tên Bội Châu là hơn. Phan Bội Châu là tên của Phan Văn San từ năm 1900 Canh Tý.

Phan Bội Châu nói: “Từ nay có Phan Bội Châu ra mắt xóm làng bạn hữu. Tôi xin về ngay để báo cho cụ thân sinh tôi chấp thuận cái tên mới và sửa soạn đi thi.”

Quan chánh chủ khảo là Khiếu Năng Tĩnh vốn biết tài năng của Phan, nên khi đọc bài phú đã quyết định lấy Phan đậu thủ khoa năm ấy.

Năm 1903 (ba năm sau), Phan Bội Châu có một chuyến Nam du để tìm đồng chí hoạt động. Khi đến đèo Hải Vân, Phan dừng chân ở quán nước, bỗng thấy một người ở miền Nam ra, ghé vào quán nước.

Hai bên hàn huyên chuyện nắng mưa dần dà bàn đến quốc sự. Phan hỏi:

– Theo ý huynh, trong đám sĩ phu ngày nay, ai là người được ngưỡng mộ nhất?

– Theo ý tôi, trong hàng đại khoa thì sần sần như nhau, chẳng ai trội. Còn kể về đại thể làng Nho, thì chỉ có ông Phan Bội Châu mới là cao sĩ hiện thời.

Trò chuyện hồi lâu, đến khi hai người sắp chia tay nhau kẻ vào Nam, người ra Bắc, Phan đưa cho bạn hai bài thơ Đường luật. Người bạn cầm thơ đọc, vội ôm lấy Phan nói:

– Thôi, đích thị là Phan Tiên Sinh đây rồi.

Phan cười:

– Thưa phải, Phan Bội Châu đây, còn quý ông là ai?

– Trần Quý Cáp.

Phan nói:

“Tôi vào Quảng Nam lần này chính là để tìm huynh đó.”

Thế là Trần Quý Cáp bỏ ý định đi Huế, đưa Phan về nhà mình và dẫn đi thăm các đồng chí.

Sau này khi Phan Bội Châu hoạt động ở nước ngoài nghe tin Trần Quý Cáp bị xử chém, đã khóc ông bằng một câu đối.

“*Tin lại tin thế sao! Trời đất phong trần bao cuộc biến,*

Buồn gì buồn hơn nữa! Non sông hào hiệp mấy ai còn.”

Trong cái kho tàng giai thoại thì nổi tiếng nhất là bài: “Bái thạch vi huynh” (Lạy đá làm anh).

Nhắc lại, sau khi bị án suốt đời không được đi thi, Phan trở về quê làm nghề dạy học. Lúc bấy giờ đầu xứ San từng nghe tiếng Nguyễn Thượng Hiền, một vị Hoàng Giáp trẻ tuổi, người có chí lớn. Một hôm, trường Quốc Tử Giám ra cho học sinh một bài phú: “Bái thạch vi huynh”. Phan không phải là cử nhân học trường Giám, nhưng cũng làm bài và nhờ người bạn đồng hương nạp cho Tế Tửu Khiếu Năng Tĩnh chấm.

Bài phú này của Đầu xứ San có thể nói là một áng văn chương tuyệt tác, gây chấn động rất lớn trong hàng khoa bảng ở kinh đô.

Để bài “Lạy đá làm anh” quả thật khiến chúng ta sẽ ngỡ ngàng vì chẳng biết sẽ làm sao mà viết. Nhưng khi làm bài này Phan Văn San có dụng ý

mượn điển cổ Bà Nữ Oa luyện đá vá trời, nàng Tinh vệ ngâm đá lấp biển để báo thù, để nói lên chí hướng của mình.

Khi Nguyễn Thượng Hiền đọc xong, đã trả lời bằng một bài phú trong đó có những câu:

(...) *Bài phú của ai tiếng lẫy lừng*

Khâm hoài lỗi lạc cũng như ông

Đời non dốc biển chí bình nhật,
Ngòi bút tuôn ra như cầu vòng.

Nguyễn Thượng Hiền nói thêm:

“Người này không phải tầm thường, sức học của ông ta lỗi lạc. Chúng mình kém ông ta nên tôn ông ta làm anh. Tôi muốn làm quen với ông ta.” Nhờ bài phú này mà Phan Văn San được cải án oan.

Nguyễn Thượng Hiền nói thêm về bài “Bái Thạch vi huynh” của Phan Bội Châu.

“Hay quá! Bài ra như thế này mà làm được thì quả là bậc đại tài. Đặc biệt nhất là cái hào khí lỗi lạc toát ra ở từng câu từng chữ.”

Quả thực văn chương, tư tưởng của Phan Bội Châu tỏ ra bản lĩnh hơn người.

Phần trình bày của chúng tôi hôm nay không thể nói lên được chí khí và tài năng xuất chúng của Phan Bội Châu mà suốt cuộc đời luôn mang một hoài bão cứu nước. Người cùng thời với Phan Bội Châu và hàng hậu bối như chúng ta đều dành cho con người siêu việt này một sự thán phục và

ngưỡng mộ vô bờ. Có rất nhiều sách viết về Phan Bội Châu, những tác giả là những danh nhân, những nhà cách mạng, những nho sĩ uyên thâm đều tôn vinh Phan Bội Châu là thiên sứ, là người của nhà Trời.

Cuộc đời của Phan Bội Châu trong những năm bôn ba nơi hải ngoại, gặp biết bao nhiêu khó khăn về mọi mặt: xứ lạ quê người, ngôn ngữ, tiền bạc... làm rào cản cho những liên lạc với những đồng chí nơi hải ngoại.

Điều đặc biệt là gặp những lúc khó khăn tưởng chừng như bế tắc thì luôn luôn có những Mạnh Thường Quân, những người bạn tốt sẵn sàng giúp đỡ. Giai đoạn Phan Bội Châu dẫn thân vào con đường cách mạng đã gặp rất nhiều đồng chí đương thời: Kỳ ngoại hầu Cường Để, Nguyễn Thượng Hiền, Trần Quý Cáp, Trần Cao Vân, Nguyễn Sinh Sắc, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh, Huỳnh Khương Ninh, Lương Khải Siêu...

Kể chuyện về cụ Phan mà không nói đến cụ bà thì thật là chẳng đủ. Vì chính người nội trợ giỏi giang ấy là một nguồn sức mạnh, động viên cuộc đời cách mạng của Phan Bội Châu.

Ngày cụ Phan bị bắt, rồi được ân xá, trên đường vào Huế “an trí,” cụ không kịp ghé thăm quê nhà ở Nam Đàn. Đến ngày 08-02-1926, cụ được trở về xứ Nghệ thăm vợ con sau hơn 20 năm xa vắng. Chiều hôm đó, tiễn cụ vào Huế, cụ bà đã khảng khái nói rằng:

“Vợ chồng xa cách trót 20 năm, thấy còn sống mà về đến xứ sở, tôi lấy làm mãn nguyện. Thấy đã đem thân ra lo việc nước, chớ có nên tưởng chi việc vợ con nghèo túng, miễn sao giữ cho tròn danh tiết là hơn. Đó là điều tôi mong ước bấy lâu. Còn việc gia đình đã có tôi lo liệu.”

Câu nói này, Phan Bội Châu nhớ mãi trong lòng và trong một bức thư gửi cho con khi vợ mất, lời lẽ thống thiết bi ai khiến ai cũng mũi lòng:

Ông đã kết luận bức thư:

“Đầu bạc trăm năm, còn lời thể cũ,
Mẹ con thật chẳng phụ ta, ta phụ mẹ con rồi
Chắc mẹ con cũng lượng thứ cho ta.”

Trước khi tạm biệt quê hương gia đình để dẫn thân vào con đường hoạt động cứu nước, Phan Bội Châu đã làm hai việc quan trọng.

1. Cải táng lại mộ của cha mẹ, di dời phần mộ của thân sinh, chôn vào một địa điểm bí mật để tránh sự đào bới trả thù của giặc Pháp, như chúng đã từng đào mả người thân của một số nhà yêu nước chống Pháp để làm cho các con cái đau lòng và uy hiếp tinh thần nhân dân.

Bởi vậy, Phan Bội Châu đã phải sang tận làng Kim Liên, tậu một thửa ruộng, trên thửa ruộng đó, Phan đào hai cái huyệt sâu dưới ba thước đất để chôn giấu mấy cái hũ sành đựng di cốt của cha mẹ mình. Đặc biệt, mỗi huyệt như vậy đều chôn hai cái hũ sành: cái dưới có chứa di cốt, còn cái trên thì chỉ có bùn đất. Làm như vậy để phòng khi kẻ thù phát hiện, cứ tưởng hài cốt đã biến thành bùn đất.

Năm 1962, xã Kim Liên cho đào sông làm thủy lợi. Khi đào qua thửa ruộng này thấy có ngôi mộ (có hai hũ chổng lên nhau) đã bảo cho người nhà họ Phan ở Đan Nhiễm để đem về chôn cất lại. Người ta thấy di cốt cụ Phan Văn Phổ vẫn y nguyên, mộ cụ bà cũng nguyên vẹn như vậy.

2. Viết giấy ly dị vợ. Để tránh việc nhà chức trách của chính quyền thực dân phong kiến gây phiền lụy cho vợ ở nhà, nên trước khi xuất dương, Phan Bội Châu đã chu đáo viết sẵn tờ giấy ly hôn với lý do là Phan bỏ nhà đi xa vô thời hạn. Nhờ có tờ giấy ly hôn đó mà sau này bọn quan lại ở Nam Đàn không làm gì được vợ của Phan Bội Châu.

Phan Bội Châu là như vậy đó.

Và trên bức ảnh cuối cùng của Phan Bội Châu vài ngày trước khi mất có ghi:

Dòng trên cùng:

“Xin từ biệt đồng bào cả nước.”

Dòng bên phải:

“Cứu nước, bảo tồn nòi giống, nhưng có chí mà không có tài. Nay xin quốc dân tha tội cho tôi”.■

TÌM HIỂU VỀ NỀN NHÂN VĂN HỌC VÀ NHÂN HỌC

■ BẢO TRẦN

Tóm lược. Lịch trình hành đạo của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo – phần tu sĩ có một nội dung là “Nền nhân văn học phải hiểu”. Để thực hiện một phần lịch trình hành đạo của Cơ Quan, bài viết này trình bày khái quát về nền nhân văn học, và một bộ phận của nó là ngành nhân học.

1. GIỚI THIỆU

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo chính thức được thành lập vào rằm tháng Giêng năm Ất Tỵ (1965) thì khoảng một năm sau đó, Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên được chỉ định của Tam Giáo Tòa, ban Lịch Trình Hành Đạo cho Cơ Quan. Ngài dạy như sau:



H1: Chân dung ngài Lê Văn Duyệt.

“Trong khi hội quần Tiên, Lão được chỉ định của Tam Giáo Tòa, cho các Chơn Tiên tiên bối Đại Đạo chỉ định và thỉnh giám Lão thay mặt, để giúp chư hiền các lịch trình hành đạo. Lão mong rằng chư hiền nên nhận xét thực hành để làm tròn bốn phận Thiêng Liêng giao phó.”

Lịch Trình Hành Đạo của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo bao gồm các lịch trình để hành đạo từ cấp Tu sĩ, Giáo sĩ, v.v. cho đến Ban Thường Vụ, bao gồm nhiều hạng mục về tâm, hạnh, đức, tài để các cấp trách vụ trong Cơ Quan khả dĩ thực hiện sứ mạng của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý nói riêng và sứ mạng lịch sử của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nói chung.

Lịch Trình Hành Đạo dành cho cấp bậc Tu sĩ, có một phần như sau:

“Nền nhân văn học phải hiểu.”

Để thực hiện một phần Lịch Trình Hành Đạo nói trên, huynh tỷ đệ muội chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu khái quát về nền nhân văn học và một bộ phận của nền nhân văn học là nhân học.

2. KHÁI QUÁT VỀ NHÂN VĂN HỌC

NHÂN VĂN HỌC LÀ GÌ?

Con người là một thực thể vô cùng phong phú, có tính đa diện. Với tính đa diện của con người, để tìm hiểu, người ta buộc phải chia ra làm nhiều lĩnh vực hay nhiều khía cạnh để

1. Đức Lê Đại Tiên, Ngọc Minh Đài, 15-4 Bính Ngọ (03-6-1966).

ngiên cứu. Mỗi khía cạnh chuyên biệt như thế trở thành đối tượng nghiên cứu của một khoa học chuyên ngành. Có nhiều ngành khoa học liên quan đến con người như y học, sinh học, triết học, văn học, ngôn ngữ, kinh tế, chính trị, luật pháp,... đều có nghiên cứu về con người.

Các ngành nhân văn, còn được gọi là nhân văn học (tiếng Anh: the humanities) là các ngành khoa học nghiên cứu về con người trong ngữ cảnh có liên quan đến văn hóa. Nói cách khác, nhân văn học là các ngành học nghiên cứu về văn hóa con người. Nó nghiên cứu về việc con người đã hành xử như thế nào và ghi nhận lại những gì con người đã trải nghiệm. Nhân văn học giúp chúng ta hiểu về cuộc sống của mình, hiểu về mối liên hệ giữa chúng ta với người đi trước và mối liên hệ giữa con người chúng ta hiện nay [5].

CÁC NGÀNH TRONG NỀN NHÂN VĂN HỌC

Nhân văn học bao gồm một số ngành: ngôn ngữ học (linguistic), văn học (literature), triết học (philosophy), nhân học (anthropology), tôn giáo (religion), đạo đức (ethics), lịch sử (history), âm nhạc (music), vũ (dance), kịch (theater), hội họa (art), điện ảnh (film), kiến trúc (architecture), luật học (laws/jurisprudence), v.v. [8][5].

Thật khó để có thể tìm được tài liệu, sách vở có sẵn nói về “nền nhân văn học” hoặc tổng quan về tất cả các ngành nhân văn để chúng ta khả dĩ có một bức tranh tổng thể về nền nhân văn học. Để có thể hiểu thêm về nhân văn học, chúng ta hãy tìm hiểu chi tiết hơn một ngành trong nền nhân văn học – là nhân học.

3. KHÁI QUÁT VỀ NHÂN HỌC

3.1. NHÂN HỌC LÀ GÌ?

Có nhiều định nghĩa về nhân học trên thế giới, chúng tôi xin giới thiệu một định nghĩa về nhân học như sau:

Nhân học (tiếng Anh: anthropology) là ngành khoa học nghiên cứu tổng hợp về bản chất của con người trên các phương diện sinh học, xã hội,

văn hóa của các nhóm người, các cộng đồng dân tộc khác nhau, cả về quá khứ của con người cho tới hiện nay, nghĩa là nghiên cứu sự tiến hóa của con người, các xã hội và văn hóa khác nhau [6].

Tác giả Hoebel thì tóm tắt nhân học là một trong những ngành khoa học nhân văn, đặt trọng tâm nghiên cứu về con người và các nền văn hóa [2].



H2: Hình ảnh minh họa một nhà khoa học (bên phải) đang “nghiên cứu” về con người.

Mục đích của nhân học không chỉ làm thỏa mãn sự ham muốn hiểu biết của con người, mà nó còn là một công cụ giúp con người biết được nhiều hơn về bản chất của mình, để cuối cùng có thể hiểu, nắm bắt và giải quyết những vấn đề liên quan đến con người như thế nào cho hiệu quả [2].

Vậy sự khác nhau giữa nhân học và các ngành nhân văn khác là gì?

3.2. BỐN ĐẶC ĐIỂM CỦA NHÂN HỌC

Nhiều môn học và ngành khoa học khác cũng quan tâm đến khía cạnh này hoặc khía cạnh khác của con người và các hoạt động của con người. Vậy thì điều gì khiến nhân học được gọi là “ngành khoa học về con người” và khác với các ngành nhân văn khác? Đó là do nhân học có 4 yếu tố đặc biệt sau:

- Trọng tâm nghiên cứu con người như một tổng thể
- Sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu
- Phát triển và sử dụng khái niệm về văn hóa
- Sử dụng phương pháp điền dã dân tộc học

NHÂN HỌC NGHIÊN CỨU VỀ CON NGƯỜI NHƯ MỘT TỔNG THỂ

Như đã trình bày, con người là một thực thể gồm nhiều phương diện. Để tìm hiểu con người,

chúng ta buộc phải chia thành nhiều lĩnh vực (khía cạnh) để nghiên cứu. Mỗi lĩnh vực nghiên cứu về con người như thế trở thành một khoa học chuyên ngành. Khác với những ngành khoa học khác nghiên cứu về con người, nhân học tiếp cận nghiên cứu con người trong tính toàn diện của nó, nghĩa là nghiên cứu nhiều khía cạnh khác nhau của con người, với cái nhìn so sánh, đối chiếu cả về thời gian và không gian. Nói một cách khác, nhân học nghiên cứu trọng tâm về con người như một tổng thể [2]. Nhân học cho rằng không một điều gì có thể đầy đủ, chính xác và được thấu hiểu khi bị tách rời khỏi cái tổng thể.

Với trọng tâm nghiên cứu con người như một tổng thể như thế, nhân học có tham vọng sử dụng thành tựu nghiên cứu của các ngành khoa học khác và cố gắng kết hợp chúng với dữ kiện riêng của mình để nghiên cứu con người trong tính toàn diện đó. Ví dụ, nhân học kết hợp để tìm kiếm xem các yếu tố kinh tế, chính trị, tôn giáo và thân tộc,... đã tác động với nhau như thế nào để tạo nên đời sống của con người như chúng ta thấy [6]. Khi miêu tả một nhóm người, một nhà nhân học có thể đề cập đến lịch sử của khu vực mà nhóm người này sinh sống, môi trường tự nhiên, tổ chức cuộc sống gia đình và các đặc tính chung ngôn ngữ, hệ thống định cư của nhóm, hệ thống kinh tế chính trị, tôn giáo, phong cách nghệ thuật và trang phục...

Trước đây, các nhà nhân học, khi nghiên cứu, cố gắng bao trùm tất cả các mặt của một lĩnh vực. Ngày nay, cũng như các ngành khoa học khác, quá trình thông tin được tích lũy lớn đến nỗi mà các nhà nhân học có khuynh hướng chuyên sâu về một chủ đề hay một khu vực, ví dụ nghiên cứu đặc tính hình thể của một số tổ tiên của chúng ta thời tiền sử, nghiên cứu ảnh hưởng sinh học và môi trường với cư dân qua thời gian, nghiên cứu phong tục của một nhóm người cụ thể. Dù đã đi chuyên sâu, nhưng nhân học vẫn giữ khuynh hướng tiếp cận toàn diện (hay tổng thể), trong khi các chuyên ngành khác nhau của nhân học sẽ cùng nhau miêu tả nhiều

khía cạnh của con người, cả trong quá khứ và hiện tại ở tất cả các mức độ khác nhau. Ví dụ nhân học tôn giáo là một chuyên ngành của nhân học, vừa giữ khuynh hướng tiếp cận tổng thể của nhân học, vừa miêu tả một khía cạnh trong văn hóa con người là tôn giáo.

Một ví dụ về nghiên cứu con người như một tổng thể: khi các nhà giáo dục Mỹ phát hiện ra rằng những năm 1960 học sinh da đen ít uống sữa, họ cho rằng lý do chính là các học sinh này thiếu tiền hoặc thiếu hiểu biết. Nhưng bằng chứng của các nhà nhân học đã đưa ra một cách giải thích khác. Các nhà nhân học từ lâu biết rằng có nhiều nơi chăn nuôi gia súc lấy sữa trên thế giới, con người không uống sữa tươi, mà họ thường để sữa tươi lên men trước khi uống hay làm phô mai. Tại sao họ làm như vậy thì hiện nay đã rõ. Nhiều người thiếu enzyme lactose vốn cần thiết cho việc tiêu hóa lactose, loại đường có trong sữa. Khi những người này uống sữa sẽ gặp rắc rối đối với hệ tiêu hóa, không chỉ lactose không tiêu hóa được, mà các dưỡng chất khác cũng không được hấp thụ. Trong nhiều trường hợp, việc uống sữa sẽ gây ra chứng co thắt ruột, tiêu chảy và buồn nôn. Các nghiên cứu cho thấy rằng, chúng không hấp thụ được sữa tươi có ở nhiều nơi trên thế giới như thường thấy ở thanh niên châu Á, Ả Rập, Do Thái, Tây Phi, cư dân bản địa Bắc và Nam Mỹ và người Mỹ da đen. Bởi vì các nhà nhân học hiểu biết về các dân tộc khác nhau về địa lý và lịch sử nên họ thường có thể điều chỉnh lại sự hiểu biết sai lệch về các nhóm người khác nhau [3].



H3: Các em học sinh da đen (hình chỉ mang tính cách minh họa).

Trong ví dụ học sinh da đen ít uống sữa, chúng ta thấy nhân học nghiên cứu con người như một tổng thể, xét trên các khía cạnh sinh học, văn hóa, xã hội.

NHÂN HỌC SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SO SÁNH, ĐỐI CHIẾU

Khi nói về con người và bản chất của con người, người ta cần phải biết cái nội dung tổng thể về sinh học, về hành vi và về hình thái xã hội của con người thực sự là gì [2]. Một lần nữa chúng ta lại thấy xuất hiện 3 chữ sinh học, hành vi, xã hội. Để có những kiến thức này, nhà nhân học phải nghiên cứu và so sánh trong phạm vi rộng lớn của từng cộng đồng dân cư xưa và nay, để xác định cái gì là chung và cái gì là đặc điểm riêng.

Một ví dụ về phương pháp so sánh là: người Bắc Mỹ không sử dụng con mối làm thức ăn nhưng không nên nghĩ rằng loài người chúng ta không ăn mối. Sự thực, người Camơrun ở Tây Phi lại coi mối là thức ăn bổ dưỡng. Như thế, ngoài tính toàn diện, tổng thể, nhân học còn là một khoa học mang tính so sánh đối chiếu để tìm hiểu sự đa dạng về mặt sinh học và văn hóa của các nhóm cư dân, dân tộc khác nhau trên hành tinh.



H4: Người Cơ Tu (Việt Nam) ở đỉnh núi Trường Sơn cũng ăn mối

Một ví dụ khác về việc những nhà nhân học nghiên cứu và cố gắng giải thích sự khác nhau giữa các nền văn hóa trên thế giới, là họ nghiên cứu tại sao người ở một nền văn hóa tin rằng họ bị bệnh do hồn của bà phù thủy nào đó đã tiêu hủy lá gan của họ, trong khi đó người khác nghĩ rằng bệnh là do một loại nhện đen đã làm phép thuật vào người của họ [1].

NHÂN HỌC PHÁT TRIỂN VÀ SỬ DỤNG KHÁI NIỆM VỀ VĂN HÓA

Một đặc trưng khác của ngành nhân học là sự phát triển về khái niệm văn hóa và tính quan trọng của khái niệm này trong tư tưởng của nhân học.

“Văn hóa không phải là kết quả di truyền sinh học mà là hệ thống những khuôn mẫu hành vi qua học hỏi và là nét đặc trưng của các thành viên trong một xã hội”. Văn hóa hoàn toàn là kết quả của sự sáng tạo xã hội, được lưu truyền và duy trì chỉ thông qua sự rèn luyện và giao tiếp.

Những nhận định trên là các thành phần cơ bản của khái niệm về văn hóa, như là thuật ngữ mà hầu hết các nhà nhân học hiện nay áp dụng. Các định nghĩa khác, dĩ nhiên vẫn có thể chấp nhận.

Khái niệm văn hóa trong ngành nhân học quan trọng đến mức trong hơn 30 chương còn lại của cả cuốn sách “Anthropology: The Study of Man” [2] đều đặt trọng tâm xem xét về bản chất của khái niệm văn hóa, cũng như những biểu lộ của nó trong hành vi của nhân loại.

Nhân học sử dụng phương pháp nghiên cứu điển dã dân tộc học



H5: Trang bìa quyển “Viết các ghi chép điền dã dân tộc học”

Về mặt phương pháp, nhân học có xu hướng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu định lượng

và định tính của các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác (kinh tế, xã hội học, chính trị, tâm lý, địa lý và sử học). Đồng thời, nhân học cũng có phương pháp nghiên cứu chuyên biệt riêng của ngành được các nhà nhân học và dân tộc học sử dụng mang tính truyền thống từ trước đến nay. Nhân học thường sử dụng phương pháp tham gia sâu tại một hoặc vài ba cộng đồng từ một năm trở lên và thông thạo ngôn ngữ địa phương nào mình đi đến đã. Điềm đã dân tộc học là công việc bắt buộc và thường xuyên đối với nhà nghiên cứu nhân học.

Một số nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý chúng ta đã từng tiếp xúc với giáo sư nhân học người Mỹ Janet Hoskins khi giáo sư đến nhiều nơi trong tôn giáo Cao Đài tại Việt Nam để thực hiện nghiên cứu chuyên môn của bà về đạo Cao Đài. Và một số bạn thanh thiếu niên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý đã gặp một nữ sinh viên người Trung Quốc tại Hội Thánh Minh Chơn Đạo đến nghiên cứu về văn hóa Cao Đài vào năm 2014. Những chuyến đi thực tế của hai vị này cho thấy họ đang sử dụng phương pháp nghiên cứu điển đã dân tộc học.

3.3. CÁC LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU CỦA NHÂN HỌC

Như đã trình bày, nhân học là ngành khoa học có phạm vi rộng hơn cả về lịch sử, địa lý và có tính tổng thể trong cách tiếp cận nghiên cứu con người so với các ngành học khác. Vì vậy, phạm vi nghiên cứu của nhân học rất rộng. Theo truyền thống, các nhà nhân học đã chọn cách tiếp cận bản chất con người theo hai hướng khác nhau: nhân học hình thể và nhân học văn hóa. Cho nên các phân ngành của nhân học được chia thành hai nhóm: nhân học hình thể và nhân học văn hóa². Mỗi phân ngành lại có một số chuyên ngành riêng. Ngoài ra còn có phân ngành nhân học ứng dụng.

Tóm lại, các lĩnh vực nghiên cứu nhân học bao gồm:

2. Hoebel thì phân chia nhân học thành hai nhóm chính: nhân học tự nhiên và nhân học văn hóa.

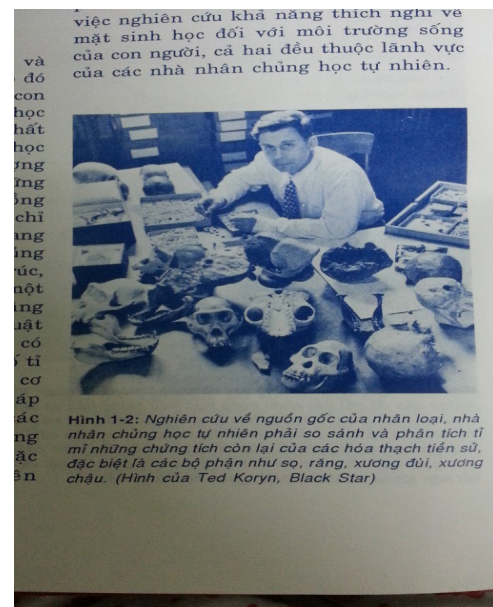
- Phân ngành Nhân học hình thể: cổ nhân học, linh trưởng học, chủng tộc học,...
- Phân ngành Nhân học văn hóa: khảo cổ học, nhân học ngôn ngữ, nhân học văn hóa – xã hội (dân tộc học), nhân học tôn giáo...
- Phân ngành Nhân học ứng dụng

Nhân học hình thể

Nhân học hình thể là chuyên ngành ra đời đầu tiên và sớm nhất của ngành nhân học. Vấn đề quan tâm chính của cách nhà nhân học hình thể là con người với tư cách là một thực thể sinh vật. Mục đích của họ là khám phá ra những nét tương đồng và dị biệt của con người và các loài động vật khác.

Phân ngành của nhân học hình thể bao gồm:

- Cổ nhân học hay cổ sinh vật học (human paleontology hay paleanthropology): nghiên cứu nguồn gốc và quá trình hình thành con người. Nó nghiên cứu các hóa thạch của con người, tiền thân của con người để tái hiện sự tiến hóa của con người từ người tối cổ đến người cổ và người khôn ngoan (homo sapiens).



H6: Minh họa về phân ngành Cổ nhân học. Nghiên cứu về nguồn gốc của nhân loại, nhà nhân chủng học tự nhiên phải so sánh và phân tích tỉ mỉ những chứng tích còn lại của các hóa thạch tiền sử, đặc biệt là các bộ phận như sọ, răng, xương đùi, xương chậu.

- Linh trưởng học: nghiên cứu những động vật có họ hàng gần gũi nhất với con người

– loài linh trưởng – từ những hóa thạch của chúng qua các thời kỳ địa chất cho đến các nhóm linh trưởng còn tồn tại hiện nay như khỉ, vượn, đười ươi...



Hình 2-1: Một thí dụ kinh điển về cách học hỏi và sự hiểu biết của loài tinh tinh. Bằng cách xếp các thùng, hộp chồng lên nhau, con tinh tinh Grande có thể giải quyết cái vấn đề “làm sao lấy trái chuối”. Xin chú ý cử chỉ đồng cảm, tán thành của con tinh tinh ngồi, Sultan. (Từ Wolfgang Kohler, *The Mentality of Apes*, 1921, hỗ trợ của nhà Springer-Verlag)

H7: Minh họa về phân ngành linh trưởng học. Một thí dụ điển hình về cách học hỏi và sự hiểu biết của loài tinh tinh. Bằng cách xếp các thùng, hộp chồng lên nhau, con tinh tinh Grande có thể giải quyết cái vấn đề “làm sao lấy một trái chuối”. Xin chú ý cử chỉ đồng cảm, tán thành của con tinh tinh ngồi, Sultan.

- **Chủng tộc học:** nghiên cứu sự đa dạng của con người về đặc điểm sinh học và hình thể.

Nhân học văn hóa (cultural anthropology, social anthropology, sociocultural anthropology và ethnology)

Một hệ quả của sự tiến hóa của nhân loại có tác động sâu xa đến bản chất của con người là sự xuất hiện của văn hóa. Văn hóa là sự tập hợp những hành vi và quan niệm mà con người học hỏi được với tư cách là thành viên của xã hội. Con người dùng văn hóa để thích ứng với thế giới trong đó họ đang sống và thay đổi nó.

Nhân học văn hóa chia thành ba chuyên ngành nhỏ hơn:

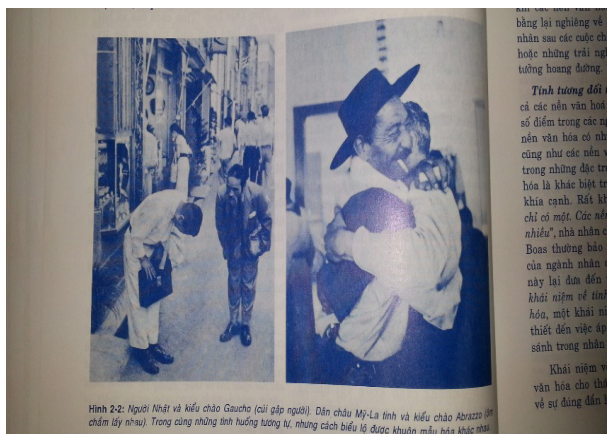
- **Khảo cổ học (archaeology):** nghiên cứu về văn hóa quá khứ của con người. Nó nghiên cứu về quá khứ của con người bằng việc khai quật và phân tích những vật thể còn sót lại, để tái hiện lại cuộc sống văn hóa và lịch sử của con người.



H8: Minh họa về phân ngành khảo cổ học. Các nhà khảo cổ học điều tra về quá khứ bằng việc khai quật (Nguồn: Humanity – An Introduction to cultural anthropology)

- **Nhân học ngôn ngữ:** nghiên cứu lịch sử ngôn ngữ và cấu trúc của ngôn ngữ các dân tộc cũng như những hình thức trao đổi thông tin trong bối cảnh các nền văn hóa.
- **Nhân học văn hóa – xã hội (dân tộc học):**

Tùy thuộc vào quan niệm của các trường phái nhân học mà có các tên gọi khác nhau. Ở Anh, người ta nhấn mạnh đến nhân học xã hội. Ở Mỹ, lại quan tâm nhiều hơn đến nhân học văn hóa. Xu hướng chung hiện nay là kết hợp cả nhân học văn hóa và xã hội, gọi chung là nhân học văn hóa – xã hội. Trong nhiều trường hợp, người ta còn gọi là dân tộc học. Nhân học văn hóa – xã hội nghiên cứu tính đa dạng của các nền văn hóa cũng như các khía cạnh văn hóa của con người với các suy nghĩ và hành xử với tư cách là thành viên của xã hội.

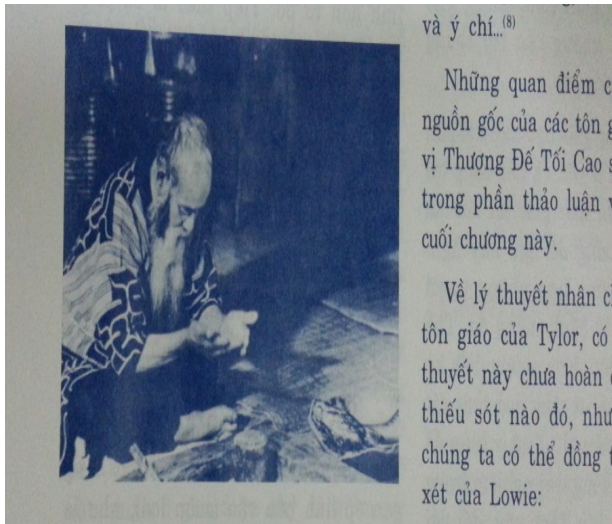


Hình 2-2: Người Nhật và kiểu chào Gaucho (cúi gập người). Dân châu Mỹ-La tinh và kiểu chào Abrazzo (ôm chằm lấy nhau). Trong cùng những tình huống tương tự, những cách biểu lộ được khuôn mẫu hóa khác nhau.

H9: Minh họa về phân ngành nhân học văn hóa – xã hội. Người Nhật và kiểu chào Gaucho (cúi gập người). Dân châu Mỹ La tinh và kiểu chào Abrazzo (ôm chằm lấy nhau). Trong cùng những tình huống tương tự, những cách biểu lộ được khuôn mẫu hóa khác nhau.

- Nhân học tôn giáo (anthropology of religion)

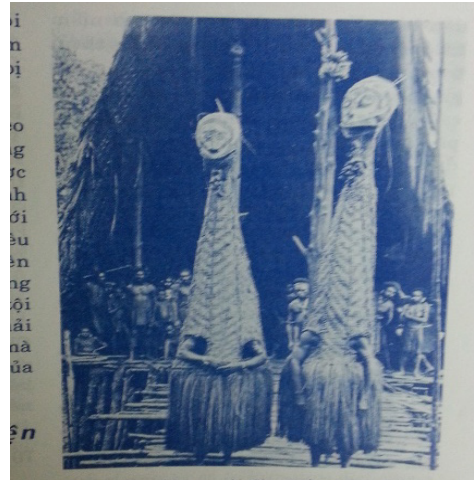
Đối với các nhà nhân học, tôn giáo được xem xét với tư cách là hiện tượng phổ biến của văn hóa (Đỗ Minh Hợp, 2006, 52–53). Nhận định của Evans–Pritchard về vai trò của các nhà nhân học trong nghiên cứu tôn giáo: Tôn giáo đối với nhà nhân học là những sự kiện có tính xã hội (social facts) chứ không phải là những sự kiện thần học. Mối bận tâm lớn của những nhà nhân học chính là sự liên quan giữa tôn giáo với những sự kiện xã hội khác. Như vậy cần khẳng định tôn giáo đối với nhà nhân học mang tính khoa học chứ không phải siêu hình hoặc bản thể học (Fiona Bowie, 2001, 4–5).



H10: Minh họa về phân ngành nhân học tôn giáo. Trong một ngôi làng của người Ainu ở Hokkaido, Nhật Bản, người chủ gia đình chài lưới câu trời cho đánh bắt được con cá hồi đầu tiên vào đầu thu.

Nhân học tôn giáo nghiên cứu tôn giáo dưới chiều kích của cả thời gian và không gian, đặc biệt phân tích sắc thái tôn giáo đặc trưng của từng tộc người, từng cộng đồng dân cư chứ không phải tôn giáo nói chung. Nói cách khác, nhân học tôn giáo nghiên cứu bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội, nơi mà thời điểm tôn giáo xuất hiện trong những cộng đồng tộc người cụ thể, nghiên cứu vì sao cộng đồng cư dân này chấp nhận một tôn giáo nào đó trong khi các cộng đồng cư dân khác không chấp nhận. Điều quan trọng là quan điểm của các nhà khoa học, các

nhà nhân học nói chung đã xếp tôn giáo trong nội dung văn hóa, cho rằng tôn giáo mang tính cộng đồng, tính xã hội, tính văn hóa, được cộng đồng tuân theo, gắn liền văn hóa với lối sống, là tôn giáo của từng dân tộc, từng khu vực dân cư.



H11: Minh họa về phân ngành nhân học tôn giáo. Những người đóng thế vai thực thể siêu nhiên đứng phía trước ngôi nhà phường hội, thuộc bộ lạc Urama, tộc Papua, New Guinea. Với điệu múa hành lễ và niệm thần chú, họ lạy những cây ăn quả dành để tế lễ trong những dịp lễ này.

Nhân học tôn giáo đi sâu nghiên cứu biểu tượng tôn giáo, các nghi thức, các hành vi, lễ hội và các thiết chế xã hội tôn giáo khác nhau.

Nhân học ứng dụng

Nhân học ứng dụng là một chuyên ngành của nhân học, mới được phát triển trong những năm gần đây. Các nhà nhân học sử dụng kiến thức của các chuyên ngành nhân học khác để giải quyết những vấn đề thực tế, thường là phục vụ cho các cơ quan ngoài học thuật.

Ví dụ, nhà nghiên cứu nhân học hình thể sử dụng những kết quả nghiên cứu của mình về y học để phục vụ sức khỏe cộng đồng, sử dụng những kết quả nghiên cứu nhân trắc để thiết kế và may quần áo cho cộng đồng... Nhà nhân học ngôn ngữ có thể sử dụng kết quả nghiên cứu vào trong chương trình đào tạo giáo dục: làm từ điển, chương trình giáo dục song ngữ, đa ngữ. Các nhà khảo cổ có thể sử dụng kết quả nghiên cứu hiện vật để tổ chức trưng bày trong các bảo tàng lịch sử và văn hóa để phục vụ đại chúng.

Ngày nay, nhân học ứng dụng vẫn tiếp tục

phát triển theo các lĩnh vực khác nhau, nhưng những vấn đề họ quan tâm hơn cả là nghiên cứu đã được mở rộng trong một số lĩnh vực như nhân học đô thị, nhân học y tế, nhân học du lịch và giáo dục,...

MỐI LIÊN HỆ GIỮA NHÂN HỌC VÀ CÁC NGÀNH KHOA HỌC

Nhân học là sự phối hợp các ngành khoa học xã hội và nhân văn, cùng với nhiều ngành khoa học tự nhiên khác và do vậy có liên hệ sâu sắc với từng ngành. Tuy nhiên, nhân học vẫn giữ những đặc điểm riêng (trình bày ở trên) và phương pháp nghiên cứu đặc biệt của mình [2].

Nhân học là ngành khoa học có phạm vi nghiên cứu rất rộng, có xu hướng tích hợp tri thức các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác. Vì vậy, nó có quan hệ hữu cơ với nhiều ngành khoa học khác, nhất là trong những thập niên gần đây, đến độ khó phân biệt ranh giới về mặt chủ đề. Chúng ta có thể thấy điều này qua ví dụ giải thích học sinh da đen ít uống sữa.

Chúng ta có thể tìm hiểu thêm mối liên hệ giữa nhân học và các ngành khoa học khác trong các tài liệu như mối liên hệ với sử học, triết học, địa lý học, xã hội học, tâm lý học, luật học, tôn giáo học, khoa học chính trị, kinh tế và sức khỏe cộng đồng.

4. KẾT LUẬN

Nhân văn học nói chung, nhân học nói riêng là các ngành khoa học nghiên cứu về con người trong bối cảnh có liên quan đến văn hóa. Nhân học khác với các ngành khoa học nhân văn khác là nó nghiên cứu con người như một tổng thể và các nền văn hóa khác nhau. Nhân học nổi bật ở việc nghiên cứu so sánh, đối chiếu. Nhân học phát triển và sử dụng khái niệm về văn hóa rất nhiều. Và phương pháp nghiên cứu đặc thù là phương pháp điền dã dân tộc học.

Sau khi tìm hiểu về nhân văn học và nhân học, đạo muội rút ra vài điều cần thiết có thể áp dụng cho việc hành đạo của bản thân, như sau:

- Chúng ta nên thừa kế, sử dụng thành tựu,

kết quả nghiên cứu của các ngành khoa học nhân văn để làm cho giáo lý đạo trở nên gần gũi, thực tế, hữu ích hơn, cũng giống như cách mà nhân học đã sử dụng thành tựu của các ngành nhân văn khác.

- Nghiên cứu so sánh sẽ làm gia tăng sự hiểu biết của chúng ta, chứ không nên nghiên cứu riêng biệt một phạm vi, lãnh vực nào.

- Nên có cái nhìn khách quan và thông hiểu đối tượng nghiên cứu như thể mình là người trong cuộc, sau đó có thể sử dụng quan điểm của mình để ghi chép.

- Tôn giáo đối với nhà nhân học là những sự kiện có tính xã hội (social facts) chứ không phải là những sự kiện thần học. Mối bận tâm lớn của những nhà nhân học chính là sự liên quan giữa tôn giáo với những sự kiện xã hội khác. Như vậy cần khẳng định tôn giáo đối với nhà nhân học mang tính khoa học chứ không phải siêu hình hoặc bản thể học.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Peoples, James & Bailey, Garrick (2010), *Humanity – An Introduction to cultural anthropology*, xuất bản lần thứ 9. Hoebel, E. Adamson, *Nhân chủng học – Khoa học về con người* (Nguyên tác: *Anthropology: The Study of Man*). Biên dịch: Lê Sơn, Lê Trọng Nghĩa, Phạm Khương. NXB Tổng hợp, 2007.

Nanda, Serena (1980), *Cultural Anthropology*. Litton Educational Publishing.

Schultz, Emily A. & Lavend, Robert (2001), *Cultural Anthropology: a Perspective on the Human Condition*. Xuất bản lần thứ 5. Mayfield Publishing Company.

Stanford Humanities Center, <http://shc.stanford.edu/what-are-the-humanities>, truy cập ngày 22-11-2014

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Khoa Nhân học, *Nhân học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, 2013.

http://vi.wikipedia.org/wiki/Nhân_học, truy cập ngày 18-11-2014

http://vi.wikipedia.org/wiki/Nhân_văn, truy cập ngày 18-11-2014

tìm hiểu về BIỂU TƯỢNG DÊ TRONG VĂN HÓA

■ DIỆU THUẬN SƯU TẦM • THEO WIKIPEDIA



Theo từ điển Wikipedia thì dê là một loài vật có ý nghĩa tinh thần phong phú, và có giá trị biểu tượng cao trong tất cả các loài gia súc. Nó thể hiện vai trò gắn gũi nhưng vô cùng quan trọng, đa dạng và tích cực trong đời sống văn hóa của nhiều quốc gia.

Trong văn hóa phương Đông, dê (Mùi) đứng vào hàng thứ tám trong mười hai con giáp (thập nhị địa chi) và cũng nằm trong tam sinh lục súc¹. Còn trong văn hóa phương Tây, dê nằm trong 12 cung

1. Lục súc (tiếng Trung: 六畜; bính âm: Liùchù) là một cách diễn đạt tại Trung Quốc, hàm ý chỉ sáu loại gia súc nuôi trong hoặc gần nhà là: ngựa (mã), trâu/bò (ngưu), cừu/dê (dương), chó (cẩu), lợn (trư) và gà (kê). Trước khi kết thúc thời đại đồ đá mới, người Trung Quốc đã thuần hóa thành công sáu loại gia súc này.

Cụm từ “lục súc” thường thấy trong Tả truyện, Chu lễ (周礼) và các điển tịch từ thời Tiên Tần. Thư tịch cổ nhất giải thích nội hàm của cụm từ “lục súc” là Nhĩ Nhã trong thiên “Thích Súc”, trong đó xếp thứ tự “lục súc” là: mã, ngưu, dương, trư, cẩu, kê. Còn trong Tam tự kinh, thứ tự của lục súc là: mã, ngưu, dương, kê, khuyển, thỉ (豕, tức là lợn). (Nguồn Wikipedia)

Hoàng đạo với hình tượng Ma kết². Ngoài ra, dê còn xuất hiện trong thần thoại Hy Lạp, Bắc Âu và đặc biệt trong Ki tô giáo với hình tượng con dê gánh tội. Dê được xem là một biểu tượng hiển tế trong cả hai nền văn hóa Đông – Tây.


Dê được xem là một biểu tượng phong phú, xuất hiện lâu đời từ hồi tiền sử loài người, trong đời sống vật chất và tâm linh, từ Đông sang Tây với nhiều biểu tượng phong phú và phức tạp.

TRONG VĂN HÓA PHƯƠNG TÂY

Dê được xem là 1 trong 12 biểu tượng của cung Hoàng đạo; làm hình tượng cho Dionyos. Biểu tượng của Ma kết có hình ảnh của chữ “V” cho đầu của một con dê biển, bởi vì chòm sao Ma kết được tìm thấy ở phía Nam trên bầu trời hoàng đạo. Cũng có ý kiến cho rằng biểu tượng này diễn tả một con dê đang khuy gối. Chòm sao này thường được mô tả là một con dê với đuôi cá. Ma kết đôi khi được ví như là một con dê biển, hay thỉnh thoảng là một con dê trên cạn. Dê được tượng trưng cho mãnh lực, còn những chú dê cái lại là hình ảnh rất đáng kính yêu trong các huyền thoại phương Tây, là nghĩa mẫu của thần Zeux, là bóng dáng của con người gian nan vượt núi, trèo non đeo đuổi cuộc sống và lý tưởng.

TRONG TRUYỀN THUYẾT HY LẠP LA MÃ

Một truyền thuyết nói rằng khi thần dê Pan bị tấn công bởi một con quái vật Typhon, thì ông đã

2. Chòm sao Ma Kết hay Nam Dương, tiếng Latinh Capricornus, biểu tượng  là một trong mười hai chòm sao hoàng đạo, nằm phía tây đối với chòm sao Nhân Mã, phía đông nam đối với chòm sao Bảo Bình, là một trong 48 chòm sao Ptolemy. Chòm sao này còn có tên Ma Kết, Kết Toà, Sơn Dương Tò, Nam Dương.

ngâm mình xuống sông Nin, phần phía trên mặt nước vẫn là dê, phần ở dưới nước thì hóa thành cá.

Còn theo truyền thuyết Hy Lạp thì biểu tượng dê để chỉ vị Thần Pan, một bán thần hay á thần (demi god) có nửa trên là người, nửa dưới là dê, là con của Thần Hermes và nữ thần rừng (Nymph).

Còn trong văn hóa Babylon thì Capricorn hay dê biển (Sea goat) là hình ảnh của Nam thần xứ Babylon, đây quyền năng tên là Ea. Ông có nửa dưới cơ thể là cá, đầu và mình là dê. Ban đêm, vị thần này sống trong đại dương nhưng mỗi ngày đều ngoi lên để canh gác đất liền.



BẠCH DƯƠNG

TRONG KI TÔ GIÁO

Hình ảnh những con chiên, con dê rất gần gũi với dân Do Thái từ mấy ngàn năm nay.

Hình ảnh những chú dê con, những chú lừa được đặt gần nơi máng cỏ khi Đức Chúa Giêsu được sinh ra đời. Ngoài ra, hình ảnh con chiên, con dê hy sinh, nhận lãnh làm của đền tội cho dân Do Thái không một lời than van thực ra là hình ảnh của chúa Giêsu gánh nhận trên vai mọi tội lỗi của nhân loại, như lời tiên tri Isaia đã nói trước 700 năm: “Người đã gánh mọi tội ác, mọi yếu đuối trên mình”. Cũng chính vì sự so sánh này mà hàng ngày các giáo dân thường cầu nguyện “Lạy Chiên Thiên Chúa, Đấng xóa tội trần gian, xin thương xót chúng tôi...”. Trong Kinh thánh còn cho thấy dê chính là vật cúng của Quỷ Satan (Baphomet).



HÌNH TƯỢNG CON DÊ PHỔ BIẾN TRONG KINH THÁNH

Trong Kinh Cựu Ước và Tân Ước đều đề cập đến hình tượng 2 con dê được dùng để hiến tế. Con thứ nhất được xem là con dê tạ tội, tức là con dê bị giết để tạ tội với Chúa. Còn con dê thứ hai là con dê gánh tội, là con dê bị yếm trừ. Mọi tội lỗi của người Do Thái sẽ được trút lên nó và được dâng cho A da đen. Con dê này được gọi là con dê gánh tội hay oan dương. Sau khi xứng thú tội cộng đồng xong thì con dê này sẽ bị bỏ vào trong sa mạc khô cằn và phải đối diện với biết bao nhiêu là nguy hiểm: không có thức ăn, nước uống và lại phải bị thú dữ ăn thịt như sư tử và chó sói quanh quẩn, thì số phận của con dê gánh tội coi như đã được định đoạt. Vì phải gánh tội cho cộng đồng mà nó giờ đây phải sống trong đói khát và sợ hãi, và cuối cùng nó sẽ chết trong đau đớn, có khi là kiệt sức vì đói khát, có khi bị phanh thây bởi một con sư tử hay một đàn sói dữ tợn.

Cả hai con dê đều liên quan đến nghi thức hiến tế và được đề cập rất cụ thể, từng chi tiết và sống động trong các tài liệu của Kitô giáo.



CON DÊ GÁNH TỘI HAY CÒN GỌI LÀ OAN DƯƠNG

PHƯƠNG ĐÔNG

Trong văn hóa phương Đông, dê là con giáp đại biểu cho địa chi Mùi trong thập nhị địa chi, là một chi quan trọng mang ý nghĩa triết lý và nhân văn sâu sắc. Trong 12 con giáp, dê được xem là biểu tượng của tính ôn hòa, thuận hậu nhưng cũng không kém phần nhanh trí. Dê cũng là một trong những thần vật được người Ai Cập sùng bái vì sự đóng góp quan trọng của dê làm vật tế thần. Người Ai Cập dùng dê dâng lên các ác thần để thay thế cho con người. Con dê đã đi vào văn hóa của người Indonesia một cách sâu đậm. Nó đã trở thành món lễ vật chủ yếu và không thể thay thế ở một số lễ hội quan trọng như lễ hội Hurban, Akikah... ngày cưới, hiếu hỉ và các dịp quan trọng khác...

Ở Trung Quốc có rất nhiều điển tích gắn liền với con dê, chứng tỏ nó rất gần gũi trong cuộc sống của người Trung Quốc. Nổi tiếng có điển tích Dương xa (tức dê kéo xe), là loại xe mà vua Tần Võ Đế của Trung Quốc thường dùng xe dê kéo đi mỗi đêm trong cung cấm, hễ dê dừng ở cửa phòng cung phi nào thì đêm ấy nhà vua sẽ ngủ với cung phi đó.

Điển tích chẵn dê gắn liền với Tô Vũ, là một vị tôi trung của nhà Hán. Khi Tô Vũ đi sứ sang đất Hung Nô, bị thuyền Vu Hung Nô giữ không cho về và truyền lệnh đày ông này lên phương Bắc (Bắc Hải), là một nơi hoang vắng như sa mạc, tuyết phủ quanh năm. Ông này phải chăn một đàn dê đực với sắc chỉ của Chúa Hung nô: “Bao giờ trong đàn dê, dê đực đẻ con, sứ thần Tô Vũ mới được trở về đất Hán. Về sau, khi nhà Hán chính sách ngoại giao hòa hoãn với Hung Nô, Tô Vũ mới được tha về và trở thành một tấm gương về tinh thần trung quân ái quốc của Trung Quốc.

Điển tích năm bộ da dê kể về thừa tướng Bá Lý Hề là tướng nước Ngu mà Nước Ngu bị Tần cướp, Bá Lý Hề lưu lạc sang nước Sở làm kẻ chăn dê. Vua nước Tần là Mục Công biết Bá Lý Hề là người tài giỏi, sai người mang năm bộ da dê chuộc về làm tướng quốc khi đã ở tuổi 70. Sau, Bá lý Hề giúp Mục Công dựng nghiệp lớn.

Trang Tử đã có kể chuyện về người bán thịt

dê nước Sở, có công phò vua, nhưng từ chối công khanh. Sách Liệt Tử, cùng thời, kể chuyện một con dê mất, nhiều người đi tìm, nhưng không kiếm ra vì đường đời lắm ngã rẽ.

Ở Việt Nam:

Dê được thuần dưỡng từ rất sớm, sử dụng phổ biến, liên tục, lâu dài, mang giá trị vật chất đa dạng và mật thiết, nên dê cũng tạo nên giá trị tinh thần phong phú ảnh hưởng đến tâm linh và đời sống văn hóa nghệ thuật của người Việt Nam.

Sách Lĩnh Nam Chích Quái ở chương đầu tiên, về họ Hồng Bàng, đã kể lại rằng từ thời xa xưa, người Việt trong hôn nhân, đã biết giết trâu, dê làm đồ lễ, con dê đã được nuôi làm gia súc và sử dụng vào việc tế lễ.

Dê cũng là hình ảnh tiêu biểu đi vào thơ văn Việt. Trong tác phẩm Hịch Tướng Sĩ, Trần Hưng Đạo cũng có nhắc đến hình ảnh con dê và coi đó là biểu hiện của bọn sứ giả Mông Cổ chỉ bằng loài dê chó nhưng hống hách, ngạo mạn:

*Uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình
Đem thân dê chó mà ngạo mạn tế tướng.*

Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu có câu gởi phần tâm sự và lời chê trách người cộng tác với thực dân, làm tay sai giày xéo dân tộc khổ đau vì nô lệ:

*Hai vầng nhật nguyệt chói loà
Đâu dung lũ treo dê bán chó
Mùi tinh chiền vấy đã ba năm
Ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.*

Nhà thơ Bùi Giáng cũng có một thời chán đời về mua dê và chăn dê ở quê nhà, núi đồi Quế Sơn tỉnh Quảng Nam, trong khoảng từ (1945 đến 1952), ông đã có bài thơ cảm khái trong đó mô tả về loài dê.

*Trời núi đồi ngậy ngắt nhậy dê nhanh
Thôi từ nay tha hồ em mặc sức
Nhậy múa tung sườn núi vút dòng khe
Thôi từ nay tha hồ em mặc sức
Vang vang lên đồi núi giọng be be
Ngẩng đầu lên! dê ơi anh thông thả
Đeo vòng vào em nghênh cổ cong xinh
Ngẩng đầu lên! đây lòng anh vàng đá
Gửi gắm vào vòng mây nhuộm tơ duyên...*

Trong ca dao, văn học, dê cũng hiện lên sinh động:
Người ta tuổi Ngọ, tuổi Mùi

Em đây luống những ngậm ngùi tuổi Thân!!

Trẻ em nhà quê khi chơi trò dung dăng dung dẻ thường thuộc lòng bài đồng dao vui nhộn:

Dung dăng dung dẻ

Dắt trẻ đi chơi

Cho Cháu về quê

Cho dê đi học

Cho cóc ở nhà

Cho gà bới bếp.

Hay những câu thơ như: *Ru em buồn ngủ buồn nghề / Con tầm chín đỏ, con dê chín muôi / Con tầm chín đỏ để lại mà nuôi / Con dê chín muôi làm thịt em ăn.*

Nhà vua Lê Thánh Tông đã có hai bài Vịnh Tô Vũ, trong Hồng Đức Quốc Âm Thi Tập cũng có nói về loài dê: *Biển bắc xuân chầy dê chẳng nghén / Trời nam thu thắm nhận không thông.* Trong truyện nôm Tô Công phụng sứ, khuyết danh, gồm có 24 bài đường luật, tương truyền có từ thời Mạc, thế kỷ 16, nhân chuyện Lê Quang Bí đi sứ Trung Quốc, bị nhà Minh giữ lại 18 năm ở Nam Ninh: *Hơi dê hãy ngấu manh tươi lá / Tuyết nhận còn in cái tóc lông.*



TRANH DÂN GIAN VIỆT NAM VỀ CẢNH BỊT MẮT, BẮT DÊ

Hình ảnh dê trở nên sinh động, gần gũi hơn qua những trò chơi và lễ hội truyền thống. Nếu như ở phương Tây, có trò chơi đếm cừ thì ở Việt Nam có trò bịt mắt bắt dê rất vui vẻ. Trò chơi này thường được tổ chức trong các ngày vui (Hội đầu xuân, trung thu...) hoặc các cuộc chơi thể thao văn hoá dân dã, với cách khác nhau tùy thuộc đối tượng tham dự. Đối với trẻ con, trò chơi này là thú vui hồn nhiên, nhưng đối với

các cô cậu thanh niên, thiếu nữ là một dịp để tiếp cận, đụng chạm về thể xác vui đùa với nhau, vượt qua ranh giới nam nữ của phong kiến.

Giả vờ bịt mắt bắt dê

Để cho cô cậu dễ bề... với nhau.

Trong nghệ thuật, bức tranh vẽ hai dê qua cầu diễn tả hai chú dê húc nhau giữa chiếc cầu cong do chẳng con nào chịu nhường đối phương hay còn gọi là bạng nhau. Bức Mẹ con nhà dê là sự âu yếm của dê mẹ đối với dê con hiếu động. Mô tả đặc sắc nhất là bức bịt mắt bắt dê của làng tranh Đông Hồ (Bắc Ninh) vẽ cảnh chú dê vừa chạy trốn vừa ngoái nhìn đôi thanh niên nam nữ mặt bịt kín đang lần mò tìm bắt nó.

Trong ngôn ngữ Việt Nam, hình ảnh dê xuất hiện khá đa dạng, sinh động, hấp dẫn và đầy ngụ ý. Dê (dương) ở nhiều lĩnh vực ngôn từ tự nhiên và xã hội, lý thuyết sách vở và giao tiếp thực tiễn. Dê được lấy làm đối tượng cho nhiều câu ngạn ngữ, tục ngữ, thành ngữ, ca dao sinh động, dân dã như: Bán bò tậu ruộng mua dê về cày chê cách thức làm ăn không biết tính hay thuật ngữ Cà kê dê ngỗng đánh giá sự kể lể tản mạn, dài dòng huyền thuyên những chuyện lật vặt, ngoài lề. Giàu nuôi chó, khó nuôi dê, không nghề nuôi ngỗng là kinh nghiệm lựa chọn những hoạt động phù hợp với năng lực, hoàn cảnh.

Thuật ngữ nổi tiếng: Treo đầu dê, bán thịt chó chỉ về sự không thống nhất giữa nội dung và hình thức, Chỉ người nói một đằng, làm một nẻo, nói và làm không ăn khớp nhau (trong câu thơ của Nguyễn Bình Khiêm: Lặn thế treo dê mang bán chó/Lập danh cỡi hạc lại đeo tiền. Máu bò cũng như tiết dê, dù hai thứ tiết khác nhau người ta ăn tiết canh dê không ai ăn tiết canh bò ám chỉ con người không rõ ràng trong các vấn đề. Dương chất hổ bì có nghĩa là cái chất là chất dê nhưng da là da cạp, dùng bề ngoài loè loẹt, giả dối để lừa bịp che đậy thực chất bên trong. Trong binh pháp cũng có kế: Thuận thủ khiến dương (tiện tay dắt dê) hay thuật ngữ Xua dê cừu đi đấu với hổ báo chỉ về sự không tương quan lực lượng.■

Viết ngắn 9

MẮT VÀ ĐƯỢC

■ BỬU LONG

(Dựa theo câu chuyện có thật, tên nhân vật đã được thay đổi để tôn kính phần vô vi).

Cu Tròn đi chăn trâu đã ba ngày không về nhà. Vợ chồng anh Bảy Ngàn cùng cả xóm nhốn nháo kiếm khắp nơi. Hai con trâu tìm thấy đang được cột ở gốc cây tràm đứng ngơ ngác, gục gặc đầu như muốn báo cáo Cu Tròn đi đâu, nhưng khọt khẹt riết mà không ai hiểu. Ấp Xóm Ruộng thăm thẳm ruộng và ruộng. Dọc theo con kênh Năm Thước dài chừng hai giờ chèo ghe (tính bữa nào không có vướng nhiều lục bình), là những cánh cò trắng cánh ngậm nga trên sóng lúa dài mút mắt, vượt trái bên kia sông Vàm Cỏ thành thang. Dường như biển ruộng bạt ngàn còn vói tới tận thấp thoáng màu núi lam xa xa, nghe ngóng lời triu mến, dòm ngó chuyện hẹn hò giữa đỉnh Bà Đen với mây vàng mây trắng. Cu Tròn, chín tuổi – tròn như thể lăn để đến mà khỏi cần phải đi – chăn hai con trâu từ gần năm nay. Nhà anh Bảy Ngàn có bốn mẫu ruộng, nhưng thời đó là lúc mà nông dân làm ruộng dưới quyền sinh sát của giặc rầy nâu. Chưa có các giống lúa kháng rầy ML-214, P376, CNR02, PC10-2... , nông dân chinh chiến trên thuộc địa của sâu rầy và nhìn mưa ngóng gió chỉ trông cho đủ hai bữa ăn, nên chuyện mấy đứa nhỏ lớn lên đến tuổi đi học là mặc nhiên ra ruộng chăn trâu, gần hết ấp.

Sáng nay, Bảy Ngàn chèo ghe ngược dòng Vàm Cỏ về tới Vịnh Phước Vinh. Hy vọng thằng nhỏ mê chơi theo ghe ai đó về thăm bà ngoại ở đây. Chỉ làm bớt chút hoang vu tĩnh lặng cho miền đất hẻo lánh vùng biên giới ấy, chứ anh không thêm được manh mối nào. Chiều về, cột ghe vô rể gốc gừa, Bảy Ngàn ngồi lặng lẽ hồi lâu, lo và nhớ trông tránh theo từng lao xao sóng sánh. Mấy khúm lục bình vớt ve thành ghe êm đềm mà đau đầu nhắc sự vắng mặt của thằng Tròn. Bước lên bờ chân nặng nước sông, mà ráng lệ về coi ở nhà có tin gì mới không.

Muối kêu vo ve, báo chiều đã nghiêng khắp Xóm Ruộng. Tiếng dếp lẹp xếp, reo reo báo bước chân về của Hai Tròn.

– Thừa tía má con mới về.

Nổi vui lẫn che cuộc lạ. Áo trắng nhỏ cài đủ bốn cái nút áo! Về còn thừa còn gửi! Hồi nào chần trâu, áo nó nhiều lắm hai nút cài, còn về tới mà thừa thì chắc gốc sung sắp trở bông dừa.

– Dạ. Con qua Bến Sỏi chơi, hái khế bị té dậy hồng nổi...

Từ ngày đó, Tròn như một người khác về tạm trọ nhà anh Bảy. Nói năng khác, xưng hô cũng lạ. Hai đứa em nó, bé Bơ tám tuổi, Út Ngò sáu tuổi, vẫn gọi “cha” và “vú” như Cu-Tròn-hồi-đó. Còn Cu-Tròn-bây-giờ, bữa đầu mới trở về lơ kêu “tía”, “má”, nên nó giữ luôn “thừa tía má”. Mà lần nào nó chần trâu về mà lễ phép thừa vậy, thì anh Bảy Ngàn cũng y như con gà đang chạy chơi sau hè, tính về da.

Thời gian thấm thoát, như máy may Singer quay. Năm năm rồi, từ ngày Hai Tròn biến mất rồi trở về.

Nhà Bảy Ngàn vốn gốc Cao Đài. Ba anh là thợ hồ “tham chiến” từ những ngày đầu xây cất Tòa Thánh Tây Ninh. Ông cho các con nhập môn từ lâu. Nhưng sáng bắt rẫy lúa, chiều canh nước ruộng riết rồi anh Bảy muốn quên kinh Tứ Thời. Hôm nay, mùa nước nổi tháng sáu, rảnh rồi. Bảy Ngàn cưỡi chiếc Honda-sáu-bảy chở vợ lên Thánh thất Châu Thành thăm chú Tám chánh hội trưởng. Chú Tám rành chữ Nho, biết tiếng Pháp, kinh sách am tường. Chú sẽ giúp giải đáp mọi ngắc ngứ bấy lâu âm ỉ trong lòng Xóm Ruộng.

– Sao kỳ lạ vậy chú Tám – Bảy Ngàn hạ xuống giọng nói khan khan trầm trầm khề khề như nhát ma – ... Từ ngày đó, thằng Hai Tròn thành một người lạ hoắc trong nhà. Có bữa, tối khuya tui còn thấy nó ngồi thiền mới thấy ghê chú! Mà còn nhiều chuyện lạ khác nữa...

– Đâu có gì lạ – chú Tám lắng nghe, cười khà, rồi cất giọng trong trẻo – Có thể nó là một dạng thi giải.

– Là sao chú? Giọng Bảy Ngàn giờ thảng thốt như bị ma nhát.

– Thi giải là những người tu tiên chưa trọn

thành, mà xác hoại phải bỏ xác. Hạng này có thể đoạt xá, nghĩa là giựt xác con nít mới đẻ, hoặc xác người lớn vừa chết, để được tu thêm. Vì không còn thân rất khó tu. Hồi xưa, Bát Tiên Lý Thiết Quả khi xuất hồn dạy học trò giữ xác ông bảy ngày mới được đem chôn. Mới sáu ngày rưỡi, đứa học trò nghe tin mẹ mất, muốn về kịp gặp mặt, nên vội đem chôn trước nửa ngày. Không còn xác để quay về, Lý Thiết Quả đành mượn tạm xác lão ăn mày què chân mà về dương gian tu cho đến ngày liễu đạo...

Năm đó, anh Bảy Ngàn ba mươi tám tuổi. Câu chuyện về Lý Thiết Quả ảnh hưởng một, mà ông-thi-giải-kiêm-thằng-Hai-Tròn ở ngay tại nhà tác động tới mười. Không có niềm tin nào lớn hơn, lại sáng đi đồng thừa-nhắc, chiều chần trâu về dạ-nhắc, tối nín thính ngồi thiền-nhắc. Vợ chồng anh Bảy quyết định tu cho trọn, hành cho thành. Mà phải tới nơi đến chốn cho đàng hoàng (nếu không, thành thi giải đủ đôi-ón lắm!). Đến Đền Cao Đài Chiếu Minh ở huyện Dương Minh Châu, hai vợ chồng ba lần xin keo ba lần trúng, và sớm bắt đầu hành trình tu luyện tại gia.

Hai mươi bảy mùa thu hè, hai mươi bảy vụ đồng xuân, nhẹ bay vèo gần nửa kiếp con người. Năm đó, anh Hai Tròn bốn mươi một tuổi. Mừng tám Tết, mai là đại lễ Vía Đức Chí Tôn. Anh Hai Tròn khăn áo tề chỉnh, mời ông bà Bảy Ngàn ngồi dưới tran thờ Thầy, lễ mễ thừa:

– Thừa tía má. Lâu nay con là con của tía má, mà cũng không phải thật đúng như thế. Ngày mai con phải đi xa, nay con quỳ lạy tạ ơn tía má đã bao dung con mấy mươi năm qua.

Lúc này chú Bảy cũng đã nhiều năm tu theo Chiếu Minh. Nhiều năm qua, chú đã quen với bao việc lạ trong nhà, giọng ôn tồn:

– Ta thấy con ngày nào cũng có một thời thiền giờ Tý, vậy có đủ không?

– Dạ, con học pháp vô tướng. Khi đi ruộng, lúc xịt thuốc, bữa ăn cơm, giờ đi ngủ, con vẫn luôn

gìn lòng vô niệm và gắng hành thiền. Đã từng bị mất nên con thật sự quý điều mình đang được có, từng giờ phút làm người...

Hôm sau, Khi vợ chồng chú Bảy cúng về thì Hai Tròn đi ruộng không về. Anh nằm xuôi tay bên bờ ruộng, có lẽ do bị điện giật. Xóm Ruộng lại xôn xao, chỉ có vợ chồng chú Bảy Ngàn biết và giữ yên lặng, tôn trọng nẻo vô vi. Mượn từ ruộng thì trả về cho đất, đến từ nắng gió thì cứ gửi lại hư vô.

Đức tin như bờ đất hóa bê-tông, vợ chồng chú Bảy Ngàn trọn lòng công phu tu tập. Một ngày bốn thời hành thiền, trung bình một giờ mỗi thời.

Mấy mươi mùa xuân, rồi cũng lui lại phía sau lưng thời gian, đưa đời người cát bụi nép lại gần với vô hạn tịch dương.

Ngày hai mươi tháng mười một Giáp Ngọ (10-01-2015).

Ông Bảy Ngàn, tám mươi lăm tuổi, hiện là người dạy pháp duy nhất cho Đền Cao Đài Chiếu Minh Dương Minh Châu. Hàng ngày, ông ngồi thiền tịnh bốn thời, trung bình gần hai giờ mỗi thời. Ông thường ngồi đại định trên chiếc ghế gỗ hình chữ nhật có lưng dựa cao khoảng mười tám cm. Hôm nay ông cho đệ tử nhắn cô Ba Bơ và chú Út Ngò lên chùa. Sau giờ thiền, ông gọi họ vào tịnh phòng rồi bảo:

– Ngày hai mươi bốn này, lúc bốn giờ rưỡi, cha sẽ về Thầy, mọi việc ở chùa cha đã sắp xếp hết. Thái Bình Cực Lạc¹ cũng có dành chỗ cho cha, các con khỏi bận lòng. Nhớ lời cha dặn, không phúng điếu, không nhận bất cứ thứ gì dù là trái cây hay nhang đèn. Thánh tịnh chỉ mời nước trà

1. Nghĩa trang Cực Lạc Thái Bình, nằm giáp ranh giữa hai xã Bàu Năng và Ninh Thạnh, dưới chân núi Bà Đen (huyện Dương Minh Châu, Tây Ninh). Nghĩa trang này được thành lập năm 1927, rộng 58 ha, và hiện có gần 60 ngàn ngôi mộ. Mỗi ngôi mộ có để một bài thơ trên bia, kết thành một rừng thơ và tạo thành một nét văn hóa rất riêng cho nghĩa trang. Cao Đài Chiếu Minh có một khu đất riêng ở đây, đạo hữu Chiếu Minh quy thiên được chôn ngôi trong quách hình khối lục giác đứng. Những bài thơ khắc trên mộ bia của riêng khu này là những bài thơ sắc phong của Ôn Trên.

là đủ rồi. Nhớ, chỉ có người ăn chay trường mới được chạm vào cha...

Bàng hoàng, nhưng mọi người không ai tin. Vì ông Bảy đang quá khỏe. Bác Bảy gái đã mất mười năm trước, đã được sắc phong Diệu An Thánh Nữ và có về cơ. Nhưng...

Sáng hai mươi bốn tháng mười một Giáp Ngọ (14-01-2015).

Cô Ba Bơ và chú Út Ngò thức dậy từ tinh mơ và có mặt ở Đền Dương Minh Châu rất sớm. Ông Bảy vẫn tọa thiền thời Mẹo rồi chậm rãi bước ra sau vườn. Đệ tử các nơi cũng tề tựu về. Dặn dò với các con một lát, ông lại trò chuyện với bốn đạo. Ai cũng dòm chừng, tiếp tục không tin ông sẽ “đi” trong lúc khỏe mạnh minh mẫn như thế.

Bốn giờ chiều, ông Bảy Ngàn áo dài trắng khăn đóng đen, ngồi ngay ngắn trên ghế thiền. Đệ tử tọa thiền bên dưới, cô Bơ và anh Ngò (cũng đã tu theo Chiếu Minh) ngồi phía sau. Bốn giờ rưỡi, ông Bảy Ngàn thần sắc vẫn y nguyên như đang giảng pháp, nhưng rờ lỗ mũi không thấy thở nữa. Cổ ông hơi nghiêng, mắt khép. Vị đệ tử lớn bước lên kính cẩn sửa cổ ông Bảy cho ngay, rồi thân ông Bảy từ từ cứng lại và ngồi thẳng trong thế kiết già thanh thoát. Sắc diện ông Bảy dường không phải vừa từ trần, mà như đang giảng đạo, như bắt đầu trở cuộc rong chơi. Giờ quy thiên, lại không thấy đầu bóng dáng tử thần.

Nửa giờ sau, thật kỳ diệu, toàn thân ông từ từ ửng vàng. Không giống màu vàng của người bệnh gan do tắc mật, không phải màu vàng rơm của người thiếu máu, cũng không như màu vàng cam của bệnh nhân Leptopirose. Đó là màu vàng nhạt nửa nghệ nửa ánh kim! Kỳ diệu hơn, mắt trái ông từ từ hé mở!

Khoảng nửa giờ nữa, màu vàng ấy từ từ phai, con mắt trái ông Bảy Ngàn cũng từ từ khép lại, dù không ai dám vuốt...

Ông Bảy Ngàn ngồi đó, khiêm dị mà uy nghi. Đâu đây cơ hồ đồng vọng khúc cổ thi Lương Châu Tử của Vương Hàn:

Bổ Đào mỹ tửu dạ quang bôi

Dục ẩm tì bà mã thượng thôi

*Túy ngọc sa trường quân mạc tiểu
Cổ lai chinh chiến ký nhân hồi*

Trên chiếc ghế đó, mấy mươi năm “chinh phạt”, ông Bảy so kiếm với trì trệ thân xác, đọ gươm với biếng lười tinh thần. Ngày đi- và- về, vẫn đầy phong độ chinh nhân, tuyệt an nhiên trên chiếc ghế ấy. Chiếc ghế đã từng chứng nhân cho sức bay của cánh chim hồng hộc, đã từng dậy sóng cho chí kinh ngư. Sa trường ngẩng bước, tà áo trắng bay ông Bảy Ngàn trút phất gió luân hồi.

Đám tang ông Bảy Ngàn thật đơn sơ, chỉ có nước trà. Nhưng không có đám tang nào mà khách viếng đông đến thế. Áo dài trắng chật cả một vùng quê, làm gợi nhớ một ngày xưa hết vải chợ Cần Thơ.² Lời bàn tán xôn xao chen khắp mấy huyện Hòa Thành, Châu Thành, Bến Sỏi,

2. Đức Ngô Minh Chiêu liễu đạo lúc ba giờ chiều ngày 13-3 Nhâm Thân (18-04-1932)- (Ngày 13-3 là ngày có những trùng hợp đặc biệt: 1- Ngày thấy Thiên Nhân lần đầu, 2- Ngày tử tạ phẩm vị Giáo Tông, 3- Ngày đăng thiên trên sông Cửu Long, 4- Ngày mất của ngài Lê Minh Huấn, đệ tử đầu tiên của Đức Ngô). Kim thân của Đức Ngô quàng tại thảo lư ba ngày mới nhập tháp. Bốn đạo gần xa tề tựu về để tang đông đến nỗi vải trắng bán ở chợ Cần Thơ hết sạch.

Dương Minh Châu, lan cả Tân Châu, tới tận Gò Dầu. Để rồi không hẹn, mà người người thêm chay, nhà nhà vun tánh, nơi nơi nở rộ đạo tâm. Giữa cái mất đi đơn sơ, cái được có lại thênh thênh hơn cả trăm bài giảng đạo.

Tu theo Cao Đài Chiếu Minh, cả đời ông không dùng thuốc, không cần thăm bác sĩ. Ăn uống tương rau cực kỳ đơn giản. Mọi bệnh tật đều chỉ dùng liều tiên dược là vô niệm và thiền tịnh. Chỉ hơi gầy, chú ông Bảy khỏe mạnh và minh mẫn cho tới ngày về Thầy.

Đưa tiễn ông Bảy ra nghĩa trang Thái Bình Cực Lạc, hàng đoàn tín đồ áo trắng trải ngà một vùng đất thiêng Tây Ninh, dài hàng cây số...

Dày công đắp “lũy”, tận lực xây “thành”. Giờ đây, dù chẳng nói lời nào, ông gửi lại nhân gian biết bao suy gẫm. Cũng ngay giờ khắc này, ở phía bên kia đời người, biết đâu ông Bảy Ngàn chẳng đang ngâm câu tiên túy:

Cánh hùng vĩ non Tuyền một dãy

Thú tiêu dao bể Thái muôn dòng...³■

3. Đức Đông Phương Lão Tổ, Minh Lý Thánh Hội, 11-8 Đinh Mùi (13-9-1967).



Các con hãy vui mừng vì đạo nghiệp phát triển, tồn tại đến nay. Kết quả đó do sức che chở diu dắt Thiêng Liêng mà thật cũng do chí trung kiên, lòng nhiệt thành của toàn thể các con đã tỏ ra xứng đáng thiên chức trong hạn kỳ đã qua. Do đó, chư Phật Tiên, Thánh Thần cầu xin Thầy đến ban bố hồng ân, phân định chức năng nhiệm vụ cho các con lớn nhỏ được thọ nhận ân đức vô biên của Thầy. Chư Phật Tiên, Thánh Thần bố hóa điển lực dồi dào vào tâm linh các con đủ thần lực sáng suốt thêm hơn, trau dồi đạo hạnh thêm hơn, phát đại bồ đề tâm hơn nữa ngõ hầu xúc tiến tiến trình phụng Thiên hoàng đạo sắp tới. Các con làm thế nào đạo mạch luân lưu cùng khắp, thông suốt trong các con, trong mọi người thì sự việc bên ngoài mới suốt thông thành đạt. Ý chí có vững vàng, nhận thức có sáng tỏ thì khí hoạt thần linh.

Đến giai đoạn này, trước khúc quanh thế cuộc, Thầy vẫn để cho guồng máy vận hành trật tự trong quyền pháp đạo và nâng đỡ bước đầu nhiệm kỳ mới để các con xứng đáng với sứ mạng Tam Kỳ tận độ cùng các đẳng Phật, Tiên, Thánh, Thần trong Hội Long Hoa. (...)

■ ĐỨC CHÍ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO, 18-02 NHUẬN ẤT SỬU (07-4-1985).

CHUYỆN TÁI SINH LÀ CÓ THẬT

■ HỒNG PHÚC SƯU TÂM

Vào mùa xuân năm 1993, một bà mẹ người Anh 40 tuổi, tên là Jenny, đang sinh sống với chồng và hai con ở thành phố Northamptonshire Anh quốc, đã đoàn tụ với năm người con của bà trong đời sống trước, tại Malahide, một thị trấn nhỏ ở miền bắc nước Ái Nhĩ Lan.

Mùa xuân năm nay 1994, Bob Brown và nhóm phóng viên truyền hình của chương trình 20/20 ABC, Hoa Kỳ, đã đến tận nơi đây làm phóng sự về câu chuyện tái sinh của bà mẹ này, cùng hội họp với những người con trong kiếp sống trước của bà. Đây là câu chuyện tái sinh có thực, đã xảy ra vào cuối thế kỷ thứ hai mươi này, một câu chuyện cảm động về một người mẹ đi tìm con vượt biên cương, trở về kiếp quá khứ.

Ngay từ nhỏ, cô Jenny luôn luôn nhớ ra rằng mình đã có một đời sống ở kiếp trước, nơi một ngôi làng nhỏ bên bờ biển xứ Ái Nhĩ Lan, với tên là Mary. Mary, một người đàn bà trẻ, tầm vóc trung bình, đã từ trần 21 năm trước khi Jenny được sinh ra ở Anh Cát Lợi.

Một trong những giấc mơ luôn luôn hiện lên trong trí nhớ của Jenny là giây phút lia đời của



JENNY COCKELL

Mary, trong nỗi đơn độc đau khổ của mình, và lo âu về tương lai đầy bơ vơ của các con, mà đứa lớn nhất mới có 13 tuổi. Nỗi lo âu và đau khổ này đã ám ảnh, hiển hiện thường trực trong tâm trí nàng từ lúc còn nhỏ.

Ngay từ khi mới bắt đầu cầm được cây bút, Jenny đã vẽ bản đồ làng, với những con đường dẫn đến một căn nhà mái tranh nơi Mary ở, đến nhà thờ, ga xe lửa, các cửa hàng bách hóa... và sau này so sánh với bản đồ Ái Nhĩ Lan của nhà trường, Jenny đã khám phá ra rằng, bản đồ mà nàng đã vẽ từ trí nhớ, và trong những giấc mơ tiền kiếp, đã thật giống với bản đồ một làng nhỏ nằm ở phía bắc thành phố Dublin Ái Nhĩ Lan, có tên gọi là Malahide.



MARY SUTTON VÀ CON

Theo năm tháng, Jenny lớn dần cùng với hình ảnh căn nhà mái tranh, với từng căn phòng, góc bếp, với hình ảnh nhà thờ quán chợ, nơi thị trấn hiền hòa Malahide càng lúc càng rõ rệt. Trong tâm tưởng, nàng vẫn cảm thấy có lỗi với các con, khi bỏ chúng lại bơ vơ nơi cõi trần, nên nàng quyết định đi tìm con.

Jenny sắp đặt kế hoạch, nhưng lại không đủ khả năng tài chánh cho chuyến đi qua xứ Ái Nhĩ Lan, nên đành hoãn lại và tình nguyện làm một người thôi miên, cho một thôi miên gia chuyên môn tìm hiểu quá khứ. Qua thôi miên Jenny đã mô tả chi tiết căn nhà, từng bức hình treo trên tường, kể cả một tấm hình của Mary. Jenny cũng mô tả và vẽ ra hình nhà thờ.

Cuối cùng Jenny đã để dành đủ tiền, để thực hiện một chuyến du hành qua Ái Nhĩ Lan, đi tìm những dấu tích của căn nhà mái tranh, của những đường xưa lối cũ. Đến Malahide, nàng đã đứng lặng trước một căn nhà, mà bên kia là ngã ba đường, dẫn về thành phố. Nàng thấy hình ảnh này sao mà quen thuộc quá, giống như trong trí tưởng, giống như bản đồ nàng đã vẽ.

Sau chuyến đi, Jenny trở về Anh quốc và bắt đầu thực hiện kế hoạch tìm con. Nàng viết thư cho tất cả các báo ở Ái Nhĩ Lan, các tổ chức sử học, các văn phòng hộ tịch, các chủ phố, và dân làng Malahide để yêu cầu giúp đỡ về tin tức của một người đàn bà tên Mary, chết vào năm 1930, cùng với tin tức về những người con của bà này.

Một thời gian lâu sau đó, Jenny nhận được thư của một chủ đất ở Malahide cho biết ở đó trước đây có một gia đình mà người mẹ tên

là Mary đã chết sau khi sinh đẻ một thời gian ngắn, để lại sáu đứa con còn sống. Last name của người đàn bà bất hạnh đó là Sutton, và sau khi bà Sutton qua đời, những đứa con đã được gửi vào các cô nhi viện.

Đúng như trong trí tưởng, và trong các giấc mơ về nỗi lo âu của Mary khi lia đời, các con của bà đã thực sự bơ vơ đi vào các trại mồ côi. Jenny đau khổ gửi thư cho tất cả các viện mồ côi ở Ái Nhĩ Lan, để dò hỏi tin tức và cuối cùng một vị giáo sĩ của một nhà thờ thành phố Dublin đã hồi âm. Sau khi thư từ qua lại với các cơ sở họ đạo và Bộ Giáo dục Ái Nhĩ Lan, vị giáo sĩ này cho biết tên của tất cả sáu người con bà Mary, và nói rằng sáu đứa trẻ này đã trở thành Ki Tô hữu tại nhà thờ Thiên Chúa Giáo Saint Sylvester tại Malahide. Lá thư của vị giáo sĩ không dài lắm, nhưng đã mang lại niềm tin và hy vọng lớn lao cho Jenny.

Sau đó, qua niên giám điện thoại, Jenny đã gửi thư đến tất cả những ai mang họ Sutton tại Ái Nhĩ Lan. Nàng cũng nhận được một bản sao giấy khai tử của Mary, và hai bản sao giấy khai sinh của hai người con, nhưng vẫn không tìm ra tung tích. Một lần nữa Jenny lại gửi thư cho tất cả các báo ở Dublin, và thư cho giáo sư Tiến sĩ Stevenson, một chuyên gia nghiên cứu về các hiện tượng của đời sống quá khứ để nhờ giúp đỡ. Stevenson giới thiệu Jenny với Gitti Coast, một nhà nghiên cứu thuộc cơ quan truyền thông Anh quốc BBC.

Một thời gian khá lâu sau đó, Jenny nhận được điện thoại từ người con thứ hai ở Ái Nhĩ Lan. Cuộc nói chuyện hết sức khó khăn, với nhiều



NHÀ THƯƠNG ROTUNDRRA HOSPITAL NƠI MARY QUA ĐỜI



SONNY SUTTON VÀ JENNY

tình cảm lẫn lộn, nhưng nói chung có những dấu hiệu tốt đẹp. Jenny hứa sẽ gửi toàn bộ hồ sơ lưu trữ từ nhiều năm qua. Tư tưởng của nàng lúc này cũng lộn xộn. Mặc dầu biết là các con của Mary bây giờ đều đã ở vào lứa tuổi 50 và 60, nhưng Jenny vẫn có cảm giác mạnh mẽ về tình mẫu tử, vẫn có cảm giác mình là mẹ của họ.

Giai đoạn cuối của công cuộc tìm kiếm đã tới. Nàng thông báo đầy đủ diễn tiến mới cho Gitti Coast của đài BBC. Câu chuyện kỳ lạ của nàng đã khiến cho đài BBC muốn dự án tìm con của Jenny, trở thành một tài liệu sống của ban nghiên cứu, nên đã thương lượng với Jenny. Phần Jenny, nàng chỉ yêu cầu có một điều duy nhất, là đặt sự phúc lợi và niềm an bình hạnh phúc của gia đình lên trên hết.

Chờ mãi không thấy thư của người con thứ hai, mà Jenny đã nói chuyện qua điện thoại, nàng quyết định liên lạc với Sonny, hiện đang ở thành phố Leeds Anh quốc.

Sonny là người con đầu của Mary Sutton, khi Mary qua đời cậu mới 11 tuổi, và vào ngày Thứ Ba 15 tháng 5 năm 1990 sắp tới, Sonny đã 71 tuổi. Qua cuộc điện đàm, Jenny mô tả cho Sonny biết về quá khứ của cậu, về hình ảnh căn nhà mái tranh, về tính nết của cậu, về những lời nói hay câu mắng của Mary với cậu hồi đó. Đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, và khó có thể ngờ được người đầu dây bên kia lại chính là mẹ mình. Sonny ngỡ ý muốn được gặp Jenny ngay.

Như đã thỏa hiệp với đài BBC, Jenny thông báo những biến chuyển mới cho họ biết. Đài BBC



GIA ĐÌNH SUTTON

muốn phỏng vấn Sonny trước, và trong thời gian này hai người không được liên lạc với nhau. Họ muốn nghiên cứu tường tận về Sonny, rồi phân tích và so sánh với những dữ kiện mà họ đã có về Jenny. Cũng trong thời gian này, họ đã phỏng vấn thêm Jenny về những điểm chưa sáng tỏ.

Cuộc điều tra của đài BBC kéo dài 4 tháng, và cuối cùng Jenny đã đích thân lái xe đưa cả gia đình của nàng đến thành phố Leeds hội ngộ cùng Sonny. Cuộc đoàn tụ đã diễn ra thật cảm động; Giấc mơ đi tìm con của Jenny đã trở thành sự thực, hai mẹ con, mẹ trẻ con già, đã ôm nhau với những dòng nước mắt tuôn trào.

Sonny cũng như Jenny đều đã nhận được bằng phân tích và so sánh dữ kiện của đài BBC trước đó. Các chuyên gia đài BBC đều không thể ngờ được rằng những sự kiện hiện ra trong tâm trí lại có thể đúng một cách chính xác với thực tế như vậy, và chuyện có một đời sống sau khi chết đang hiển hiện rõ ràng. Năm 1993, với sự giúp đỡ của Sonny, Jenny đã hội ngộ với tất cả 5 người con còn sống. Hơn 60 năm từ khi mẹ họ qua đời, anh em mới được đoàn tụ với nhau, và đặc biệt hơn cả là đoàn tụ với người mẹ đã tái sinh, trẻ trung trong kiếp sống này, để đi tìm họ.

Năm 1994, Bob Brown và nhóm phóng viên truyền hình chương trình 20/20 đài ABC Hoa Kỳ, đã một lần nữa mang Jenny và 5 người con trở về thị trấn Malahide đoàn tụ với nhau, nhân dịp kỷ niệm sinh nhật thứ 75 của Sonny.

Trong dịp này, Jenny đã được người con cả, nay đã 75 tuổi, dẫn đến thăm mộ phần của nàng kiếp trước. Đứng trước phần mộ và ống kính thu hình, nàng đã nói rằng:

“Không có ai trong mộ này. Cái còn lại trong đó chỉ là những mảnh xương khô, thực sự không là gì cả, phần năng lực tinh thần hiện nay đang ở trong tôi.” Tâm Diệu Theo tài liệu của chương trình 20/20, đài ABC, phát hình vào lúc 10 giờ đêm Thứ Sáu ngày 10 tháng 6 năm 1994.

TÂM DIỆU. ■

PHÉP MẪU GIÁ BAO NHIÊU

■ PHONG HIẾU SƯU TÂM



minh họa: Cọ Trắng

Khi nghe cha mẹ bàn về bệnh tình của cậu em trai Andrew, những gì cô bé Tess thông minh lên 8 tuổi biết được là em mình mắc bệnh rất nặng và gia đình đã cạn kiệt tiền. Gia đình họ sắp chuyển đến một khu chung cư vào tháng tới vì cha không có đủ để trả tiền nhà và tiền thuốc của em. Cần có một ca phẫu thuật với chi phí rất cao mới có thể cứu được em trai nhưng ngặt nỗi không có ai cho gia đình em vay mượn. Em nghe cha tuyệt vọng nói nhỏ với mẹ đang đầm đìa nước mắt:

– Chỉ có phép nhiệm mẫu mới có thể cứu được thằng bé thôi!

Tess về phòng mình và lôi ra từ chỗ giấu một hủ đựng kẹo bằng thủy tinh với số tiền em đã

dành dụm bấy lâu nay. Cô bé đổ hết số tiền lẻ ra sàn đếm kỹ lưỡng, đến những 3 lần. Phải thật chính xác về tổng số tiền, không thể nhầm lẫn. Rồi cẩn thận bỏ số tiền xu vào hủ, đậy nắp lại, em vội lên ra cửa sau và chạy thẳng đến một tiệm thuốc tây tên Rexall cách 6 khu nhà.

Em đứng trước cửa hiệu một cách kiên nhẫn để gọi sự chú ý của người dược sĩ, nhưng ông ta mãi nói chuyện với một người khác không buồn để ý đến một cô bé con 8 tuổi. Đoạn em dùng chân gõ lên sàn nhà. Không tác dụng. Em hăng giọng để tạo ra tiếng động khó chịu nhất nhưng vô ích.

Cuối cùng em lấy một đồng 25 xu gõ mạnh lên tủ kính và người dược sĩ cất giọng một cách khó chịu:

– Cháu muốn gì hả cháu bé?

Ông ta nói ngay không đợi Tess trả lời:

– Cháu không thấy ta đang nói chuyện với người anh từ Chicago xa cách bao nhiêu năm trời hay sao?

– Cháu cũng muốn nói chuyện với chú về em trai của cháu đây. Em ấy đang ốm, ốm nặng lắm, và cháu đến đây để mua ... phép mẫu.

– Cháu muốn mua gì? Người dược sĩ tròn mắt với vẻ không hiểu.

– Em cháu tên là Andrew và em ấy chịu đựng cái gì đó đau lắm ở trong đầu. Cha cháu nói rằng chỉ có phép nhiệm mẫu mới cứu được em. Vậy phép mẫu bán với giá bao nhiêu hả chú?

– Ở đây không bán thứ đó cháu bé ạ. Chú rất tiếc không giúp cháu được. – Giọng người dược sĩ dụi lại.

– Nhưng thưa chú, cháu có tiền trả mà. Nếu không đủ cháu sẽ đi mượn thêm. Xin cho cháu biết giá bao nhiêu ạ. – Giọng Tess van nài.

Người anh của ông dược sĩ ăn mặc chững chạc. Ông nghiêng người xuống hỏi Tess:

– Thế em cháu cần phép mầu gì?

Tess trả lời như muốn khóc:

– Cháu không biết ạ. Cháu chỉ biết em ốm nặng. Mẹ nói em cần được mổ. Nhưng bố không đủ tiền trả, vì vậy cháu muốn dùng tiền của cháu.

– Thế cháu có bao nhiêu?

– 1 đôla và 11 xu. Đó là những gì cháu có, nhưng cháu có thể mượn thêm được mà. – Tess nói to.

– Ô, thật trùng hợp – Người đàn ông mỉm cười – 1 đôla và 11 xu, một số tiền chính xác để mua phép mầu cho em cháu.

Sau đó, ông cầm số tiền và nắm chặt bàn tay cô bé nói:

– Cháu hãy dẫn ta đến nhà cháu. Ta muốn gặp em cháu và cha mẹ cháu. Để xem ta có phép mầu mà cháu cần không nhé!

Người đàn ông ấy chính là Carlton Armstrong, một bác sĩ chuyên về giải phẫu thần kinh. Cuộc phẫu thuật đã rất thành công mà không hề tổn kém bất cứ chi phí nào. Em trai Andrew hồi phục nhanh và sống khoẻ mạnh.

Cha mẹ Tess vui hơn lúc nào hết về chuỗi sự việc đưa đẩy đến. Mẹ em thì thầm:

– Cuộc giải phẫu ấy quả là một phép mầu. Mẹ không biết mình phải trả bao nhiêu tiền?

Tess mỉm cười. Cô bé biết chính xác số tiền đó... 1 đôla và 11 xu... cộng thêm niềm tin chân thành của một đứa trẻ.

Đây là một câu chuyện có thật về niềm tin mãnh liệt và chân thành của một bé gái, niềm tin đã đánh động tình người của vị bác sĩ lừng danh.

Phép mầu được tạo dựng bởi hai quả tim: một ngày thơ trong sáng và một quảng đại thiện lương. Xã hội này cần có những con tim như vậy để thực hiện phép mầu cho hôm nay, ngày mai. Phép mầu sẽ có thể xuất hiện, có thể không. Nhưng chắc chắn một điều là: ai có lòng tin chân thành và tâm hồn lương thiện yêu thương, người đó sớm muộn gì cũng làm được điều mình quyết tâm làm trong cuộc sống. ■

CẶP KÍNH LÃO

■ DIỆU THUẬN SỰ TÂM



minh họa: Cọ Trắng

Tại một viện dưỡng lão nọ, ai ai cũng cảm thấy vui, vì ngày Giáng Sinh sắp đến. Lễ Giáng Sinh không những là lễ của nhận quà, mà còn là của tặng quà nữa. Cho nên, dù không dư dả, các lão ông lão bà cũng cặm cụi suốt ngày để chuẩn bị một món quà gửi tặng cho thân nhân, người quen.

Duy chỉ có một bà lão xem chừng như đứng đưng trước những rộn rịp xung quanh. Bà ngồi trong một góc nhà, gặm nhấm từng nôi cô đơn của mình. Bà không còn một người thân nào trên trần gian này. Kỳ thực, bà còn một người con trai, nhưng người con ấy kể như đã chết với bà. Từ lâu, anh đã bị giam trong một trại khổ sai chung thân.

Dù vậy, đối với trái tim của một người mẹ, một đứa con, cho dù có đồn mạt đến đâu, vẫn là một người con. Cũng như những lão ông lão bà khác, người đàn bà đáng thương cũng đã có ý nghĩ gửi một món quà cho đứa con bạc phước của mình. Nhưng bà không có một đồng xu dính túi. Tất cả tài sản của bà chỉ là

cặp kính lão còn đeo trên mắt... Người đàn bà ước ao được gửi cho người con của mình một gói thuốc lá. Một gói thuốc không là bao, nhưng gói trọn tình thương mà bà vẫn dành cho anh.

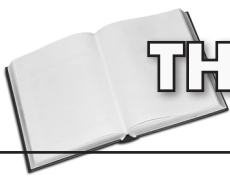
Bà đi trao đổi với các cụ già, nhưng không ai có gì để trao tặng bà. Cuối cùng, có một ông lão còn một gói thuốc lá, loại thuốc mà có lẽ con trai bà ưa thích. Nhưng trong viện dưỡng lão này, dường như ai cũng sống theo nguyên tắc “có qua có lại”. Lão ông chỉ trao cho bà gói thuốc với điều kiện bà cũng trao tặng cho ông một món quà nào đó.

Người đàn bà đành lấy cặp kính khỏi đôi mắt và trao cho ông lão. Gương mặt người đàn ông sáng rõ lên vì ông đã có thể đọc được tờ tường. Cuộc trao đổi chấm dứt. Người đàn bà gói bao thuốc lá lại thành một món quà Giáng Sinh quý giá để gửi tặng cho con. Trở lại góc phòng của mình, người đàn bà làm một cử chỉ máy móc: bà đưa tay lên mắt để sửa lại cặp kính lão. Nhưng cặp kính không còn nữa. Dù vậy, người đàn bà cảm thấy vui hơn bao giờ hết: bởi vì người con trai của bà nơi trại khổ sai sẽ vui vì nhận được quà Giáng Sinh, bởi vì lão ông trong viện dưỡng lão sẽ đọc được báo trong những ngày Giáng Sinh.

Quà tặng chỉ có ý nghĩa khi nó là biểu tượng của người tặng. Người tặng quà không chỉ gửi đi một cánh thiệp, một cái áo, một chiếc bánh, một món đồ chơi, mà gói ghém tất cả tình cảm, sự biết ơn, lòng ngưỡng mộ, tâm tình thương mến của mình. Một cách nào đó, khi tặng quà, chúng ta muốn trao tặng chính bản thân mình.

Do đó, sự trao tặng nào cũng là một mất mát: mất mát một chút tiền của, mất mát một ít thì giờ. Sự mất mát càng lớn, thì quà tặng càng có giá trị. Bà cụ trong viện dưỡng lão trên đây quả thực đã mất mát nhiều: bà đã mất đi một phần ánh sáng của mình. Nhưng bù lại, niềm vui của người con và niềm vui của người đồng viện của bà sẽ lớn hơn. Mất đi một chút ánh sáng để cho người khác được thấy, chấp nhận một chút đau khổ để cho người khác được vui, thua thiệt một phần để cho người khác được cười: đó là tất cả ý nghĩa của sự tặng quà đích thực.

Nhưng đó cũng là niềm vui đích thực, bởi vì niềm vui của người chính là niềm vui của ta. Mục đích của quà tặng là làm cho người khác được vui. Do đó, niềm vui của người khác phải là quà tặng đích thực mang lại niềm vui cho ta. ■



THÀNH GIÁO

HUYỀN nhiệm Thầy ban khắp cõi trần,
KHUNG trời Đại Đạo thương ân xuân,
CAO Đài mở rộng đường sinh lộ,
THƯỢNG cảnh lấp ngăn lối tử thần.
ĐỂ khuyết vui vầy hàng Thánh Phật,
NGỌC giai vắng vẻ bóng nguyên nhân,
HOÀNG đố Thầy chỉ từ năm trước,
ĐẠI chí THIÊN TÔN sẽ để phần.

■ ĐỨC CHÍ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ CAO ĐÀI
GIÁO VIỆT NAM, 30 THÁNG CHẠP GIÁP DẦN (10-02-1975)

Thầy sắp cuộc dinh hoàn tái tạo,
Dụng huyền linh Đại Đạo vận hành;
Quyển Thầy hiệp cả vạn linh,
Đông tay kim cổ lập thành tương lai,
Trước xây đắp Cao Đài thánh đức,
Dụng Nam bang làm mức phong khai;
Dân Nam sứ mạng Cao Đài,
Năm châu bốn bể hòa hài từ đây

■ ĐỨC CHÍ TÔN, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 9 GIỜ
ĐÊM, RẼM THÁNG 2 QUÝ HỢI (29-3-1983).

QUẦN THỂ DANH THẮNG TRÀNG AN – NINH BÌNH

▣ THIÊN CHÍ SƯU TÂM



DU NGOẠN SÔNG NGÔ ĐỒNG, TAM CỐC - ẢNH: CLAIRE BOOBBYER/INDEPENDENT.CO.UK

Quần thể danh thắng Tràng An, Ninh Bình – di sản thế giới của Việt Nam được UNESCO công nhận ngày 23-6-2014 vừa được giới thiệu trên chuyên mục Du lịch của báo Anh The Independent. Bài viết theo thể loại tả cảnh cùng với mô tả những hoạt động, những “đặc sản” danh thắng Tràng An của nữ phóng viên tự do, nhiếp ảnh gia, chuyên gia du lịch người Anh Claire Boobbyer.

Đầu tiên, Boobbyer nói cô ấn tượng với các món ăn đặc sản được chế biến từ dê núi Ninh Bình tại các nhà hàng ở khu du lịch Tam Cốc – Bích Động, cách Hà Nội khoảng 110km.

“Thật thú vị khi đến bến thuyền Tam Cốc, xuôi theo dòng sông Ngô Đồng và bắt đầu hành trình sông nước. Những vách đá vôi dựng đứng với với nhiều hang động nhấp nhô bên dòng sông Ngô Đồng uốn lượn quanh co giữa đồng lúa tạo nên một bức tranh phong cảnh tuyệt vời” – cô Boobbyer chia sẻ.

Bài viết nhấn mạnh đánh giá về tiêu chí về đẹp thẩm mỹ của danh thắng do UNESCO nhận xét, theo đó Tràng An không những chứa đựng những cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp với

những ngọn núi hùng vĩ, hang động huyền bí, sông nước thanh tĩnh mà còn điểm xuyết với những đền, chùa và miếu linh thiêng như đền vua Đinh Tiên Hoàng hay vua Lê Đại Hành.

Trong khu vườn đền vua Đinh Tiên Hoàng có trồng cây kim giao mà tương truyền rằng thời vua Đinh đã cho làm đũa từ gỗ kim giao có thể phát hiện ra chất độc lẫn trong thức ăn...

Sau khi chèo thuyền, leo núi và lang thang qua các ngôi chùa, Boobbyer đã dừng chân ở khu nghỉ dưỡng cao cấp Tam Coc Garden thuộc huyện Hoa Lư, Ninh Bình.

Mở cửa đón khách năm 2013, khu nghỉ dưỡng như một ốc đảo giữa cánh đồng lúa với núi non hùng vĩ bao quanh. Đồng lúa, bờ tre, hồ nước, vườn cây, hoa trái tạo thành một không gian yên bình, thơ mộng và rất nhiều tiếng chim.

Một trong những điểm đến hấp dẫn khác Boobbyer nói không thể bỏ qua là khám phá kiến trúc nhà thờ đá Phát Diệm – được xây dựng vào cuối thế kỷ 19 thể hiện sự giao hòa tinh túy giữa đạo Phật và Công giáo – thuộc huyện Kim Sơn, Ninh Bình. (HUỲNH PHƯƠNG) ■

ẢNH HƯỞNG TAI HẠI CỦA VIỆC THIẾU NGỦ

■ THU LAN SƯU TẦM

G iấc ngủ rất quan trọng cho con người. Trẻ em cần ngủ để lớn, và người lớn cần ngủ để bồi dưỡng, tái tạo lại trí nhớ cùng các tế bào trong cơ thể. Nghiên cứu cho thấy con người cần ngủ đủ 7 tiếng rưỡi mỗi ngày, và tối thiểu là 6 tiếng nếu lỡ ăn gian một vài đêm.

Theo thống kê mới nhất, 40% dân Mỹ, và 70% thanh thiếu niên Mỹ không ngủ đủ giấc. So với thế hệ 40 năm về trước, người Mỹ ngủ ít đi 2 giờ mỗi đêm. Nguyên do có thể vì sự tiến bộ của nền văn minh, nhiều đèn điện, nhiều ti vi, nhiều computer, nhiều phim ảnh hơn v.v. tràn vào phòng ngủ, và leo lên cả giường ngủ.

Có nhiều người Mỹ cố cãi bướng, để dành cho giấc ngủ ngàn thu, ngủ bù luôn một thể!

Những gì xảy ra cho cơ thể khi bạn thiếu ngủ?

1. ẢNH HƯỞNG ĐẾN HỆ THỐNG TIM MẠCH:

Một nghiên cứu đăng trên tờ báo y khoa Sleep cho biết những người ngủ ít hơn 6 giờ mỗi đêm sẽ có vấn đề với hệ thống tim mạch, không nhiều thì ít, thí dụ như nghẽn mạch máu hay nhịp tim đập bất

thường. Hệ quả là nguy cơ bị truy tim hay tai biến mạch máu não tăng cao. Tệ hơn nữa, một nghiên cứu khác từ trường Đại Học Harvard cho biết trong số những người ngủ dưới 5 tiếng mỗi ngày, 15% sẽ chết bất đắc kỳ tử, chết non, vì bất cứ các loại bệnh tật hay đột biến tim mạch xảy đến.

2. ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỘ PHẢN XẠ VÀ SỰ THĂNG BẰNG CỦA CƠ THỂ:

Sau 24 tiếng đồng hồ không ngủ cơ thể sẽ mất thăng bằng, độ phản xạ sẽ lơ đãng, loạng quạng như người say rượu vừa uống xong 5 ly Cognac hay Martel, theo như một nghiên cứu khác đăng trên nguyệt san Nature. Trong trường hợp cấp bách thiếu ngủ, một nghiên cứu khác của trường Đại Học Loughborough bên Anh Quốc cho biết, bạn có thể ăn gian, “recharge lại bình” bằng cách uống một ly cà phê ấm và đi ngủ khoảng 20 đến 30 phút. Cà phê Mỹ Americano thường chứ không phải cà phê sữa đá, cà phê phin, hay Starbuck đâu nhé. Một chút cà phê giúp cho tế bào não “tươi mát” nhanh chóng trong giấc ngủ ngắn hạn.

Mẹo này đã giúp cho những người lái xe đường xa được tỉnh táo hơn.

3. THIẾU NGỦ LÀM CHO BẠN MAU ĐÓI, THÊM ĂN HƠN:

Chất hormone Leptin tiết ra trong bao tử có nhiệm vụ điều hòa, biến đổi thức ăn dư thừa ra mỡ, và là tín hiệu báo về não khi bao tử đã no. Người ngủ dưới 5 tiếng mỗi ngày, chất Leptin này giảm đi 15,5%, theo nghiên cứu của trường Đại Học Wisconsin. Như thế khi thiếu ngủ, tín hiệu báo no sẽ yếu đi, bạn sẽ thấy đói hơn và ăn nhiều hơn.

4. THIẾU NGỦ LÀM CHO BẠN... PHÌ RA NHANH HƠN:

Hệ quả của điều 3 trên đây, người thiếu ngủ, “vòng đai” sẽ bị hơn, chỉ số sức nặng cơ thể BMI tăng lên 3.6% theo nghiên cứu từ trường Đại Học Stanford. Và nếu bạn ngủ dưới 5 giờ mỗi đêm, trung bình ngày kế tiếp bạn sẽ ăn nhiều hơn khoảng 559 calories, căn cứ theo một nghiên cứu đăng trên tờ American Journal of Clinical Nutrition.

5. LÀM TĂNG ÁP SUẤT MÁU:

Một người ngủ dưới 6 tiếng, áp suất máu chỉ số trên

(systolic) có thể tăng lên 132 thay vì dưới 120 được kể là bình thường. Một loại thuốc ngủ mới có tên Belsomra đã được cơ quan FDA cho phép bán sẽ giúp đỡ bệnh nhân mất ngủ, ít phản ứng phụ hơn là thuốc Ambien.

6. TĂNG NGUY CƠ CỦA BỆNH TIỂU ĐƯỜNG:

Nghiên cứu từ trường đại học Yale cho biết, đa số người ngủ dưới 6 tiếng mỗi ngày không sớm thì muộn sẽ bị bệnh tiểu đường cho dù có tập thể dục thể thao đều đặn. Chỉ cần một tuần lễ thiếu ngủ, nguy cơ bị bệnh tiểu đường tăng lên gấp 3 lần.

7. ẢNH HƯỞNG ĐẾN HỆ THẦN KINH:

Thí dụ bạn không ngủ 19 tiếng liên tiếp mỗi ngày, trong ba ngày, tế bào não sẽ bị hủy hoại, bị... bức tử và xác chết của chúng sẽ đóng vảy (plaque) đưa đến tình trạng bị mất trí nhớ vì bệnh Alzheimer. Thêm vào đó, người thiếu ngủ dễ bị bệnh phiền muộn hơn.

So với tất cả các loài động vật trên quả địa cầu này, chỉ có con người là ăn gian giấc ngủ. Người thiếu ngủ sẽ sống không toàn vẹn trong khi thức và chắc chắn sẽ đi ngủ giấc ngủ dài khá sớm hơn những người khác.

Xin hỏi bạn có phải là một trong những người để dành giấc ngủ cho giấc ngủ ngàn thu hay không?

THÓI QUEN UỐNG NƯỚC GÂY HẠI SỨC KHỎE

Bạn nghĩ rằng uống nước ngay khi vừa đun sôi sẽ tiết trùng và tốt cho sức khỏe? Tuy nhiên, đây là một trong những quan niệm hoàn toàn sai lầm về nước uống.

Nước chiếm khoảng 70% khối lượng của cơ thể và là thành phần quan trọng của quá trình trao đổi chất. Mỗi người cần uống khoảng 2 lít nước, tương đương khoảng 8 cốc nước mỗi ngày để đảm bảo sức khỏe. Tuy nhiên, nếu uống nước không đúng cách lại gây nguy hiểm cho sức khỏe.

Sau đây là một số thói quen uống nước gây phản tác dụng:

UỐNG NƯỚC ĐUN ĐI ĐUN LẠI NHIỀU LẦN

Nhiều người nghĩ rằng, nước uống đun càng nhiều, càng kỹ, càng diệt được vi khuẩn và nước càng sạch. Tuy nhiên, theo các chuyên gia dinh dưỡng, nước đun đi đun lại gây ảnh hưởng đến sức khỏe của bạn.

Bởi trong nước thường có một hàm lượng nhỏ các loại kim loại nặng không tốt cho sức khỏe như chì, cadimium, nitrat... Khi nước đun đi đun lại nhiều lần, trải qua quá trình thủy phân không ngừng bốc hơi thì hàm lượng nitrat và các kim loại nặng trên tăng lên đáng kể, khi hấp thụ vào cơ thể sẽ gây hại cho sức khỏe của bạn.

ĐỢI KHÁT MỚI UỐNG NƯỚC

Đây là thói quen của hầu

hết mọi người, và phải điều chỉnh ngay lập tức. Vì chỉ uống nước khi khát sẽ làm cơ thể không đủ lượng nước cần thiết. Nếu thiếu nước sẽ gây ảnh hưởng đến quá trình trao đổi chất của các cơ quan trong cơ thể.



ĐỪNG ĐỢI KHÁT MỚI UỐNG NƯỚC (ẢNH MINH HỌA)

Uống nước không chỉ để thỏa mãn cơn khát mà còn góp vào quá trình tham gia trao đổi chất, để cơ thể hô hấp dễ dàng hơn. Thời gian dài thiếu nước sẽ làm gia tăng độ đặc của máu, dẫn đến bệnh tim, huyết quản. Ngoài ra, càng không chú ý uống nước, thói quen uống nước sẽ ngày càng ít đi, cơ thể sẽ ngày càng khô. Vì vậy, bất kể khát hay không, bạn cần kịp thời bổ sung nước cho cơ thể.

"NAP" QUÁ NHIỀU NƯỚC

Đừng cho rằng uống càng nhiều nước càng tốt. Khi thận không bài tiết kịp sẽ làm cho chất khoáng trong máu bị pha loãng gây ra tình trạng hạ natri máu. Bên cạnh đó, lượng "nước thừa" còn gây hại cho tim và cơ quan nội tiết.

NƯỚC VỪA ĐUN SÔI UỐNG LÊN

Uống nước đun sôi là thói quen tốt nhưng nếu uống ngay

khi nước vừa mới được đun sôi xong lại gây hại cho sức khỏe của bạn. Nguyên do là nước sinh hoạt (nước máy) của chúng ta đều đã thông qua khử trùng bằng clo. Khi clo kết hợp với chất hữu cơ sẽ lưu lại trong nước, sinh ra các hợp chất gây ung thư. Vì vậy, hãy để nước vừa đun sôi bốc hơi, để nguội xong một lúc mới dùng.

KHÔNG UỐNG NƯỚC TRƯỚC KHI ĐI NGỦ

Nhiều người cho rằng, uống nước trước khi ngủ sẽ khiến giấc ngủ bị đứt quãng vì bị “đánh thức” đi vào nhà vệ sinh lúc nửa đêm. Tuy nhiên, uống một lượng nước nhỏ không những không khiến bạn mất ngủ mà còn có tác dụng làm nhuận đường hô hấp, máu tuần hoàn tốt hơn và ngủ ngon hơn.



HÃY UỐNG NƯỚC TRƯỚC KHI ĐI NGỦ ĐỂ NGỦ NGON HƠN (ẢNH MINH HỌA)

Mặt khác khi bạn ngủ, cơ thể rất dễ bị mất nước khiến các hệ cơ quan hoạt động uể oải, thiếu nhịp nhàng về lâu dài có thể gây hại cho sức khỏe. Vì vậy, hãy uống một vài ngụm nước ấm trước khi đi ngủ để góp phần bảo vệ và nâng cao sức khỏe của chính mình.

UỐNG NƯỚC NGỌT THAY NƯỚC LỌC

Nhiều người có sở thích uống nước ngọt có gas để giải tỏa cơn khát và cảm thấy tinh thần phấn chấn hơn, đặc biệt trong những ngày thời tiết nắng nóng, thậm chí họ có thể uống thay nước lọc.

Thói quen này cực kỳ nguy hiểm. Trong nước ngọt có khá nhiều hóa chất gây hại cho sức khỏe. Chúng khiến cơ thể hồi hộp, tim đập nhanh, tạo cảm giác phấn chấn giả và sau đó sẽ làm bạn cảm thấy mệt mỏi hơn. Ngoài ra, hầu hết nước ngọt có gas có thể làm cho bạn bị đầy hơi, khó tiêu, hấp thu dưỡng chất kém đồng thời lượng đường trong nước ngọt còn làm gia tăng khả năng béo phì.

KHÔNG UỐNG NƯỚC KHI NGỦ DẬY

Đây là thói quen của rất nhiều người. Ngủ dậy, vệ sinh, ăn sáng luôn. Cơ thể bạn trải qua một đêm dài không được cung cấp nước trong khi hoạt động của các hệ cơ quan trong cơ thể vẫn diễn ra bình thường. Chất thải trong cơ thể đang cần được rửa sạch. Chính vì vậy, việc bổ sung nước ngay sau khi ngủ dậy không chỉ có tác dụng cung cấp nước mà còn giúp cơ thể bạn giải độc một cách hiệu quả. Hãy uống ít nhất từ 400–500 ml nước ấm ngay sau khi ngủ dậy để bảo vệ sức khỏe.

UỐNG NHIỀU NƯỚC SAU VẬN ĐỘNG



UỐNG NƯỚC NGAY SAU KHI TẬP THỂ DỤC HOẶC CHƠI THỂ THAO SẼ TẠO ÁP LỰC CHO TIM VÀ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÁC BỘ PHẬN KHÁC CỦA CƠ THỂ (ẢNH MINH HỌA)

Uống nước ngay sau khi tập thể dục hoặc chơi thể thao sẽ tạo áp lực cho tim và ảnh hưởng đến các bộ phận khác của cơ thể. Do đó, hãy nghỉ ngơi một chút rồi uống nước để bù đắp lượng nước đã mất qua mồ hôi.

UỐNG NƯỚC TRONG LÚC ĂN

Hệ tiêu hóa sẽ bị “đe dọa”, nhất là hoạt động của dạ dày nếu bạn có thói quen uống nước trong lúc ăn. Vì theo các nhà khoa học, nước sẽ pha loãng các dịch vị được tiết ra để tiêu hóa thức ăn. Đồng thời làm tăng lượng insulin trong cơ thể và tích tụ chất béo.

UỐNG NƯỚC QUÁ LẠNH

Uống nước quá lạnh sẽ làm cho các vi mạch máu trong dạ dày, ruột bị co thắt lại. Khi đó sẽ làm giảm chức năng tiêu hóa, sát khuẩn của hai cơ quan này dẫn đến cơ thể dễ bị đau bụng và tiêu chảy cấp.

NHỮNG LỢI ÍCH KHÔNG NGỜ KHI UỐNG NƯỚC NÓNG MỖI NGÀY

(Đời sống) – Chúng ta đều

nghe các chuyên gia khuyên mỗi ngày nên uống 8 ly nước.

Nhưng không phải ai cũng biết rằng nước nóng có những lợi ích riêng mà khi uống nước lạnh không có được.

Sau đây là 10 lợi ích khi uống nước nóng mà bạn không ngờ tới:

1. GIẢM CÂN

Nước nóng rất tốt để duy trì sự trao đổi chất hiệu quả, điều mà bạn cần nếu đang cố gắng giảm một vài ký. Cách tốt nhất để làm điều này là khởi động quá trình trao đổi chất vào sáng sớm bằng một cốc nước chanh nóng. Ngoài ra, nước nóng giúp bạn phá vỡ các mô mỡ (hay còn gọi là chất béo) trong cơ thể bạn.

2. CHỮA TẮC NGHỀM MŨI, HỌNG

Uống nước nóng có nhiều lợi ích hơn bạn tưởng.

Uống nước nóng là một phương thuốc tự nhiên tuyệt vời để chữa cảm lạnh, ho và đau họng. Nước nóng giúp làm tan đờm và loại bỏ nó khỏi đường hô hấp. Như vậy nước nóng giúp loại bỏ đau họng và nghẹt mũi.

3. GIẢM ĐAU BỤNG KINH

Nước nóng cũng hỗ trợ trong việc giảm bớt đau bụng kinh. Độ nóng của nước giúp làm dịu và dễ chịu các cơ bụng, giúp chữa các cơn đau bụng kinh.

4. GIẢI ĐỘC CƠ THỂ

Nước nóng giúp giải độc cơ thể một cách tuyệt vời. Khi bạn uống nước nóng, nhiệt

độ cơ thể của bạn tăng và tiết mồ hôi. Bạn sẽ thích vậy vì nó giúp giải độc và làm sạch cơ thể đúng cách. Để đạt kết quả tối ưu, hãy thêm một lát chanh vào trước khi uống.

5. NGĂN NGỪA LÃO HÓA SỚM

Nước ấm giúp làm lạnh các tế bào da, làm tăng tính đàn hồi của da và làm giảm ảnh hưởng của các gốc tự do. Sau đó, làn da bị tổn thương của bạn sẽ trở nên mịn màng hơn.

6. NGĂN NGỪA MỤN TRÚNG CÁ VÀ MỤN NHỌT

Lợi ích của nước cho da bạn vẫn còn. Nước nóng giúp làm sạch sâu cơ thể bạn và loại bỏ nguyên nhân chính gây ra mụn trứng cá.

7. GIÚP TÓC CHẮC KHỎE VÀ ĐẦY SỨC SỐNG

Uống nước nóng là cách tốt để có được mái tóc mềm mại và bóng mượt. Nước nóng tiếp thêm sinh lực cho dây thần kinh trong chân tóc và khiến chúng hoạt động. Điều này giúp ích cho việc có được mái tóc bóng mượt tự nhiên và chắc khỏe.

Ngoài ra uống nước ấm còn có tác dụng kích thích sự phát triển của chân tóc. Nước ấm thúc đẩy hoạt động của chân tóc và giúp tóc nhanh mọc.

Nước nóng cũng giúp da đầu bạn ngậm nước và giúp chống lại da đầu khô và gàu.

8. TĂNG CƯỜNG LƯU THÔNG MÁU VÀ THỨC ĐẨY HỆ THẦN KINH KHỎE MẠNH

Một lợi ích khác của việc

uống nước nóng là nó tăng cường lưu thông máu, điều quan trọng đối với cơ bắp và hoạt động thần kinh. Ngoài ra, nó giữ hệ thần kinh khỏe mạnh bằng cách phá hủy chất béo xung quanh.

9. QUÁ TRÌNH TIÊU HÓA

Nước nóng có lợi ích đặc biệt cho quá trình tiêu hóa. Các nghiên cứu chỉ ra rằng uống nước lạnh trong và sau khi ăn có thể làm đông cứng dầu trong thức ăn tiêu thụ. Điều này dẫn đến tích tụ chất béo trong đường ruột và cuối cùng có thể dẫn đến ung thư ruột.

Tuy nhiên, nếu thay một ly nước lạnh bằng một ly nước nóng, bạn có thể tránh được vấn đề này. Ngoài ra, nước nóng có lợi cho tiêu hóa, bạn nên uống sau bữa ăn.

10. BIẾN ĐỘNG ĐƯỜNG RUỘT

Nước nóng giúp hoạt động của đường ruột nhịp nhàng, khỏe mạnh và bớt đau đớn. Mất nước có thể gây ra táo bón mãn tính. Vì phân bị tích lũy trong ruột của bạn, nên ruột hoạt động chậm hơn.

Người ta khuyên nên uống một ly nước nóng đầy vào mỗi buổi sáng khi dạ dày còn trống. Nó phân hủy bất kỳ thực phẩm còn sót lại và làm cho chuyển động của chúng nhẹ nhàng, ít đau đớn khi qua ruột. ■

<http://baodatviet.vn/doi-song/nhung-...-ngay-3057689/>

BS. HỒ NGỌC MINH

NÊN BIẾT

Những Chất Phụ Gia Trong Thực Phẩm ĐẪU ĐỘC TRONG THẨM LẶNG

■ BAN BIÊN TẬP SƯU TẦM



Ông Huỳnh Chiếu Đăng, cựu giáo sư bộ môn Lý-Hoá nhiều năm giảng dạy tại Việt Nam, nay đang định cư tại Mỹ. Ông là người thường xuyên nghiên cứu và có nhiều bài viết về đề tài an toàn vệ sinh thực phẩm.

ĐỌC BÀI PHÒNG VẤN CÓ LỢI CHO SỨC KHOẺ BẠN

ÔNG HUỲNH CHIẾU ĐĂNG: Chất phụ gia là những chất được người ta thêm vào trong thực phẩm với mục đích tạo ra màu sắc, hoặc tạo ra mùi thơm, hoặc bảo quản những thực phẩm chế biến sẵn cho lâu hư.

Từ lâu đời rồi người ta đã biết dùng các chất phụ gia như giấm để ngâm rau cải, củ kiệu, như muối ăn dùng muối thịt, cá, hoặc chất tạo ra màu là lá dứa để tạo ra mùi thơm và màu xanh, hay trái gấc tạo ra màu đỏ cho xôi gấc, hoặc hoa lài, hoa sen được dùng để ướp trà. Tất cả những chất đó có thể được coi như là chất phụ gia.

Nhưng lúc sau này người ta dùng những chất hoá học trong kỹ nghệ làm chất phụ gia cho

thực phẩm. Bây giờ những chất hoá học lọt vào tay những người không chuyên môn quá nhiều. Thí dụ chuyện dùng phân ure để ướp cá cho tươi lâu là chuyện chắc chắn không nên làm.

TRÀ MI: Có hai nguồn gốc, một là chất phụ gia từ thiên nhiên, hai là chất phụ gia từ các hoá chất, vậy chắc có lẽ không phải tất cả các loại phụ gia đều không an toàn, không có lợi cho sức khoẻ?

ÔNG HUỲNH CHIẾU ĐĂNG: Chất phụ gia cũng cần thiết. Nếu không có chất phụ gia thì mình gần như là không thể nào có kỹ nghệ đồ hộp hoặc là những thực phẩm chế biến sẵn. Hiện bây giờ ở tất cả mọi quốc gia chúng ta không thể nào tìm được một món thực phẩm chế sẵn mà không có chút xíu chất phụ gia trong đó.

Chất phụ gia tự bản thân nó nếu được dùng đúng thì là cần thiết. Nhưng hiện giờ trong các quốc gia kỹ nghệ thực phẩm mới vừa phát triển (Trung Quốc, Việt Nam chẳng hạn) người ta dùng những hoá chất rất là nguy hiểm.

TÁC HẠI CỦA CHẤT FORMOL

TRÀ MI: Những chất phụ gia nào được dùng một cách phổ biến, thông dụng, nhiều nhất, và nên đặc biệt cần chú ý, thưa ông?

ÔNG HUỲNH CHIẾU ĐĂNG: Danh sách này thì gần như là vô tận. Nhưng bây giờ sự kiểm soát những chất phụ gia ở những quốc gia đã có kinh nghiệm, như tại Mỹ, Canada, nhà nước lập ra danh sách những hoá chất nào được dùng trong thực phẩm, những chất nào được dùng khá lâu

rồi và người ta thấy chúng không gây ra bất cứ một hiệu quả nào hết, thì người ta đặt tên chúng là “những chất được biết là an toàn”.

Thí dụ nhà nước Mỹ lập ra một danh sách rất là dài, trong đó chất nào được bỏ vào thực phẩm với phân lượng bao nhiêu, không được nhiều quá. Nhưng ở Việt Nam hiện bây giờ người ta dùng chất phụ gia mà tôi thấy rất là nguy hiểm. Thứ nhất phải kể tới là hàn the. Hàn the là borax. Chất này không phải là chất dùng để ăn được mà là chất dùng trong kỹ nghệ. Lâu nay người Việt Nam mình dùng hàn the trong bánh đúc, giò chả, hoặc trong hoa quả rau cải ngâm giấm với mục đích làm cho nó giòn. Hàn the nếu mình ăn ít thì nó có hại cho gan, cho thận và cho cơ quan sinh dục.

Một chất khác cũng được người Việt Nam dùng rất phổ biến, đó là muối diêm. Muối diêm nói chung là tất cả những chất của nhóm nitric. Ở Hoa Kỳ người ta cấm hẳn, không được dùng muối diêm trong thực phẩm. Nhưng tại Việt Nam thì muối diêm được dùng rất là phổ thông để tạo ra màu đỏ của thịt heo. Người ta bỏ muối diêm vào trong lạp xương, nem.

TRÀ MI: *Và tác hại của muối diêm trước mắt và lâu dài ra sao, thưa ông?*

ÔNG HUỖNH CHIẾU ĐẲNG: Muối diêm có tác hại nguy hiểm nhất mà người ta biết được là gây ra bệnh ung thư. Dĩ nhiên không phải thỉnh thoảng mình ăn một vài chiếc nem hay một đôi lạp xương mà bị. Điều quan trọng là chúng ta ăn lâu dài, chất này sẽ tích lũy và tạo ra những bệnh về lâu về dài.

Hiện giờ người ta dùng formol để giữ cho thực phẩm không hư. Formol là khí formaldehyde tan trong nước. Formol được dùng trong phòng thí nghiệm để ngâm xác sinh vật, cũng như trong ngành y khoa là dùng formol để ướp xác người cho sinh viên thực tập. Chất đó nguy hiểm lắm. Theo tôi được biết, trong 20 mẫu bánh phở được đem đi phân chất ở thành phố Hồ Chí Minh thì có tới 16 mẫu có formol với hàm lượng khá cao.

TRÀ MI: *Chúng tôi còn nghe nói là ngay cả bây giờ bánh tráng được phát hiện cũng có formol.*

ÔNG HUỖNH CHIẾU ĐẲNG: Vâng, đúng vậy. Đó là một điều tôi rất quan tâm.

TRÀ MI: *Họ dùng formol với công dụng gì, thưa ông?*

ÔNG HUỖNH CHIẾU ĐẲNG: Formol được sử dụng để cho bánh tráng không bị meo mốc. Ngoài formol được dùng trong bánh tráng, người ta còn dùng chất tẩy trắng trong đó nữa. Bản thân bánh tráng không trắng, không trong đẹp. Nhưng không riêng gì bánh tráng, ngay cả bún tàu (miến) cũng rất trong vì có chất tẩy màu. Người ta dùng chất tẩy màu trong kỹ nghệ để tẩy sạch màu sắc của những sản phẩm mà người thấy không đẹp. Nhưng tại Việt Nam mình người ta dùng chất đó trong thực phẩm, mà dùng một cách rất là liều lĩnh.

TRÀ MI: *Xin được hỏi ông kỹ một chút là khi người ta tiêu thụ phải những thức ăn có chứa formol thì gặp phải tai hại như thế nào?*

ÔNG HUỖNH CHIẾU ĐẲNG: Formol gây ra bệnh ung thư. Điều đó người ta biết chắc. Theo Tiến sĩ Nguyễn Bá Đức ở Bệnh Viện Ung Bướu Trung Ương, mỗi năm tại Việt Nam có thêm 150.000 người mắc bệnh ung thư, trong đó ước lượng có 50.000 người mắc bệnh vì ăn uống.

TRÀ MI: *Tức là một phần ba.*

ÔNG HUỖNH CHIẾU ĐẲNG: Vâng, một phần ba. Trong đó người ta phải kể formol là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng ung thư tại Việt Nam.

PHÂN URE

TRÀ MI: *Ngoài formol, hàn the, chất tẩy trắng như ông vừa trình bày thì báo chí Việt Nam dạo gần đây cũng có lên tiếng về việc người ta cho phân ure vào nước mắm.*

ÔNG HUỖNH CHIẾU ĐẲNG: Ngư dân đánh cá ngoài biển muốn cho cá tươi trên nghe nhiều ngày mà trông vẫn còn tươi, đem về nhà còn bán được, thì người ta ướp cá này bằng phân ure, tức là phân đạm. Khi chất này thấm vào cá thì nó giữ cho cá được cứng và tươi lâu. Khi về đất liền người ta bán cá đó lại cho các hãng làm nước mắm. Những hãng nước mắm này không đủ

nước để rửa cá mà dù có rửa cho sạch đi nữa thì cùng không làm sạch hết ure vì nó đã thấm vào cá. Cho nên khi làm nước mắm thì vẫn còn hàm lượng ure trong nước mắm. Đó là một lý do.

Ngoài ra tôi được biết người ta dùng “pin” có chứa những chất chứa kim loại nặng như chì, thủy ngân, cadmium, thạch tín. Những chất này nằm trong cái người ta gọi là «pin» đó có mục đích là làm cho lá bánh chưng được xanh tươi, hoặc một số thực phẩm có màu xanh tươi.

Những chất này rất là nguy hiểm, nhất là chì. Chì là chất ảnh hưởng lên trí óc, nhất là trí óc trẻ con. Kế đó là thủy ngân. Cadmium cũng là chất độc và thạch tín là một chất rất là độc được dùng để đầu độc giết người từ xưa nay.

Vừa rồi ở nước Mỹ có hàng triệu đồ chơi trẻ con bị thu hồi, lý do là nước sơn bên ngoài có chứa chì. Sơn pha chì được dùng từ xưa, có tên là sơn bạch diêm. Thế giới cấm dùng từ năm bảy chục năm nay rồi, nhưng mà đồ chơi do Trung Hoa sản xuất thì lại vẫn còn sơn chì.

Thủy ngân cũng là một kim loại mà người ta e ngại lắm. Những người mẹ mang thai được khuyến là nên ăn ít cá biển càng tốt.

TRÀ MI: *Những cá biển càng to càng có nhiều thủy ngân phải không, thưa ông?*

ÔNG HUỖNH CHIẾU ĐĂNG: Đúng vậy. Thủy ngân có trong thiên nhiên. Lý do cá chứa nhiều thủy ngân là do các nhà máy hoá học từ nhiều năm nay đã đổ ra biển, cho nên cá ven biển chứa nhiều thủy ngân hơn cá ngoài khơi.

Thường thường những hoá chất trên đây có hại cho các bộ phận bên trong cơ thể, nhất là óc (do kim loại nặng), kế đó là thận, rồi gan, và dĩ nhiên chúng làm thay đổi các tế bào trong cơ thể và đưa tới hậu quả sau cùng là bệnh ung thư.

TRÀ MI: *Tại hại như vậy, nhưng như ông vừa trình bày thì nếu dùng chất phụ gia đó lâu ngày với số lượng nhiều thì mới gây nguy hại đáng kể cho sức khoẻ, chứ còn lâu lâu mới dùng một lần thì không đáng ngại, vậy xin hỏi dùng bao nhiêu được xem là nhiều và thời gian bao lâu gọi là lâu dài, thì mới đáng lo?*

ÔNG HUỖNH CHIẾU ĐĂNG: Tình trạng thay đổi tùy theo chất. Thí dụ hàn the (borax) chúng ta dùng rất là lâu dài thì số lượng gây chết người là 15 gam dùng cho một lần. Tức là với số lượng 15 gam thì người lớn có thể chết. Với trẻ con là 3 gam. Nhưng không bao giờ chúng ta ăn nhiều như vậy vì hàn the không ngon chút nào hết.

Thứ hai nữa là khi bỏ vào bánh tráng thì người ta cũng chỉ cho một số lượng rất ít, cho nên khi ta ăn vào cơ thể thì nó tích lũy dần và lâu dài và nó gây bệnh về lâu dài. Điều này rất là nguy hiểm, những chất nào ăn vào chết liền thì người ta sợ nên người ta tránh. Còn những chất mới ăn vào người ta không cảm thấy gì cả, rồi tới khi nó phát ra bệnh thì lúc đó đã trễ rồi.

TRÀ MI: *Đúng là kẻ giết người thầm lặng, phải không ông?*

ÔNG HUỖNH CHIẾU ĐĂNG: Vâng. Thành thử những chất nào người ta biết được là chất độc thì ở các quốc gia Tây Phương người ta cấm hẳn, không được có chút xíu nào trong thực phẩm hết.

Thí dụ kẹo sản xuất từ bên Mexico không phải người ta bỏ chì vào trong đó, nhưng các máy móc sản xuất người ta hàn bằng chì. Những vết hàn bằng chì tan rất ít vào trong đường, trong kẹo. Dem qua Mỹ bán, chính phủ Mỹ phân chất thấy có chút xíu lượng chì trong đó và ra lệnh thu hồi liền.

BỘT NGỌT

TRÀ MI: *Lâu nay vẫn có nhiều người bán tín bán nghi về tính lợi hại của bột ngọt. Nhiều người không dám dùng bột ngọt trong nêm nếm thức ăn vì nghe nói là độc hại cho sức khoẻ. Bột ngọt có tác hại thực sự ra sao? Có độc hay không, thưa ông?*

ÔNG HUỖNH CHIẾU ĐĂNG: Huyền thoại về bột ngọt đã có từ lâu lắm, từ khoảng hai ba mươi năm nay. Chính nó là chất mà tôi theo dõi nhiều nhất, thành thử nếu nói về bột ngọt thì tôi rành nó lắm. Nó chỉ là một huyền thoại thôi.

Thực sự bột ngọt là một chất phụ gia gần như vô hại. Tôi nói là gần như vô hại nếu chúng ta không ăn với số lượng quá lớn. Bột ngọt là chất đã có tự nhiên ở trong thịt cá, dầu chúng ta có thêm

vào hay không thêm vào thì nó vẫn có bột ngọt. Thí dụ như chúng ta lên men nước tương theo lối cổ truyền thì ở trong đó nó đã có bột ngọt rồi.

Bột ngọt là gì? Đó là acid glutamic mà cộng với sít, mà acid glutamic là một chất có trong thịt cá, có trong protein. Nó là một amino acid, tức là nó có trong tự nhiên.

Ở những nhà máy sản xuất bột ngọt người ta dùng phương pháp lên men khoai mì hoặc hiện bây giờ người ta còn lên men một vài thứ củ khác.

Các bà nội trợ có nhiều người tránh bột ngọt, nhưng thực sự chúng ta vào quán ăn chúng ta không thể nào mà không ăn bột ngọt hết. Tôi có một người quen làm trong tiệm phở. Người này cho biết một thùng nước lèo to của tiệm phở, người ta bỏ vào đó 2 bịch bột ngọt, hoặc có khi 3 bịch. Một bịch bột ngọt là nửa ký lô. Thành ra khi chúng ta vào một tiệm phở, ăn phở về, những người nhạy cảm một lúc sau họ thấy khô miệng, họ thấy đầu hơi choáng váng một chút, tê lưỡi. Có người bị ngứa ngoài da nữa. Những người đó được biết là những người dị ứng với bột ngọt. Theo thống kê, cứ 100 người thì có 1 người bị dị ứng. “Hội chứng quán ăn Tàu”.

TRÀ MI: *Chính những phản ứng tức thì làm cho người ta lo sợ?*

ÔNG HUỲNH CHIẾU ĐĂNG: Đúng vậy. Và triệu chứng đó, người Mỹ gọi là “hội chứng quán ăn Tàu”, tại vì trong tất cả quán ăn Á Đông nói chung thì người ta luôn luôn dùng bột ngọt bởi lý do cạnh tranh. Nếu không gia thêm bột ngọt (vào thức ăn) thì thực khách ăn không thấy ngon. Nhưng có điều là những chủ quán ăn lẫn người đầu bếp không rõ là bột ngọt gây thêm hương vị, nó làm cho vị ngọt thịt cá tăng lên. Nhưng bỏ càng nhiều thì hương vị tăng lên không nhiều. Nó chỉ đến một giới hạn nào đó thôi, rồi nó không tăng lên nữa. Cho nên số lượng bột ngọt dùng trong nấu ăn không nên bỏ nhiều, chỉ đến một giới hạn nào đó rồi thôi. Ngoài giới hạn đó thì nó không có lợi ích gì hết.

Nếu mình nói vô hại hoàn toàn thì không đúng, nhưng nó là chất phụ gia an toàn và được biết là không gây bệnh về lâu về dài.

Tuy nhiên, chính phủ Mỹ có khuyến cáo hỏi là những bà mẹ đang mang thai và trẻ sơ sinh còn quá nhỏ thì không nên cho ăn những thực phẩm mà trong đó có bột ngọt.

Chính bản thân bột ngọt, tôi biết lúc xưa người Pháp dùng nó để làm thuốc bổ óc. Mà ngay như chúng tôi lúc còn đi học ở trung học thì vẫn mua những viên thuốc bổ óc để uống. Những viên này là acid glutamic. Và người Pháp còn chế dưới dạng nước, dạng ống, đó là acid glutamic dưới dạng nước mà người ta gọi tên là glutaminol. Nếu nó là chất gây bệnh hay là chất có hại về lâu về dài thì người Pháp họ đã biết và họ không dùng như vậy đâu.

TRÀ MI: *Có những tin đồn rằng bột ngọt được chế biến bằng khoai mì công nghiệp có nhựa độc thành ra người ta sợ bột ngọt không bảo đảm chất lượng.*

ÔNG HUỲNH CHIẾU ĐĂNG: Thưa cô, khoai mì nó độc. Nó độc không phải là ăn khoai mì độc hay gì đâu. Khoai mì, nhất là lá khoai mì, bông khoai mì có chứa một loại acid gọi là acid cyanhydric. Đó là loại acid mà ngày xưa Đức Quốc Xã dùng để giết người Do Thái. Hiện bây giờ vẫn còn những nơi người ta dùng chất đó để xử những tội nhân bị tử hình.

Trong khoai mì có một hàm lượng nhỏ acid cyanhydric, cũng giống như là trong măng tre. Măng tre cũng có một hàm lượng nhỏ acid cyanhydric.

Nếu khoai mì được luộc ít nước hoặc chúng ta ăn đọt khoai mì thì có khi bị ngộ độc vì chất acid đó. Nhưng nếu khoai mì được luộc nhiều nước hoặc chúng ta lấy bột khoai mì để cho lên men thành bột ngọt thì không còn có dính dáng gì tới acid cyanhydric.

Bột ngọt là chính do những con men sinh sống bằng khoai mì tạo ra, chứ không phải ngay từ bản thân khoai mì.

Nếu người ta luộc đọt khoai mì để ăn thì có thể bị ngộ độc. Hoặc là măng tre mà không được luộc hai ba nước và cứ để như vậy mà ăn thì cũng có thể bị ngộ độc.

MÓN MẮM CÁC LOẠI

TRÀ MI: *Xin được hỏi thêm là một món ăn cổ truyền rất phổ biến tại Việt Nam, rất quen thuộc với mọi người, đó là mắm các loại. Đối với nhiều người Việt Nam, thường thức các loại mắm cũng không khác gì các món sơn hào hải vị. Nhưng bây giờ người ta nghi ngờ trong các loại mắm cũng có chứa những chất phụ gia độc hại. Thưa, có phải như vậy không?*

ÔNG HUỲNH CHIẾU ĐĂNG: Cảm ơn cô đã hỏi câu này. Vâng, tôi xin nói một chút xíu về mắm. Mắm theo ông bà chúng ta làm ngày xưa đó thì tự bản thân nó cũng là chất rất là độc. Thậm chí đến nỗi cơ quan USDA của Hoa Kỳ khuyên người dân khi đi du lịch ở Trung Hoa hay ở các nước Á Châu thì đừng ăn những chất protein ngâm muối. Tức là chính phủ Mỹ có ý muốn nói rằng đừng ăn thịt muối hay là cá muối, là mắm, là khô, là những loại rau cải được ngâm muối.

Nếu tôi nhớ không lầm thì chính phủ Trung Hoa cũng đã khuyến cáo dân chúng là đừng ăn quá nhiều rau cải ngâm muối. Rau cải được ướp muối, được ngâm chua, được ngâm muối là món ăn truyền thống của người Trung Hoa. Và chính phủ Trung Hoa biết rằng nó gây ra bệnh ung thư.

Tôi trở lại với món mắm. Mắm tự bản thân nó là protein được ngâm muối, trong đó có nhiều chất độc được coi như chất tạo ra bệnh ung thư về lâu về dài. Thứ hai, lượng muối quá nhiều. Theo các nhà chuyên môn, hiện giờ mỗi ngày một người lớn chỉ được ăn chừng 1 tới 5 gam muối mà thôi. Đó là một số lượng rất ít, so với số lượng mà người Việt Nam tiêu thụ hiện giờ.

Ngay người Âu Châu, người Pháp làm thống kê, người ta thấy số lượng muối ăn vào đã gấp 5-6 lần số lượng 1-5 gam. Và người ta biết rằng khi ăn muối nhiều như vậy thì bệnh sẽ xảy ra về tim mạch.

Thành thử nếu chúng ta ăn mắm, ăn nước mắm quá nhiều thì đã là không tốt rồi. Nhưng hiện bây giờ người ta bỏ thêm vào mắm nhiều chất phụ gia khác nữa, mà các chất phụ gia đó thì chúng ta không kiểm soát được. Nó do sáng kiến từ nơi sản xuất: người ta muốn làm thế nào

thì làm miễn là trông tươi, trông ngon, trông đẹp thì người ta ăn.

Tôi được biết khô cá, như khô cá thiều, theo một phóng sự mà tôi đọc được từ báo trong nước, thì người ta dùng một loại cá biển không ngon đem về xay ra, xong rồi trộn chất phụ gia nào đó rất là nhiều. Xong người ta ép lại cho giống như miếng khô cá thiều rồi đem phơi nắng. Theo phóng viên tờ báo, khi đem phơi như vậy chính ruồi nhặng cũng không dám bám vào miếng khô đó nữa. Điều đó cho chúng ta thấy là đáng ngại lắm.

Tôi được biết tôm khô được người ta xịt thuốc trừ kiến vào trong đó để không bị kiến và bị mốc, màu được tươi. Tôi không biết thuốc trừ kiến đó là chất gì, mà con kiến đã sợ chất đó thì dĩ nhiên là con người cũng phải sợ.

KHÔ MỤC VÀ CÁC LOẠI CÁ KHÔ

TRÀ MI: *Thế còn khô mục, cá loại cá khô khác có nên quan ngại không, thưa ông?*

ÔNG HUỲNH CHIẾU ĐĂNG: Khô mục tới bây giờ tôi không được biết người ta đã bỏ chất gì vào trong đó, nhưng chính con khô mục có thành phần cholesterol rất cao. Khô mục là một trong những thực phẩm có cholesterol cao nhất. Kể đó là óc heo, óc bò.

TRÀ MI: *Mặc dù là không có chất phụ gia thực phẩm?*

ÔNG HUỲNH CHIẾU ĐĂNG: Mặc dù không có, nhưng khô mục ăn nhiều không tốt đâu, tại vì cholesterol trong đó cao lắm. Nó cao hơn cả trứng đồ trứng gà nữa.

TRÀ MI: *Dạ. Cholesterol ngày nay cũng là một cái đáng sợ.*

ÔNG HUỲNH CHIẾU ĐĂNG: Đó là một cái mà người ta khuyến khích không nên đem vào cơ thể nhiều. Số lượng mà cơ quan USDA của Mỹ khuyên người dân là một người lớn trung bình mỗi ngày chỉ nên đem vào cơ thể chừng 300 miligam trở lại. Một trong đó hột gà chứa từ 250 tới 300 milgam. Còn nếu trứng vịt thì hàm lượng cholesterol còn cao hơn nhiều. ■

THƠ

*Lời minh thệ con nguyện ghi tạc,
Quyết chí tu giải thoát muội mê,
Tâm đàng chơn đạo quay về,
Công đầy quả đủ vị quê phản hồi.¹*

ĐOÀN KHÚC LAM GIANG.

Từ ngày rời Thiên cung, con xuống thế gian quyết lập thêm quả công. Ngờ đâu vương nhiễm bụi trần, bao năm phiêu bạt, linh hồn lạc lối. Nhờ gặp Đạo Kỳ Ba, như sáng soi tinh thần chúng con. Cách xa thuở nào, giờ gặp lại nhau, xin chúng lòng thành, con nguyện thể nhập môn.

VỌNG CỔ

1. Quỳ trước điện tiền chúng đệ tử khấu đầu nguyện hứa, thể từ đây chỉ biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế trọn đời tu không đổi dạ... thay... lòng.

Hiệp cùng huynh đệ giữ một chữ đồng.

Đồng Đạo đồng Thấy đồng chung trách nhiệm, trau dồi phẩm hạnh giới luật tinh nghiêm.

Khi đặt đời mình trên con đường Đạo, là dốc trọn lòng sửa tánh tu tâm.

Tập dứt bỏ lẩn thói xấu tật hư, hoàn hảo hóa bản thân đến chân thiện mỹ.

THƠ

*Tu là sửa những gì đã trật,
Tu là bồi cái mất thân tâm,
Tu là tránh nẻo sai lầm,
Tu là phục thiện lòng phàm sửa đoan.²*

2. Muốn học đạo tu thân trước nhất, thân tu làm sao cho được vẹn toàn.

Gia đình xã hội mới toan đại đồng.

Thương yêu hòa ái hướng dẫn con em, theo nếp sống hiền lương đạo đức thanh cao.

Đồng vợ đồng chồng biển Đông cũng cạn, ông bà gương mẫu con cháu hiếu thảo.

1. Thánh giáo Đức Chí Tôn, Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển 1, bài “Bài vớ son”.

2. Thánh giáo Đức Quan Âm Bồ Tát, Hườn Cung Đàn, 01-6 Ất Tỵ (29-6-1965).

Đạo lý làm người trọn tình trọn nghĩa, Phật Tiên Thần Thánh muốn thành khó chi.

THƠ

*Người đời sợ lỗi mới tu thân,
Nói chí Phật Tiên với Thánh Thần,
Tín ngưỡng bước đầu vào cửa đạo,
Chánh mê phân biệt ảo cùng chân.³*

VỌNG CỔ

5. Vào vòng huynh đệ khá thương nhau trên đường lập công bồi đức, đặt trọn lòng tin vào Đấng Thượng Đế Cao... Đài.

Sớm tối cần chuyên tâm hạnh đức tài.

Tài cùng với đức đổi trao phụng sự, đức cùng với tài bực thứ không hai.

Có tâm có hạnh mà lại có tài, đức tâm tài đủ đạo Thầy hoằng dương.

Công trình công quả hiệp với công phu, ba công hội đủ đường tu vãng vàng.

6. ĐOÀN KHÚC LAM GIANG.

Dù nhọc nhằn gian lao, con quyết gắng công học tu, cho sáng, sáng danh Cao Đài, hòa cùng đệ huynh, tạo sinh đức công. Vượt qua bao cách ngăn, nay vui mừng con kết hợp, chư huynh đệ, tu tiến hòa.

Nhớ mãi trong tâm bao lời Thầy, truyền ra bốn biển năm châu, Đạo vàng khắp chốn. Đắp xây điểm tô Đại Đạo sáng ngời Đài Cao. Đã quyết tâm tu, con về quỳ dưới bệ Cha, thiết tha dâng lòng thành.

Tiên đài cảnh cũ là chốn quê xưa, phản hồi cựa vị phục nguyên Chơn thân.

*Thì chung giữ chặt đạo Trời,
Để ai lay chuyển đổi dời lòng trinh,
Bền như đá vững như đanh,
Nhớ xeo đầu được chí thành cố kiên.⁴■*

3. Thánh giáo Đức Lê Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29-7 nhuần Mậu Thân (21-9-1968).

4. Thánh giáo.

BÀI VỌNG CỔ SỬA LỖI PHÁT ÂM CHO ĐẠO HỮU MIỀN NAM

■ THIÊN QUANG

Trong các đạo sự ở một thánh sở, có nhiều đạo sự mà mức độ thành công của chúng tùy thuộc vào khả năng phát âm của người hành sự, ví dụ như đọc kinh, xướng ngôn, diễn thuyết, giảng dạy, phát biểu ý kiến trong hội thảo,... Việc sửa chữa những khuyết điểm phát âm của chính mình đòi hỏi phải quyết tâm, kiên trì, và đôi khi, can đảm. Ở ngoài đời, các lớp huấn luyện kỹ năng nói chuyện trước công chúng thường có những bài tập để sửa lỗi phát âm cho người học; nhưng nếu chúng ta mượn các bài tập ấy để luyện phát âm cho mình hay cho đạo hữu của mình thì lại gặp nhiều điều bất tiện, vì nội dung của chúng thường không phù hợp với môi trường đạo. Để khắc phục tình trạng đó, chúng tôi soạn ra một số bài tập dành riêng cho việc luyện phát âm của đạo hữu. Gởi đến Cao Đài Giáo Lý kỳ này là một bài tập nhằm giúp các đạo hữu miền Nam sửa chữa một số lỗi phát âm thông dụng, được soạn dưới hình thức một bài vọng cổ. Bài tập này đòi hỏi phải phát âm thật cẩn thận ngay từ tựa đề: “Trần Chung Trung độ Lưu Hữu Sứ”. Bài tập này đã được sử dụng trong chương trình thực tập nói chuyện trước công chúng của Tập Đoàn Giáo Sĩ vào năm 2011.

TRẦN CHUNG TRUNG ĐỘ LƯU HỮU SỬ

(TRẦN CHUNG TRUNG:)

Hò ở...

*Trọng trách Trời trao, trước phải tròn trọng trách,
Tròn tru cũng gắng, trực trặc chẳng lui,
Rán làm đâu dám để duôi¹,*

1. Để duôi: coi thường, xem nhẹ.

*Đôi trau, rèn giũa,
hò ở... cho xứng người hiếu trung.*

VỌNG CỔ

(LƯU HỮU SỬ:)

Trần Chung Trung ơi, đây là Lưu Hữu Sứ;
Nghe tiếng bạn xưa tâm huyết cũ dâng...

1. ... trào. Thuở thanh xuân đã khép tự năm nào.
Dong ruổi trần gian chịu nghiệp trần trù trịu,
trầm nịch² trệ trĩ nặng trĩu trọn tâm tư. Cuộc
trả vay ngang trái trở trêu. Tội trần trở từng
đêm, trần trọc khi trái gió trở trời, tôi chẳng
thấy gì hơn những rã rời ray rứt.

(TRẦN CHUNG TRUNG:)

2. Trái chủ rập rình do tâm trần chưa dứt, thở
than chi rồi thốn thức thẹn thùng. Cuộc trả vay
rối rắm rợn rùng. Trời trưa vậy mà chưa tỉnh
dậy, rui rế dò chiều chuyển chót sang sông. Ai
đã trót bỏ qua đạo kỳ ba khó lòng gặp lại. Buối
hạ ngưng thời gian đầu rộng rãi, giải đãi³ trừ
trừ⁴ sao trọn bước quy nguyên.

LỐI

*Tu là sửa, sửa những gì đã trật,
Là phục hồi cái mất của thân tâm,
Là xét suy, tránh mọi nẻo sai lầm,
Chọn đường chánh, trọn lòng tâm đạo đức.*

2. Trầm nịch: chìm đắm.

3. Giải đãi: lười biếng, ít chịu cố gắng, thiếu sự tích cực.

4. Trừ trừ: do dự, chần chừ, lưỡng lự, phân vân, chưa quyết tâm.

(LƯU HỮU SỬU:)

Chuông gióng ngoài truông, xuống xuống sang
thánh thất;
Tôi bỗng thấy lòng tôi gột rửa hết phong...

VỌNG CỔ

4. ... trần. Trong sạch, trung trinh, không vương
vấn nợ nần. Lợi danh khác nào rơm rác, vương
bạn làm gì thêm trọng trước thân tâm.

THƠ VĂN TIÊN

(TRẦN CHUNG TRUNG:)

*Người ta rê rủ xa gần,
Rắn rắn ra ruộng dẫn dẫn gom rơm;
Rã rời rớt rạ rơi rơm,
Rì rào mưa gió rác rơm rục rối.*

(LƯU HỮU SỬU:)

5. Trăng tròn trĩnh treo trên trời tròi trọi,
chạnh nhớ khi tâm tôi tắm tối mịt mừng.
Nghĩ lại, đời tôi sao may mắn vô cùng! Đang
như một kiếp chần trâu rách rưới, bỗng được
Trời trao trọn chuối trên châu! Mê lợi danh
là mê dấu chân trâu, trọng đạo đức là trọng
châu trọng ngọc. Trời khai đạo tức Trời
ban thiên lộc, rán gọi nhau ra gọi mưa mó
ơn Trời.

(TRẦN CHUNG TRUNG:)

*6. Có đạo thì đời đây sức sống
Trần gian ảo mộng chúng sanh ơi...*

Nhờ đạo mà đời sung sướng thanh thoi. Đời
chẳng đạo là một đời tay trắng. Ôi chiều mưa
trưa nắng, bao kẻ ru mình trong giọt đắng phù
du. Chớ say sưa, bình tâm suy xét! Mê đắm
trong biển khổ thì nước mắt trước sau cũng đổ
muôn dòng. Rán đem trọn cả tấm lòng để giao
cảm với lời kinh cứu độ.

(TRẦN CHUNG TRUNG VÀ LƯU HỮU SỬU:)

*Hiếu trung gánh đạo gánh đời,
Thủy chung trọn vẹn kiếp người yên vui. ■*

TRANG GIA CHÁNH

CHẢ BÓ SỔ (CHẢ LỤA)

4 cây chả nửa ký (2kg chả)

■ BẠCH TUYẾT



NGUYÊN LIỆU:

- 1 kg hủ ky khô loại trắng
- 10 miếng lá chuối (hơi héo lau sạch)
- 1 muỗng súp bột nêm
- 2 muỗng súp nước mắm chay
- Ít tiêu sọ hạt
- Dây nylon để cột

CÁCH LÀM:

Có hai cách làm:

1. Bắc nước nấu sôi, cho tàu hủ ky vào trụng cho mềm, vớt ra để ráo nước khoảng 1-2g.
2. Tàu hủ ky đem ngâm nước lạnh có pha nửa muỗng cà phê thuốc tiêu mặn (bicarbonate de soude) khoảng 20 phút. Vớt ra rửa lại nước lạnh cho sạch, để vào rổ vắt cho thật ráo.

Cho tàu hủ ky vào thau ướp bột nêm, nước mắm, (ai thích ăn ngọt thì cho đường, chả lụa là món có gốc từ miền Bắc cho nên đúng ra là không có để đường) trộn đều. Lá chuối xé ra từng miếng khoảng 30 cm, một miếng bên ngoài xuôi chiều, bên trong nằm ngang, để mặt lá láng ở trong, chia đều hủ ky làm 4 phần, cho hủ ky vào giữa lá cho tiêu sọ vào, gấp đều 2 mặt lá đứng lên bẻ mép vào cho đẹp và chặt tay ở giữa, cột dây lại ở giữa, bẻ ở đầu dựng đứng gấp 3 góc ở hai đầu lại giống như gói bánh tét, gói cho chặt tay thì chả sẽ dễ, nếu không chả sẽ bị bở. Bắc xửng lên cho chả vào hấp, đợi nước sôi mới tính thời gian khoảng 1g30 phút, đối với cây chả 0,5kg. Nếu gói lớn từ 1 kg trở lên tính thời gian hấp thêm. ■

THEO • DÒNG



26-9N GN (17-11-2014) Lúc 13g30, phái đoàn Cơ Quan do Đạo huynh Tổng Thơ Ký Huệ Ý làm Trưởng đoàn dự lễ kỷ niệm 84 năm thành lập Mặt Trận Dân Tộc Thống Nhất Việt Nam do UB MTTQ Q₁ tổ chức tại 35 Tôn Đức Thắng, Q₁.

27-9N GN (18-11-14) Lúc 8g, Đạo tỷ Diệu Thuận dự lễ kỷ niệm 84 năm thành lập MTTDTNVN do UB MTTQ VN TP.HCM tổ chức tại Nhà Bảo tàng Phụ Nữ Thành Phố Cơ sở 2 (Q.7). Tại buổi lễ, Ban Thường trực UBMTTQ công bố kết quả cuộc thi viết chủ đề “Mặt Trận Tổ quốc VN với yêu cầu đổi mới nội dung và phương hướng hoạt động”. Đạo tỷ Diệu Thuận đoạt giải 3, được nhận Bằng khen và tiền thưởng.

29-9N GN (20-11-14) Lúc 8g, Đạo tỷ Diệu Thuận,

đại diện Cơ Quan dự lễ kỷ niệm ngày Nhà Giáo VN 20-11 tại Trường Tình Thương Fatima (Q₁).

30-9N GN ĐẾN 04-CHAP GN Lúc 18g, quý đạo hữu nhân viên Cơ Quan tham dự các buổi cúng cầu cho Đạo huynh Đạt Truyền, nguyên Trưởng ban Thông Tin Báo Chí Nội Chánh Vụ kiêm Trưởng ban In ấn và phát hành kinh sách Hành Chánh Vụ, tại Thánh thất Bàu Sen (Q.5).

07-10 GN (28-11-14) Lúc 15g, phái đoàn Cơ Quan dự lễ tang cố đạo tỷ Hương Sắc, thân mẫu hiền huynh Giáo Hữu Thượng Cung Thanh, Trưởng Ban Đại Diện HTCD Tiên Thiên tại TP.HCM, tại Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, Q.4.

10-10 GN (01-12-14) Đạo huynh Đức Nhẫn dự lễ an vị tại Thánh tịnh Long Thành, Cần Thơ.





13-10 GN (04-12-14) Đạo huynh Tổng Thư Ký Huệ Ý dự lễ kỷ niệm Hội Kỳ và Liên giao hành đạo tại Thánh thất Từ Vân (Phú Nhuận).

14-10 GN (05-12-14) Đạo huynh Tổng Thư Ký Huệ Ý dự lễ kỷ niệm ngày đăng tiên của Đạo trưởng Huệ Lương (đặc vị Quảng Đức Chơn Tiên) tại Thánh thất Trung Minh, Q.11.

Cùng ngày, Đạo huynh Thanh Vân, Đạo tỷ Ngọc Thu dự lễ kỷ niệm ngày thành lập lần thứ 85 Liên Hoa Cửu Cung – Thiên Đạo Học Đường.

30-10 GN (22-12-14) Phái đoàn Cơ Quan do Đạo huynh Tổng Thư Ký Huệ Ý làm trưởng đoàn, dự lễ diếu tang bào tử của Đạo tỷ Diệu Huyền tại chùa Trường Thạnh, Q.1.

03-11 GN (24-12-14) Phái đoàn Cơ Quan do Đạo

huynh Cố vấn Văn Phòng Tổng Thư Ký Thiện Chí làm trưởng đoàn, dự lễ Chúa Giáng Sinh tại Thánh thất Bàu Sen, Q.5. Dịp này, Giáo sĩ Hồng Mai được mời thuyết minh giáo lý.

07-11 GN (28-12-14) Đạo huynh Thiện Nguyễn dự lễ Trí thạch Thánh thất Trung Thạnh (Bình Thuận).

13-11 GN (03-01-15) Ngoại Giao Vụ dự Đại lễ Maulid tại Thánh đường Hồi Giáo 45 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1.

15-11 GN (05-01-15) Đạo huynh Chí Thật và Đạo tỷ Diệu Huyền đem lễ phẩm đến chùa Tam Tông Miếu nhân kỷ niệm ngày đăng tiên của Ngài Định Pháp Minh Thiện (Đặc vị Bác Nhã Thiên Sư Tam Tông Pháp Chủ Nguyên Quân Bồ Tát).





9



10

17, 18, 19-11 GN (07, 08, 09-01-15) Đạo huynh Thiện Chí, Giáo Sĩ Huệ Ý, Chí Thật, Đức Nhẫn, Cao Hoàng Phong tham dự lớp Tập huấn Giảng viên tại Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo (Bến Tre).

18-11 GN (08-01-15) Ngoại Giao Vụ và ban Nghi Lễ Nội Chánh Vụ đem lễ phẩm cúng giỗ Đạo Trưởng Thiện Đức (Thân phụ Đạp huynh Thanh Vân) tại tư gia.

26-11 GN (16-01-15) Phái đoàn Cơ Quan do Đạo trưởng Hiệp Lý Minh Đạo Đạt Trí làm trưởng đoàn, dự lễ Minh Lý Đạo Khai tại Tam Tông Miếu.

02-12 GN (21-01-15) Ngoại Giao Vụ dự lễ kỷ niệm 81 năm và 14 năm lạc thành ngôi Tam Đài Thánh tịnh Đại Thanh (Gò Vấp).

03-12 GN (22-01-15) Phái đoàn Cơ Quan dự lễ kỷ niệm ngày đăng tiên của Đức Thái Lão Sư Lê Đạo Long (đặc vị Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn) tại Vĩnh Nguyên Tự. Tại buổi lễ, Quyền Vụ trưởng Văn Hóa Vụ được mời thuyết trình đề tài “Thấp nén tâm hương nguyện nhớ người xưa”.

08-12 GN (27-01-15) Đạo huynh Giáo sĩ Huệ Ý, Đạo huynh Chí Thật dự lễ kỷ niệm ngày đăng Tiên của Đạo trưởng Thanh Long tại Thánh thất Từ Vân, Phú Nhuận.

09-12 GN (28-01-15) Đạo huynh Chí Thật, Vụ phó Ngoại Giao Vụ dự lễ An Vị Thánh tượng tại Thánh tịnh An Phước (Bến Tre) và được mời thuyết trình đề tài “Sống Đạo”.

10-12 GN (29-01-15) Đạo huynh Giáo Sĩ Huệ Ý, Đạo huynh Thiện Nguyễn, Đạo tử Hồng Phúc cùng một số nhân viên Cơ Quan tham dự cúng

Đại tường Đạo tử Huỳnh Mai (thân mẫu Đạo tử Diệu Thuận) tại Thánh thất Bàu Sen Q5.

11-12 GN (30-01-15) Đạo tử Tố Nga, Đạo tử Diệu Huyền đem lễ phẩm đến tư gia Đạo huynh Đạt Linh nhân ngày giỗ.

13-12 GN (01-02-15) Đạo huynh Vụ trưởng Ngoại giao vụ Thiện Nguyễn tham dự lễ kỷ niệm 85 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Nhà hát Bến Thành.

Cùng ngày, Ngoại giao vụ (Đạo huynh Đức Nhẫn và Đạo huynh Thanh Hiến) dự lễ Tổng kết hoạt động năm 2014 của Phật Giáo Q.1 tại chùa Vạn Thọ.

17-12 GN (05-02-15) Quý chức sắc đại diện Tổ chức Liên Giao các Hội Thánh và tổ chức Cao Đài đến chúc xuân Cơ Quan và cùng tổ chức thành 3 đoàn đi chúc xuân các cấp chính quyền và tôn giáo bạn (hình 1, 2, 3, 4).

12-12 GN ĐẾN 23-12 GN Các phái đoàn đại diện Ban Tôn Giáo Chính phủ, Ban Tôn Giáo Thành phố, UB.MTTQ Q.I, UBND Phường Nguyễn Cư Trinh... đã đến chúc xuân và tặng quà Cơ Quan. Phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý do Đạo huynh Tổng Thơ Ký Huệ Ý làm Trưởng đoàn cũng đã lần lượt đi chúc xuân và tặng quà Ban Tôn Giáo Thành phố, UB.MTTQ thành phố, UB.MTTQ Q.I, UBND Q.I, Đảng Ủy, UBND Phường Nguyễn Cư Trinh (hình 5, 6, 7, 8).

27-01-2015 ĐẾN 07-02-2015 Nhân dịp xuân về, Phòng Khám bệnh phước thiện Cơ Quan tổ chức phát quà cây mùa xuân cho các bệnh nhân nghèo gồm: Gạo, mì, đường, nước tương và sữa vào các ngày khám bệnh thứ ba, thứ năm, và thứ bảy (hình 9, 10).■

TRANG TRUYỆN TRANH CÁI LỌ BIẾT "NÓI"

■ VẼ: CỌ TRẮNG • LỜI: TỬ LA LAN

Dựa theo lời dạy của Đức Khổng Tử và Lão Tử.

